

KHOA SỬ PHẠM I-NHÃ

KHOA SƯ PHẠM I-NHÃ

COPYRIGHT © 2007 BY AN TÔN & ĐUỐC SÁNG

PUBLISHED BY AN TÔN & ĐUỐC SÁNG

NGHĨA & PHƯƠNG

11475 STILL HOLLOW DRIVE

FRISCO, TX 75035 – TEL : (214)-618-0878

*ALL RIGHTS RESERVED. NO PART OF THIS BOOK SHALL BE
REPRODUCED, STORED IN A RETRIEVAL SYSTEM,
OR TRANSMITTED BY ANY MEANS, ELECTRONIC,
MECHANICAL, PHOTOCOPYING, RECORDING, OR OTHERWISE,
WITHOUT WRITTEN PERMISSION FROM THE PUBLISHER*



INTERNATIONAL STANDARD BOOK NUMBER

ISBN – 13 : 978-1-934484-12-8

ISBN – 10 : 1-934484-12-1

VĨNH SƠN
ĐÌNH TRUNG NGHĨA, SJ.

ĐH

Khoa Sư Phạm

I- Nhà

(Tái bản, có bổ sung)



ANTÔN & ĐUỐC SÁNG

CUM PERMISSU SUPERIORUM

LỜI GIỚI THIỆU

Những bài Linh Thao trong tập này theo sát tiến trình Linh Thao của Thánh I-Nhã, được dự trù cho 8 đến 10 ngày. Những điểm gợi ý liên quan đến các bài Linh Thao quan trọng của Thánh I-Nhã trình bày khoa sư phạm của I-Nhã để hướng dẫn thao viên tiếp thu ý chính của bài cầu nguyện hơn là khai triển các bài cầu nguyện đó. Để thuận tiện, chúng tôi cho in bản văn của I-Nhã ngay sau các bài tập Linh Thao căn bản đó :

- 1. Nguyên Lý và Nền Tảng*
- 2. Tiếng gọi của Vua*
- 3. Mẫu nhiệm Nhập Thể*
- 4. Chúa sinh ra đời*
- 5. Hai cờ hiệu*
- 6. Ba mẫu người*
- 7. Ba bậc khiêm nhường*
- 8. Chiêm Niệm để được Tình Yêu*

Tất cả những bài Linh Thao khác dựa theo diễn tiến của khoa sư phạm I-Nhã đã chọn các đoạn Kinh Thánh nền tảng, để giúp cho thao viên đạt được yêu cầu của mỗi giai đoạn trong tiến trình Linh Thao, mà những bài nền tảng trên là những điểm mốc.

Riêng với giai đoạn II : cuộc đời của Chúa Cứu Thế, chúng tôi đã giới hạn đến mức tối thiểu những bài Kinh Thánh cần thiết. Vì thế ở phần thứ hai của tiến trình Linh Thao, có thể thêm các bài cầu nguyện khác về cuộc đời Chúa Cứu Thế như : tám mối phúc, Thiên Chúa quan phòng, câu chuyện về phép rửa với Nicôđêmô, hay câu chuyện về nước hằng sống với người phụ nữ Samari...

Ngoài ra, còn rất nhiều bài Kinh Thánh liên quan đến lòng thương xót tha thứ của Thiên Chúa chưa được sử dụng. Lý do đơn giản là : chúng tôi muốn giới hạn những bài căn bản cho đủ thời gian của một khóa Linh Thao từ 8 đến 10 ngày.

Ước mong tập Linh Thao đầu tiên này sẽ giúp những người mới bước vào Linh Thao có được những kinh nghiệm căn bản về khoa sư phạm Thánh I-Nhã, cả về phương diện giáo lý lẫn tu đức. Mong được sự đóng góp quý giá của anh em và bạn bè.

VĨNH SON, S.J

BÀI CẦU NGUYỆN DẪN NHẬP



TÔI VỚI CHÚA

Bài cầu nguyện dẫn nhập này gồm một số câu Kinh Thánh trình bày về mối tương quan giữa Thiên Chúa và tôi. Mục đích của bài này là dẫn nhập người làm Linh thao (thao viên) vào bầu khí cầu nguyện.

Thao viên có thể chọn 1 trong 7 lời Kinh Thánh dưới đây, đọc đi đọc lại, và suy gẫm về câu Kinh Thánh mình thích nhất. Đề ý đến các từ ngữ và tiếp thu các tư tưởng của mỗi câu Kinh Thánh.

Việc tiếp thu nằm ở 2 bình diện : bình diện lý trí, tìm hiểu ý nghĩa đích thực của các từ ngữ ; bình diện tình cảm, để cho lòng mình được đánh động bởi Lời Chúa.

Việc cầu nguyện những lời Kinh Thánh này rất đơn giản : cố gắng ở lại với Chúa một cách đơn sơ 45 phút hay một giờ đồng hồ. Tìm cách tâm sự với Chúa về những gì cảm nghiệm được trong lòng mình.

1. Hôsê 2,21 : *Ta sẽ đính hôn với người mãi mãi, Ta sẽ đính hôn với người bằng công chính, công minh, nhân nghĩa, xót thương.*

2. Giêrêmia 1,5 : *Trước khi Ta nắn ra người trong lòng mẹ, Ta đã biết người, và trước khi lọt dạ mẹ, Ta đã tác thánh người.*

3. Isaia 49,15 : *Mẹ nào lại quên con đẻ của mình, cạn lòng thương đối với con dạ nó cư mang ? Cho dù chúng quên được nữa, thì phần Ta, Ta sẽ không hề quên người.*

4. Hôsê 2,15b-16 : *Còn Ta, nó đã quên Ta, sấm của Giavê. Cho nên, này Ta dụ dỗ nó, đem nó vào sa mạc, và kẻ lòng, Ta nói khó với nó.*

5. Giêrêmia 20, 7a : *Người đã dụ dỗ tôi, lay Giavê, và tôi đã để mình bị dụ.*

6. *Isaia 54,5* : Vì Đấng kết duyên với người là Đấng tác thành ra người, Giavê các cơ binh là Danh Người, Đấng chuộc lấy người, chính là Đấng Thánh của Israel, hiệu là Thiên Chúa trên toàn cõi đất.

7. *Isaia 62,5* : Như trai tài sánh duyên thực nữ, Đấng xây dựng người sẽ cùng người kết nghĩa giao duyên, như tân lang hoan hỉ nơi một tân nương, Người sẽ hoan hỉ nơi người, Thiên Chúa người thờ.

Kết thúc bài cầu nguyện, chúng ta dành từ 5-7 phút để thưa chuyện với Chúa về giờ cầu nguyện của mình. Kết thúc giờ cầu nguyện bằng kinh Sáng Danh.

NGUYÊN LÝ VÀ NỀN TẢNG

B à i 1



THIÊN CHÚA TRONG CUỘC ĐỜI TÔI

1. Kinh Thánh : Tv 139¹
2. Đat khung cảnh : một cảnh đẹp thiên nhiên nào đó đã ghi ấn tượng trong đời sống của tôi.
3. Xin ơn : được thật sự sống trước sự hiện diện của Thiên Chúa.
4. Phương pháp cầu nguyện :
 - Đọc chậm rãi từng câu thánh vịnh.
 - Dừng lại ở những câu đánh động tôi.
 - Suy nghĩ về những điều đã đánh động.
 - Than thở và cầu nguyện theo những tâm tình tôi đang có.
5. Ghi chú :

Trước hết nên để tâm hồn lắng đọng lại. Đây là một phương pháp hoàn toàn tự nhiên như mỗi khi ta làm một việc gì, ta thường định tâm lại một ít giây phút. Suy nghĩ về những gì ta sắp làm. Diễn tiến công việc đó sẽ ra sao, và sau đó ta sẽ làm gì. Việc định tâm như vậy sẽ giúp ta tập trung vào đề tài cầu nguyện.

¹ Bài Tv này có trong Kinh Chiều ngày thứ Tư tuần IV, sách PVGK, nhà xuất bản Tôn Giáo, Hà Nội, 2001, trang 1101

Sau khi đã “hồi tâm” như vậy rồi, chúng ta hướng lòng lên cùng Chúa, đọc kinh Tin, Cậy, Mến và giục lòng yêu mến Chúa.

Cuối cùng ta bắt đầu bài Linh Thao với phần đặt khung cảnh.

CÁC ĐIỂM SUY NIỆM

Điểm I : Cuộc đuổi bắt giữa tôi và Thiên Chúa

Điều rất kỳ lạ trong cuộc sống con người đó là cuộc đuổi bắt giữa thần linh và con người ².

Con người, dù có tôn giáo hay không có tôn giáo, vẫn cảm thấy cuộc sống không chỉ “đơn thuần” là đời sống vật chất. Có một cuộc đuổi bắt nào đó của thần linh. Có một niềm tin tôn giáo nào đó nơi con người. Cuộc đuổi bắt đó nói lên hai khía cạnh của cuộc sống : đó là đời sống tâm linh và đời sống tại thế. Tôi phải ý thức rõ điều này.

Người có tôn giáo hay không có tôn giáo có thể có đời sống nhân bản giống nhau. Nhưng ở bình diện tâm linh, mỗi người đều bị tra vấn về cuộc sống của mình, tùy theo “niềm tin” mình đang có. Người ta gọi đó là cái “lương tri”.

² Theo các nhà nghiên cứu về tôn giáo, có 3 yếu tố chung trong tất cả các tôn giáo, thiết lập nên mối tương quan giữa con người với thần linh, đó là :

+ *mysterium* : sự lạ lùng, thần bí (xem Xh 3,1-15)

+ *tremendum* : sự đáng sợ (xem Is 10,1-9)

+ *fascinans* : sự hấp dẫn, lôi cuốn (xem Xh 19,16-20.21) xem Rudolf Otto, Das Heilige (1917), bản tiếng Anh của John. W. Harvey : *The Idea of the Holy* (1923).

Tôi gọi đó là cuộc đuổi bắt, để diễn tả việc con người đi tìm cái tâm linh của mình, và đối với Kitô giáo, Thiên Chúa đã tìm kiếm con người, hoặc hơn nữa, sự quan phòng của Thiên Chúa đối với con người.

Đối với người Kitô hữu, thì cái tâm linh cứ đặt đời sống con người tại thế của họ thành vấn đề.

Tv 139 cho tôi cái kinh nghiệm tôn giáo này, một kinh nghiệm gắn liền với mạc khải của Do-thái-giáo, và trở thành rõ ràng với Kitô-giáo³. Đó là *sự hiện diện hằng hữu của Thiên Chúa trong cuộc sống của con người từng giây phút*.

Thiên Chúa hiện hữu và hiện diện với tôi từng giây phút. Không có Ngài, tôi sẽ đánh mất sự hiện hữu của mình. Ngài hiện diện với tôi để gìn giữ sự sống của tôi. Sự sống của tôi hoàn toàn lệ thuộc vào Ngài. Nhưng có những lúc tôi không cảm thấy sự hiện diện này của Ngài. Ngài dường như vắng mặt đối với tôi. Biết bao biến cố đau thương trong cuộc đời nói cho tôi về sự “vắng mặt” của Thiên Chúa. Hoặc ngược lại về phía tôi, trong cuộc sống, có nhiều khi tôi muốn “lánh mặt” Thiên Chúa, để sống theo sở thích của bản thân tôi.

Từ đó, Tv 139 còn trình bày cho tôi một kinh nghiệm khác nữa : Thiên Chúa như bày ra một trò chơi cút bắt giữa tôi với Ngài. Sự hiện diện của Ngài nhiều khi không rõ nét, rất giống như cuộc chơi cút bắt.

Trò chơi này tôi đã chơi từ nhỏ : trò chơi năm mười. Niềm vui của trò chơi này là sự “ú oà” khi bắt gặp nhau. Tôi vui khi gặp Chúa, và Chúa cũng vui khi gặp tôi.

Thiên Chúa tự bản chất là *sống với* : *Thiên Chúa vui thích ở giữa dân Người* (Tv 149,4). Nên có thể nói mỗi lần gặp lại tôi, Ngài vui và Ngài cho tôi niềm vui.

Tôi chơi năm mười, tôi không biết bạn tôi ở đâu, nhưng tôi có thể đoán được : những chỗ bí mật có thể là nơi bạn tôi ở. Đối với Thiên Chúa

³ Thánh Augustin : “*Linh hồn con khắc khoải bồi hồi, cho tới khi con được an nghỉ trong Chúa*”. Khi chưa chọn lựa một bậc sống, chúng ta cảm thấy cuộc sống chưa ổn định. Có một cái gì đó làm ta khắc khoải. Đối với người tu sĩ, khi bắt đầu sống ơn gọi, họ cảm thấy phần nào có được sự “an ninh tâm cảm”. Và họ bắt đầu hình thành nhân cách của họ.

thông biết mọi sự, Ngài biết rõ tôi. Vì thế, tôi có chơi trò chơi đi trốn đi tìm, thì Thiên Chúa vẫn luôn luôn là người thắng cuộc.

Chúa tạo cho tôi sự bất ngờ, để tôi có thể ngỡ ngàng được là : những nơi tôi tưởng Ngài không biết được, thì chính lúc tôi lò dò ẩn mình ở đó, tôi đã bắt gặp Ngài.

Làm sao tôi có thể trốn tránh được *sự hiện diện quan phòng đầy yêu thương* của Ngài đối với tôi ?

Điểm II : Thiên Chúa sâu thẳm hơn chính sự sâu thẳm của lòng tôi (intimior intimo meo ! *Thánh Augustinô*)

“Ngài có đó, khi con tưởng mình đang cô đơn.

Ngài trong con, thế mà con vẫn tìm

Ngài thương con, thoa dịu hồn đầy vết thương đau ...”

Thiên Chúa của Kitô giáo là Thiên Chúa ở trong chính nơi sâu thẳm của con người, chứ không phải là các vị “thần linh” trong quan niệm ngoại giáo, trú ngụ ở nơi này nơi kia trong thiên nhiên.

Nơi lòng mỗi người đã có sẵn “*tính thần linh*” của nó. Tính thần linh đó nằm ở nơi kín nhiệm của lòng ta.

Gabriel Marcel nói: *con người là một mầu nhiệm* ⁴ : đó là thế giới riêng tư của mỗi người chúng ta. Thế giới đó chúng ta có thể chia sẻ với những người thân yêu trong cuộc sống, với bạn bè, hay chỉ muốn giữ riêng cho chúng ta. Nhưng đối với Thiên Chúa, chúng ta không có một thế giới riêng của ta. Ngài biết ta và ta hiện hữu trong Ngài : thế giới của ta ở trong thế giới của chính Ngài. Đó là ý nghĩa của mối tương quan liên vị giữa ta với Thiên Chúa.

⁴ Có hai tư tưởng chính trong triết học của Gabriel Marcel được diễn tả bằng các cặp phạm trù sau : Être & Avoir ; Mystère & Problème. Tất cả những gì đặng tới con người là “mầu nhiệm” chứ không phải đơn thuần là “vấn đề”.

Thánh Têrêxa Hải Đồng Giêsu có một đời sống rất cá nhân, rất riêng tư. Ngài có biết bao tâm tình, và ở cái bề ngoài có vẻ âm thầm đó, chứa đựng cả một sự sôi động bên trong của thế giới nội tâm. Khi còn ở nhà, cũng như khi đã sống đời sống tu trì, Ngài ý thức về cái thế giới riêng tư này của mình. Nhưng nếu ta để ý, ta sẽ thấy Ngài sống rất thân mật cái thế giới riêng tư của Ngài với Thiên Chúa một cách trọn vẹn.

Đời sống thiêng liêng là gì ? : chính là sống cái thế giới riêng tư của tôi với Thiên Chúa. Nhưng để có thể sống đời sống thiêng liêng, mỗi người phải có thế giới nội tâm của mình đã.

Thánh Têrêxa Avila đã viết về cái lâu đài thiêng liêng của mình. Một người chỉ sống với đời sống vật chất này, sống với các hoạt động não nhiệt này, sẽ không có đời sống riêng tư nội tâm.

B. Pascal đã nói : con người là một cây sậy biết suy nghĩ.

Nên dường như đời sống nội tâm là cái nói lên bản sắc căn bản nhất của con người.

Dĩ nhiên tâm tính mỗi người một khác : có người thích sống đời sống xã hội, có người lại thích sống cá nhân và ít giao tiếp. Thế nhưng, như mọi người chúng ta đều biết, tự thâm tâm, mỗi người chúng ta đều có nhu cầu về *một góc nhà kín đáo nào đó*, như thánh Têrêxa Hải Đồng Giêsu đã làm khi còn bé. Bà đã tìm một góc nhà để... suy nghĩ ! Không biết bà đã suy nghĩ cái gì, nhưng ngay từ bé bà đã có cái thế giới nội tâm bé nhỏ đó của bà.

Vậy đời sống nội tâm trước hết là đời sống riêng tư của một con người ở trong thế giới, trước khi là đời sống của một con người *sống chiều sâu đời sống đức tin của mình* trước mặt Thiên Chúa.

Nếu Thiên Chúa hiện hữu, thì người kitô hữu phải tạc được hình tượng của Ngài nơi mình.

Thiên Chúa của Kitô giáo là vậy đó, không phải là vị thần có chân dung, có thể tạc thành hình tượng đồng nhất được như các thần trong văn hóa Hy Lạp (Do Thái giáo xưa cấm tạc tượng Chúa). Thiên Chúa của

Kitô giáo là vị thần mà mỗi người chúng ta phải tạc hình tượng của Ngài trong tâm khảm chúng ta, ở nội tâm của ta ⁵.

Vậy, trước khi nói về đời sống thiêng liêng, tôi phải đặt câu hỏi đầu tiên cho tôi : tôi có sống chiều kích tâm linh của đời sống con người không đã. Từ đó, tôi mới bước vào được thế giới của Thiên Chúa, để trong đó, tôi khám phá ra Thiên Chúa trong thế giới riêng của tôi ⁶.

Cái “bản ngã tôi” chính là nơi chốn Thiên Chúa hiện diện với tôi ⁷.

Điểm III : Thiên Chúa là Tình Yêu

Ngoài việc trình bày cho tôi về sự hiện diện hằng hữu *thông biết mọi sự* của Thiên Chúa, thật may mắn cho tôi, bài thánh vịnh tôi suy niệm còn bày tỏ cho tôi thấy, Thiên Chúa của tôi là Thiên Chúa Của Tình Yêu, được trình bày không phải bằng từ ngữ, bằng ý niệm trừu tượng, mà bằng kinh nghiệm về *cách thức Ngài hiện diện với tôi*. Kinh nghiệm đó là : Ngài biết tôi, biết rất rõ, và không một chỗ nào trong thế giới này là chỗ tôi có thể “trốn” được Ngài. Hay nói cách khác, có thể cắt đứt sự hiện diện của Ngài đối với tôi.

⁵ Thiên Chúa là Đấng vô hình, phải trở nên “hữu hình” một cách nào đó trong tâm khảm của ta. Những kinh nghiệm thiêng liêng và việc cầu nguyện sẽ dần dần “hình thành” được dung nhan Thiên Chúa nơi ta.

⁶ Trong cách sống đạo, có nhiều người sống hai cuộc sống tách biệt nhau, vì thế không có sự “thống nhất” trong cuộc sống. Điều này nhiều khi dẫn đến khủng hoảng vì sự căng thẳng giữa con người siêu nhiên với con người tự nhiên.

⁷ Augustino cảm thấy điều này rất rõ nét. Trong cuốn *Lời Thú Tội*, Ngài cho thấy cái kinh nghiệm về sự hiện diện của Thiên Chúa trong cõi sâu thẳm của lòng mình, làm như quan điểm “siêu hình học” của triết học trùng lặp với quan điểm “tu đức học” về sự kết hiệp nhiệm mầu với Thiên Chúa. Đó là cái “ngã” tự giác ngộ trong Phật Giáo.

Có nhiều câu trong thánh vịnh diễn tả tình yêu quan phòng săn sóc của Thiên Chúa. Một Thiên Chúa quen mọi ngõ đường tôi đi, và biết tôi tường tận, ngay cả những gì tôi suy nghĩ mà chưa thốt ra lời. Một Thiên Chúa chủ động ! Ngài đã chủ động hiện diện trước ở chính nơi tôi muốn tới.

Ngoài ra, Ngài còn *biết* rõ “xương cốt” tôi, biết tôi từ trước khi tôi lọt lòng mẹ, bởi chính Ngài đã “đặt” nên tôi trong dạ mẫu thân tôi. Cái biết đó, nhất là đối với Thánh Kinh,⁸ là một cái biết sâu xa, diễn tả một mối tương quan rất thân mật giữa tôi với Thiên Chúa, cái biết của tình yêu.

Tình yêu Chúa bao trùm trên cuộc sống của tôi, cả những khi tôi không ý thức về sự hiện diện của Ngài, vì Ngài vẫn ở bên tôi.

Thế nhưng trong đời sống, rất nhiều khi tôi đã sống “cô đơn” với cuộc sống của tôi. Thậm chí còn sống “vô thần” y như tôi có thể làm chủ cuộc đời mình, trong khi có biết bao nhiêu biến cố tôi không lường trước được, vẫn làm tôi chao đảo.

Vì thế những lúc buồn chán, tôi sống như *người say rượu*, uống cho đã để quên sự đời.

St. Exupéry :

+ *tại sao anh uống rượu ?*

- *để quên*

+ *quên cái gì ?*

- *quên nỗi buồn*

+ *buồn vì cái gì ?*

- *buồn vì tôi uống rượu”* ⁹.

⁸ Adam *biết* Eva (St 4,1) ; Đức Maria : “việc đó xảy ra cách nào, vì tôi không biết đến người nam” (Lc 1,34).

⁹ Xem A. De Saint-Exupéry, *Le Petit Prince*, Gallimard Jeunesse, 1997, tr. 45. Saint Exupéry nói về cái “xấu hổ” của anh chàng uống rượu. Ở đây xin phép chuyển sang “nỗi buồn”.

Hoặc giả, tôi làm việc như *cái máy*, để quên đi cái gì đó ! Tôi sợ đối mặt với một số thực tại không được vui trong cuộc sống. Những lúc đó tôi chỉ muốn “quên đi mọi sự”. Và cái đáng sợ của sự quên ấy là quên đi chính mình.

Trong triết học nói : *agere sequitur esse*. Hành động là theo hiện hữu. Ấy thế mà nhiều khi tôi hành động như cái máy để *quên đi sự hiện hữu* của mình. Sự chạy trốn vô thức đó có thật trong đời sống của mỗi người chúng ta.

Cần có đời sống nội tâm, đời sống thiêng liêng để kéo chúng ta *trở lại với thực tại hiện hữu*. Và *hiện hữu*, theo ý nghĩa nền tảng nhất của chúng ta, không có gì khác hơn là : *sống trước sự hiện diện của Thánh Nhan Thiên Chúa, Đáng là Tình Yêu*¹⁰.

KẾT LUẬN

Để kết thúc, chúng ta có thể lấy chính lời kinh của Thánh vịnh, làm lời kinh của chúng ta :

“Lạy Chúa, xin Ngài dò xét để biết rõ lòng con

Xin Ngài xem con có lạc vào đường gian ác,

thì dẫn con theo chính lộ ngàn đời” (Tv 139,23-24)

Chúa hiện diện với ta vì yêu ta, chứ không phải hiện diện dò xét các khuyết điểm của ta để luận phạt ta. Và theo bài thánh vịnh, nếu thực sự ta có khuyết điểm thì ta có thể mạnh dạn dâng lên Chúa lời cầu nguyện : xin Ngài dẫn con vào chính lộ ngàn đời !

¹⁰ Cuối cùng, tất cả đời sống đạo chỉ đơn giản là sống trong Chúa, với Chúa, bằng cách ý thức về sự hiện hữu của ta trước Thánh Nhan Ngài.

B à i 2



THIÊN CHÚA TẠO DỰNG

1. Kinh Thánh : St 1,1 – 2,4a

St 2,4b-25

2. Đặt khung cảnh : khung cảnh của chính câu chuyện trong Kinh Thánh hoặc một cảnh thiên nhiên đã gây ấn tượng như bài trước.

3. Xin ơn : nhận ra Chúa là Đấng Tạo Hóa, và xin ơn biết phụng sự Ngài với tư cách là thụ tạo của Ngài.

4. Phương pháp cầu nguyện :

Dùng phương pháp hình dung ¹¹. Nghĩa là dùng chính trí tưởng tượng để hình dung ra cuộc tạo dựng của Chúa theo các chi tiết trong bản văn.

Đặt các câu hỏi về bất cứ điều gì có thể đặt ra liên quan đến việc tạo dựng này.

Cầu nguyện với Chúa theo những gì bản văn đã đặt ra cho tôi.

5. Ghi chú :

Trí tưởng tượng có thể vận dụng vào việc suy niệm làm cho bản văn sống động. Nhưng tránh đi quá xa làm lạc đề.

¹¹ Phương pháp hình dung là sử dụng trí tưởng tượng để cầu nguyện. Đối với I-Nhã, trí tưởng tượng đóng góp rất nhiều trong thành quả của việc cầu nguyện. Thay vì suy nghĩ viển vông, hay chia trí do trí tưởng tượng, I-Nhã đã vận dụng trí tưởng tượng vào việc cầu nguyện, để nhờ trí tưởng tượng, thảo viên có thể sống “cụ thể” các tâm tình thiêng liêng có được trong mỗi bài cầu nguyện.

Khi cầu nguyện : để ý lắng nghe, và tìm cách tâm sự nói chuyện với Chúa, để lòng trí được nghỉ ngơi hơn. Không nên sử dụng lý trí một cách văt vắ quá. Nếu có ý tưởng nào khó hiểu, làm cho ta không cầu nguyện được, thì phải bỏ ý tưởng đó đi ngay, coi nó như một hình thức chia trí.

Sự suy nghĩ chỉ là phương tiện. *Tâm sự nói chuyện với Chúa* mới là mục tiêu của bài cầu nguyện.

CÁC ĐIỂM SUY NIỆM

Điểm I : sáng tạo bằng lời, và sáng tạo bằng lao động

Trình thuật sáng tạo bằng Lời, để thụ tạo xuất hiện từ hư không (*ex nihilo*) hoặc bằng cách sắp xếp lại cõi hỗn mang, được trình bày ở chương 1,1-2,4a trong sách Sáng Thế do trường phái tư tế viết. Trường phái này đọc lại cuộc sáng tạo trong thời lưu đày, và viết theo hướng phụng vụ, để trình bày vũ trụ như đền thờ của Thiên Chúa mà tột đỉnh là ngày thứ 7. Ngày đó Chúa nghỉ ngơi, và các thụ tạo nghỉ ngơi vui vầy với hiện hữu của nó.

Tất cả mọi sự Chúa tạo ra đều tốt và khi Chúa tạo dựng ra con người vào giây phút cuối cùng, thì có sự “tốt lành quá đỗi”¹². Mỗi thụ tạo có chỗ đứng của nó và con người là đỉnh cao của thụ tạo.

Nhưng ở chương II, trường phái Gia-vit đã trình bày cuộc sáng tạo như việc Thiên Chúa can thiệp trực tiếp vào các yếu tố trong thiên nhiên, bằng việc tạo điều kiện cho các yếu tố tác động lên nhau hay bằng chính lao động của Thiên Chúa¹³.

¹² Xem Nguyễn Thế Thuấn trong bộ *Kinh Thánh* sách St 1,31, Nhà Sách Đức Mẹ Hằng Cứu Giúp, Sài Gòn, 1975.

¹³ Trường phái Gia-vit viết về Sáng Tạo trong thời đại Đavit-Salomon, thế kỷ thứ X. Các nhà hiền triết Do thái được nhà vua qui tụ trong triều đình để suy nghĩ về nguồn gốc vũ trụ, ý nghĩa của đau khổ và sự chết. Thế văn kể chuyện rất sống động, phần nào chịu ảnh hưởng của văn hóa Lưỡng Hà Địa. Tuy thế, dưới áng văn chương có “tính thần thoại” này lại

Vì thế, mở đầu trình thuật này cũng cho phép ta hiểu sáng tạo như *một tiến trình hình thành sự sống* : mối tình giữa đất và nước như một tiến trình tiến hóa của thụ tạo.

Thiên Chúa được trình bày như người thợ gốm, người làm vườn, nhà phẫu thuật, người thợ may.

Các yếu tố của câu chuyện có vẻ như là thần thoại, nhưng trong cả 2 trình thuật, sứ điệp đều giống nhau.

- 1) *Thiên Chúa đã tạo dựng nên vũ trụ và con người, một câu trả lời rất rõ nét, mà khoa học ngày nay cũng chưa giải thích được.*
- 2) *Con người là thụ tạo hoàn hảo nhất của Thiên Chúa.*
- 3) *Con người làm chủ vũ trụ* ¹⁴
- 4) *Con người giống hình ảnh Chúa :*
 - a) *có nguồn gốc thần linh.*
 - b) *nhận sức sống của Thiên Chúa.*
- 5) *Sự sống con người lệ thuộc vào Thiên Chúa.*
- 6) *Con người được tạo dựng để tham dự vào sự sống của Thiên Chúa, để được hạnh phúc. Con người được tạo dựng với một mục tiêu cho chính nó* ¹⁵.

chứa đựng những mạc khải quan trọng. Sau này Chúa Giêsu đã minh nhiên phê chuẩn các mạc khải đó, khi Ngài nói về “thuở ban đầu, con người có nam có nữ” (x. Mt 19,4-5). Chúng ta nên lưu ý, một khi Chúa Giêsu nói về một bản văn Cựu Ước, thì đó là một mạc khải chắc chắn, không còn tranh cãi nữa, cho dù bản văn đó thuộc thể loại văn chương nào.

¹⁴ Về phương diện nhân học (*anthropologie*), 3 yếu tố này của Kinh Thánh đã đề cao địa vị của con người đúng như khoa nhân học ngày nay đã nhận ra như vậy. Chúng ta không quên, bản văn này đã được viết ra trước đây 3 ngàn năm. Thế mà ngày nay con người mới nhận ra đây đủ địa vị cao quý của con người đúng như mạc khải Cựu Ước.

Các điểm giáo lý trên tuy đơn sơ và quen thuộc đối với chúng ta, nhưng chúng ta chưa nhận ra giá trị của nhận thức này, và chưa sống đúng ý nghĩa này của việc tạo dựng.

Có biết bao người đã không thực sự sống như thụ tạo của Thiên Chúa : yêu mến và tôn kính Người. Có biết bao người chưa nhận ra mình là *thụ tạo hoàn hảo* của Thiên Chúa ¹⁶. Có biết bao người chưa nhận ra mình *đón nhận sự sống từ Thiên Chúa* và mình là *hình ảnh của Thiên Chúa*. Có biết bao người lóa mắt trước văn minh và khoa học khi họ làm chủ được thiên nhiên, nhưng lại không biết được rằng chính *Thiên Chúa* là người chủ của các định đề khoa học ấy. Có biết bao người chưa biết rằng mình *sinh ra để sống hạnh phúc*. Đó là cái khắc khoải của Trịnh Công Sơn : “*Tuổi thơ ơi, tuổi thơ ơi, tin buồn từ ngày mẹ cho mang nặng kiếp người...*” ¹⁷

¹⁵ Các yếu tố thần học này là giáo lý Kitô giáo ngay từ đầu khai sinh Giáo Hội. Nghĩa là, khi Chúa Giêsu đến để mạc khải về Thiên Chúa Cha, con người được biết chắc họ là hình ảnh của Thiên Chúa và là con Thiên Chúa. Thánh Phaolô đã khai triển các yếu tố này trong thư Rôma (Rm 3,29-30 ; 8,14-17), cũng như các bài Thánh Thi trong thư Êphêsô (Ep 1,3-10) và thư Colossê (Cl 1,15-20).

¹⁶ Những mặc cảm, hoặc những tình trạng tội nguyên chưa hẳn là những yếu tố khiếm khuyết của tạo dựng. Con người có khả năng “phi thường” vượt thắng các tình trạng tội nguyên thể lý.

¹⁷ Cái khắc khoải của Trịnh Công Sơn là về Tình Yêu và Thân Phận Kiếp Người. Ông thấy Tình Yêu và Kiếp Người phải là cái vĩnh hằng. Thế nhưng Tình Yêu dường như là cái không thể có được, cũng như thân phận người kết thúc với cái chết buồn bã.

Đọc kỹ bản văn, chúng ta sẽ thấy hai trình thuật này là những áng văn chương tuyệt vời, trình bày cho chúng ta một mạc Khải quan trọng, bằng ngôn ngữ của những học giả uyên bác đã được ơn linh hứng¹⁸.

Điểm II : Con người nam nữ

Yếu tố nam nữ là yếu tố đáng chú ý trong cuộc tạo dựng. Vì Kinh Thánh nói : con người “là nam là nữ theo hình ảnh của Người” (1,27) và “con người ở một mình không tốt” (2,18), và trình bày cho thấy : đó là cách suy nghĩ của Thiên Chúa.

Bản văn còn cho thấy yếu tố nam nữ là thành quả của việc tạo dựng con người hoàn chỉnh, khi ở Kn 2,23 Ađam nói : “Phen này¹⁹, đây là xương từ xương tôi, thịt từ thịt tôi”.

Như vậy ngay từ khởi đầu khi nói về nguồn gốc con người, *nhân loại là nam và nữ*, và đó là sự hoàn chỉnh của cuộc tạo dựng, thì vào ngày

¹⁸ Cả trình thuật sáng thể I và II đều đã được viết bởi các học giả uyên bác về khoa ngữ học (trình thuật I), hay khoa kể chuyện (trình thuật II). Khi nghiên cứu về cấu trúc văn chương, người ta đã khám phá ra trong trình thuật sáng thể I sự cân đối tuyệt đối của lối thơ văn hipri. Các từ ngữ được xếp đặt song đối với nhau một cách hoàn chỉnh. Còn trình thuật sáng thể II, tuy đã sử dụng một số yếu tố văn chương có trước ở Lương Hà Địa, nhưng dưới ơn linh hứng, đã gột rửa mọi yếu tố hoang đường trong lối văn chương thần thoại, để trình bày mạc Khải về nguồn gốc vũ trụ với những hình ảnh sống động dễ hiểu. Hình thức văn chương này là một khoa tu từ học (*rhétorique*) cao cấp mà ngày nay người ta đang khám phá ra tính ưu việt của nó trong cách thức trình bày các chân lý mạc Khải, rất phù hợp với cách thức Đức Giêsu đã sử dụng để rao giảng Tin Mừng Nước Thiên Chúa qua các dụ ngôn.

¹⁹ Cách nói này cho thấy: cuối cùng thì việc tạo dựng đã được hoàn chỉnh, theo sự nhận định của Ađam. Ông “hài lòng” với Thiên Chúa trong việc tạo dựng người nữ.

thứ sáu, tức là ngày cuối cùng của cuộc tạo dựng, St 1,31 cho thấy : Thiên Chúa đã thấy mọi sự Người đã làm ra “tốt lành quá đỗi”, nên có thể nói, *mối tương quan nam nữ*, ngay từ thuở ban đầu là *mối tương quan thánh thiện*.

Thế nhưng con người hôm nay đã sống *mối tương quan nam nữ* này như thế nào ?

Sự thánh thiện của *mối tương quan nam nữ* được nói đến ở câu 2,25 : “Con người và vợ mình, cả hai đều trần trỗng mà không xấu hổ trước mặt nhau”. Cụm từ : “trần trỗng mà không xấu hổ” nói lên tính cách *lành thánh nguyên sơ* của *tương quan nam nữ*. Ngày nay Thần Học Nữ Quyền có vẻ đang đấu tranh cho mình địa vị bình đẳng. Nhưng điều này *đã có rồi trong mạc khải của sáng tạo*²⁰.

Vấn đề của chúng ta là : làm sao trong *tương quan tự nhiên* đó, ta gạt hái được *sự phong phú của đời sống nhân loại*. Vấn đề này được đặt ra một cách đặc biệt đối với những người sống đời dâng hiến.

Ta *đối diện* với thực tại này để tìm ra *cách thức* ta phải sống *mối tương quan* này một cách tốt nhất trong đời sống của chúng ta. Đây là việc chung của nhân loại. Nhưng mỗi bậc sống sẽ sống *mối tương quan* này theo đường lối của bậc sống mình. Người linh mục không thể nào không sống cái thực tế này. Vậy tôi phải hình thành cho tôi *một nhân cách nào* để có thể sống được *mối tương quan thánh thiện* này trong cuộc sống con người của tôi.

Tôi thấy ngay, vấn đề on gọi của tôi phải được suy nghĩ ngay từ khởi điểm của cuộc sáng tạo.

²⁰ Khi trình bày việc tạo dựng Evà, sự bình đẳng Nam-Nữ đã hàm chứa trong hình ảnh “xương sườn cụt”, và từ ngữ “cái gì đương đối” trong ý tưởng của Thiên Chúa trước khi cho người nữ làm bạn với người nam.

Điểm III : Trật tự của sáng tạo

Ý nghĩa trọng tâm của cuộc sáng tạo có lẽ là sự *tham dự* và *thuộc về*.

Tham dự nói lên sự “đồng đều” một cách nào đó giữa Thiên Chúa và con người, con người với nhau và con người với thụ tạo. Sự hiện hữu của mọi thụ tạo là một *hiện hữu tham dự*. Không có một thụ tạo nào là một *thụ tạo bên lề*. Vì thế chức năng của thụ tạo chính yếu là tham dự vào sự sống của Thiên Chúa để được *hiệp thông sự sống* với Người.

Từ ý tưởng này ta hiểu được tất cả các ý nghĩa của mối tương quan. Tương quan *từ trên xuống* : đó là tương quan *tham dự*. Thiên Chúa không thống trị con người, nhưng Thiên Chúa chia sẻ sự sống của Người cho con người. Con người cũng không thể thống trị nhau, nhưng con người chia sẻ sự sống với nhau. Nhưng con người lại *làm chủ và thống trị* thụ tạo theo ý định của Thiên Chúa được trình bày trong St 1,28 và 2,20.

Từ đó tương quan *từ dưới lên* là tương quan *lệ thuộc* : “Tất cả là của anh em, anh em thuộc Đức Kitô - Đức Kitô thuộc Thiên Chúa” (1 Cr 3,5-24)

Sự thuộc về ở đây là sự thuộc về theo *nguồn gốc (origine)* và/hay theo *đẳng cấp (genre)*. Thuộc về theo nguồn gốc cho ta sự tham dự. Còn thuộc về theo đẳng cấp đòi ở ta sự lệ thuộc (*appartenance- dépendance*).

Về sự tham dự, đó là *thông ban* hay *chia sẻ* sự sống.

Nhưng sự lệ thuộc có thể hiểu theo 2 cách : chúng ta phân biệt 2 từ chiếm hữu (*possession : possess*) và thuộc về (*appartenance : belonging to*).

Trình thuật sáng tạo khi nói về *con người trong tương quan với Thiên Chúa* nói lên sự thuộc về, muốn nhắm đến *nguồn gốc*. Còn khi nói đến *con người trong mối tương quan với* thụ tạo lại dùng từ *sở hữu*, tức có sự phân biệt *đẳng cấp*.

Như vậy rõ ràng có sự khác biệt trong 2 mối tương quan đó. Sự khác biệt nền tảng đó là vì con người *mang hình ảnh Thiên Chúa*, và con người được *chia sẻ sự sống của Thiên Chúa*.

Trái lại, thụ tạo là *quà tặng* của Thiên Chúa cho con người, nên *thụ tạo là sở hữu của con người*. Và sở hữu này mang tính sáng tạo về phía con người : hãy sinh sôi nảy nở cho đầy mặt đất.

Khi tham dự vào việc làm bá chủ và thống trị thụ tạo, con người được *chia sẻ chính quyền năng của Thiên Chúa*.

Ta có thể nói về trật tự của sáng tạo như sau : điểm tới của con người là Thiên Chúa, và điểm tới của thụ tạo là con người. Đây chính là 2 yếu tố *tham dự* và *thuộc về* của con người đối với việc sáng tạo của Thiên Chúa.

KẾT LUẬN

Nhìn lại cuộc sáng tạo với một nhãn quan “đổi mới”.

Ca ngợi và chúc tụng Chúa, vì địa vị cao quý của con người trong việc sáng tạo.

Cảm ơn các học giả Kinh Thánh đã viết lại kinh nghiệm tôn giáo của họ về Thiên Chúa dưới tác động của ơn linh hứng đã cho chúng ta một bản văn tuyệt vời như vậy.

PHỤC NIỆM

Có thể sử dụng những bản văn Kinh Thánh sau đây để cầu nguyện lại một lần nữa (phục niệm) bài cầu nguyện về Thiên Chúa tạo dựng :

1) Hc 17,1-15

2) Kn 13,1-9

Ngoài ra cũng có các đoạn Kinh Thánh khác liên quan đến sự tạo dựng như : Tv 8 ; Tv 19 ; Tv 104 ; Thư Cl 1,12-20 ; thư Ep 1,3-14 và Ga 1,1-18. Chúa Giêsu chính là *Ngôi Lời*, nhờ Ngài mà muôn loài muôn vật được tạo dựng.

Phục Niệm là cách thức để “hồi tưởng” những kinh nghiệm thiêng liêng đã có ở các bài trước. Đối với Thánh I-Nhã vấn đề không phải là “biết nhiều” nhưng là “cảm nghiệm nhiều” (LT 2).

B à i 3



NGUYÊN LÝ & NỀN TẢNG

LT. 23

1. Kinh Thánh : Gl 2,20 và *chú thích e* trong sách Tân Ước của Nhóm Phiên dịch CGKPV.
2. Đạt khung cảnh : nhớ lại hoặc nhìn trong trí tưởng tượng biết bao con người khác nhau đang sống với nhiều lý tưởng khác nhau : chính trị, kinh tế, xã hội... hoặc với nhiều lối sống khác nhau : buông thả, sa đọa, tội lỗi...
3. Xin ơn : xin ơn nhận biết đâu là lý tưởng sống của đời tôi.
4. Phương pháp cầu nguyện :

Cũng dùng phương pháp hình dung. Nhưng với bản văn Nguyên lý Nền tảng (NLNT) trước mặt để thỉnh thoảng đọc đi đọc lại, và từ đó hình dung rồi cầu nguyện tiếp.

Ở mỗi giai đoạn hình dung, dừng lại để tâm sự với Chúa về điều mình “thấy”, đối lại với những điều mình đọc bản văn NLNT.

5. Ghi chú :

Tôi thấy trong đời sống thường ngày có nhiều hình ảnh về các lối sống khác nhau trên thế giới. Tôi có thể sử dụng các hình ảnh ấy để đặt vấn đề với tôi về lối sống của tôi.

Những kinh nghiệm riêng của tôi cũng có thể được sử dụng, để làm nền cho những suy nghĩ của tôi trong bài cầu nguyện này.

CÁC ĐIỂM SUY NIỆM

Điểm I : Bó cục của bản văn

Bản văn gồm có 2 mệnh đề chính được phát biểu ở đoạn văn thứ I :

- Con người được dựng nên để ngợi khen, tôn kính và phụng sự Thiên Chúa, và nhờ đó cứu rỗi linh hồn mình.
- Mọi loài khác dưới đất cũng được tạo dựng cho con người, để giúp họ đạt tới cùng đích Đấng Tạo Hóa đặt cho họ.

Đoạn thứ II là *hệ luận* : (1) sử dụng thụ tạo nếu nó giúp tôi đạt được cứu cánh, (2) và gạt bỏ nếu chúng làm cản trở. Vấn đề đặt ra là *sự phân định* để biết tôi có thể *sử dụng* hay phải *gạt bỏ* ! Mọi sự vật có mục đích giúp tôi đến với Thiên Chúa. Nhưng nó có thể trở thành vật cản làm tôi xa Chúa. Cuộc sống của tôi là sự đấu tranh giữa 2 yếu tố này. Đó là một thực tại chọn lựa tôi phải sống với Chúa trong từng giây từng phút.

Đoạn III của bản văn là *phương pháp* : sự *bình tâm* và *chọn điều tốt hơn* đối với cứu cánh đời tôi. Bình tâm là *một thái độ* tôi phải có. Là sự *tự do nội tâm* đối với mọi thụ tạo, không để mình bị lôi kéo bởi thụ tạo, nhưng làm chủ thụ tạo. Đó là ý nghĩa thứ I của sự bình tâm : tiêu cực.

Bình tâm còn có ý nghĩa thứ II, tích cực hơn : là *chọn lựa điều tốt hơn (magis)* tức ước muốn và lựa chọn cái gì dẫn đưa chúng ta tới cứu cánh của mình *hơn cả*. Sự bình tâm trước sức khỏe/bệnh tật, giàu sang/ngheò khổ, danh vọng/nhục nhã, sống lâu/chết yểu... còn là thái độ tiêu cực. Nhưng thực tế đó là những cái điển hình tôi sẽ gặp trong cuộc sống hàng ngày.

Bình tâm tích cực là *thánh ý Chúa*, cụ thể qua những gì xảy đến cho tôi.

Tiếp thu bản văn : cầu nguyện theo điểm I giúp ta hiểu bản văn ²¹.

²¹ Kinh nghiệm thiêng liêng về NLNT có lẽ đã khởi sự từ khi thánh I-Nhã trở lại trên giường bệnh ở Loyola, hoặc trong thời kỳ ở Manrêsa. Nhưng bản văn này hầu chắc đã được viết theo cách suy nghĩ của thần học kinh viện. Vì thế chúng ta thấy sự mạch lạc của tư tưởng. Từ đó chúng ta phải khám phá ra *những nguyên tắc căn bản* của khoa Tu Đức ở đằng sau bản văn, để không chỉ hiểu bản văn trên bình diện tư tưởng mà thôi. NLNT sẽ là sợi dây xuyên suốt của Linh Đạo I-Nhã trong suốt 4 tuần Linh Thao.

Điểm II : Những sự khác giữa tôi và Thiên Chúa

Tôi đã nhận thức về bản văn như vậy, giờ đây tôi khai triển ở điểm suy niệm II này về những gì hàm chứa trong bản văn.

Tôi thấy ngay giữa tôi và Thiên Chúa có *một thế giới trung gian* : thế giới và những cái xảy ra trong lịch sử đời tôi. Tôi phải vượt qua cái thế giới trung gian này để đến với Thiên Chúa. Đó là thế giới của những sự khác ²²

Vấn đề là : những sự khác trong cái thế giới trung gian đó lại chính là cái làm nên cuộc đời của tôi. Tôi có gia đình, tôi có một tuổi thơ, tôi có của cải, tôi có tình yêu, tôi có cuộc sống cụ thể xung quanh. Vì thế tôi không thể bỏ thế giới đó, vì bỏ nó là bỏ chính cuộc sống của tôi.

Vấn đề thực tế được đặt ra sẽ không phải đơn giản là từ bỏ nó, nhưng là *từ bỏ và hay đảm nhận* nó như thế nào ? Vì thế “từ bỏ” ²³ trong tu đức I-Nhã là một *chiến thuật*, bởi vì tôi không thể sống mà không có thế giới trung gian.

²² Có thể trình bày một cách đơn giản theo đồ hình sau :



²³ Trong tu đức truyền thống, người ta nhấn mạnh nhiều đến việc hy sinh từ bỏ. I-Nhã không đi ra ngoài con đường tu đức đó. Nhưng có lẽ I-Nhã đã trình bày về thụ tạo và thế giới các sự khác một cách khách quan hơn và lạc quan hơn. Vấn đề chính đối với I-Nhã là nhấn mạnh đến Thánh Ý Thiên Chúa hơn là chỉ đơn thuần nói về sự từ bỏ. Điều này có liên quan đến bài cầu nguyện cuối cùng trong khóa LT, đó là bài Chiêm Niệm Đẽ Được Tình Yêu. Trong bài suy niệm về cuộc sáng tạo, đã mạnh mẽ hướng tu đức này.

Mỗi ngày, mỗi tháng, mỗi năm, những sự khác đó đều là khác.

Không ai tắm hai lần trong một dòng sông, Héraclite đã nói như vậy. Đó là cái biện chứng giữa hữu thể (*être-being*) và biến dịch (*devenir-becoming*).

Tôi không tự tại, đứng trơ ra đó, bất biến. Tôi là hữu thể, nhưng đồng thời, tôi cũng là biến dịch. Sự chuyển động qua lại giữa hữu thể và biến dịch làm nên cuộc sống con người.

Tôi luôn gắn vào thế giới bằng cách này hay cách khác, để tôi là tôi, trong lịch sử cụ thể của thế giới. Giữa đời sống tâm linh, hay đời sống thuộc linh với đời sống trong thân xác luôn có *một tương quan biện chứng* với nhau. Con người là con vật ở giữa “con thú” và “thiên thần”. Không phải là nhị nguyên vì nơi con thú cũng có cái gì tốt. Nếu là thiên thần thì tôi lại không còn là con người nữa, vì con người vẫn là thú tính ở một mức độ nào đó.

Karl Rahner : *con người là tinh thần trong thế giới* ²⁴. Hay con người là con vật biết suy nghĩ vì có lý trí (animal rationel).

Theo nhân học triết học (anthropologie philosophique) chính cái cơ cấu của con người đã đặt ra cho tôi vấn đề về nguyên lý và nền tảng, về hướng đi và lẽ sống của con người. Ôn gọi “làm người” đã là lời mời gọi con người sống nguyên lý và nền tảng, chứ không phải là một áp lực tôn giáo bên ngoài nào, hay là một áp lực từ phía Thiên Chúa.

Như thế, trên bình diện con người xác-hồn, NLNT chính là *thiên chức làm người* của tôi.

Điểm III : Hình ảnh về Thiên Chúa nơi tôi

Vậy bản văn NLNT đã giả thiết một điều gì đó về Thiên Chúa không được viết ra ?

²⁴ Xem Karl Rahner : *L'esprit dans le monde*, Luận Án Tiến Sĩ, du Cerf, Paris, 1968. Biện chứng theo Hegel là một cách nhìn độc đáo về sự vật, mặc dù chúng ta vẫn đặt nền trên triết học kinh viện. Biện chứng nói lên khía cạnh chuyển hóa của sự vật, tạo ra cái gì mới

Người thao viên được mời gọi phải có một hình ảnh rõ nét về Thiên Chúa nơi mình. Mỗi người phải suy nghĩ mình đã hình thành “ý niệm” về Thiên Chúa như thế nào? Vị Thiên Chúa được giả thiết trong NLNT là vị Thiên Chúa của Tình Yêu.

Thánh Gioan đã “hình thành” nơi Ngài hình ảnh về Thiên Chúa như sau: “Thiên Chúa là tình yêu, ai ở lại trong tình yêu thì ở lại trong Thiên Chúa và Thiên Chúa ở trong người ấy” (1 Ga 8,16)

Trong bản văn tạo dựng chúng ta biết Thiên Chúa là Đức Chúa của chúng ta, là Chúa Tể của hoàn vũ. Nhưng khi Chúa Giêsu đến, Chúa Giêsu đã mạc khải cho chúng ta biết Thiên Chúa là Cha, và là Thiên Chúa của Tình Yêu: “Không có tình yêu nào cao cả hơn tình yêu của người đã hy sinh tính mạng vì bạn hữu của mình” (Ga 15,13)

Và ở Rm 8,31-32: “Đến như Con Một Thiên Chúa Người chẳng tha, nhưng đã *trao nộp vì yêu thương chúng ta*. Một khi đã ban Người Con đó, lẽ nào Thiên Chúa lại chẳng rộng ban tất cả cho chúng ta”.

Rm 8,35: “Ai có thể tách chúng ta ra khỏi Tình yêu của Thiên Chúa nơi Đức Giêsu Kitô Chúa chúng ta”.

Rm 8,38-39: “Tôi tin chắc rằng cho dầu là sự chết hay sự sống, thiên thần hay ma quỷ, hiện tại hay tương lai, hoặc bất cứ sức mạnh nào, trời cao hay vực thẳm, hay bất cứ loài thụ tạo nào khác, không có gì tách được chúng ta ra khỏi tình yêu của Thiên Chúa, thể hiện nơi Đức Giêsu Kitô, Chúa chúng ta”.

NLNT giả thiết cho ta về Thiên Chúa như vậy, và chỉ có như vậy chúng ta mới chấp nhận được lẽ sống của chúng ta là chính Thiên Chúa. Nếu chúng ta đã tin Thiên Chúa thì NLNT chính là một thực tế trong đời sống đức tin của chúng ta, đàng khác đó là một thực tế đã được mạc khải nơi Đức Kitô. Trái lại, đối với người không tin, thì bản văn này hoàn toàn không có giá trị gì hết.

KẾT LUẬN

Xin Thiên Chúa cho chúng ta biết “đầu tư” tất cả con người của mình để *ngợi khen, tôn kính và phụng sự Thiên Chúa*. Nếu cuộc đời chúng ta chỉ nằm ở về thứ 2 của bản văn, chúng ta có thể chấp nhận được vị Thiên Chúa đó hay không? Thiên Chúa có còn là Thiên Chúa của Tình Yêu nữa hay không? Mỗi người chúng ta sẽ phải xác định cho mình, trong thực tế, tôi đang thờ phượng một vị Thiên Chúa nào:

- Thiên Chúa của thói quen với các sinh hoạt đạo đức hàng ngày?
- Thiên Chúa như người “giữ kho” để tôi xin ơn?
- Thiên Chúa của triết học với các suy luận của tôi về căn nguyên vũ trụ?
- Thiên Chúa của thần học với những tư tưởng cá nhân và chủ quan của tôi?

Nếu chúng ta nhận thức được Thiên Chúa là tình yêu, Người yêu tôi, thì vấn đề của NLNT chỉ đơn giản là: *tôi phải sống mục đích đời tôi là đáp lại tình yêu đó*.

Hai tâm thức được trình bày sau đây sẽ làm sáng tỏ cách sống đạo của tôi liên quan đến NLNT:

NGUỒN GỐC VÀ NỀN TẢNG CUỘC SỐNG CON NGƯỜI

THEO LINH THAO 23

23. NGUYÊN LÝ VÀ NỀN TẢNG

Con người được dựng nên để ngợi khen, tôn kính và phụng sự Thiên Chúa, và nhờ đó cứu rỗi linh hồn mình. Mọi loài khác dưới đất cũng được tạo dựng cho con người, để giúp họ đạt tới cùng đích Đấng Tạo Hóa đặt cho họ.

Bởi thế người ta chỉ được dùng thụ tạo theo mức độ chúng giúp đạt tới cứu cánh và phải gạt bỏ chướng ngại nào chúng làm cản trở.

Do đó, cần phải giữ cho mình được bình tâm²⁵ đối với mọi thụ tạo trong tất cả những gì được theo sự tự do của ta và không bị cám, đến nỗi chúng ta không ước muốn sức khỏe hơn bệnh tật, giàu sang hơn nghèo khổ, danh vọng hơn nhục nhã, sống lâu hơn chết yểu và tương tự thế đối với mọi sự khác, nhưng chỉ ước muốn và lựa chọn cái gì dẫn đưa chúng ta tới cứu cánh của mình hơn cả.

²⁵ Bình tâm (indifferentia) là giữ lòng không nghiêng chiều, cũng không ác cảm đối với điều này hơn điều kia, nhưng hoàn toàn sẵn sàng theo Ý Chúa.

TUẦN LỄ I

B à i 4



TỘI NGUYÊN TỔ (bài 1)

LT. 45-54

1. Kinh Thánh : St 3,1-19.
2. Đặt khung cảnh : dùng chính bản văn trình thuật.
3. Xin ơn : nhận biết tôi là một tội nhân đáng bị luận phạt, nhưng đã được Chúa thứ tha.
4. Phương pháp cầu nguyện : dùng 3 tài năng của linh hồn : trí nhớ, trí hiểu và ý chí.
5. Ghi chú :

Tội lỗi là một mâu nhiệm đã được mạc khải. Mâu nhiệm này liên hệ với mâu nhiệm nhập thể và cứu chuộc. Vì thế các bài suy niệm luôn luôn được đặt trong mối tương quan đó như phần tâm sự ở số 53 sách Linh Thao đã nói : Nhìn lên Chúa Giêsu trên Thánh Giá và tâm sự với Ngài, tôi đã làm gì cho Chúa, tôi đang làm gì cho Chúa, tôi phải làm gì cho Chúa, rồi đọc một kinh Lạy Cha.

Việc suy niệm về tội là để nhận ra bản tính xấu xa của nó, để xa tránh, trước khi suy niệm về tội của chính bản thân người thao viên. Tuy nhiên có thể dùng kinh nghiệm cá nhân về tội, để hiểu rõ hơn sự xấu xa của nó.

CÁC ĐIỂM SUY NIỆM

Điểm I : câu chuyện cây trái cấm

Mạc Khải về tội được trình bày dưới hình thức một câu chuyện mang tính thần thoại : cây trái cấm, cây trường sinh, con rắn, việc ăn trái cây và hậu quả của hành vi ấy. Nhưng sứ điệp của trình thuật rất rõ và thực tế :

1. Con người được đặt trong một vườn hạnh phúc.
2. Con người được hưởng mọi sự trong vườn, ngoại trừ cây ở giữa vườn, ngày nào con người ăn quả của cây ấy, con người sẽ chết.
3. Con rắn được trình bày như tên cám dỗ. Nó tìm cách thuyết phục con người bất tuân giới lệnh của Thiên Chúa bằng cách giải thích giới lệnh đó một cách khác.
4. Con người đã nghe theo con rắn, và có suy nghĩ về giới lệnh của Thiên Chúa, nhưng cuối cùng đã làm trái lệnh Thiên Chúa truyền.
5. Kết quả là ngay tức khắc con người nhận ra tình trạng tội lỗi của mình.

Với những yếu tố trên, câu chuyện có vẻ là một thần thoại, nhưng nội dung của nó không hề có tính thần thoại chút nào. Chỉ có một điều bí ẩn là : tại sao không được phép ăn trái cây đó, phải giải thích lệnh truyền đó như thế nào ?

Thực tế câu chuyện cho thấy con người đã ý thức về lệnh truyền và đã vi phạm lệnh truyền. Như thế tội nguyên tổ là *một thực tại có ý thức của con người*. Thực tại này xảy ra vì con người đã không *tin* lời Thiên Chúa, mà để cho mình bị *mê hoặc* bởi lời của con rắn nói dối. Sự nói dối được Chúa Giêsu giải thích như một sự sát nhân ở Ga 8, 44. Hậu quả của tội là *ngay tức khắc* : con người tự xa lánh Thiên Chúa.

Thiên Chúa chứng nhận sự thất bại của con người, ra án phạt, nhưng vẫn tỏ lòng yêu thương con người, hứa cho con người một dịp đền bù khác ở 3,15 và chăm sóc con người (may áo cho mặc), dù sự khốc liệt của

tội là : đóng cửa thiên đàng ! (3,22-24). Trình thuật cho thấy con người đã “*chấp hành*” án phạt đó, không cưỡng lại án phạt Chúa đã ra.

Điểm II : giới lệnh của Thiên Chúa

Vấn đề chính của câu chuyện là, giữa Thiên Chúa và con người, đã có một giới lệnh. Thiên Chúa là người đã ra lệnh. Và con người đã đón nhận giới lệnh đó không tranh cãi với Thiên Chúa. Chính vì vậy sau khi phạm tội, con người không hề đặt lại vấn đề về giới lệnh !

Đứng trên *bình diện luật pháp* Thiên Chúa hoàn toàn có lý và con người thực sự là người phạm lỗi. Sau khi con người phạm tội, Thiên Chúa rất rõ ràng trong cách xử lý. Và con người cũng rất rõ ràng đón nhận tình trạng tội lỗi đó, do chính con người đã gây ra, mặc dù có biện minh cho hành vi của mình. Con người tỏ ra *thực sự tự do*, trong chính tội lỗi đã phạm.

Vậy phải giải thích giới lệnh đó như thế nào ? Có thể dựa vào chính giới lệnh đó để giải thích : “Các ngươi không được ăn, không được đụng tới, *kéo phải chết*” (3,3). Như vậy rõ ràng là Thiên Chúa muốn con người được sống, vì mọi cây trong vườn con người đều được ăn, chỉ trừ quả cây ở giữa vườn. Vấn đề ăn ở đây không phải là một nhu cầu sống, chỉ là sự thèm muốn. Từ đó ta thấy Thiên Chúa thực sự là Đấng bảo vệ sự sống, và lời phán của Ngài là chân thật, còn Satan là kẻ phá hủy sự sống, lời nói của nó là sự dối trá. Thiên Chúa chân thật trong giới lệnh Ngài ban, cũng như trong cách hành xử của Ngài.

Con người không hiểu được sự *chân thật yêu thương (hesed & emeth)* của Thiên Chúa. Con người đã nghe theo Satan, tưởng rằng mình có thể có sự sống độc lập với Thiên Chúa như Satan đã nói : “Ngày nào ông bà ăn trái ấy, mắt ông bà sẽ mở ra, và ông bà sẽ nên như những vị thần linh, biết điều thiện điều ác”. Con người muốn có một *pháp chế riêng* của mình ngang hàng với Thiên Chúa. Con người không hiểu biết rằng, hay đã quên, sự sống con người lệ thuộc vào Thiên Chúa. Con

người cũng không biết giới lệnh của Thiên Chúa chỉ đơn giản là : *giữ cho con người hiệp thông sự sống* với Thiên Chúa, chứ không hề có sự ích kỷ giới hạn quyền bính từ phía Thiên Chúa như Satan đã nói.

Điểm III : lý do của sự sa ngã

Có thể con người đã không hiểu hết ý nghĩa của giới lệnh Chúa đã ra. Nhưng tại sao con người lại không tham khảo hay đối thoại với Thiên Chúa về giới lệnh này ?

Giữa Thiên Chúa và con người trước khi phạm tội có một tương quan rất tốt đẹp (3,8), nếu cần, tại sao con người không “đổi chất” với Thiên Chúa về giới luật này ? Con người đã tranh luận về giới lệnh với con rắn, nhưng tại sao không “đặt vấn đề” với Thiên Chúa về giới lệnh này một cách thẳng thắn trước mặt Thiên Chúa ? Có thể giải thích con người đã *thiếu tín nhiệm* vào Thiên Chúa, và không đủ *niềm tin* vào tình yêu của Thiên Chúa.

Tình yêu bày tỏ rất rõ nét trong cuộc sáng tạo, khi Thiên Chúa ban cho con người làm bá chủ thụ tạo, và ban tặng cho con người mọi lạc thú ở vườn địa đàng. Các hậu quả của tội lỗi được trình bày trong lời phán quyết của Thiên Chúa cho thấy : một khi không thuộc về Thiên Chúa nữa, (a) Con người đánh mất địa vị làm con : sự sợ hãi là dấu chỉ của những người nô lệ. (b) Cái con người sở hữu trở nên thù nghịch với con người : đất bị nguyên rủa. (c) Con người khổ sở trong lao động, và (d) cuối cùng con người phải chết : con người sẽ trở về đất bụi là cái từ đó, Thiên Chúa đã dựng nên con người.

Tội lỗi được trình bày như một sự *sa ngã* chứ không phải là một sự *phản loạn*, trong khi cách giải thích của con rắn là sự phản loạn, rất phù hợp với giáo lý về sự phản loạn của Lu-xi-phe. Có lẽ vì lý do không nặng nề này của tội nguyên tổ mà ở St 3,15 đã có lời hứa cứu độ. Trình thuật trình bày cho thấy sự công minh rất chính đáng của Thiên Chúa, và vẫn hé mở cho thấy tình yêu thương của Ngài đối với con người.

Cái dáng vẻ thần thoại chỉ nằm ở bình diện văn chương, chứ không nằm ở bình diện tư tưởng.

Hình ảnh về Thiên Chúa rất rõ nét và thống nhất đối với tất cả mạc khải sau này về Thiên Chúa, trong Cựu Ước cũng như trong Tân Ước : một vị Thiên Chúa *tín thành trong lời hứa và kiên trì trong tình yêu (hesed và emeth)*. Một Thiên Chúa vừa công minh chính đại, vừa tràn đầy tình yêu thương tha thứ.

KẾT LUẬN

Từ những điểm suy niệm trên, ta có thể suy nghĩ thêm về con người đã được sáng tạo với đầy đủ tự do như thế nào, điển hình là tự do để phạm tội nghịch lại giới lệnh của Thiên Chúa.

Cũng từ những điểm suy niệm trên, ta có thể thấy sự tự do của Thiên Chúa khi sáng tạo ra vũ trụ và con người : Thiên Chúa không cô đơn trong chính Ngài. Ngài sáng tạo ra vũ trụ và con người là để *chia sẻ* và cho con người *tham dự* vào sự sống của Ngài. Con người thực sự được Thiên Chúa tôn trọng ! Chính trong án phạt Thiên Chúa bày tỏ sự tôn trọng này. Thiên Chúa vẫn “nói chuyện” với con người, hỏi han sự việc, trước khi ra án phạt. Về phía con người, nguyên tổ đã rất thẳng thắn chịu trách nhiệm về hành vi của mình. Con người được tôn trọng vì có tự trọng.

Trình thuật có vẻ đơn sơ, nhưng đã nói lên rất nhiều điều liên hệ rất thực tế đến cuộc sống của chúng ta ngày nay. Tình trạng của thế giới hôm nay đang là một thách đố mới với nhiều thứ cây trái cấm mới, đặt ra cho mỗi người chúng ta.

Mỗi người chúng ta, khi thực tế nhìn vào hoàn cảnh sống của mình, sẽ thấy nhiều thứ thách đố cụ thể, như nguyên tổ xưa đã đứng trước sự thách đố của cây trái cấm. Chỉ khi giữ được mối tương quan *mật thiết* và *tín nhiệm* với Thiên Chúa, chúng ta mới biết được phải làm gì trước một thế giới phức tạp hiện tại.

Tội nguyên tổ không phải là chuyện quá khứ mà là chuyện thời sự đối với mỗi người chúng ta. Chúng ta hãy nài xin Chúa cho chúng ta, đến lượt mình, biết tin cậy nơi Chúa, để thắng vượt được các *khuyh hướng nguyên tội* đang trú ngụ nơi mỗi con người chúng ta.

Kết thúc bài cầu nguyện, chúng ta nhìn lên Chúa Giêsu trên thập giá và tâm sự với Ngài như đã được hướng dẫn trong sách Linh Thao.²⁶

LT 53. Tâm sự :

Tượng tượng đang ở trước mặt Đức Kitô, Chúa chúng ta nằm trên Thánh Giá, tâm sự cùng Ngài, vì đâu Chúa là Đấng Tạo-Hóa, Chúa đã xuống thế làm người, và vì đâu Chúa là Đấng Hằng Sống, Chúa đã chịu chết và chết như thế này vì tội lỗi tôi.

²⁶ **LT 53. Tâm sự :** Tượng tượng đang ở trước mặt Đức Kitô, Chúa chúng ta nằm trên Thánh Giá, tâm sự cùng Ngài, vì đâu Chúa là Đấng Tạo Hóa, Chúa đã xuống thế làm người, và vì đâu Chúa là Đấng Hằng Sống, Chúa đã chịu chết và chết như thế này vì tội lỗi tôi.

Cũng nhìn vào chính mình tôi mà tự hỏi : tôi đã làm gì, tôi đang làm gì và tôi phải làm gì cho Chúa Kitô ; cuối cùng nhìn Chúa treo trên thánh giá như thế và suy ngẫm theo những điều hiện đến trong trí tôi.

LT 54. Tâm sự : chính là nói như một người bạn nói với bạn mình hay như một người đầy tớ nói với chủ mình, khi xin một ơn, khi thú một lỗi, khi tỏ bày việc mình và xin chỉ bảo. Kết thúc bằng một kinh Lạy Cha.

B à i 5



TỘI NGUYÊN TỔ (*bài II*) ²⁷

1. Kinh Thánh : St 4,1-16.
2. Đạt khung cảnh : dùng chính bản văn của trình thuật.
3. Xin ơn : nhận biết tôi là một tội nhân đáng bị luận phạt, nhưng đã được Chúa thứ tha.
4. Phương pháp câu nguyện : dùng 3 tài năng của linh hồn : trí nhớ, trí hiểu và ý chí.

CÁC ĐIỂM SUY NIỆM :

I. Thiên Chúa thiết lập các mối tương quan trong nhân loại :

Kinh Thánh nói : con người biết Evà, vợ mình. Bà thụ thai và sinh ra Cain.

Từ ngữ “biết” ở đây được sử dụng để nói về đời sống vợ chồng. Trong một câu ngắn như trên đã diễn tả những diễn tiến của đời sống hôn nhân và gia đình : biết, thụ thai, sinh con.

²⁷ Tội Nguyên Tổ đã được Chúa Giêsu mặc nhiên nói đến trong Ga 8,44 và thánh Phao-lô minh nhiên khai triển ở Rm 5,12. Tội của Ca-in được trình bày ngay sau trình thuật tội Nguyên Tổ và là chiều kích thứ hai trong đời sống tôn giáo của con người, đó là Tình Yêu Tha Nhân. Điều này tương ứng với giới lệnh kép của Thiên Chúa trong Cựu Ước cũng như trong Tân Ước : Yêu Chúa hết lòng hết trí khôn và yêu tha nhân như chính mình.

Như vậy Thiên Chúa đã thiết lập nên mối tương quan vợ chồng. Mối tương quan đó được hiểu là lành thánh, theo kế hoạch của Thiên Chúa²⁸. Chính trong sự tương quan thân thiết này, làm nên đời sống đôi bạn, nền tảng của đời sống gia đình. Và kết quả là : tình yêu đã làm “sinh ra” một thụ tạo mới ngang hàng với con người, đó là người con.

Kinh Thánh diễn tả sự kỳ diệu của mối tương quan này bằng tiếng reo vui của Evà : nhờ ơn Chúa tôi đã (tậu) được một con người. Như vậy không những Thiên Chúa đã thiết lập nên tình yêu vợ chồng, như đã có từ đầu của cuộc tạo dựng : “đây là xương từ xương tôi, thịt từ thịt tôi”, mà ngay cả sau khi đã sa ngã, tương quan đó vẫn còn được tiếp tục, vẫn được Thiên Chúa chúc phúc.

Và cuộc sáng tạo tiếp diễn : Thiên Chúa tạo dựng nên mối tương quan cha mẹ con cái.

Văn chương VN nói : “sinh con rồi mới sinh cha, sinh cháu giữ nhà rồi mới sinh ông”. Trong đời sống nhân loại, những người sống đời sống gia đình có được kinh nghiệm này : vì có người con, họ trở thành người cha, người mẹ. Họ cảm thấy con cái thật sự là một hồng ân của Thiên Chúa²⁹.

Cái reo vui của Evà, nếu ta đặt ra trong bối cảnh đầu tiên của nhân loại, ta sẽ thấy đó là *sự ngỡ ngàng tốt cùng* của sáng tạo. Thiên Chúa đã làm như vậy : một con người, một thụ tạo có thể “sáng tạo” ra một con người khác, không hề khác với con người đầu tiên, một người đàn ông thứ hai sau Adam.

²⁸ Giáo lý xưa thường hiểu mối tương quan vợ chồng là “được phép” hay/và là “bổn phận”. Nhân quan Do thái giáo cũng có phần nghĩ như vậy, vì thế sau khi sinh con, người phụ nữ phải làm lễ “thanh tẩy” ở đền thờ, như chúng ta thấy trong phúc âm Luca. Chính Đức Maria cũng đã giữ luật này (x. Lc 2,22 và Lv 12,1-8).

²⁹ Những người hiếm muộn, sẽ cảm thấy kinh nghiệm đau thương khi không có con cái

Chưa hết, Thiên Chúa không những đã thiết lập nên mối tương quan cha mẹ, con cái, Thiên Chúa còn thiết lập nên mối tương quan huynh đệ anh em. Vì thế bản văn viết: bà còn sinh ra em nó là Aben (thay vì nói : bà còn sinh một người con nữa là Aben).

Kinh Thánh đã cẩn thận nói ra sự kiện này, để cho thấy, *tình anh em* là một chiều kích khác nữa của cuộc sáng tạo. Chính ở điểm đặc biệt này mà ta hiểu được giới răn của Thiên Chúa về hai chiều kích tôn giáo của con người : “Yêu mến Thiên Chúa hết linh hồn, hết trí khôn và yêu tha nhân như chính mình”.

II. Một cái nhìn lệch lạc về tha nhân :

Thế nhưng con người đã không nhìn tha nhân như người anh em của mình. Tha nhân là cái giới hạn của tôi.

J. Paul Sartre nói : tha nhân là hỏa ngục. J. Paul Sartre là một triết gia vô thần. Ông không hiểu đúng ý nghĩa của cuộc sáng tạo theo Kinh Thánh cho nên ông nói : nếu có Thiên Chúa thì hiện hữu của tôi là một sự dư thừa, từ đó ông chối từ Thiên Chúa, và từ chối tha nhân, vì tha nhân là giới hạn hiện hữu của tôi ³⁰.

Ngày nay người ta cũng hiểu sai lệch về tha nhân như vậy và hơn nữa, quyền lợi của người khác là vi phạm quyền lợi của tôi. Con người có khuynh hướng độc chiếm quyền lợi cho mình, cả trong lãnh vực sinh hoạt tôn giáo. Thái độ như vậy chính là thái độ của Cain đối với Aben.

³⁰ Quan niệm hiện hữu của J. Paul Sartre theo chủ nghĩa hiện sinh là một quan điểm nhấn mạnh quá đáng của hiện hữu cá nhân. Hiện sinh vô thần theo J. Paul Sartre phủ nhận Thiên Chúa và tha nhân, trong khi hiện sinh nhân bản của Gabriel Marcel lại định nghĩa hiện hữu là *sống với*. J. Paul Sartre là một triết gia tiêu biểu cho cái nhìn lệch lạc về tha nhân, và bi quan về tình yêu. Tình yêu là cái không thể thành công được trong thế giới loài người (xem J. Paul Sartre, *Les jeux sont faits*, Gallimard, Paris, 1996 : *Sự đã rồi*. Tiểu thuyết)

Ông cho rằng sự hiện hữu của Aben là đã giới hạn tình yêu của Thiên Chúa dành cho ông, con người đầu tiên từ con người, nên ông đã coi việc Thiên Chúa nhận của lễ của Aben là bằng chứng cho cái giới hạn do sự hiện hữu của tha nhân đã gây nên, vì thế ông đã bày tỏ khuyh hướng độc chiếm đó bằng cách giết chết em của mình. Ông chưa nhận ra ý nghĩa của tình huynh đệ Thiên Chúa đã thiết lập nên.

Ông không nhận ra Aben em ông là *quà tặng* Thiên Chúa dành cho mình, để sống hạnh phúc với tình huynh đệ Chúa ban. Ông lại ghen tương (có thể tạm giải thích như vậy) và lợi dụng tình anh em (khi ông rú Aben ra đồng, và Aben nghĩ rằng anh mình rú mình đi chơi) để thủ tiêu em.

Chỉ khi đã “giết chết tình huynh đệ” Cain mới nhận ra đó là một tội lớn, mặc dù Thiên Chúa đã cảnh báo trước (St 4,6-7 : Hà có chi...). Vì thế ông sợ, muốn lánh mặt Thiên Chúa ³¹.

III. Sa ngã và hướng giải quyết của Thiên Chúa :

Sự sa ngã của Cain đã làm cho ông trở nên kẻ cô đơn. Ông nói : “Tội vạ tôi quá lớn làm sao mang nổi. Đây hôm nay Ngài xua đuổi con khỏi mặt đất. Con sẽ phải trốn tránh để khỏi gặp mặt Ngài, sẽ phải lang thang phiêu bạt trên đất, và bất cứ ai gặp con, sẽ giết con”.

Chúng ta nhận ra ngay điều này : tội nguyên tổ I đã làm cho con người, sau khi phạm tội, phải xa lánh Thiên Chúa. Tội nguyên tổ II cũng vậy, tội từ khước anh em cũng làm cho con người gánh chịu một án phạt như vậy ³².

³¹ Một yếu tố khác đáng chú ý của trình thuật là ở St 4,9. Khi Thiên Chúa hỏi Ca-in về A-ben, ông đã “nói dối” và phủ nhận trách nhiệm anh em với A-ben. Chúng ta liên tưởng đến sự nói dối của Satan ở trình thuật trước và cũng liên tưởng đến điều Chúa Giêsu nói ở Ga 8,44 : nói dối và sát nhân đi liền với nhau

³² Đây chỉ là cách nói “tiện dụng” chứ không phải “thần học”. Trong thần học, khi nói về tội nguyên tổ, chỉ ám chỉ đến trình thuật “cây trái

Hơn nữa, tội nguyên tổ II này còn làm cho con người không còn lưu lại được với tha nhân nữa : “bất cứ ai gặp con sẽ giết con”. Đúng là tha nhân đã trở thành giới hạn của tôi, tha nhân là hỏa ngục của tôi theo cách suy nghĩ của J. Paul Sartre. Và đó là thảm trạng của thế giới hôm nay.

Kinh tế thị trường, cạnh tranh là để tiến bộ. Nhưng cạnh tranh đôi lúc là sự hủy diệt tha nhân, hủy diệt người khác để độc chiếm quyền lợi cho mình. Giá trị cuộc sống không còn là chia sẻ sự sống của Thiên Chúa, mà là bãi chiến trường của quyền lợi. Ngay trong Giáo Hội, trong cộng đoàn, trong một dòng tu cũng có thể có bãi chiến trường này.

Tội nguyên tổ II về những lỗi phạm đến tha nhân là một nguồn gốc sự dữ đáng sợ trong đời sống con người hôm nay. Thế nhưng Thiên Chúa vẫn luôn luôn là Thiên Chúa của ân nghĩa và lòng thành tín, nên Thiên Chúa đã nói với Cain : (a) Thiên Chúa vẫn bảo vệ sự sống của Cain (St 4,15a : báo thù 7 lần). (b) Thiên Chúa vẫn tiếp tục bảo vệ tình huynh đệ (St 4,15b : Thiên Chúa đánh dấu trên trán Cain). Trong ý định của Thiên Chúa, không có việc “xử tội” kẻ sát nhân bằng một án phạt sát nhân khác³³. Đây là một điểm mạt khải đáng chú ý.

KẾT LUẬN

Một lần nữa, tôi thấy cái lý do rất thầm kín trong con người, là ai cũng muốn độc chiếm quyền lợi cho mình, ngay cả đó là tình cảm thiêng liêng về Thiên Chúa nữa. Cain muốn độc chiếm Thiên Chúa cho ông,

cầm”.

³³ Giới răn thứ năm chớ giết người không phải chỉ một chiều, mà còn bao hàm chiều ngược lại. Thiết tưởng không thể xử tội giết người bằng một án phạt cũng là “giết người” được hợp thức hóa theo pháp luật. Ngày nay, nhiều quốc gia đang có khuynh hướng bỏ án tử hình. Chắc chắn Giáo Hội cũng mong đợi như vậy. Nhưng đứng trước tình trạng “khó xử” ngày nay trong trật tự xã hội, Giáo Hội không thể có tiếng nói rõ ràng ngay từ bây giờ về vấn đề này. Dù sao Đức Gio-an Phao-lô II cũng đã phát động một nền văn minh tình thương, đối lại với nền văn hoá của sự chết

nhưng ông không biết rằng khi làm như vậy, ông đã đánh mất Thiên Chúa.

Chính vì tội nguyên tổ vi phạm đến tình huynh đệ đó, nên Chúa Giêsu đã phải chết trên thập giá. Cây gỗ của thập giá không những có chiều dọc, giao hòa con người với Thiên Chúa (tội nguyên tổ bài I) mà cây gỗ đó còn có chiều ngang để giao hòa con người với nhau (tội nguyên tổ bài II).

Thánh Ga 11,51-52 : không những Chúa Giêsu chết cho dân, mà còn để qui tụ các con cái Thiên Chúa đang tản mát khắp các nơi về một mối. Không chỉ cứu *mỗi người* mà còn qui tụ *mọi người*.

Một lần nữa nhìn lên Chúa Giêsu trên thập giá, chúng ta cũng hỏi lại : Con đã làm gì cho Chúa ? Con đang làm gì cho Chúa ? Con sẽ làm gì cho Chúa ?

Suy nghĩ để xem những gì cảm nghiệm thấy trong tâm hồn và thưa chuyện với Chúa.

B à i 6



CỎ LÒNG TRONG RUỘNG LÚA

1. Kinh Thánh : Mt 13,24-30.
2. Đặt khung cảnh : dùng chính bản văn trình thuật.
3. Xin ơn : nhận biết tôi là một tội nhân đáng bị luận phạt, nhưng đã được Chúa thứ tha.
4. Phương pháp câu nguyện : dùng 3 tài năng của linh hồn : trí nhớ, trí hiểu và ý chí.

CÁC ĐIỂM SUY NIỆM

Điểm I : Môi sinh và tội trong thế giới.

Ngày nay, người ta nói nhiều về môi sinh, môi trường (*Ecology*). Người ta bảo vệ môi sinh ở nhiều lãnh vực khác nhau : khỏi sự độc hại hoặc khỏi sự diệt chủng của một loài động vật nào đó.

Sở dĩ như vậy vì người ta thấy các sinh vật trên mặt đất, một khi nó có mặt nó đều có *lý do tồn tại* của nó (*la raison d'être*). Nên sự hủy hoại của một loài sinh vật sẽ làm phát sinh một sự *mất quân bình sinh thái*, một sự lệch lạc nào đó liên hệ đến sự sống của các sinh vật khác.

Ở trong Giáo Hội ngày nay người ta cũng nói nhiều đến *tội tập thể* : đó là các cơ cấu bất công trong xã hội, sự chênh lệch giàu nghèo, sự phân phối không đồng đều của cải. Nhất là *bầu khí tội lỗi trong thế giới* : cơ cấu gia đình bị tan rã, khế ước hôn nhân bị đe dọa, việc ngừa thai và phá thai đã thành tổ chức, tự do luyện ái và quyền bất khả xâm phạm của nó đã làm cho *chiều kích xã hội của tội* gia tăng.

Câu chuyện cỏ lùng trong ruộng lúa là tình trạng đó của thế giới hôm nay. Trong cuộc sáng tạo ban đầu, ông chủ đã gieo giống tốt. Nhưng thế giới này đang có *hiện tượng bị ô nhiễm*.

Thế giới có vẻ như đã đánh mất đi vẻ thánh thiện ban đầu (xem Kh 2,4). Không còn những *giá trị nhân bản* được đề cao : lòng quảng đại, hy sinh, sự liêm chính, công bằng, phẩm giá con người... Người ta đi đến *cơ cấu xã hội pháp trị*, nhưng không có một nền *giáo dục nhân bản nhân vị*. Có một cái gì đó *không ổn* trong cộng đồng nhân loại. Có một cái gì đó đang đi *lạc hướng* trong thế giới loài người.

Phim ảnh bạo lực đang đầu độc giới trẻ. Ở bên Mỹ và một số quốc gia Âu Châu người ta đang đòi hỏi quyền lợi cho những người đồng tính luyến ái, điều ghê tởm thánh Phaolô đã nói ở chương đầu thư Rôma.

Các linh mục ở nhiều nơi được coi như một nghề nghiệp (*job*), đánh mất chiều kích linh thánh, chiều kích bí tích của thiên chức linh mục là được kết hợp với Chúa Kitô, nên một với Ngài để đem ơn cứu độ cho con người.

Các cộng đoàn công giáo VN lợi dụng tự do để kiện cáo tố giác các linh mục với tòa giám mục, họ không hiểu giáo hội là *phẩm trật* và *kế vị* các thánh tông đồ.

Ngay tại nước Mỹ, có những nhóm người sử dụng báo chí để mạ ly nhau công khai, làm mất danh dự người khác. Tuy có luật lệ, nhưng phải có tiền mới bảo vệ được danh dự.

Tình trạng đô thị hóa ở VN cũng đang dần dẫn đến hiện tượng cỏ lùng trong xã hội.

Các linh mục cũng dựa thế lực này, thế lực kia để ở lại vị trí nhiệm sở mình muốn. Việc cất đặt giám mục ở VN *đôi khi* gặp khó khăn từ phía nội bộ Giáo Hội hơn là ở bên ngoài.

Điểm II : Hiện tượng cỏ lòng trong đời sống của tôi (Rm 7,14-25)

Môi trường sống đang ảnh hưởng đến tôi. Có nhiều điều xã hội đã làm cho tôi thấy được là như vậy. Thánh Phaolô nói về điều này trong Rm 7,14-25 : điều tốt tôi muốn tôi lại không làm, điều xấu tôi không muốn tôi lại làm. Khi muốn làm điều tốt thì tôi lại thấy điều xấu ở vừa tầm tay tôi hơn.

Có *những tội nho nhỏ* trong đời sống đang nuôi cỏ lòng lớn lên trong tôi. Lòng kiêu ngạo, sự tự ái không được kiểm tra và cứ lớn dần lên trong tôi theo tuổi tác. Các *vướng mắc tình cảm* nhỏ, những ham thích của cái, hay một đời sống thiếu tinh thần khó nghèo, đang thúc đẩy tôi đi tìm tiện nghi.

Tôi cũng đang tiến dần đến đời sống hưởng thụ và đi vào quỹ đạo của thế giới tiêu thụ. Sự lười biếng bắt đầu từ cái *remote* của máy tivi, đến những phương tiện nghỉ ngơi nuông chiều thân xác. Sở thích tự nhiên muốn quen với những người có máu mặt, để tôi được an toàn và làm tôi xa lánh người nghèo, đánh mất lòng xót thương, mối phúc của Tin Mừng. Một cách chung, có một *khuyh hướng nguyên tội* trong tôi và chủ yếu có liên quan đến tính xác thịt của tôi. Sự nóng giận không đơn thuần chỉ là một phản ứng của tính tình. Nó là một dấu hiệu của một cái gì khác nữa, *một cái gì chưa thỏa mãn* trong thân xác, hay là một hình thức đàn áp nơi tôi³⁴.

Nơi mỗi một con người, ngay cả với những người có những phẩm tính cao cả, vẫn có một cái gì đó thuộc *tính xác thịt* làm cho con người của họ có một sự lệch lạc nào đó. Sự lệch lạc đó dường như *ăn rễ sâu trong bản tính* của mỗi người, đến mức độ người khác có thể nhận ra sự lệch lạc đó. Đó là cái *giới hạn cuối cùng* của mỗi nhân cách, đến mức độ chính bản thân người ấy không dám nhìn vào sự thật của mình và người

³⁴ Trong tâm lý học người ta nói đến cái *libido* (khuyh hướng dục tính) hay/và cái *thanatos* (bản năng gây hấn và hủy diệt).

khác không dám nói đụng tới. Đôi khi chính đương sự không thấy cần thiết phải thay đổi và người khác càng nghĩ rằng không đổi được.

Ngoài sự lạch lạch “biểu lộ” ra bên ngoài như trên còn có “những lạch lạch kín ẩn” của vô thức nữa. Đó là những tội lỗi thầm kín mà Tv 50 đã nói tới. Như thế Rm 7,14-25 đã phanh phui giúp tôi cái *hiện tượng cổ lòng* đáng ghét đó trong con người của tôi.

Điểm III : Giải pháp (Rm 8,5-12 ; 1 Ga 2,15-17)

Các điều đã nói ở trên dẫn tôi đến nhận định sau : *tôi cần Chúa Giêsu*. Không ai có thể giải thoát tôi khỏi thân phận tội lỗi ngoài Đức Giêsu Kitô. Thánh Phaolô đã nói như vậy ở Rm 7,25 : “Tạ ơn Thiên Chúa, nhờ Đức Giêsu Kitô, Chúa chúng ta”. Và Ngài khai triển về giải pháp này ở Rm 8,5-12 : Nhờ Đức Giêsu Kitô, như ta vừa nghe, chính là nhờ Thánh Thần của Ngài.

Đời sống mới của chúng ta là *đời sống trong Chúa Thánh Linh*. Nhờ Chúa Thánh Linh, chúng ta được làm con Thiên Chúa và kêu lên : Abba ! (Rm 8,15)

Chúng ta có các quyết tâm : tốt. Nhưng đời sống thiêng liêng không phải là duy ý chí (*volontarisme*). Đời sống thiêng liêng là *đời sống ân sủng*, tôi sống nhờ ân sủng Chúa, vì ân sủng đó do Thánh Linh ban cho tôi, vì Thánh Linh ở trong tôi. Tin Chúa Giêsu và nhận ơn cứu độ của Chúa Giêsu là đón nhận Chúa Thánh Linh, để Chúa Thánh Linh hoạt động trong tôi. Sự sống mới của Chúa Kitô ban cho chúng ta chính là sự sống của Chúa Thánh Linh.

Ta có thể có một cái nhìn tổng hợp như sau : trong sáng tạo Thiên Chúa đã ban Thánh Linh (sáng tạo I) ; trong cứu chuộc, Thiên Chúa cũng ban Thánh Linh (tân sáng tạo)³⁵.

³⁵ Trình thuật Sáng thế đã nói về Thánh Linh cả ở trình thuật I lẫn trình thuật II (khí được thổi vào mũi Ađam). Chúa Kitô Phục Sinh đã “hà hơi” trên các thánh Tông Đồ vào ngày đầu tiên Ngài tỏ mình ra cho các ông (Ga 20,21-23). Ôn cứu độ đồng nghĩa với sự *tha tội và đón nhận Thánh*

B à i 7



BÍ TÍCH HÒA GIẢI

1. Kinh Thánh : Ga 20,21-23 ; Mt 18,18
2. Đạt khung cảnh : dùng chính bản văn trình thuật, bối cảnh của việc Chúa Kitô phục sinh hạ hoi ban Thánh Thần cho các Thánh Tông Đồ.
3. Xin ơn : nhận biết tôi là một tội nhân đáng bị luận phạt, nhưng đã được Chúa thứ tha.
4. Phương pháp cầu nguyện : dùng 3 tài năng của linh hồn : trí nhớ, trí hiểu và ý chí.

CÁC ĐIỂM SUY NIỆM :

Điểm I : Bí tích của tình yêu tha thứ

Thánh Têrêsa gọi đó là tình yêu thương xót của Thiên Chúa (*Amour miséricordieux*). Ý niệm về lòng thương xót có lẽ là một ý niệm chi áp dụng được cho Thiên Chúa. Thương xót, một cách nào đó liên hệ đến sự “tội nghiệp”, nghĩa là một cái gì từ trên ban xuống. Con người cần “lòng thương xót” của Thiên Chúa, vì con người thật “tội nghiệp”.

Đây cũng là một nét chính về dung mạo Thiên Chúa được mạc khải cả trong Cựu Ước lẫn Tân Ước. Có nhiều đoạn Kinh Thánh trong Cựu Ước nói về tình yêu tha thứ này, mặc dù Cựu Ước có hình ảnh của một vị Thiên Chúa công chính, phạt đời con đời cháu.

Nhưng hình ảnh Thiên Chúa tha thứ vẫn rõ nét hơn. Tv 50 sẽ cho thấy rõ điều này : của lễ con dâng là tấm lòng tan nát khiêm cung. Hình ảnh về một Thiên Chúa của lòng thương xót và tha thứ có lẽ là hình ảnh

duy nhất có trong Kitô giáo mà thôi, như đã khởi sự trong Cựu Ước (xem Is 55,6-9 ; Gr 3,14-17 ; Gn 3,2-10 ; Hs 2,16-25).

Ở Tân Ước giáo lý của Chúa Giêsu hết sức hiển nhiên về tình yêu tha thứ này. Chúa Giêsu còn dùng lý luận để thuyết phục các thánh giả của Ngài tin ở tình yêu tha thứ của Thiên Chúa cũng như tình yêu quan phòng chăm sóc của Thiên Chúa là Cha (xem Lc 7,36-50 ; 15,1-7.8-10.11-32 ; 23,39-43 ; Ga 8,2-11 ; Lc 12,22-32). Chúa Giêsu và Phêrô : tha thứ 70 lần 7 và dụ ngôn về lòng thương xót sau đó (Mt 18,21-35).

Thiên Chúa không chỉ “quyền năng” trong sáng tạo. Thiên Chúa còn vô cùng “quyền năng” với lòng thương xót thứ tha³⁷.

Điểm II : Bí tích hòa giải và thập giá

Người tín hữu ít được dạy dỗ để biết bí tích hòa giải chính là ơn tha tội của hy lễ thập giá. Bí tích hòa giải là kết quả tất nhiên của ơn cứu độ nhờ sự chết của Chúa Giêsu. Có thể thấy điều này ngay trong lời xá giải của linh mục với hối nhân như sau :

- Lời công bố : Thiên Chúa là Cha hay thương xót đã dùng sự chết và sống lại của Con Chúa mà giao hòa thế gian với Thiên Chúa và đã ban Thánh Thần để tha tội.
- Lời nguyện : Xin Người dùng thừa tác vụ của Hội Thánh mà ban cho con ơn tha thứ và bình an.
- Lời áp dụng : Vậy Cha tha tội cho con, nhân danh Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần³⁸.

³⁷ Cái “tội hại” nhất của con người là thiếu khả năng tha thứ, ngay cả việc tha thứ cho chính bản thân mình. Vì thế, Chúa Giêsu mới đưa ra giáo lý “tha thứ để được thứ tha” (Kinh Lạy Cha : Mt 6,9-15 ; Mc 11,25). Chúa Giêsu coi trọng việc tha thứ hơn cả việc dâng của lễ (Mt 5,23-25).

³⁸ Lưu ý : trong tất cả các bí tích, yếu tố “thành sự” là do quyền năng của Chúa Thánh Thần, khi “công thức” được đọc đúng cách.

Quyền tha tội này trước hết đã được ban cho Phêrô ở Mt 16,18-19 và sau khi phục sinh đã ban cho tất cả các thánh tông đồ ở Ga 20,21-23. Sự tha tội, theo Kinh Thánh, cũng như trong công thức xá tội, là nhờ *quyền năng của Thánh Thần*, sự sống của Thiên Chúa. Vì mỗi khi phạm tội, thì theo giáo lý, con người đã chết, cần được Thánh Thần phục hồi sự sống. Thánh Thần ấy chỉ được ban khi Chúa Giêsu ngang qua tử nạn để về cùng Cha.

Ga 16,7-11 : “Thầy ra đi thì có lợi cho anh em. Thật vậy, nếu Thầy không ra đi, Đấng Bảo trợ sẽ không đến với anh em. Nhưng nếu Thầy đi, Thầy sẽ sai Đấng ấy đến với anh em. Khi Người đến, Người sẽ chứng minh rằng thế gian sai lầm. Về tội, vì chúng không tin vào Thầy. Về sự công chính, vì Thầy đến cùng Chúa Cha. Về sự xét xử, vì thủ lãnh của thế gian này đã bị xét xử rồi”³⁹. Trong câu nói khó hiểu này, chúng ta có thể hình dung được vai trò chính yếu của Chúa Thánh Thần là *làm chứng hay/và xét xử về sự thật*. Việc *trục xuất* quyền lực của Satan mà Chúa Giêsu gọi là thủ lãnh của thế gian này là *điều đương nhiên* của việc xét xử, vì Satan là kẻ gian dối (Ga 8,44). Còn sự thật là ở Lời Chúa Giêsu (Ga 8,45). Như vậy vai trò *làm chứng về sự thật* đi liền với vai trò *xét xử*. Cả hai yếu tố này hàm chứa trong bí tích hòa giải.

³⁹ Thật ra quyền xét xử đã được ban cho Chúa Con, ngay khi Ngài đến trong thế gian này, và vào ngày Ngài trở lại vinh quang với tư cách là Con Người. Nhưng trong thời đại “ở giữa” mọi hoạt động cứu độ đều do quyền năng của Thánh Thần. Ga 5,22 : “Quả thật, Chúa Cha không xét xử một ai, nhưng đã ban cho Người Con mọi quyền xét xử”. Ga 3,18 : “Ai tin vào Con của Người thì không bị lên án ; nhưng kẻ không tin thì bị lên án rồi”. Ga 5,26-27 : “Chúa Cha có sự sống nơi mình thế nào, thì cũng ban cho Người Con được có sự sống nơi mình như vậy, lại ban cho Người Con quyền xét xử, vì Người Con là Con Người”. Như vậy án phạt đã có khi không tin Người Con. Nhưng để thực thi án phạt đó, thì còn phải chờ đến ngày cánh chung, khi Người Con trở lại với tư cách là Con Người, để phán xét kẻ sống kẻ chết.

Vị linh mục được quyền “tài phán” theo ơn Chúa Giêsu đã ban cho các thánh tông đồ. Khi đọc lời xá giải như vậy, vị linh mục *nhân danh năng quyền tha tội* đã được ban cho mình với tư cách của chức thánh “*in persona Christi*” Nghĩa là “áp dụng” ơn tha thứ của mầu nhiệm thập giá cho hối nhân.

Điểm III : Các điều kiện để nhận bí tích hòa giải

Giáo lý : 1. *xét mình.*

2. *ăn năn dốc lòng chừa.*

3. *xung tội.*

4. *đền tội.*

1. Xét mình :

Tội với Chúa : Tin, Cây, Mến.

Tội với tha nhân : công bằng, bác ái ⁴⁰.

Tội với bản thân : *khuyh hướng nguyên tội* nơi tôi và các tội liên quan đến đời sống bản thân.

2. Ăn năn dốc lòng chừa :

Ăn năn tội cách trọn.

Ăn năn tội cách chẳng trọn.

3. Xung tội : theo nguyên tắc, chỉ xung các tội trọng. Trong thực tế, xung hết mọi tội.

⁴⁰ Nên lưu ý: vị linh mục phải rất “thẳng thắn” khi nói về đức công bằng với hối nhân. Mọi tội liên quan đến đức công bằng đều phải “đền bù”. Vị linh mục không có quyền tha những gì liên quan đến đức công bằng vì nó đụng đến quyền lợi của người khác. Phải nói chuyện với hối nhân về *cách thức đền bù*. Chính Chúa Giêsu đã từ chối việc phân xử liên quan đến vấn đề tiền bạc của người khác, và Ngài đã cảnh báo phải coi chừng về sự tham lam (xem Lc 12,13-15). Về các tội liên quan đến đức ái, có thể xem 1 Cr 13,4-7.

Vấn đề : lưu ý đến con người của mình hơn.

Tội : đã không sống xứng đáng làm con Chúa, không phải chỉ có 10 giới răn Đức Chúa Trời, 6 điều luật Hội Thánh, mà cả những bất toàn trong đời sống.

Ngày nay, xưng tội là một *cuộc đối thoại thiêng liêng*, từ đó hối nhân được giúp đỡ để *nên thánh* chứ không phải *chỉ để sạch tội*.

Việc *thánh hóa bản thân* phải đi qua 3 giai đoạn của đời sống thiêng liêng như sau :

- 1/ thanh luyện (*purification*)
- 2/ quang khải (*illumination*)
- 3/ kết hiệp (*communion*)

Một khi đã qua 3 giai đoạn đó, sẽ đến giai đoạn cuối cùng là hưởng kiến (*vision béatifique*), hoặc ở đời này qua những “*thị kiến*” như trong trường hợp các thánh, hoặc ở đời sau trên Thiên Quốc ⁴¹.

⁴¹ Theo khoa tu đức truyền thống, thì có ba bước : bước đường thanh luyện (voie purgative - purgative way), bước đường quang khải (voie illuminative - illuminative way), bước đường kết hiệp (voie unitive - unitive way). Hưởng kiến là giai đoạn ở trên Thiên Quốc. Thật ra khi được thanh luyện khỏi tội, người thao viên đã được dẫn đến việc kết hiệp với Chúa rồi, và được nên một với Ngài một cách nào đó. Khi được “soi sáng” (quang khải) là đã có kết hiệp rồi (communion) : đồng tâm nhất trí là hai phạm trù thường đi đôi với nhau. Chính vì vậy, nhờ đời sống *sạch tội* và luôn ở *trong ơn thánh* mà các thánh đã có được các thị kiến ngay ở đời này : Thánh Phaolô được ngất trí lên tầng trời thứ ba (1 Cr 12,1-5) ; Thánh Phanxicô Assisi được gặp Chúa trên đường đi ; Thánh Inhaxiô Loyola có thị kiến về Chúa Ba Ngôi bên bờ sông Cardoner ở Manrêsa, và thị kiến La Storta ở Rôma về Chúa Giêsu vác thập giá. Khi sạch tội hoàn toàn, tội trọng và tội nhẹ, là đã được hiệp thông bằng con tim rồi, hay bằng cả con người với Thiên Chúa. Hưởng kiến là điều “tất yếu” theo ý định của Thiên Chúa, *có thể có* ở đời này và chắc chắn ở đời sau. Mt 5,8 : “Phúc thay ai có tâm hồn trong sạch, vì họ sẽ được *nhìn thấy* Thiên Chúa”.

Thanh luyện để được sống trong ánh sáng và được kết hiệp với Chúa (*communion: kết hiệp- hiệp lễ-rước lễ*). Vì thế mới có luật là phải sạch tội mới được rước lễ. Vì rước lễ là hiệp thông với Chúa Giêsu.

Tuy nhiên việc xưng tội không phải là con đường duy nhất để được tha thứ. Khi có trở ngại, có con đường khác : lòng sám hối chân thành, ăn năn tội cách trọn⁴².

Các quy định của Giáo Hội liên quan đến việc xá giải là những kinh nghiệm thực tế có ích cho hối nhân, chứ không phải là những việc làm có tính bùa phép.

Như vậy người kitô hữu cần *sống bí tích hòa giải* hơn là chỉ đơn giản *đi xưng tội*. Trong thực tế, việc xưng tội của chúng ta còn máy móc, chưa đúng thật với ý nghĩa của bí tích hòa giải. Ngay cả các linh mục tu sĩ đôi khi vẫn còn xưng tội một cách máy móc như vậy. Vấn đề là *mối tương quan (relationship)* thiết lập giữa ta với Thiên Chúa.

Bí tích hòa giải phải là *phương tiện giúp ta nên thánh* chứ không phải chỉ giúp ta *giải tỏa tình trạng tội lỗi* của chúng ta. Vấn đề không phải là nhiều tội hay ít tội mà là *thái độ* của ta đối với Thiên Chúa, *đo lường tình yêu* của ta đối với Thiên Chúa và đối với tha nhân. Vì thế *cách thức xưng tội* rất quan trọng. Một hối nhân thật xưng tội khác với một người xưng tội một cách máy móc (con đã... là vì...). Lòng khiêm tốn của người thu thuế có lẽ là hình ảnh tiêu biểu (*typologie*) Chúa Giêsu dạy ta về bí tích hòa giải (xem Lc 18,9-14). Nếu ta luôn ở trong tình trạng hối cải, Thiên Chúa luôn luôn tha thứ cho chúng ta.

4. Đền tội :

⁴² Như trong các trường hợp nguy tử. Giáo lý về ăn năn tội cách trọn cho thấy lòng nhân từ bao la của Thiên Chúa. Các quy định của Giáo Hội về các hoàn cảnh nguy tử cho thấy ơn cứu độ phổ quát được áp dụng cho tất cả mọi người.

Việc đền tội hiện tại thường có tính tượng trưng hơn là đền tội theo đúng nghĩa của luật pháp. Việc đền tội này là để hối nhân kết hiệp với Chúa Giêsu trong cuộc khổ nạn.

Chính ơn tha thứ đã có rồi, và sự đền tội đã có rồi nơi cái chết của Chúa Giêsu. Nhưng hiệp thông với cuộc khổ nạn của Chúa Giêsu qua việc đền tội là cách thức để hối nhân được nên công chính nhờ cái chết cứu độ đó.

Giáo lý về đền tội liên quan đến giáo lý về luyện ngục cũng như về các ân xá. Đền tội là cách thức cụ thể *hoàn tất* việc đón nhận ơn tha tội.

Lời khuyên : Nên suy nghĩ xét mình về *khuyh hướng nguyên tội* và các *mối tội đầu* nơi mình, rồi đi xưng tội theo cách thức *đối thoại với linh mục* hơn là kể tội. Việc xưng tội trở thành việc suy xét về *lối sống hiện tại* của tôi hơn là chỉ đơn giản xưng thú các lỗi lầm đã phạm.

B à i 8



NGƯỜI PHỤ NỮ THỐNG HỐI VÀ BIẾT ƠN

1. Kinh Thánh : Lc 7,36-50
2. Đặt khung cảnh : dùng chính bản văn trình thuật.
3. Xin ơn : Xin ơn tha thứ vì biết bao tội lỗi của tôi, đã khiến Chúa phải chết và chết cực hình như vậy trên Thập Giá vì tôi.
4. Phương pháp cầu nguyện : Vừa suy niệm vừa chiêm niệm.

CÁC ĐIỂM SUY NIỆM

Điểm I : Người công chính và người tội lỗi

Bài Phúc Âm trình bày cho chúng ta về hai mẫu người : người công chính theo Lê Luật, và người tội lỗi công khai. Qua diễn tiến của câu chuyện ta biết *cách hành xử* của hai mẫu người này như thế nào. Người được coi là công chính, ông Simon, người pharisêu đã coi việc Chúa Giêsu để cho một người tội lỗi đụng tới mình, là một sự sai trái, sẽ bị ô uế vì sự “đụng chạm” này ⁴³. Ý nghĩ của ông bị Chúa Giêsu phanh phui ra trong câu

⁴³ Đây là thái độ tiêu biểu của người pharisêu. Trong dụ ngôn người samari nhân hậu, các thầy Lêvi và tư tế cũng có thái độ này : đụng tới thân xác một người có thể đã chết là một sự nhơ uế (xem Lc 10,29-37). Cũng vậy, người Do thái đã theo cách hành xử này, họ không vào nhà người ngoại, vì sợ bị nhơ uế như ta thấy trong trường hợp dân chúng không vào dinh Philatô khi ông này xử án Chúa Giêsu (xem Ga 18,28).

chuyện sau đó. Chính Chúa Giêsu lên tiếng đặt vấn đề với ông Simon trước : “Tôi có điều này muốn nói với ông”.

Rồi Chúa kể một câu chuyện và sau đó đặt một câu hỏi. Ông pharisêu đã trả lời rất chính xác. Chúa Giêsu dựa trên chính câu trả lời của ông pharisêu để giải thích cho ông về sự kiện người phụ nữ tội lỗi đã đụng chạm đến Chúa. Và Chúa Giêsu kết luận : Các tội của bà, các tội nhiều đó, quả đã được tha rồi, vì bà đã cảm mến nhiều.

Chúng ta thấy tức khắc âm vang của nhiều giáo huấn trong Tân Ước về sự kiện này : Một người tội lỗi ăn năn trở lại thì cả Thiên Đàng vui mừng hơn là 99 người công chính không cần ăn năn thống hối (xem Lc 15,7). Qua câu nói này ta thấy, tất cả mọi người đều là tội nhân : 99 người đã sống tốt theo Lê Luật chưa phải là người công chính. Vì giữ đúng luật mới chỉ là giai đoạn khởi đầu để đi vào con đường công chính.

Sự công chính thật theo quan điểm của Chúa Giêsu vượt qua Lê Luật : Ta muốn lòng nhân từ chứ không phải Hy Lễ (xem Mt 9,13 ; cũng xem Hs 6,6 và Mc 12,33).

Về phía người phụ nữ tội lỗi, bà đã mạnh dạn bày tỏ lòng sám hối công khai của mình, trước những lời dèm pha của người khác. Có lẽ bà đã được nghe nói về Chúa, và bà cần được ơn tha thứ của Chúa như Chúa đã làm như vậy đối với bao nhiêu người khác. Chúa đã từng nói : “Tôi không đến để kêu gọi người công chính, mà để kêu gọi người tội lỗi sám hối ăn năn” (Lc 5,32 / Mc 2,17b).

Bà lợi dụng hoàn cảnh thuận tiện, đem theo bình bạch ngọc chứa đầy dầu thơm, đứng dưới chân Chúa mà khóc. Lòng thống hối như vậy quả là có một không hai. Chính Chúa Giêsu trong cuộc đối thoại với ông pharisêu đã vạch ra cho ông thấy, người phụ nữ thống hối này *công chính hơn* là cách thức ông đã tiếp đón Chúa vào nhà.

Mt 21,31b-32a : “những người thu thuế và những cô gái điếm vào Nước Thiên Chúa trước các ông (...) các ông không tin (...) còn những

người thu thuế và những cô gái điếm lại tin”⁴⁴ (cũng xem Lc 13,25-29). Chúa Giêsu đã công kích lối sống đạo của những người biệt phái và luật sĩ rất nhiều lần trong Phúc Âm (xem Lc 11,37-54).

Điểm II : Yêu nhiều thì được tha nhiều

Bài Phúc Âm cũng cho thấy *cách thức* Chúa Giêsu nhìn hồi nhân. Ngài nhận ra lòng can đảm và sự cao quý trong tâm hồn của người phụ nữ này. Vì thế Ngài không từ chối *cách thức* bà đến với Ngài.

Sự tha thứ khởi đầu bằng *lòng sám hối chân thành của hồi nhân*, trước khi đón nhận *sự tha thứ của Đấng có quyền tha thứ*. Người phụ nữ đã làm một cử chỉ sám hối có một không hai ấy bằng cách lấy *nước mắt* để rửa chân Chúa, lấy *tóc* để lau khô chân Chúa, lấy *dầu thơm* để xức chân Chúa, và đã *hôn* chân Chúa tha thiết. Tất cả các yếu tố trên đều mang tính sáng tạo của lòng sám hối chân thành.

Quả thật chỉ có Tình Yêu chân thật mới có sáng kiến, và là động lực mạnh mẽ, để người phụ nữ này *công khai thực hiện hành vi sám hối của mình*, trước mặt mọi người. Lòng sám hối như vậy được Chúa Giêsu công nhận : Yêu nhiều, thì dù tội có nhiều, cũng được tha thứ hết.

⁴⁴ Đây là câu nói duy nhất có trong phúc âm Matthêu, trong bối cảnh Chúa Giêsu nói dụ ngôn về hai người con. Người con thứ nhất nói không đi, nhưng sau đó lại đi. Còn người con thứ hai tỏ ý sẵn sàng đi, nhưng rồi không đi. Thần học của Matthêu muốn lưu ý đến việc *nói và làm*. Những người Pharisêu và các kinh sư *nói mà không làm* : “Các kinh sư và các người Pharisêu ngồi trên tòa ông Môsê mà giảng dạy. Vậy những gì họ nói thì anh em hãy làm, hãy giữ ; nhưng đừng theo hành động của họ mà làm, vì họ nói mà không làm” (Mt 23,2-3 ; xem thêm Lc 11,46). Chúa Giêsu còn công kích lối sống đạo bề ngoài của họ (Mt 23,25-26). Một cách “vô tình” họ ngăn cản người khác vào Nước Trời (Lc 11,52 và Mt 23,13). Thái độ của ông Simon Pharisêu trong trình thuật này thật là tiêu biểu cho những diễn từ của Chúa Giêsu chống lại giới lãnh đạo tôn giáo Do thái thời bấy giờ.

Một giáo lý mới : *Tình yêu Chúa Giêsu sẽ tẩy sạch chúng ta khỏi mọi tội lỗi*. “Tội của chị đã được tha rồi (...) Lòng tin của chị đã cứu cứu chị. Chị hãy đi bình an”. Lời phán quyết của Chúa Giêsu như một *lời sáng tạo*. Không phải là sáng tạo ra muôn loài muôn vật như trong cuộc sáng tạo thứ I. Đó là cuộc sáng tạo mới, tạo quả tim mới, làm cho con người được trở dậy khỏi tình trạng tội lỗi và đón nhận sự bình an của Thiên Chúa.

Không phải chỉ đơn giản là lời chúc *đi bình an* mà là lời ban ơn cho con người có khả năng *sống trong sạch*, không còn phạm tội nữa (xem Ga 8,2-11). Quả thật, Chúa Giêsu đã đến thế gian không phải để lên án thế gian, nhưng là để thế gian nhờ Ngài mà được ơn cứu độ (Ga 3,17).

Điểm III : Nhân cách và nhân phẩm

Người pharisêu đặt vấn đề về tư cách của Chúa Giêsu, khi Ngài đi cho người đàn bà phụ nữ tội lỗi công khai sớ tụng tới Ngài : Ông này không phải là một vị Ngôn Sứ...”

Chúa Giêsu không quan tâm tới sự kiện người tội lỗi tụng tới mình, Ngài chỉ quan tâm đến tình trạng tội lỗi của người phụ nữ. Ngài quan tâm tới *con người của chị*, một hồi nhân.

Qua điều này chúng ta thấy cách cư xử của Chúa Giêsu, cũng như cách cư xử của Thiên Chúa Giavê ở Vườn địa đàng với Adam và Evà sau khi họ phạm tội. Họ là những thụ tạo mang hình ảnh của Chúa, nhưng đã bị tội lỗi làm hoen ố. Chúa muốn “chữa lành” con người đã bị tội lỗi làm mất vẻ đẹp nguyên thủy của họ. Chúa vẫn khám phá nơi con người tội lỗi *cái đẹp nội tâm của con tim*. Và đó là *nhân cách đích thực* của con người.

Giá trị của con người : *nhân phẩm*, là thái độ đứng đắn trước mặt Thiên Chúa, cho dù mình là tội nhân hay là người công chính. Người phụ nữ đã bày tỏ một thái độ rất đứng đắn, phù hợp với tình trạng tội lỗi của chị. Ngược lại người pharisêu công chính không hành động đứng theo

cách thức của người công chính, mà lẽ ra theo luật ông phải làm : “Tôi vào nhà ông...” (cc. 44-46).

Từ đó chúng ta thấy Chúa Giêsu cho chúng ta biết đâu là *nhân cách* và *nhân phẩm* đích thực của con người. Ở bất cứ một hoàn cảnh nào, ta vẫn giữ được nhân cách và nhân phẩm của người con Chúa khi ta hành xử đúng với hoàn cảnh, tình trạng thực tế của mình.

Điều quan trọng luôn luôn là : *mối tương quan chân thành* của ta với Thiên Chúa, sẽ làm cho chúng ta *có giá trị* trước mặt Chúa, chứ không phải là người giữ đạo theo Lễ Luật. Một khi ta *sống con người của ta trước sự hiện diện của Thiên Chúa*, “*ta là cái ta là*”, thì đó là *nhân cách và nhân phẩm*⁴⁵ đích thực của ta. Khi Thiên Chúa Giavê mạc khải Danh Thánh của Người cho Môsê (Xh 3,14), Người đã phán : “Ta có sao ta có vậy!” - và Người phán : “Người sẽ nói với con cái Israel như thế này : “Ta Có” đã sai tôi đến với các người!”⁴⁶.

Hiện hữu và sự tồn tại của chúng ta trong Thiên Chúa là *cái đáng kể*, là *nhân phẩm và nhân cách* của chúng ta, cho dù chúng ta có là tội nhân, thì đó là điều thường tình trước mặt Thiên Chúa.

⁴⁵ Tạm giải thích : nhân cách là *tư cách con người* ; còn nhân phẩm là *giá trị con người* của tôi trước mặt Thiên Chúa. Nói cách khác : *sống hữu thể người* trước mặt Thiên Chúa, *sống thật là mình* trước mặt Thiên Chúa.

⁴⁶ Đây là bản dịch của Cha Nguyễn Thế Thuấn, để diễn tả cách nói do thái về danh thánh Giavê (YHWH), Thiên Chúa, Adonai : “*Ego Eimi*”, “*Je suis celui qui suis*”, “*I am*”. Trong tiếng Việt ta thường dịch “Ta là Đấng Hằng Hữu”. Chính Chúa Giêsu đã nhận cho mình danh xưng này, để bày tỏ Ngài là Thiên Chúa (xem Ga 8,28). Xem thêm El-Shadday ở St 17,11 và Kh 1,8 : “Đấng đang có, đã có và sẽ đến, Đấng toàn năng !” (xem Nguyễn Thế Thuấn, *Kinh Thánh*, Dòng Chúa Cứu Thế, 1976, chú thích ** trang 124).

KẾT LUẬN

Chúng ta xin Chúa cho chúng ta không bao giờ thất vọng về hoàn cảnh sống của mình. Chúng ta tin rằng, một khi Chúa đã cho chúng ta làm người, thì đó là một địa vị cao quý, Chúa không bao giờ muốn thay đổi vị trí đó của ta trong vũ trụ.

Chúng ta xin Chúa cho chúng ta nhìn lên Chúa một cách chính xác với lòng tin tưởng, tín nhiệm, biết ơn, vì Thiên Chúa luôn luôn là Đấng trung thành trong lời hứa và kiên trì trong Tình Yêu.

B à i 9



PHÚT HỒI TÂM HAY XÉT MÌNH CUỐI NGÀY

1. ĐỊNH NGHĨA

Hồi tâm khác với xét mình xưng tội⁴⁷. Hồi tâm là sống lại với Chúa ngày sống của mình, từ khi thức dậy cho đến giờ này. Hồi tâm là một cách thức *cầu nguyện bằng đời sống* của mình.

Thánh Phanxicô Xavier : khi quá bận rộn với công việc, có thể sẽ bỏ qua việc cầu nguyện, nhưng không bao giờ bỏ qua việc hồi tâm hay xét mình cuối ngày.

Mục đích của việc hồi tâm là để có thể *yêu Chúa hơn*. Chính vì lý do này mà hồi tâm phải trở nên *việc làm đều đặn* của ta mỗi buổi tối. Mỗi ngày chúng ta phải kiểm tra *mức độ của tình yêu* chúng ta đã có với Thiên Chúa⁴⁸.

⁴⁷ Thường khi xét mình xưng tội, ta suy xét về các tội và các khuyết điểm của mình để tìm các “chất liệu” đi xưng tội. Hồi tâm hay xét mình mỗi ngày cũng suy xét về những điểm đó, nhưng một cách khác, đó là cách *sống trước mặt Chúa về những tội lỗi và khuyết điểm của ta*. Như vậy, ngay trong hồi tâm ta đã sống sự hòa giải với Thiên Chúa rồi, dù chỉ là khuyết điểm hay tội nhẹ, thậm chí ngay cả tội nặng nữa. Các bước của hồi tâm được trình bày dưới đây sẽ cho ta thấy rõ hơn về điều này.

⁴⁸ Vì là cách thức cầu nguyện bằng đời sống, nên mỗi buổi hồi tâm thường kéo dài từ 10 phút đến 15 phút. Nếu làm cho đúng các bước, thì tốt nhất là 15 phút. Những ai làm hồi tâm cuối ngày một cách nghiêm chỉnh, thì việc xét mình buổi trưa có thể đơn giản và ngắn hơn. Theo linh đạo I-Nhã, thì mỗi ngày xét mình buổi trưa và buổi tối. Nhưng cách thức

2. CÁC BƯỚC CỦA VIỆC HỒI TÂM

Bước 1 : Nhận ra các ân huệ Chúa ban

Trước hết là *ơn sự sống* : Chúa đã ban cho tôi sự sống, và ngày hôm nay Chúa đang ban cho tôi sự sống ấy. Tôi phải nhận ra mỗi ngày sự sống tôi đang có là của Chúa. Sự sống là quà tặng Thiên Chúa dành cho tôi và thụ tạo từng giây từng phút. Kính cảm ơn chúng ta thường đọc rất đúng với giáo lý về ơn sự sống này.

Các ân huệ khác trong ngày : đó là *những cái rất riêng tư* của tôi. Thiên Chúa chăm sóc mỗi người chúng ta như con người trong mắt Ngài. Mỗi ngày Chúa đều ban cho tôi các ơn riêng này, một cách cá biệt : làm xong một công việc nào đó một cách tốt đẹp ; được sự may mắn này hay sự may mắn kia ; những thuận lợi tôi gặp được trong cuộc sống. Nhận ra các ân huệ riêng Chúa đã dành cho tôi trong ngày là cách thức bày tỏ tôi quy thuận Thiên Chúa, nhận biết tôi là thụ tạo của Chúa và những gì tôi có tùy thuộc vào Ngài ⁴⁹.

Nhận ra *những khoảnh khắc (moment)* Chúa đã đến với tôi và gặp tôi trong ngày :

của I-Nhã có lẽ vẫn còn theo cách thức của lối tu đức cổ điển nhiều hơn, đó là kiểm tra đời sống nhân đức của ta.

⁴⁹ Đây là yếu tố có trong giáo lý, nhưng ít khi được nhấn mạnh. Chúng ta sống và tồn tại trong Thiên Chúa đã dành, nhưng các ơn riêng mỗi người chúng ta hưởng hàng ngày thực sự là các quà tặng của Người ban cho chúng ta từng giây phút. Có thể xem : Cv 17,25-28 ; 1 Cr 2,12 ; 3,6-7 ; 12,4-11 ; Rm 14,7-8 ; 2 Cr 4,7 ; Ep 1,3 ; Cl 1,16-17. Chúng ta chưa ý thức đủ về các ơn riêng đó. Vì thế, việc suy xét để nhận ra các ơn riêng trong ngày sẽ giúp ta xác định lại trước mặt Chúa *sự tùy thuộc* và *lòng biết ơn* của chúng ta đối với Chúa, và như vậy chúng ta sẽ đón nhận các ơn Chúa ban với lòng khiêm tốn hơn, chứ không kiêu ngạo tưởng rằng những điều chúng ta đang có là *của chúng ta*.

- qua việc này hay việc kia, qua một cơn gió mát, một trận mưa rào, qua một cái nhìn thân thiện của ai đó, qua một chuyện dễ thương nào đó mình đã gặp được.
- Thiên Chúa đến với tôi một cách rất cụ thể trong những khoảnh khắc đó. Tôi nhận ra khuôn mặt của Chúa ở đó, chứ không phải thuần túy là những chuyện tự nhiên.
- Dĩ nhiên tôi không *phóng chiếu một cách giả tạo* về những khoảnh khắc Chúa đến. Nhưng với một *đức tin sáng suốt*, tôi nhận ra đó chính là những lúc Chúa đã đến gặp tôi.

Bước 2 : Tạ ơn Chúa

Lòng biết ơn là cách tốt nhất để bày tỏ tình yêu của ta đối với Chúa. Một người con, sau bữa ăn chiều, biết cảm ơn mẹ mình đã cho mình bữa ăn ngon, là cách thức để bày tỏ tình yêu của mình với mẹ mình. Khi người con biết bày tỏ lòng biết ơn như vậy, người mẹ sẽ yêu con hơn, và sẽ có cái nhìn triu mến hơn đối với con. Lòng biết ơn làm cho có sự chuyển động tình cảm giữa người con và người mẹ.

Cũng vậy, khi tạ ơn Chúa, ta sẽ thấy mối tương quan của ta với Chúa trở nên sống động hơn. Lòng biết ơn sẽ kéo ơn thánh xuống trên ta, và Thiên Chúa sẽ chúc lành cho ta.

Ds 6, 24-25 : “Xin Giavê chúc lành cho người, xin Người gìn giữ người. Xin Giavê cho rạng nhan Người trên người, và xin Người dù thương người. Xin Giavê tỏ nhan Người trên người, xin Người xuống an bình trên người. Chúc như thế là đặt Danh thánh Ta trên con cái Israel, và Ta sẽ chúc lành cho chúng”⁵⁰.

⁵⁰ Thiên Chúa Giavê đã dạy ông Môsê *cách thức chúc lành* cho con cái Israel bằng công thức này. Đó là kêu danh thánh Giavê ba lần để nói lên *ân huệ* của Thiên Chúa. Ba lần kêu danh thánh Thiên Chúa bảo đảm cho Israel *sự hiện diện che chở* của Người (xem Nguyễn Thế Thuấn, *Kinh Thánh*, Dòng Chúa Cứu Thế, 1976, chú thích Ds 6,27, trang 279). Trong văn hóa Do thái, lời chúc phúc rất quan trọng, vì nó kéo ơn Chúa xuống

Vì thế, tạ ơn Chúa là để ta có thể đón nhận tình yêu của Người dành cho ta một lần nữa, và kéo phúc lành của Người xuống trên ta, xin Người tiếp tục ban phúc lành cho ta. Nói cách khác để Chúa có thể yêu ta hơn, và như vậy cũng làm cho ta biết yêu Chúa hơn, khi chúng ta biết quý trọng ơn huệ của Người.

Bước 3 : Nhận ra các khuyết điểm và tội lỗi của mình

Mỗi ngày, ta đều thấy các khuyết điểm của ta, được biểu lộ ra, phát biểu ra ở một sự kiện nào đó trong cuộc sống của ta. Càng lớn ta càng thấy các khuyết điểm đó càng nhiều. Nhận ra các khuyết điểm của ta là sống thực với chính mình. Nhờ đó ta thiết lập *mối tương quan cần thiết* ta phải có với Thiên Chúa là Đấng tạo thành. Nhận khuyết điểm của mình, nhận ra mình là một thụ tạo bất toàn của Chúa, và từ đó quy phục Chúa là Đấng tạo thành.

Mối tương quan thụ tạo - tạo hoá là một chiều kích quan trọng trong đời sống thiêng liêng của chúng ta. Khi nhận ra thiếu sót của mình, thụ tạo sẽ gắn bó với tạo hoá nhiều hơn. Đồng thời nhận ra tội lỗi của mình là một lời cầu nguyện sốt sắng nhất : *của lễ con dâng là tâm lòng tan nát khiêm cung* (Tv 50,19).

Sứ điệp của Đức Mẹ Nam Tư với giới trẻ : Thiên Chúa rất vui lòng khi chúng con biết dâng lên Người những tội lỗi của chúng con ⁵¹.

trên người được chúc phúc. Bà Rebecca đã đánh tráo lời chúc phúc xuống trên Giacóp, thay vì lời chúc phúc này phải được ban cho Esau. Cũng vậy, khi chúng ta dâng lời tạ ơn là cách thức để kéo ơn thánh xuống trên chúng ta, *đặt ta dưới sự che chở* của Thiên Chúa.

⁵¹ Chúng ta đừng quên, mọi sự ta có đều là của Chúa, chỉ duy nhất có tội lỗi là của ta. Vì thế, dâng lên Chúa tội lỗi của ta, là cách thức để Người thanh tẩy tội lỗi của ta.

Bước 4 : Xin lỗi Chúa

Xin lỗi Chúa, cũng như tạ ơn, là cách thức để Chúa yêu ta hơn, là cho Chúa dịp để Chúa tha thứ cho ta một lần nữa. Như một người con xin lỗi mẹ mình vì một lỗi lầm nào đó, người mẹ sẽ cảm động, là dịp để người mẹ bày tỏ lòng tha thứ cho con, và vì thế yêu con hơn.

Khi ta đến xin lỗi Chúa, dù có thể Chúa đã tha thứ cho ta rồi, nhưng vì ta xin lỗi, thì đó là dịp để Chúa ban chính Ngài cho ta một lần nữa : *par/donner ; for/give*. Qua lời xin lỗi của ta, Chúa lại bày tỏ lòng quảng đại của Chúa với ta một lần nữa, và như thế Ngài bày tỏ tình yêu thương xót của Ngài với ta. Xin lỗi, cũng như tạ ơn, là để Chúa có thể yêu ta hơn.

Bước 5 : Xin ơn

Chúng ta xin Chúa cho chúng ta ngày mai sống tốt hơn ⁵². Khi xin ơn như vậy chúng ta bày tỏ lòng chúng ta *tín nhiệm* Chúa. Nghĩa là, con có thể không sống tốt được, nhưng Chúa có thể làm cho con sống tốt.

Sự tín nhiệm của người con với mẹ mình sẽ làm cho lòng người mẹ quảng đại hơn, quan tâm đến con mình nhiều hơn và giúp con mình tiến bộ hơn. Khi chúng ta bày tỏ lòng chúng ta tín nhiệm Chúa là chúng ta để cho Chúa hành động trong chúng ta. Chúng ta sẵn sàng để cho ơn thánh Chúa hoạt động trong chúng ta. Và như thế chúng ta sẵn sàng để bước lại bước thứ nhất của một ngày sống.

3. KẾT LUẬN

Sự hồi tâm như thế đúng là cầu nguyện với Chúa bằng con người của tôi, với những ân huệ của Chúa tôi đã đón nhận, cũng như với các tội

⁵² Trong việc xin ơn, dù là ơn phần xác hay ơn phần hồn, đều làm đẹp lòng Chúa. Đối với các ơn lành, chúng ta càng khá chắc là lời cầu xin của chúng ta sẽ được nhận. Chúng ta xin ơn sống tốt hơn, chắc chắn là một ơn sẽ cho ta thêm nghị lực, để ta canh tân đời sống mỗi ngày.

lỗi của tôi. Hồi tâm như thế giúp tôi được hòa giải với Thiên Chúa, để lương tâm tôi được bình an.

Hồi tâm còn giúp tôi hòa giải với anh chị em. Nếu có điều chi bất bình với anh chị em, thì chúng ta đã tha thứ cho nhau rồi, ít là trong lòng mình, trước khi chúng ta có hoàn cảnh làm hòa thực sự.

Nếu có biến cố nào làm ta âu lo, chúng ta đã hòa giải với biến cố đó rồi, không còn để lại trong lòng ta nữa. Có nhiều cái xảy ra trong đời vẫn làm cho ta lo âu, sống không bình an. Nếu có cái gì còn làm ta bất bình với chính mình, thì trong Chúa tôi đã được hòa giải với chính mình⁵³. Chúng ta được giải thoát khỏi tất cả mọi sự để có giấc ngủ an bình.

Hồi tâm, về phương diện tự nhiên, là một liều thuốc ngủ rất tốt để tôi được sống thanh thản, không để một sự việc nào trong ngày chấn động tôi. Tôi được giải tỏa khỏi các stress thường có rất nhiều trong cuộc sống ngày nay.

⁵³ Việc hoà giải với chính mình cũng là một chiều kích thiêng liêng rất đáng lưu ý trong khoa tu đức ngày nay. Có những người không tha thứ được cho chính mình. Vì thế họ bực bội với chính mình, và có thể đi đến một tình trạng tâm lý không lành mạnh.

TUẦN LỄ II

B à i 1 0



TIẾNG GỌI CỦA VUA

LT. 91-98

DẪN NHẬP

Đây là một bài cầu nguyện có tính ẩn dụ, dùng một hình ảnh có ở trong thế giới của chúng ta, để quy chiếu đến *một thực tại lịch sử* trong chương trình cứu độ của Thiên Chúa.

Sở dĩ phải dùng một hình ảnh có ở trong thế giới để nói về thực tại của ơn cứu độ, vì thực tại này là một *tổng hợp kế hoạch cứu độ* của Thiên Chúa, về *ý định* của Người được nói rải rác trong sách Phúc Âm cũng như đã được sửa soạn ở trong mạc khải Cựu Ước, chứ không phải là một biến cố lịch sử như một *sự kiện* trong không gian và thời gian theo ý nghĩa thông thường. Nhờ một hình ảnh biểu tượng đó ta sẽ hiểu được, bằng một *cái nhìn nhất quán*, những điểm thiết yếu trong cuộc đời của Chúa Giêsu.

CÁC ĐIỂM SUY NIỆM

I. Tiếng gọi của Vua :

Gọi là tiếng gọi của vua, vì Chúa Giêsu thực sự là thủ lãnh của nhân loại mới (xem Cl 1,17-20).

Bài cầu nguyện đặt ta trước một thế giới phức tạp, có rất nhiều điều phải điều chỉnh, để ơn cứu độ có thể đến với nhiều người, cũng như xưa, các vua chúa đạo đức đã từng làm, để chinh phục lương dân về cho Thiên Chúa.

Ngày nay thế giới đang mất hướng đi vì các thủ lĩnh của thế giới không còn quan tâm đến các giá trị nhân bản và đạo đức như xưa. Cuộc sống xoay quanh những gì hoàn toàn thuộc thế giới trần thế. Người ta tự thỏa mãn với nền văn minh đang tạo cho con người những tiện nghi trong cuộc sống, và quên đi các giá trị của cuộc sống mai hậu. Không ai là thủ lĩnh đích thực trong thế giới này, trong khi ý định của Chúa Giêsu là “chinh phục cả thế giới này vào trong vinh quang của Thiên Chúa Cha” (LT 95)⁵⁴.

Chúa Giêsu nói : “Thầy là Đường, là sự thật và là sự sống, không ai đến được với Chúa Cha mà không qua Thầy” (Ga 14,6). Chúa Giêsu là Đấng Trung Gian duy nhất, cả nhân loại này chỉ có thể đến được với Thiên Chúa, ngang qua Chúa Giêsu.

I-Nhã đã dùng hình ảnh của vị vua đạo đức thời bấy giờ, để giúp ta hiểu về chương trình cứu độ đã được thực hiện trong cuộc đời Chúa Giêsu và vẫn còn tiếp tục ngày nay trong Giáo Hội.

Ngoài ra, còn có hiện tượng của các ngẫu tượng dưới mọi hình thức đang làm cho nhân loại càng sa lầy trong trong hướng đi của nó. Người ta không biết ai là chủ của thế giới này, và đâu là lẽ sống của họ⁵⁵.

⁵⁴ Có lẽ chỉ có Đức Thánh Cha là người thực sự đang lãnh đạo thế giới, và ảnh hưởng của Ngài khá rộng lớn. Ngài đang đóng vai trò “điều chỉnh” nền đạo đức của thế giới. Ngài thực sự là vị đại diện của Chúa Giêsu ở trần gian. Tuy nhiên, những giáo huấn của Ngài chỉ có tính cách “ngôn sứ”. Những “thế lực” của thế gian vẫn ngăn cản con người đến với các *giá trị* của cuộc sống đích thực nhân bản cũng như *chân lý* của lịch sử cứu độ.

⁵⁵ Ở buổi sơ khai, người ta tin ở các thần linh, và Thánh Kinh gọi đó là các ngẫu tượng. Thật ra chẳng có thần nào khác ngoài Thiên Chúa. Xem 1 Cr 8,3-6 : “Thật thế, mặc dầu người ta cho là có những thần ở trên trời hay dưới đất - quả thực, thần cũng lắm mà chúa cũng nhiều -, nhưng đối với chúng ta chỉ có một Thiên Chúa là Cha, Đấng tạo thành vạn vật và là cùng đích của chúng ta ; và cũng chỉ có một Chúa là Đức Giêsu Kitô, nhờ Người mà vạn vật được tạo thành, và nhờ Người mà chúng ta được hiện hữu”.

Chúng ta có thể kể ra một số các ngẫu tượng của thế giới ngày nay như sau :

- Thần tượng bóng đá : là cái lành mạnh để con người giải trí, nhưng dần dần cũng mất đi tính trong sáng của nó.
- Thần tượng ca sĩ : đem đến niềm vui và sự tươi mát cho cuộc sống, nhưng bản thân người ca sĩ sẽ ra sao ?
- Thần tượng người mẫu : tôn vinh cái đẹp của tạo hóa, nhưng những người mẫu đó đã trở thành mồi ngon của những sự khai thác như thế nào ?
- Đạo ông Mounn : người Đại Hàn, tổ chức 10.000 cặp kết hôn tháng 10-1997 tại Washington DC, để đáp ứng cho nhu cầu có một gia đình ổn định trong hoàn cảnh thế giới đang bị tan rã về cơ cấu gia đình. Nhưng bản thân ông, ông tìm kiếm cái gì ? Tại sao có nhiều người đặt niềm tin nơi ông một cách gần như mù quáng như vậy?
- Ni sư Thanh Hải và phong trào “thiền” đang rất thịnh hành ở nước Mỹ, để đáp ứng cho nhu cầu sống một cuộc đời thanh thân siêu thoát, không chạy theo tốc độ của cuộc sống, hay những nhu cầu giả tạo của thế giới tiêu thụ. Nhưng cuối cùng vị ni sư này đã sống các giá trị của lối sống chính bà đã truyền đạt cho họ ra sao ?
- Các hội kín : dâng mình cho Satan để tìm những lợi ích vật chất cho bản thân.

Chúng ta đã biết qua báo chí sau đó, những “ngẫu tượng” đó đã sụp đổ như thế nào. Họ có thực sự đứng vững trong chân lý hay không ? Các dấu hiệu của sự lạc hướng đó có thể nhận ra ở chỗ các thủ lĩnh ấy quy về lợi ích của bản thân.

Về phần Chúa Giê-su, Ngài đi tìm *lợi ích cho các tín đồ*, chứ không phải các tín đồ đem lợi ích đến cho Ngài. Ngài là vua, nhưng là vị vua *đi chinh phục các linh hồn về cho Thiên Chúa*. Ngài quan tâm đến sự sống của họ : Ngài ban cho họ sự sống và *sự sống dồi dào* (Ga 10,10). Ngài

chấp nhận gian lao khổ cực, liên đới với người nghèo, tìm người tội lỗi để đưa họ về đường ngay nẻo chính. Ngài đồng hành với con người, hay đúng hơn Ngài đi vào gian khổ trước, và mời gọi chúng ta cùng đi con đường gian khổ với Ngài.

Ngài là vua của những người chấp nhận con đường cứu thế của Ngài : theo Ngài trong gian khổ để được cùng Ngài hưởng vinh quang. Chúa Giêsu là vị vua lương thiện, không hứa hẹn quyền lợi trước, ngược lại Ngài báo trước ai theo Ngài phải chịu đi con đường gian khổ với Ngài, rồi mới được vào vinh quang.

Chúa Giêsu hoàn toàn khác với các nhà lãnh đạo chính trị, hứa hẹn điều này điều khác nhưng thực sự chỉ là lời hứa. Ngài thực hiện lời hứa bằng chính cái chết của Ngài trên thập giá.

II. Sứ mạng :

Đó là sứ mạng cứu thế, chinh phục mọi người về cho Thiên Chúa Cha. Người môn đệ của Chúa Giêsu cũng phải quên mình không nghĩ đến quyền lợi của mình, mà nghĩ đến quyền lợi và sự sống của tha nhân. Đó là một sứ mạng hoàn toàn có tính vị tha. Đây không phải là điều không tưởng, có tính anh hùng mà là một sự hy sinh có nhận định.

Sự sống của tha nhân, hạnh phúc đời đời của tha nhân là một kết quả cụ thể, trong sứ mạng của Chúa Giêsu, cũng như trong sứ mạng của người môn đệ Chúa Giêsu. Vì thế đi vào sứ mạng với Chúa Giêsu, là làm việc cật lực thực sự với Chúa Giêsu, để xây dựng Nước Thiên Chúa. Ngài nói đến việc chịu gian khổ với Ngài.

Làm môn đệ của Chúa Giêsu phải chịu khó, chứ không thể lười biếng được. Phải thức khuya dậy sớm. Sứ mạng không phải là điều dễ dàng cứ làm là thành công. Trái lại đôi khi còn thất bại và chấp nhận thất bại, như Chúa Giêsu đã từng thất bại khi Ngài gặp sự chống đối của giới lãnh đạo Do thái, hoặc người ta cứng tin, cho rằng Ngài đã dùng quyền của quý vương Bê-en-dê-bun mà trừ quỷ (Mt 12,24).

Vì sứ mạng đó liên quan đến tự do của người khác : được đón nhận hay bị khước từ. Người môn đệ của Chúa Giêsu nhìn thấy trước điều đó, và nếu muốn chấp nhận lời mời gọi của Chúa, như bài cầu nguyện này cho thấy, thì đó là con đường thập giá, con đường hẹp, chứ không phải là con đường nhiều hoa thơm cỏ lạ. Chúa Giêsu rất lương thiện và rõ ràng ở điểm này : “Ai muốn theo Tôi phải từ bỏ chính mình, vác thập giá mình mà theo Tôi” (Mc 8,34b).

III. Lời kinh :

Vì thế trong lời kinh của Thánh I-nhã, chúng ta thấy lời kinh này là một thứ “đăng ký nghĩa vụ quân sự” hoặc đăng ký “thanh niên xung phong”. Lời kinh này bày tỏ người xung phong làm người môn đệ của Chúa đã hiểu biết những đòi hỏi của Chúa liên quan đến sứ mạng một cách cụ thể.

Và hiểu ý Chúa, muốn làm môn đệ của Chúa phải có lòng quảng đại. Vì thế lời kinh đã bắt đầu như thế này : “Lạy Chúa hằng sống của muôn loài”.

Trước hết, muốn làm người môn đệ của Chúa phải nhận Chúa là Chúa của mình, và là Chúa của mọi thụ tạo ⁵⁶. Sau đó, lời kinh này được dâng lên Chúa trong một bối cảnh rất long trọng : “Trước mặt Đức Nữ Đồng Trinh Maria và cả triều thần thiên quốc” ⁵⁷.

Lời kinh đó xác nhận người môn đệ ý thức điều mình đọc : “Ấy là sau khi suy xét, *con muốn và con ước ao*”. Lời kinh đó không nhắm đến

⁵⁶ Điều này hàm ý rằng : lẽ sống của tôi là Thiên Chúa. Vì Chúa là Chúa của tôi, nên điều tiên quyết là : phụng sự, ngợi khen, và tôn kính Ngài (xem NLNT trong LT 23). Sống đối với tôi, trước hết và trên hết trong suốt cuộc đời là sống mối tương quan Tạo Hóa – Tạo Thành.

⁵⁷ Đây không phải chỉ là việc tôi “tuyên khấn” riêng tư với Chúa, mà là có cả triều thần Thiên Quốc chứng giám.

công việc, đến sứ mạng cho bằng nhắm đến *con người Chúa Giêsu* “được bắt chước Chúa chịu mọi sỉ nhục, khinh chê, nghèo khó, trong lòng cũng như trong thực tế”.

Rõ ràng điều ưu tiên muốn gắn bó là *gắn bó với con người Chúa Giêsu*, và muốn bày tỏ động lực theo Chúa là *vì yêu Chúa*. Và xin được *nên giống Chúa* trong sỉ nhục, khinh chê và nghèo khó⁵⁸. Chỉ nói đến việc *dâng mình cho Chúa* ở đầu lời kinh chứ không nói đến sứ mạng cùng Chúa cứu các linh hồn.

Như vậy, sứ mạng cứu các linh hồn hàm chứa ở trong việc dâng mình cho Chúa. Còn khi đã dâng mình cho Chúa rồi thì hàm ý rằng, một khi đã là người môn đệ của Chúa, thì Chúa bảo con làm cái gì con sẽ làm cái ấy.

Từ đó bài cầu nguyện này đặt ta đứng trước sự lựa chọn căn bản : chọn người làm Chúa đời ta, bởi vì Ngài là Chúa của muôn loài.

Việc dâng mình cho Chúa là việc chính, việc yêu Chúa và gắn bó với con người của Chúa là chính. Còn sứ mạng là cái phụ thuộc, sẽ do Chúa định đoạt. Điều này cho ta thấy rõ hàm ý này : sứ mạng thành công nhiều hay ít tùy ở việc ta gắn bó với Chúa Giêsu nhiều hay ít.

Và gắn bó một cách cụ thể là : chịu sỉ nhục như Chúa và khó nghèo như Chúa, oan ức như Chúa. Một sự gắn bó rất cụ thể, không ảo tưởng. Không phải chỉ là sự gắn bó của con tim theo những từ ngữ có tính chất

⁵⁸ Về chức linh mục, nhiều khi chúng ta đi tu là muốn được “chức đó” với các quyền lợi và địa vị của chức đó, hơn là muốn dâng mình cho Thiên Chúa để phụng sự Người trong chức linh mục. Trong phần canh tân và cải thiện đời sống, thánh I-Nhã đã phân biệt giữa phương tiện và cứu cánh. Tôn kính, yêu mến và phụng sự Thiên Chúa là cứu cánh. Chức linh mục hay các bậc sống khác chỉ là phương tiện để hướng đến cứu cánh này. Những người muốn làm linh mục chỉ vì “chức đó” và các quyền lợi của chức đó là đã lấy phương tiện làm cứu cánh, và biến cứu cánh thành phương tiện (LT 169).

thor, mà là gắn bó bằng một tình yêu cụ thể, nên giống Chúa Giêsu chịu sỉ nhục và nghèo khó.

Đó là linh đạo của người môn đệ Chúa Giêsu. Chúng ta được đặt trước “sự đã rồi” của việc theo Chúa. Đó là : Chúa Giêsu đã chịu sỉ nhục và nghèo khó, thì việc chấp nhận làm môn đệ của Chúa, cũng gắn liền với sự sỉ nhục và nghèo khó như Ngài. Đó là lời đáp trả hoàn hảo cho những người muốn theo Chúa Giêsu là vua vũ trụ.

Ý tưởng này sẽ là ý tưởng chỉ đạo trong suốt tiến trình linh thao của tuần lễ thứ hai này.

Có thể dùng bản văn sau đây để suy niệm về bài Tiếng Gọi của Vua : Dt 2,5-18, là một bản văn rất tốt, rất sát với các tư tưởng của bài cầu nguyện này (cũng xem Mt 28,16-20).

KẾT LUẬN

Vậy mục tiêu của bài cầu nguyện này là : sau khi suy niệm về tiếng gọi của vua ở điểm I để thấy Chúa Giêsu thực sự là vị thủ lãnh duy nhất đáng cho chúng ta tin theo, và suy niệm về sứ mạng cứu thế của Ngài là cứu các linh hồn ở điểm II, chúng ta sẽ xem xét về lời kinh chúng ta được đề nghị đọc ở điểm III, để thấy rõ ý nghĩa và tầm mức của điều mình sẽ đọc. Cuối cùng, chúng ta có thể đọc lời kinh dâng hiến ấy để kết thúc giờ cầu nguyện. Chúng ta có dám dâng lên Chúa Giêsu lời kinh này không ? Nếu thực sự chúng ta có thể đọc lời kinh dâng mình này một cách sốt sắng, chúng ta đã đạt được mục tiêu của bài cầu nguyện.

BÀI CẦU NGUYỆN VỀ TIẾNG GỌI CỦA VUA

THEO LT. 91-98

91. TIẾNG GỌI CỦA VUA ĐỜI TẠM

giúp chiêm ngắm cuộc đời của Vua Hằng Sống.

Kinh nguyện : kính dọn lòng thường lệ

Tiền nguyện I : đặt khung-cảnh, xem nơi chốn. Ở đây là lấy con mắt tương tượng nhìn xem các hội đường, các xóm làng, nơi Đức Kitô Chúa chúng ta đã giảng dạy.

Tiền nguyện II : Xin điều tôi muốn : ở đây là xin ơn Chúa chúng ta để khỏi điếc lác với tiếng Ngài kêu gọi, nhưng được mau mắn và chăm chỉ chu toàn Ý cực thánh của Ngài.

92. PHẦN THỨ NHẤT

ĐIỂM NHẤT : điểm nhất là hình dung ra một vị vua trần gian, được chọn bởi tay Thiên Chúa, Chúa chúng ta, mà tất cả các lãnh tụ và giáo hữu đều kính trọng và vâng phục.

93. ĐIỂM HAI : Nhìn coi vị vua này ngỏ lời phán bảo thần dân mình thế nào : ý ta muốn chinh phục cả lãnh thổ của lương dân ; bởi vậy, ai muốn theo ta phải bằng lòng ăn, uống và mặc như ta v.v..., người ấy cũng phải khó nhọc cùng ta ban ngày và tinh thức với ta ban đêm v.v..., để sau này được dự phần cùng ta trong chiến thắng như đã dự phần trong khó nhọc.

94. ĐIỂM BA : Xét xem những tội trung phải trả lời thế nào với vị vua quảng đại và nhân đạo đường ấy ; và do đó, nếu kẻ nào không nhận lời yêu cầu của vị vua như thế đáng mọi người trách mắng chùng nào và đáng bị coi là hiệp sĩ hèn nhất biết bao.

95. PHẦN THỨ HAI : phần thứ hai của cuộc linh thao này là áp dụng thí dụ về vua đòi tạm trên đây vào Chúa Kitô, Chúa chúng ta, theo như ba điểm nói trên.

ĐIỂM NHẤT : trong điểm nhất, nếu tiếng gọi của vua đòi tạm đối với thần dân, mà còn phải để ý tới, thì điều này còn đáng để ý hơn biết bao, là nhìn ngắm Chúa Kitô, Chúa chúng ta, Vua Hằng Sống, và trước mặt Ngài, cả thế giới mà Ngài kêu gọi hết thầy và từng người một, Ngài phán : “Ý Ta muốn chinh phục cả thế gian và mọi kẻ thù địch, và nhờ thế vào trong vinh quang của Cha Ta ; bởi vậy, ai muốn theo Ta, phải khó nhọc cùng Ta, để khi đã theo Ta trong đau khổ, cũng được theo Ta trong vinh quang”.

96. ĐIỂM HAI : Suy xét rằng tất cả những ai có lương tri đều sẽ dâng trót mình để chịu khó.

97. ĐIỂM BA : những kẻ muốn yêu mến hơn và trở vượt trong mọi việc phụng sự Vua Hằng Sống và Chúa muôn loài, không những hiến thân chịu khó mà còn hành động chống lại tình cảm và lòng yêu chuộng xác thịt, thế gian, họ dâng lễ vật quý giá và quảng đại hơn ; họ tâm sự :

98. *Lạy Chúa Hằng Sống của muôn loài, nhờ ơn và sự trợ giúp của Chúa, con xin tiến dâng chính mình con lên trước lòng nhân từ vô biên Chúa và trước mặt Mẹ vinh hiển Chúa cùng tất cả các thánh nam nữ của triều đình thiên quốc, ấy là con muốn và ước ao, và sau khi suy xét, con quyết tâm bắt chước Chúa chịu mọi sỉ nhục, mọi khinh chê và mọi nghèo khó thực sự cũng như trong lòng, miễn là điều ấy phụng sự và làm vinh danh Chúa hơn, nếu Chúa muốn chọn và nhận con vào đời sống và bậc ấy.*

B à i 1 1



MẦU NHIỆM NHẬP THỂ

LT. 101-109

KINH THÁNH : Lc 1, 26-38

1. Những bài cầu nguyện trong tuần lễ thứ II này là những bài chiêm niệm, nghĩa là đi sát các trình thuật Phúc Âm, theo phương pháp hình dung.
2. Việc chiêm niệm khác với suy niệm ở chỗ không sử dụng nhiều các tài năng của linh hồn, nhưng sử dụng ngũ quan nhiều hơn.
3. Đó là sự ở lặng với Chúa, theo những gì trình thuật kể lại cho chúng ta.
4. Điểm tập trung nhắm đến con người Chúa Giêsu và các nhân vật trong câu chuyện.

PHẦN I : Ý NGHĨA CỦA BÀI CHIÊM NIỆM

Cái nhìn về mầu nhiệm Nhập thể là một cái nhìn có chiều kích hoàn vũ về cả thời gian lẫn không gian.

Tiền nguyện I : nhớ lại lịch sử (LT. 102). Từ ngữ lịch sử ở đây không phải là một biến cố định vị ở một thời gian, hoặc một không gian nào. Đó là lịch sử siêu thời gian, siêu không gian : lịch sử đó khởi từ quyết định đời đời của Thiên Chúa, đã xảy ra và thực tại đó vẫn đang tiếp diễn, còn tiếp diễn cho tới khi nào hết lịch sử của nhân loại.

Khung cảnh ở tiền nguyện II cũng là một khung cảnh siêu không gian : đó là những con người ở khắp mọi thời đại, nhưng lại quy chiếu

đến một không gian cố định là Nadaret, xứ Galilê. Như vậy, Nadaret là điểm mốc của cái lịch sử siêu không gian này. Cái siêu không gian có một cơ sở quy chiếu. Cũng như cái siêu thời gian có một cơ sở quy chiếu là ý định đời đời của Thiên Chúa được nói ở tiên nguyện I.

Tiên nguyện III : xin ơn. Thế nhưng ơn xin lại rất cụ thể, đó là sự *hiểu biết thâm sâu* về con người Chúa Giêsu, Đấng đã làm người vì tôi, để được *yêu Ngài hơn và theo Ngài*.

Yếu tố cụ thể quy về con người Chúa Giêsu, trong bối cảnh của một lịch sử siêu thời gian và siêu không gian, có nghĩa là con người Chúa Giêsu, tuy nhập thể làm người ở một thời gian và không gian nhưng hành vi này có giá trị *vĩnh cửu, dứt khoát, siêu thời gian và không gian*. Điều ấy có nghĩa là *biết* Chúa Giêsu, *yêu* Ngài và *theo* Ngài, là quy tắc, là nguyên lý và nền tảng cho đời sống của mọi người.

Điểm I :

- (1) nhìn xem nhân vật : đây cũng là cái nhìn siêu thời gian và không gian.
- (2) nhìn và chiêm ngưỡng Ba Ngôi : cũng là cái nhìn siêu hình, siêu thời gian và không gian.
- (3) nhìn xem Đức Bà và Thiên Thần : ở trong không gian và thời gian cố định. Như thế cuộc đối thoại giữa Đức Maria và Thiên Thần tuy ở một thời điểm lịch sử cố định, nhưng có một chiều kích siêu thời gian và không gian, là nền tảng của lịch sử cứu độ, và cũng là một lịch sử siêu thời gian và không gian.

Điểm II :

Nghe người ta nói. Nghe ở đây cũng là một cách thức như nhìn : con người dưới mặt đất - Thiên Chúa Ba Ngôi trên trời - và Đức Maria và Thiên Thần Gabriel ở Nadaret.

Điểm III :

Xem hành động của loài người, của Ba Ngôi Thiên Chúa và của Đức Bà Maria và Thiên thần Gabriel. Chỉ có một điều *không nhìn thấy* nhưng

đã giả thiết : đó là *công việc nhập thể của Ngôi Lời Hằng Sống* nói ở phần tâm sự. Có lẽ vì đó là việc mẫu nhiệm không thể thấy được, chỉ có thể tin, như đức tin của Đức Maria : “*xin hãy xảy ra cho tôi như lời sứ thần truyền*”.

Bài suy niệm này đặt nền tảng trên một bản văn Thánh Kinh chắc chắn, kể lại biến cố truyền tin, và trong biến cố truyền tin đó hàm ý Ngôi Lời Thiên Chúa đã nhập thể vào *giây phút Đức Maria đáp tiếng xin vâng* với sứ thần.

Nhưng I-Nhã đã lồng sự kiện Thánh Kinh này vào trong một lịch sử siêu thời gian và không gian, nối kết biến cố truyền tin này với lịch sử siêu thời gian và không gian của Thiên Chúa trên trời, cũng như lịch sử siêu thời gian và không gian của nhân loại dưới thế.

Việc nối kết này không phải là các hình ảnh giả tạo, vì ý nghĩa của biến cố có nguồn gốc từ Ba Ngôi Thiên Chúa được thực hiện ở một thời điểm và nơi chốn cố định và biến cố đó ảnh hưởng đến toàn thể nhân loại ở mọi nơi và mọi thời. Một biến cố đã xảy ra một lần, nhưng có tính phổ quát, chỉ vì nó phát xuất từ ý định của Thiên Chúa, và ý định đó ảnh hưởng đến vận mệnh của cả nhân loại.

Như vậy việc chiêm niệm đó liên quan đến chính người thao viên, đến vận mệnh của họ. Nói cách khác rõ hơn : biến cố truyền tin liên quan đến *vận mệnh đời đời* của người thao viên. Vì vậy, mà kết thúc bài chiêm niệm mới có lời tâm sự của thao viên với Ba Ngôi Thiên Chúa, với Ngôi Lời Thiên Chúa, hoặc với Mẹ của Ngôi Lời Nhập Thể, cũng là Bà Chúa của người thao viên.

PHẦN II : CÁCH THỨC CHIÊM NIỆM

- nhìn xem.
- nghe.
- thấy các hành động.

Ở đây là cái nhìn, cái nghe, cái thấy hoàn toàn vượt thời gian và không gian dù cho biến cố truyền tin đã xảy ra ở trong không gian và thời gian. Người thao viên vào cuộc, có mặt trong biến cố, vì có liên quan đến số phận của mình.

Như vậy các tâm tình *cảm thấy trong lòng* nói ở trong phần tâm sự là những cảm nhận thật sự *có giá trị khách quan*, khiến cho nó có thể lay động người thao viên *học theo và bắt chước* hành động của Ngôi Lời Nhập Thể. Nghĩa là bắt chước cuộc đời Chúa Giêsu ngay từ khi Chúa mới bắt đầu là một tế bào thai nhi trong lòng Đức Maria.

Lời cầu xin ở tiền nguyện III : xin điều tôi ao ước : biết thâm sâu về Chúa Giêsu đã làm người vì *tôi*, để được yêu mến Ngài hơn và theo Ngài. Yêu mến Ngài : điều đó có thể được. Nhưng theo Ngài như thế nào ở trong mầu nhiệm này và bắt chước Chúa vừa mới nhập thể ở điểm nào ? Có lẽ theo gương Ngài trong *sự tự hủy* thì đúng hơn, nếu ta hiểu đã làm người vì *tôi* theo ý nghĩa : ngay từ giây phút đầu tiên của lời xin vâng, Chúa Giêsu đã làm người vì *tôi*, trong thân phận của một tế bào thai nhi.

Và như thế, có thể quy chiếu đến việc *tôi* cũng đã được hình thành và sinh ra đời, khởi từ tế bào thai nhi, trong dạ mẹ *tôi*. Chúa đã nên giống *tôi*, hoàn toàn như *tôi* - thể thì *tôi* cũng phải tiếp tục tiến trình nên giống Ngài, trong cách sống và hành xử của Ngài sau này.

PHẦN III : SỰ NGỜ NGÀNG CỦA TÔI **VÀ CỦA CÁC THIÊN THẦN**

Đối với Thiên Chúa, mầu nhiệm nhập thể không phải là sự ngỡ ngàng, vì điều ấy thuộc về ý định đời đời của Người. Nhưng đối với *tôi* khi chúng kiến sự việc, và đối với Thiên thần Gabriel, tuy làm nhiệm vụ sứ giả đó, nhưng chắc chắn cũng đã ngỡ ngàng như *tôi*, trước sự việc Ngôi Lời Thiên Chúa đã thực sự thành một tế bào thai nhi trong lòng Đức Maria, ngay sau tiếng xin vâng của Ngài : *một cái gì hoàn toàn mới trong thế giới của Thiên Chúa và một cái gì hoàn toàn mới trong thế giới con*

người. Có lẽ cả Thiên Đàng sùng sốt, vì các Thiên Thần chắc chắn thấy rõ hơn, Đấng họ đang tôn thờ ba lần chí thánh, bây giờ đang ở *một tình trạng hiện hữu mới* nơi một bào thai nhân loại. Chỉ có trái đất là im lìm, bởi vì biến cố trọng đại rung chuyển hoàn vũ này đã xảy ra một cách âm thầm ở một căn nhà nhỏ làng Nadaret xứ Galilê⁵⁹.

Không ai biết được sự việc trọng đại đó đã xảy ra vào một thời điểm đó, ở một không gian đó. Chỉ mãi sau này, khi công trình cứu chuộc đã hoàn tất, loài người mới ngỡ ngàng trước sự kiện này.

Và ngày nay, quả là hợp lý khi Giáo Hội đã dạy chúng ta đọc kinh Truyền Tin, ít là lúc 12 giờ trưa, để *ca ngợi tôn vinh cảm tạ Thiên Chúa* về biến cố Ngôi Lời Nhập Thể này, vì biến cố đó liên hệ đến cả vận mệnh nhân loại, mà loài người đã không biết vào đúng thời điểm đó của biến cố.

Nhưng vì ý nghĩa của biến cố là siêu thời gian và siêu không gian, nên sự tưởng nhớ hiện tại vẫn có một giá trị lớn lao như một việc tôn thờ, y như chính biến cố đó đang diễn ra bây giờ, ở đây và lúc này. Vậy chúng ta hãy đọc kinh Truyền Tin mỗi ngày cho sốt sắng.

KẾT LUẬN

Như vậy biến cố truyền tin là một biến cố vĩ đại thay đổi toàn bộ lịch sử nhân loại. Cái thay đổi cụ thể là sự thay đổi đời sống hôn nhân của cặp vợ chồng Giuse - Maria. Điều ấy xảy ra trước khi cử hành hôn lễ chính thức. Giuse và Maria đã chấp nhận có sự thay đổi này.

⁵⁹ Hàn Mặc Tử đã diễn tả về sự sùng sốt này khi viết bài thơ về Đức Maria: “*Maria linh hồn tôi ón lạnh, run như run thần tử thấy long nhan, run như run hơi thở chạm tơ vàng, nhưng lòng vẫn thấm nhuần ơn trù mến*”. Một cái gì đùng tới cõi thần linh khó diễn tả được, nhưng lại rất lạ lùng hấp dẫn và lôi cuốn (*mirum* và *fascinans*). Hải Linh cũng dựa vào Hàn Mặc Tử để viết được bài ca Ra Đồi không kém sự sốt sắng lao xao và ngỡ ngàng của Thiên Đàng.

Sự cao cả của mẹ Maria và Thánh Giuse là đã để cho Thiên Chúa can thiệp vào đời sống rất *riêng-tu riêng-liêng* của mình. Nhưng Thiên Chúa còn cao cả hơn những dự tính tốt đẹp và lòng quảng đại của Maria và Giuse. Thiên Chúa đã làm cho Đức Maria vừa làm *mẹ* của Đấng cao cả vừa là *trinh nữ*. Thiên Chúa đã làm cho Giuse trở thành người gia trưởng gương mẫu và là người *bạn thanh sạch* của Đức Maria.

Có thể nói truyền tin là một biến cố lớn lao hơn cả biến cố Thiên Chúa đã sáng tạo ra vũ trụ, trong câu chuyện Adam - Evà. Nếu Evà là mẹ các sinh linh, thì Đức Maria còn trội vượt hơn Evà ngàn triệu lần, vì mẹ là *mẹ của nhân loại mới*, mẹ của Giáo Hội. Mẹ được mang danh hiệu Mẹ Thiên Chúa, là *bạn trăm năm của Chúa Thánh Thần*⁶⁰.

Adam đã không thắng được tội ăn trái cấm, thế mà Giuse trở thành *bạn thanh sạch của một trinh nữ* và là người bảo hộ cho chính Con Thiên Chúa. Rõ ràng đó là quyền năng ân sủng của Thiên Chúa. Một nhiệm vụ mới hoàn toàn của nhân loại được khai mở với biến cố truyền tin.

Và cái vĩ đại nhất là : “Thiên Chúa đã *thành xác phạm* và đã *cắm lều* ở giữa chúng tôi, và chúng tôi đã thấy *vinh quang* của Người” (Ga 1,14). “Thiên Chúa đã làm người để con người được làm con Thiên Chúa” (Thánh Irênê). Đúng là một cuộc cách mạng copernic lật ngược thế cờ, làm cho *lịch sử tội lỗi* của nhân loại hướng đến cái *lịch sử cứu độ* của Thiên Chúa.

Có thể nói không có một sự hòa hợp giao duyên nào vĩ đại và hoành tráng bằng tiếng “*xin vâng*” của Đức Maria, đứng trước lời đề nghị của sứ thần Thiên Chúa, để Con của Người nhập thể trong lòng mẹ.

Cửa thiên đàng đã hé mở với biến cố truyền tin.

⁶⁰ Đức Thánh Cha Gio-an Phao-lô II đã sử dụng cách nói này, để nói về Đức Maria khi Mẹ đón nhận lời truyền tin của sứ thần Gabriel: “Thánh Thần sẽ ngự xuống trên bà, và quyền năng Đấng tối cao sẽ rợp bóng trên bà, vì thế Đấng Thánh sắp sinh ra sẽ được gọi là Con Thiên Chúa” (Lc 1,35).

BÀI CẦU NGUYỆN VỀ MẪU NHIỆM NHẬP THỂ

LT. 101-109

101. NGÀY THỨ NHẤT

Cuộc chiêm niệm thứ nhất về mẫu nhiệm nhập thể, gồm kinh dọn lòng, 3 tiền nguyện, 3 điểm và một cuộc tâm sự.

Kinh nguyện : kinh dọn lòng như thường lệ.

102. Tiền nguyện I : là nhớ lại lịch sử điều tôi sắp chiêm niệm ; ở đây là Ba Ngôi Thiên Chúa đang nhìn xem khắp mặt địa cầu đầy người ; và thấy mọi người đang sa xuống hỏa ngục, Ba Ngôi quyết định trong sự sống đời đời của mình rằng Ngôi Hai sẽ làm người để cứu chuộc nhân loại ; và như thế khi đã đến thời gian viên mãn, Ba Ngôi sai thiên thần Gabriel đến cùng Đức Bà (đoạn 262)

103. Tiền nguyện II : Đặt khung cảnh, nhìn xem nơi chốn ; ở đây là bầu tròn của thế giới, trên đó có biết bao dân tộc khác nhau ; rồi nhìn riêng nhà và căn phòng của Đức Bà trong thành Nadaret, xứ Galilêa.

104. Tiền nguyện III : xin điều tôi muốn ; đây là xin được lòng hiểu biết thâm sâu về Chúa, Đấng đã làm người vì tôi, để được yêu mến Ngài hơn và theo Ngài.

106. ĐIỂM NHẤT :

1. Lần lượt nhìn xem các nhân vật ; trước tiên là những người trên mặt đất, với bao sự khác biệt, như trong y phục và cử chỉ, người trắng kẻ đen, người hòa bình kẻ chiến tranh, kẻ khóc người cười, kẻ khỏe mạnh người ốm yếu, kẻ sinh ra người chết đi v.v...
2. Hai là nhìn xem và chiêm ngưỡng Ba Ngôi Thiên Chúa, như ngự trên ngai tòa uy nghi, đang nhìn xem cả mặt đất và bầu thế giới và

mọi dân tộc ở trong sự mù quáng tối tăm đường ấy, đang chết và đang sa hỏa ngục.

3. Ba là nhìn xem Đức Bà và thiên thần đang kính chào Người. Suy nghĩ để rút ích lợi bởi sự nhìn ngắm ấy.

107. ĐIỂM HAI : Nghe những điều người ta nói trên mặt đất, tức là nghe người ta nói với nhau, chửi rủa và nói phạm thượng, v.v... như thế nào. Cũng vậy, nghe Ba Ngôi Thiên Chúa phán : “chúng ta hãy cứu chuộc nhân loại” v.v... rồi những lời của thiên thần và Đức Bà ; cuối cùng suy nghĩ để rút ích-lợi bởi những lời ấy.

108. ĐIỂM BA : Sau đó nhìn xem những việc người ta làm trên mặt đất, như đánh, giết, sa hỏa ngục, v.v... Cũng thế, nhìn xem việc Ba Ngôi Thiên Chúa làm, tức là đang thực hiện công cuộc Nhập Thể cực thánh, v.v... Cũng thế, nhìn xem thiên thần đang thi hành chức vụ sứ giả và Đức Bà hạ mình khiêm nhường và tạ ơn Thiên Chúa. Đoạn suy nghĩ để rút ích lợi bởi mỗi việc ấy.

109. TÂM SỰ : Sau hết, tâm sự bằng cách nghĩ về điều tôi phải thưa với Ba Ngôi Thiên Chúa hoặc với Ngôi Lời Hằng Sống đã nhập thể hoặc với Mẹ Ngài là Bà Chúa của chúng ta ; cầu xin theo sự mình cảm thấy trong lòng, để được theo và bắt chước Chúa chúng ta vừa mới nhập thể hơn.

Đọc một kinh Lạy Cha.

B à i 1 2



CHÚA SINH RA ĐỜI

LT. 110-117

KINH THÁNH : Lc 2,1-20

DẪN NHẬP :

Đây là một bài chiêm niệm đúng nghĩa, vì bài chiêm niệm này đặt trên các sự kiện đã xảy ra thực sự trong lịch sử vào một thời điểm, một không gian đã xác định, như trình thuật về Giáng Sinh đã nói : Thời hoàng đế Augustô, chiếu chỉ kiểm tra dân số. Hoàn cảnh lúc đó là : lúc bà Maria vào đúng thời kỳ sắp sinh con.

Bài cầu nguyện này muốn cho ta thấy điểm quan trọng sau đây : kế hoạch của Thiên Chúa vẫn lệ thuộc vào cái lịch sử cụ thể của nhân loại. Thiên Chúa không xoay vắn cái lịch sử tự do của nhân loại, làm cho cái lịch sử này như một con rối trong bàn tay của Thiên Chúa. Trái lại, Thiên Chúa tôn trọng cái lịch sử của nhân loại, để trong các diễn tiến tự nhiên của nó, Thiên Chúa “can thiệp” vào để nó trở thành lịch sử cứu độ.

I. THÁI ĐỘ CỦA GIUSE VÀ MARIA ĐỨNG TRƯỚC HOÀN CẢNH CỤ THỂ CỦA CUỘC SỐNG

Giuse và Maria biết rõ hoàn cảnh riêng của mình. Nhưng Giuse và Maria vẫn phó thác vào trong bàn tay quan phòng của Thiên Chúa, không làm điều gì ngược lại cái lịch sử của cuộc sống.

Sự phó thác này xuất phát từ niềm tin : để cho Chúa được sinh ra theo chính kế hoạch của Thiên Chúa, theo sự xếp đặt của Thiên Chúa chứ

không phải theo sự xếp đặt của mình. Bản văn Kinh Thánh dường như cho thấy không có giải pháp nào khác hơn là phải bắt buộc lên đường đi khai sở bộ. Sự phó thác này khiến chúng ta cũng phải suy nghĩ về một số những hoàn cảnh có “*tính định mệnh*” trong cuộc đời chúng ta.

Chúng ta không có tự do để chọn cha mẹ này hay cha mẹ kia, hoàn cảnh sống này hay một hoàn cảnh sống khác. Chúng ta không có chọn lựa để sống trong thời điểm lịch sử này hay một thời điểm lịch sử kia. Chúng ta đang ở trong cái lịch sử hiện có của chúng ta : biến cố 1975, hoàn cảnh trước kia của chúng ta... Chúng ta có thể là người học nhiều hay học ít. Chúng ta có thể ở trong một gia đình êm ấm hay ở trong một gia đình có vấn đề. Chính trong lịch sử cụ thể đó của cuộc sống, kế hoạch của Thiên Chúa về đời ta sẽ được định hướng.

II. NHỮNG SỰ TÌNH CỜ TRONG CUỘC SỐNG, HAY ĐỊNH MỆNH RỚT XUỐNG CUỘC ĐỜI CHÚNG TA

Việc Chúa Giêsu sinh ra ở thời điểm này là một điều có thể biết trước : sách Phúc Âm nói rõ, lúc đó Maria đang có thai. Độc giả đã biết chuyện này trong trình thuật truyền tin, và Giuse cũng đã biết rõ thời điểm này qua việc sứ thần báo mộng cho ông ở Phúc Âm Matthêu. Nhưng sinh ra ở đâu, chính xác ngày giờ nào, chắc chắn Đức Maria và Thánh Giuse không biết. Chắc chắn Thánh Giuse muốn có một điều kiện tối ưu cho Chúa Giêsu, nhưng gặp phải giới hạn thực tế trước mắt.

Người nhiều quá : không còn chỗ ở nhà trọ. Hơn nữa, có lẽ cũng chẳng có ai dám chấp nhận một hoàn cảnh éo le như vậy, trong bối cảnh đang có nhu cầu của nhiều khách xin ở trọ. Hơn nữa Thánh Giuse và Đức Mẹ lại là người nghèo. Vì thế cuối cùng Chúa Giêsu đã được sinh ra trong một hang bò lừa ?

Đó có phải là “định mệnh” không ? Hay đó là sự quan phòng của Thiên Chúa ? Nhưng đối với chương trình cứu thế, chúng ta thấy dường như đó là sự quan phòng thì đúng hơn. Vì bản văn Kinh Thánh báo trước

về Đấng Messia có nói đến Belem Ephraim (Mt 2,6). Ngoài ra thánh Mt còn nói đến hiện tượng ngôi sao lạ dẫn đường đến tận nơi có hài nhi mới được sinh ra (Mt 2,9). Sau đó biến cố Hêrôđê tìm giết hài nhi, khiến Thánh Giuse phải đưa Đức Mẹ và hài nhi trốn sang Ai Cập. Rồi lại có lời Kinh Thánh mới : Ta gọi con Ta từ Ai Cập về (Mt 2,15)⁶¹.

Với biến cố trong cuộc đời Chúa Giêsu như vậy, khi suy nghĩ về đời sống của chúng ta, chúng ta chỉ có thể giải thích cuộc đời của mình một cách hậu sự mà thôi (*post factum*). Chúng ta có thể gọi đó là các yếu tố ngẫu nhiên hay sự tình cờ. Chúng ta cũng có thể nói theo ngôn ngữ của định mệnh : số tôi như vậy. Nhưng đức tin luôn luôn khẳng định : đó là sự quan phòng của Thiên Chúa.

Sự kiện Chúa Giêsu được sinh ra ở Bêlem, với các biến cố phức tạp tiếp theo đó, kể cả việc các hài nhi bị sát hại, cho tôi hiểu rằng : tôi phải nhìn các biến cố đến trong đời tôi một cách lạc quan hơn. Nó được đặt dưới sự quan phòng của Thiên Chúa, dù hoàn cảnh bên ngoài có vẻ bị ép buộc cách này hay cách khác. Tôi không thể giải thích được cách hành động của Thiên Chúa (Tv 134). Tôi cũng không thể hiểu thông đường lối của Người (Tv 139). Tôi chỉ biết rằng ý nhiệm mầu của Người vô phương dò thấu. Và nếu tôi nhìn vào lịch sử đời tôi như vậy, tôi sẽ có một cái nhìn tích cực về lịch sử đời tôi hơn. Điều ấy thúc đẩy tôi đi khám phá ý nhiệm mầu của Thiên Chúa, và nhận ra sự quan phòng yêu thương của Người đối với tôi.

Đối với Thiên Chúa, đó là *sự sống đời đời của tôi*, và *sự tồn tại đời đời của tôi trong Người*. Tôi có thể xác tín được rằng : lịch sử đời tôi

⁶¹ Có thể thần học Matthêu muốn tháp nhập việc Chúa sinh ra đời với biến cố xuất hành và mầu nhiệm vượt qua của người Do thái. Nếu vậy, ngay từ khởi đầu của mầu nhiệm nhập thể và giáng sinh, Matthêu đã muốn giới thiệu về Chúa Giêsu như Đấng sẽ thực hiện cuộc xuất hành mới cho nhân loại qua mầu nhiệm vượt qua của Ngài : cuộc tử nạn và phục sinh. Từ đó, chúng ta có thể hiểu phần nào sự kiện các hài nhi bị sát hại vì Chúa Giêsu.

đang ở một hoàn cảnh tối ưu cho sự sống vĩnh cửu của tôi. Vấn đề là tôi được xác tín rằng : Thiên Chúa yêu tôi.

III. BÀN TAY CỦA CHÚA

Như thế có một bàn tay của Thiên Chúa trong cuộc đời tôi, cũng như bàn tay của Thiên Chúa đã để cho Con Một của Ngài được sinh ra ở Bêlem. Đó chắc chắn không phải là sự ruồng rẫy hắt hủi của Thiên Chúa Cha đối với Chúa Giêsu, Con Ngài. Đó là sự nhất trí giữa Cha và Con trong kế hoạch yêu thương của Ngài.

Phúc Âm về thời thơ ấu của Chúa Giêsu trong Mt hay trong Lc cho thấy có nhiều yếu tố về bàn tay của Thiên Chúa :

- Gia phả Chúa Giêsu theo Mt : Đavít lấy vợ ông Uria sinh ra vua Salomon.
- Cả Mt và Lc đều nói về sự can thiệp của Chúa Thánh Thần trong việc Đức Mẹ Maria được thụ thai.
- Mt kể truyện truyền tin cho Giuse.
- Lc kể truyện truyền tin trực tiếp cho Đức Maria.
- Mt trích nhiều Kinh Thánh Cựu Ước nói về Chúa Giêsu, để ứng nghiệm lời Kinh Thánh : “Này đây một trinh nữ...” (Is 7,14) ; “Hỡi Belem...” (Ml 5,1) ; “Ta gọi con Ta...” (Hs 11,1) ; “Ở Rama vắng nghe có tiếng ai oán...” (Gr 31,15).
- Lc nói về các thiên thần ca hát (Lc 2,14) ; lời tiên tri của bà Anna (Lc 2,36-38).

Như thế nếu Chúa Giêsu được sinh ra dưới một hoàn cảnh lịch sử “*hoàn toàn bị động*” như lịch sử đời tôi, đã được giải thích với nhiều dữ kiện liên quan đến bàn tay của Thiên Chúa, trong đó có cả những dữ kiện tiêu cực như Salomon là con của Đavít do bà vợ Uria, thì làm sao tôi có thể phủ nhận cũng có một bàn tay của Thiên Chúa trong đời tôi.

Vì lý do đó mà trong bài chiêm niệm, thánh I-Nhã đã đề nghị người thao viên *tự coi mình như một người giúp việc ở bên cạnh Đức Maria và Thánh Giuse* để các Ngài sai bảo tôi làm điều này điều kia cho Chúa Giêsu.

Tôi được hội nhập vào cuộc sinh ra của Chúa Giêsu vì Ngài đã sinh ra cho tôi, *vì tôi*.

Lịch sử sinh ra của Chúa Giêsu không hề khác với số phận của một con người : “Một hài nhi bọc trong tã, được đặt nằm trong máng cỏ !” (Lc 2,12) Cái dấu chỉ mà các Thiên Thần nói với mục đồng không có gì đặc biệt cả, điều ấy hàm ý rằng Chúa đã sinh ra làm người như mọi con người nhân loại. Nghĩa là : Chúa đã mang lấy “thân phận” của tôi. Và vì thế tôi có lý do để “*ghép*” đời tôi với đời Chúa.

BÀI CẦU NGUYỆN VỀ MẪU NHIỆM GIÁNG SINH

THEO LT. 110-117

110. Cuộc chiêm niệm thứ hai : CHÚA SINH RA ĐÒI

Kinh nguyện : kinh dọn lòng như thường lệ.

111. Tiễn nguyện I : là lịch sử ; ở đây là (cuộc hành trình từ Nadaret đi Belem) : Đức Bà đã có thai được gần chín tháng, ngồi trên lưng lừa, như ta có thể lấy lòng đạo đức mà suy gẫm thế, và thánh Giuse, với một nữ tỳ dắt một con bò, cũng rời Nadaret đi Belem để trả thuế mà vua Xêdarê đã buộc các vùng ấy phải nộp.

112. Tiễn nguyện II : Đặt khung cảnh, xem nơi chốn : ở đây là lấy con mắt tưởng tượng mà nhìn xem con đường đi từ Nadaret đến Belem, xét coi chiều dài, chiều rộng, xem con đường ấy đi trên đồng bằng hay qua thung lũng và đồi núi. Cũng nhìn xem chỗ hay hang Chúa đã sinh ra, xem chỗ ấy lớn hay nhỏ, cao hay thấp và được dọn dẹp thế nào.

113. Tiễn nguyện III : Cùng một tiễn nguyện và một hình thức như trong cuộc chiêm niệm trước.

114. ĐIỂM NHẤT : là nhìn xem các nhân vật, tức là Đức Bà, thánh Giuse, người nữ tỳ và Hai Nhi Giêsu sau khi sinh ra ; tự coi mình như một kẻ hèn mọn và một tội tớ bất xứng nhìn ngắm, chiêm ngưỡng và hầu hạ các Ngài trong những công việc cần thiết, như thể tôi đang có mặt, với tất cả tấm lòng tôn kính ; đoạn suy nghĩ trong lòng để rút phần nào ích lợi.

115. ĐIỂM HAI : nhìn xem, chú ý và chiêm ngưỡng điều các Ngài nói ; suy nghĩ trong lòng để rút ích lợi.

- 116. ĐIỂM BA :** nhìn xem và suy xét việc các Ngài làm, như cuộc hành trình và sự vất vả để Chúa đến sinh ra trong cảnh cùng cực, và sau bao nhiêu lao khổ, đói, khát, nóng lạnh, bắt công và nhục nhã, Chúa sẽ chịu chết trên thập giá ; và tất cả những sự ấy vì tôi. Rồi suy nghĩ để rút phần nào ích lợi thiêng liêng.
- 117. TÂM SỰ :** Kết thúc bằng một cuộc tâm sự như trong cuộc chiêm niệm trước và bằng một kinh Lạy Cha.

B à i 13



NADARET

KINH THÁNH : Lc 2,39-40.51-52

DẪN NHẬP

Nadaret dường như là một mẫu nhiệm có kế hoạch trong chương trình cứu thế của Thiên Chúa. Nadaret có vẻ phù hợp với ý định đời đời của Thiên Chúa trong cuộc sáng tạo con người.

Điểm I : Nadaret của Đức Maria và Thánh Giuse

Những đoạn Kinh Thánh trên cho thấy rõ gốc gác Nadaret của Đức Maria và Thánh Giuse. Chính ở gốc gác này mà Chúa Giêsu được gọi là người Nadaret, và ma quỷ cũng biết điều ấy (xem Lc 4,34).

Giuse là người thuộc dòng tộc Đavit, đáng lẽ ở Giuđê, Giêrusalem. Nhưng Giuse đã sống ở Nadaret và là một người nghèo, một người thợ hoặc là một người thợ mộc ? Chúng ta không hiểu rõ nguyên nhân nào đã khiến Giuse “định cư” ở đây, thay vì sống ở thủ đô (sự kiện về nguyên quán khai sổ bộ).

Cuộc di chuyển nơi cư trú của Giuse còn có một ý nghĩa đặc biệt hơn, khi Giuse đính hôn với Maria. Thế nhưng Maria cũng có thể là người có quê quán ở Giêrusalem. Vì hình như ông Gioakim và bà Anna

cur ngụ tại Giêrusalem⁶². Rất có thể Gioakim thuộc chi tộc Lêvi, phải lo việc tế tự nên sống ở Giêrusalem.

Chúng ta cũng không rõ nguyên nhân nào đã khiến gia đình của Đức Maria đã về sống tại Nadaret. Đó lại là một yếu tố mới, để thấy kế hoạch của Thiên Chúa đã chọn Nadaret như một điểm hẹn cho một kế hoạch nào đó của Thiên Chúa. Sau này, khi sống lại, Chúa Giêsu cũng có một cái hẹn ở Galilê với các tông đồ. Và có truyền thống cho rằng Chúa Giêsu đã lên trời ở đó.

Như thế, có thể nói : nơi cư trú của Giuse và Maria đã được đặt trong kế hoạch của Thiên Chúa, cho dù cái lịch sử tự nhiên của 2 gia đình này có những nguyên nhân đặc thù của nó.

Phúc Âm cho thấy, dường như Đức Maria và Giuse đã sống ở Nadaret cho đến khi chết, không có dấu hiệu thay đổi chỗ ở. Chính tại Nadaret, như bài suy niệm về truyền tin cho thấy, Thiên Chúa đã “biến đổi” vận mạng của Giuse và Maria. Nadaret trở thành “cái nôi” của mâu nhiệm nhập thể, cũng như của cuộc sống ẩn dật.

Điểm II : Nadaret của Chúa Giêsu

Với Lc 2,51-52 ta biết rõ Chúa Giêsu đã sống ở Nadaret, trong suốt cuộc đời ẩn dật của Ngài. Gia đình Nadaret như thế vẫn có thói quen đi Giêrusalem hằng năm để châu lễ. Và chắc chắn khi lớn hơn 12 tuổi, có thể Chúa Giêsu đã đi châu lễ Giêrusalem một mình. Nhưng đời sống của

⁶² Hiện tại có ngôi thánh đường thánh Anna tại Giêrusalem bên cạnh hồ Betsatha là hồ nằm cửa, nơi Chúa Giêsu đã làm phép lạ cho người bắt toại ở bờ hồ này theo Phúc Âm Gioan. Về phương diện khảo cổ học, hồ này có thật vì đã được khai quật gần 20 năm nay, với các chi tiết được nói đúng như trong phúc âm Gioan. Nhưng ngôi thánh đường được coi là vị trí ngôi nhà của thân mẫu Đức Maria thì không có gì là chắc chắn cả. Hiện trong ngôi thánh đường có một cầu thang đi xuống một nơi gọi là phòng ở của Đức Maria.

Chúa Giêsu gắn liền với đời sống của Giuse ở Nadaret đến mức độ khi nói về Giêsu thì người ta liên tưởng ngay đến bác thợ (mộc) Giuse.

Người ta có vẻ biết đến Giuse nhiều hơn là biết Chúa Giêsu trước khi Ngài đi giảng đạo công khai. Vì thế để xác định Chúa Giêsu là ai, người ta đã phải nại đến tên Giuse, và đôi khi đến các “anh em” của Chúa Giêsu nữa. Như vậy Chúa Giêsu đã sống một đời rất mai ẩn, phụ thuộc hoàn toàn vào Giuse. Và có lẽ nghề nghiệp của Giuse đã làm cho Giuse được nhiều người biết đến. Còn cậu thanh niên có tên Giêsu, có thể chỉ là một thanh niên rất bình thường, không có gì đáng chú ý cả, vì Ngài chỉ phụ giúp thánh Giuse trong các công việc của cha Ngài thôi.

Từ đó chúng ta mới thấy, cuộc sống mai ẩn của Chúa Giêsu thật là mai ẩn. Ngài đã sống hoàn toàn một đời sống bình thường, đến mức độ cho tới 30 tuổi Ngài vẫn không thay thế được cha Ngài là Giuse, để rồi dù Giuse được giả thiết là đã qua đời lâu trước đó, dân chúng vẫn biết đến Giuse hơn là biết đến Giêsu.

Tại sao vậy ? Vì đối với người Do thái, người cha vẫn là nguồn gốc của dòng họ, và Giuse đã đặt tên cho Chúa Giêsu theo như lệnh truyền của Thiên Thần (Mt 1,21). Cho nên gốc gác của Chúa Giêsu thuộc về dòng họ Giuse, và Giuse thuộc dòng tộc Đavít⁶³. Nhưng với biến cố truyền tin, thì Nadaret chính là *quê hương* của vị Thiên Chúa làm người.

Ngày nay người ta đã đặt tên cho Caphanaum là thành phố của Chúa Giêsu. Thật là vinh dự cho Nadaret, vì đó là nơi đã mang dấu vết các bước chân của Chúa Giêsu nhiều nhất.

Điểm III : Nadaret của chúng ta

Nếu Nadaret là *quê hương của vị Thiên Chúa làm người*, thì Nadaret có thể là một “*linh đạo*” trong kế hoạch cứu độ của Thiên Chúa.

⁶³ Tính “do thái” do máu huyết của người Mẹ. Nhưng đặt tên là quyền của người cha, vì dòng tộc là theo người cha. Trong lịch sử Do Thái thời các Tổ Phụ, người cha đóng vai trò ưu thế. Có việc thờ kính người cha trong gia tộc

Charles de Foucauld đã nhận ra cái linh đạo này, sau khi Ngài sống một thời gian dài ở sa mạc Sahara. Ngài đã đến sống ở Nadaret với một ước vọng duy nhất là được nên giống Chúa Giêsu, Con Thiên Chúa làm người. Có thể nói đây là một linh đạo để thực hiện nhất, vì ai cũng có thể sống cuộc đời của mình như cuộc đời của Chúa Giêsu ở Nadaret, bởi vì chính Ngài đã chọn cuộc sống 30 năm ở đây để nên giống chúng ta. Linh đạo của Charles de Foucauld là : làm một người thợ, không rao giảng gì hết, không truyền giáo, chỉ muốn nên giống Chúa Giêsu trong mẫu nhiệm Nadaret.

Các tu sĩ tiểu đệ phải có 2 năm sống ở sa mạc, sau đó về sống ơn gọi của mình trong đời sống hàng ngày với tư cách là một người thợ. Các tu sĩ dòng Tiểu Đệ của Charles de Foucauld thường học đủ các năm thần học, để có thể làm linh mục, nhưng họ không chịu chức linh mục, vì họ muốn sống cuộc đời trần thế của *một người thợ như Chúa Giêsu* ⁶⁴.

Khởi từ linh đạo Nadaret *thật và cụ thể* của Charles de Foucauld, mỗi người chúng ta hãy tự đặt cho mình câu hỏi : Nadaret của tôi là gì ? Tôi sống mẫu nhiệm Nadaret của tôi thế nào? Trong thực tế : *đó là nơi Thiên Chúa muốn tôi sống cuộc đời dương thế của tôi. Nơi cư trú, và môi trường sống chung quanh của tôi có liên hệ đến ơn gọi của tôi.*

Ngày nay, hầu như chúng ta không để ý đến yếu tố này. Chẳng có một điểm giáo lý nào dạy ta phải chọn nơi này hay nơi kia làm nơi định cư cho cuộc đời dương thế của chúng ta. Cũng chẳng có một tiêu chuẩn, một nguyên tắc nào để ta có thể quy chiếu và tìm hiểu đâu là Nadaret của tôi. Có lẽ chỉ có một điều duy nhất thực tế đã xác định các Nadaret đó là : cái lịch sử của cha mẹ tôi, của bà con làng xóm của tôi. Đó là những cái xác định cho tôi về Nadaret của tôi. Và khi theo một ơn gọi, thì Nadaret

⁶⁴ Chỉ sau công đồng Vaticanô II, một số anh tiểu đệ mới chịu chức linh mục để phục vụ cho nhu cầu của cộng đoàn anh em tiểu đệ, chứ không phải để làm việc mục vụ, vì ơn gọi của các anh là đời sống của một người thợ trong mẫu nhiệm Nadaret. Họ muốn sống “y chang” cuộc đời của Chúa Giêsu 30 năm ở Nadaret

đó rõ nét hơn khi tôi vâng lời bề trên, để sống ở một vùng đất nào đó, tôi có thể chọn làm quê hương vĩnh viễn, hay quê hương tạm bợ của mình.

Nơi nào Chúa đặt cho tôi ở, thì đó là Nadaret của tôi.

Cuộc sống vừa là sự *tình cơ* vừa là *kế hoạch* của Thiên Chúa. Tôi lắng nghe để biết Nadaret của tôi là gì. Vấn đề là : tôi được *tiến tới*, được *khôn lớn*, được Thiên Chúa và mọi người *thương mến* (Lc 2,51-52) hay : ngày càng *lớn lên* và hằng *được ơn nghĩa* cùng Thiên Chúa (Lc 2,40).

Giá trị của Nadaret ở những điểm đó. Giá trị ơn gọi của tôi ở những điểm đó : *ngày càng lớn lên*, thêm *vững mạnh*, *khôn ngoan*, được *ân nghĩa* cùng Thiên Chúa, *được* Thiên Chúa và mọi người *thương mến*.

Những điều đó có lẽ là tất cả lý tưởng sống của tôi.

Giá trị kinh tế, giá trị của con người không hệ tại ở những tiến bộ vật chất, cho bằng *những tiến bộ của nhân cách con người* : được lớn lên, được Thiên Chúa và mọi người thương mến.

Sự giản dị của Nadaret là ở điều đó. Nhưng không phải ai cũng sống được cái giản dị đáng quý ấy.

B à i 1 4



CHÚA GIÊSU CHỊU PHÉP RỬA

KINH THÁNH : Mt 3, 13-17

Điểm I : Chúa Giêsu từ giả Đức Mẹ

Sự từ giả này đã được báo trước khi Chúa Giêsu lên 12 tuổi ở Lc 2,49 : “Tại sao lại tìm con, cha mẹ không biết là con phải lo việc Cha con sao ?” Chắc chắn đây là một quyết định Chúa Giêsu phải chọn lựa kỹ lưỡng vào một thời điểm trong cuộc đời của Ngài.

Đối với chúng ta, chúng ta hiểu đó là chuyện đương nhiên, và không đặt thành vấn đề về sự kiện này. Nhưng đặt trong bối cảnh của mầu nhiệm nhập thể, thánh I-Nhã có lý khi đề nghị chúng ta suy niệm về sự kiện này.

Quả thật, với tư cách là một người con trong gia đình, và trong bối cảnh toàn vẹn của mầu nhiệm nhập thể, Chúa Giêsu cũng phải quyết định điều quan trọng này trước mặt Thiên Chúa Cha, và đối diện với thực tế là rời xa Đức Mẹ. Thánh Giuse được giả thiết là đã qua đời.

Chúng ta cũng có thể giả thiết là Chúa Giêsu đã phải lãnh trách nhiệm làm việc kiếm tiền để lo cho gia đình thay cho Thánh Giuse. Như thế, việc từ giả rời Đức Mẹ không phải là chuyện đơn giản.

Vậy chúng ta hiểu gì về lời từ giả của Chúa Giêsu với Đức Mẹ ?

Thánh Kinh không nói gì hết. Nhưng chúng ta hiểu rằng có một sự từ giả : Chúa Giêsu phải nói một cái gì đó với Đức Mẹ trước khi Ngài bỏ

nhà ra đi, một cách giải thích tế nhị nào đó, và Đức Mẹ cũng hiểu được phần nào lý do của sự ra đi đó⁶⁵.

Thế nhưng việc từ giã này xảy ra lúc nào, và Chúa Giêsu đã thực hiện việc đó ra sao? Có một nhận định dẫn đo nào đó, gần giống như sự nhận định dẫn đo của chúng ta đối với ơn gọi vậy. Nghĩa là : có một tiếng nói nào đó của Thiên Chúa Cha trong tâm hồn Chúa Giêsu về sứ mạng cứu thế của Ngài.

Nhưng việc định đoạt thời điểm là một quyết định của Chúa Giêsu, trong bối cảnh lịch sử cụ thể rất riêng tư thuộc về Ngài. Vì thế chúng ta có thể hình dung được khung cảnh này trong những ngày Chúa Giêsu phải sửa soạn để lên đường. Chúa Giêsu đã sống hoàn toàn mẫu nhiệm nhập thể trong những chi tiết rất tế nhị của cuộc sống. Có lẽ dấu chỉ rõ ràng nhất để quyết định là sự kiện Gioan Tẩy Giả.

Điểm II : Chúa Giêsu đến với Gioan Tẩy Giả

Gioan Tẩy Giả là khuôn mặt lớn đối với Israel thời bấy giờ. Nhiều người Do Thái đã nghĩ ông là Êlia, hay một sứ giả đặc biệt của Thiên Chúa. Quả thật, theo các sách Phúc Âm cho biết, ông thực sự là một vị sứ giả của Thiên Chúa. Nhưng các tác giả Phúc Âm cũng cho ta biết ông đã “điều chỉnh” cái nhìn của người ta về ông.

Ông tự giới thiệu mình như tiếng kêu trong sa mạc, dọn đường cho Chúa. Đối với chúng ta ngày nay, chúng ta hiểu sự dọn đường này là sửa soạn tâm hồn. Nhưng trong bối cảnh của lời ngôn sứ Isaia 40,3 thì việc

⁶⁵ Có thể hình dung rất nhiều yếu tố phức tạp trong việc từ giã ra đi này : việc sắp xếp lại nhà cửa khi Chúa Giêsu phải “đẹp tiệm” ; ai sẽ lo cho Đức Mẹ khi Chúa Giêsu rời gia đình ? ; tâm lý của Đức Mẹ như thế nào trong tuần lễ có dấu hiệu của sự từ giã này ? ; Đức Mẹ sẽ sửa soạn những gì cho Chúa trước khi Ngài ra đi ? Những biến chuyển tâm lý như thế nào nơi Chúa Giêsu ? Chúng ta không quên Chúa Giêsu đã sống mẫu nhiệm nhập thể một cách trọn vẹn trong 30 năm ở Nadaret. Sự từ giã ra đi này là một giai đoạn mới rất quan trọng đối với Ngài.

dọn đường này có một ý nghĩa lớn hơn : đó là con đường cho Đấng Messia, con đường cho cuộc xuất hành mới, mà khi viết ra lời tiên báo đó, Isaia mới chỉ nghĩ đến việc sửa soạn con đường cho Israel lưu đày trở về. Và trong viễn tượng Messia, thì không phải chỉ đơn giản một con đường, mà là một đại lộ ⁶⁶.

Có lẽ chính để cho lời loan báo của Isaia được ứng nghiệm, đúng như lời hứa của Thiên Chúa, qua vị ngôn sứ, Chúa Giêsu đã đến với Gioan Tẩy Giả, vì cả bốn Phúc Âm đều cho thấy, ông ấy là một nhân vật có liên hệ đến sứ vụ của Chúa Giêsu. Chính Gioan Tẩy Giả đã nói khá minh nhiên về vai trò của ông trong mối quan hệ với Chúa Giêsu : “Tôi làm phép rửa cho anh em nhờ nước, còn Người, Người sẽ làm phép rửa cho anh em trong Thánh Thần” (theo Mc 1,8).

Như thế Gioan Tẩy Giả là cái cầu nối giữa Cựu Ước và Tân Ước. Chúa Giêsu không thể bỏ qua cây cầu Israel để đến với nhân loại. Vì thế, Ngài đã đến với Gioan Tẩy Giả, để làm nghi thức phép rửa hay để được xúc dầu tấn phong ? Chúng ta thấy tác giả Phúc Âm Matthêu bối rối trong cách trình bày về sự kiện này (xem Mt 3,14-15) ⁶⁷.

Thật khó giải thích cho chính xác việc Chúa Giêsu đến với Gioan Tẩy Giả. Nhưng vấn đề quan trọng là Chúa Giêsu đã làm điều ấy hoàn toàn đúng theo ý Chúa Cha. Quyết định của Chúa Giêsu đến với Gioan Tẩy Giả là một quyết định được Chúa Cha phê chuẩn ⁶⁸.

⁶⁶ Theo R. E. Brown, trong *St John*, Anchor Bible 29A, chú thích Jn 1,23.

⁶⁷ Chính sự bối rối của Matthêu làm cho chúng ta hiểu sự việc Chúa Giêsu đến với Gio-an Tẩy giả là một sự kiện “khó giải thích” đối với Giáo Hội sơ khai, đến nỗi Matthêu phải “lúng túng” khi kể lại sự kiện này. Tuy nhiên, chính sự “bối rối” càng chứng tỏ tính lịch sử của biến cố. Hơn nữa cả 4 Phúc Âm đều kể về sự kiện này. Việc giải thích về sự kiện này vẫn còn “bỏ ngỏ” trong phúc âm Matthêu, trong khi Maccô chỉ kể lại một cách đơn giản sự kiện này, và không đưa ra một ý kiến nào cả.

Chúng ta có thể thấy sự phê chuẩn này bằng cuộc thần hiển được trình bày ở các câu 16-17 : “Khi Đức Giêsu chịu phép rửa xong, vừa ở dưới nước lên, thì kia các tầng trời mở ra. Người thấy Thần Khí Thiên Chúa đáp xuống như chim bồ câu và ngự trên Người. Và kia có tiếng từ trời phán rằng : ‘Đây là Con yêu dấu của Ta, Ta hài lòng về Người’”.

Một đàng Matthêu cho thấy Chúa Cha đã tỏ mình ra cho Chúa Giêsu, đàng khác, Chúa Cha lại giới thiệu Chúa Giêsu cho dân chúng, hay ít là cho Gioan Tẩy Giả. Chúng ta lưu ý đến lời giới thiệu của Chúa Cha, vì có lẽ đó là sứ điệp chính của sự kiện Chúa Giêsu chịu phép rửa theo Matthêu ⁶⁹.

Điểm III : Chúa Giêsu là con hằng làm đẹp lòng Chúa Cha

Đó là tóm tắt tất cả sứ vụ của Chúa Giêsu qua lời giới thiệu của Chúa Cha : mọi lời nói, hành động và cái chết của Chúa Giêsu sẽ là việc làm của người Con hằng làm đẹp lòng Cha.

⁶⁸ Vai trò của Gio-an Tẩy Giả vì thế rất quan trọng. Chính các nhà lãnh đạo do thái đã phải công nhận Gio-an Tẩy Giả là một sứ giả của Thiên Chúa, và phép rửa của ông là do Trời. Dân chúng cũng công nhận Gio-an Tẩy Giả là một vị ngôn sứ (xem Mc 11,27-33). Ngay từ đầu Phúc Âm Luca đã trình bày về Gioan Tẩy giả như cái “bản lề của Cựu Ước và Tân Ước, khi trình bày về “truyền tin” và “sinh nhật” của Gio-an Tẩy Giả song song với truyền tin và sinh nhật của Chúa Giêsu. Chúa Giêsu “tôn trọng” cái lịch sử Thiên Chúa đã xếp đặt để nối Cựu Ước với Tân Ước.

⁶⁹ Phúc Âm Gioan không trình bày sự kiện này một cách trực tiếp mà là “gián tiếp” qua trung gian “lời chứng” của Gio-an Tẩy Giả (Ga 1,19-34). Cuộc “thần hiển” trong Nhất Lãm được trình bày như một “thị kiến” của Gio-an Tẩy Giả trong Gioan. Phúc Âm Gioan nhấn mạnh đến *lời chứng* của Gio-an Tẩy Giả hơn là trình bày *sự kiện*.

Sống một đời sống làm đẹp lòng Thiên Chúa không phải là dễ. Thế mà suốt cuộc đời dương thế, Chúa Giêsu hằng làm đẹp lòng Chúa Cha. Làm đẹp lòng Thiên Chúa, là sống theo Thánh Ý Người.

Phúc Âm cho thấy Chúa Giêsu đi cầu nguyện hằng ngày với Chúa Cha, cho dù dân chúng kéo đến nghe Chúa Giêsu đồng đạo đến nỗi Chúa Giêsu và các môn đệ không có thời giờ nghỉ ngơi đi nữa (xem Mc 1,35 ; 6,31-32.46). Vào lúc sắp sửa bước vào cuộc khổ nạn, Ngài cũng cầu nguyện tha thiết với Chúa Cha. Lời cầu nguyện đó, trong thân phận của Ngôi Lời nhập thể, không khác gì với lời cầu nguyện của mỗi người chúng ta (Mc 14,32-42).

Nhiều lần Chúa Giêsu nói, Ngài phải vâng phục Chúa Cha, bởi vì Ngài được Cha sai cử đến để làm *công việc của Chúa Cha*. Ngài sống theo ý Chúa Cha và làm những gì Chúa Cha dạy bảo Ngài phải làm, tuyên bố những gì Ngài phải tuyên bố (xem Ga 5,19.30; 7,16 ; 12,49-50).

Chúa Giêsu hoàn toàn lệ thuộc Chúa Cha, dù Chúa Giêsu có toàn quyền trên ma quỷ, bệnh tật, và làm các phép lạ, hoặc người ta chỉ cần chạm tới tua áo choàng của Ngài, thì quyền năng của Ngài vẫn tỏ hiện (Mc 5,27-28 ; 6,53-56). Sự lệ thuộc và vâng phục đạt đến tột đỉnh khi Chúa Giêsu chấp nhận bằng lòng chịu chết, để tôn vinh Cha và thực hiện ơn cứu độ cho chúng ta, qua máu nhiệm tự hủy (Pl 2,6-11).

Chúa Giêsu đã hành xử như người con trung tín của Cha, Người làm đẹp lòng Cha.

KẾT LUẬN :

Một lần nữa chúng ta thấy Thiên Chúa thành tín trong lời hứa khi sai Gioan Tẩy Giả đến sửa soạn cho sứ vụ của Chúa Giêsu, và tôn trọng mạc khải đã được bày tỏ trong lịch sử Do thái giáo.

Qua việc Chúa Giêsu chịu phép rửa, kế hoạch của Thiên Chúa nơi Con của Người được công khai hóa. Chúa Giêsu hiểu điều đó : “Bây giờ cứ thế đã, vì chúng ta nên làm như vậy để giữ trọn đức công chính”. Chúa

Giêsu tôn trọng lịch sử Thiên Chúa đã xếp đặt trong kế hoạch yêu thương của Cha từ đời và trong lịch sử dân Thiên Chúa.

Ngài đã tự hủy bằng con đường nhập thể, vì thế Ngài đến với Gioan Tẩy Giả là tiếp tục những hệ luận của con đường đó : Ngài tự xếp mình vào hàng những tội nhân dù Ngài chẳng có tội. Ngài tiếp tục kế hoạch của Thiên Chúa trong lịch sử cứu độ Thiên Chúa Cha đã thực hiện trong dân của Người, để từ đó mở ra với lịch sử của nhân loại.

Trong phụng vụ giáo hội, lễ Chúa Giêsu chịu phép rửa được đặt ngay sau lễ Hiển Linh : Chúa Giêsu tỏ mình ra cho dân, sau 30 năm ẩn dật tại Nadaret.

B à i 1 5



CHÚA GIÊSU CHỊU CÁM DỠ

KINH THÁNH : Mt 4, 1-11

DẪN NHẬP

Con cám dỗ của Chúa Giêsu liên quan đến các yếu tố rất gần với đời sống đức tin của chúng ta : cơm ăn, dầu lạ, của cải vật chất. Nhưng thật ra con cám dỗ này là một con cám dỗ đặc biệt đối với Chúa Giêsu, với sứ mạng cứu thế của Ngài, đó là con cám dỗ Messia. Chúng ta không quên Chúa Giêsu đã bị cám dỗ sau 40 đêm ngày ăn chay cầu nguyện.

Điểm I : đời sống của Chúa Giêsu trong sa mạc

Để khởi đầu sứ vụ, Chúa Giêsu đã có một thời gian sa mạc. Phúc Âm nhất lãm đều kể về thời gian này. Riêng Phúc Âm Maccô lại nói là : Thánh Thần Chúa xua Chúa Giêsu vào sa mạc (Mc 1,12).

Thời gian sa mạc của Chúa Giêsu cũng liên quan đến thời gian Gioan Tẩy Giả làm phép rửa. Theo Phúc Âm Gioan, sa mạc của Chúa Giêsu dường như cùng nơi chốn với Gioan Tẩy Giả (xem Ga 1,35-39). Và sứ vụ của Chúa Giêsu chỉ bắt đầu sau khi Gioan Tẩy Giả đã hoàn tất sứ vụ của ông (xem Mc 6,14-16).

Trong cuộc đời công khai, có nhiều lần Chúa Giêsu cũng vào nơi hoang vắng để cầu nguyện.

Sa mạc ở trong lịch sử Do Thái, là thời gian thanh luyện. Dân Do thái đã phải lang thang trong sa mạc suốt 40 năm mới vào Đất Hứa.

Đối với Chúa Giêsu, có lẽ là một thời gian quyết định về đường hướng Messia của mình. Để có thể nhận định và quyết định về đường

hướng ấy, Chúa Giêsu đã phải ăn chay và cầu nguyện ròng rã 40 đêm ngày.

Điều này một đàng cho thấy rõ hơn một yếu tố quan trọng của mầu nhiệm nhập thể : Chúa Giêsu cũng phải cầu nguyện và nhận định về Thánh Ý Thiên Chúa như mỗi người chúng ta. Đàng khác cho thấy Chúa Giêsu không có một dàn bài dọn sẵn từ trời xuống như chúng ta vẫn thường nghĩ về kế hoạch của Thiên Chúa. Ngài phải theo con đường cứu thế phù hợp với bối cảnh lịch sử của Ngài, theo quyết định của Ngài, nghĩa là sống mầu nhiệm nhập thể với các hệ luận của mầu nhiệm này.

Sa mạc là nơi Chúa Giêsu đã chọn để gặp gỡ Thiên Chúa Cha hay tự nó, là nơi dễ dàng hơn để Thiên Chúa đến với con người ⁷⁰.

Charles de Foucauld cũng có kinh nghiệm về sa mạc và các tu sĩ tiểu đệ phải có thời gian nhà tập ở sa mạc. Chính Charles de Foucauld đã sống một thời gian dài ở sa mạc trước khi đến sống ở Nadaret và sau đó ông đã trở lại sa mạc và chết tử đạo ở đó. Những nhà ẩn tu Esséniens và những ai có kinh nghiệm về sa mạc sẽ thấy có một cái gì đó của sa mạc làm cho người ta được gần gũi Thiên Chúa hơn. Sa mạc có thể là một thiên nhiên đẹp nhất của con người (Tel Arad) ⁷¹.

Sự cô tịch và cái đẹp hoang dã có thể giúp con người gặp gỡ được Thiên Chúa, vì ở nơi hoang vu ấy, không có thụ tạo nào khác, chỉ có một

⁷⁰ Sự náo nhiệt và ồn ào có thể là yếu tố khiến con người không nghe được tiếng nói của Thiên Chúa. Có sự náo nhiệt và ồn ào bên ngoài, nhưng cũng có thể có sự náo nhiệt và ồn ào bên trong.

⁷¹ Ở Tel Arad, khi mặt trời mới khởi sự dưới chân trời, ánh hồng đã tạo ra vẻ đẹp hoang dã trên những cồn cát mấp mô, một vẻ đẹp huyền hoặc. Khi mặt trời vừa ló dạng, thì sa mạc cho cảnh tượng của sự hùng vĩ, cái bao la của sa mạc được thấp sáng. Và chỉ trong vòng 15 giây, mặt trời đã mọc toàn thân ở chân trời, ánh sáng chan hòa, con người như được ngập lặn trong ánh sáng ban mai.

mình con người với Thiên Chúa. Sa mạc dường như cần thiết để ta đối diện với Thiên Chúa.

Điểm II : Chúa Giêsu chịu cám dỗ

Nhưng cũng chính tại sa mạc, Chúa Giêsu đã chịu cám dỗ. Phúc Âm đã kể cho chúng ta về 3 cơn cám dỗ Chúa Giêsu đã phải đương đầu, đó là cám dỗ về của ăn, về danh vọng và về của cải.

Tuy nhiên như đã nói, cơn cám dỗ của Chúa Giêsu không phải là một cơn cám dỗ bình thường, mà là cơn cám dỗ Messia. Chắc là Chúa Giêsu không thể bị cám dỗ bởi của ăn, bởi vinh quang và của cải, bởi lẽ Ngài đã bỏ hết cái vinh quang của Thiên Đàng để làm người vì ta. Nhưng các cám dỗ của Chúa Giêsu là : đứng trước sự đói khát của nhân loại, những người anh em của mình, đứng trước sự nghèo đói của con người, đứng trước các nỗi cơ cực của con người Ngài đã chứng kiến 30 năm ở Nadaret, Chúa Giêsu bị cám dỗ, để *cứu nhân độ thế* bằng cách cung cấp cho con người các điều ấy bằng quyền năng Thiên Chúa của Ngài.

Ngài đã từng làm phép lạ bánh hóa nhiều sau này, tại sao Ngài không tiếp tục như vậy trong cơn đường cứu nhân độ thế ? Ngài đã từng dẹp yên sóng biển sau này, tại sao Ngài không bày tỏ quyền năng nhảy từ trên cao xuống, để thiên hạ tin Ngài ? Sau này, Ngài đã làm nhiều phép lạ chữa người bệnh tật, và cho cả kẻ chết sống lại, tại sao Ngài không tiếp tục như vậy để làm vui bớt nỗi thống khổ của con người ? Nhưng nếu làm như thế thì còn đâu nữa cơn đường nhập thể và tự hủy theo kế hoạch của Thiên Chúa ?

Các cám dỗ của Chúa Giêsu cũng như cám dỗ của con rắn ở địa đàng, muốn con người đi con đường tắt : một trái táo có thể biến con người bằng Thiên Chúa. Nên Chúa Giêsu không thể nào đi con đường đó. Vì thế Ngài chối từ việc biến đá thành bánh. Phải đi con đường bình thường của nhân loại, của kiếp người : lao động để có bánh ăn.

Con người có cám dỗ làm Thiên Chúa hơn là làm người. Rất nhiều khi chúng ta cũng đã đòi hỏi ở Thiên Chúa những điều như Satan đề nghị, xin Chúa làm cách nào cho ta có bánh để ta ăn. Cũng vậy, đối với con cám dỗ về danh vọng : nhảy từ nóc đền thờ xuống. Sau này, chính giới lãnh đạo Do thái cũng đòi Chúa Giêsu làm các dấu lạ (xem Mc 8,11-12).

Cuộc sống của chúng ta có thể bị cám dỗ để đi tìm hư danh, được nổi tiếng, được người khác khâm phục. Tìm những cái làm tôn vinh ta, mong trốn danh vọng của ta : được tiếng khen, được ca tụng, ngay cả trong những việc thánh thiện, như sự thành công trong việc tông đồ, hay để lại cho hậu thế những công trình của chúng ta.

Con người dường như có thói quen đi tìm hư danh như một bản tính thứ hai nơi hầu hết mọi người. Con người muốn soi mình trong gương : họ tìm thỏa thích nơi chính mình. Họ thật đáng *buồn cười* và *đáng thương*⁷² đi tìm một cái gì ở trong một thế giới ảo tưởng. Họ chẳng khác gì như những ông tiên xì ke đi tìm một sự viển vông không thật.

Cuối cùng, cám dỗ về của cải vật chất thế gian là cái cụ thể nhất, vì những cái đó rất hữu dụng trong đời sống con người. Và một cách chung, rất nhiều người trong nhân loại đang ở dưới sự quản chế của Satan trong mức độ họ bị lệ thuộc vào của cải thế gian. Ở trong cuộc sống có biết bao nhiêu câu chuyện, bao nhiêu hoàn cảnh, chúng ta đã thấy tình huynh đệ anh em tương tàn vì lý do này.

Ngoài các thế lực lớn ra, ở trên nhiều bình diện, ở trong mọi tầng lớp, cái đang phân rẽ con người lại là vinh hoa của cải thế gian. Con người đã đặt Satan làm Chúa của mình lúc nào không hay, như Satan đã nói : ta sẽ ban cho ngươi các sự đó, nếu ngươi bái lạy ta. Chắc chắn chúng

⁷² Saint-Exupéry nói về cái buồn cười này trong thế giới của con người. Mỗi khi có người nào khác đến với mình, thì anh chàng háo danh chỉ có một mình trong hành tinh nhỏ bé của anh ta liền nói : một người hâm mộ ta đã đến. Cái thật vô lý đó lại là cái con người tìm kiếm. Nhiều khi là những cái rất lố bịch (Xem Saint-Exupéry trong *Le Petit Prince*, Gallimard, 2000, trang 42-43).

ta không minh nhiên bái lạy Satan. Nhưng chúng ta mặc nhiên và đôi khi đã nhắm mắt trước sự bái lạy này. Biết bao nhiêu người đã vì tiền của mà đánh mất phẩm giá của mình.

Vì thế, để dứt khoát cho con đường đi của mình, Chúa Giêsu đã nói với Satan : hãy xéo đi, vì ngươi phải bái lạy một mình Thiên Chúa là Chúa ngươi⁷³. Và Chúa Giêsu đã chọn đời sống nghèo khó, để đi rao giảng tin mừng Nước Thiên Chúa, như ta đã thấy rất rõ về điều này trong cuộc đời của Chúa Giêsu.

Điểm III : sa mạc trong đời tôi

Nếu tôi muốn là người phụng sự Chúa, tôi cũng phải có thời gian sa mạc trong đời tôi. Và mọi người tín hữu tốt, cũng phải có những thời gian sa mạc nho nhỏ đều đặn trong cuộc sống : tĩnh tâm, tuần đại phúc, mùa chay... để xác định lại ý nghĩa đời sống, và hướng đi của mình.

Sa mạc là điều cần thiết trong đời sống thiêng liêng của tôi. Ngoài giờ cầu nguyện hàng ngày, ngoài giờ hồi tâm buổi tối, tôi cần những cuộc tĩnh tâm thánh, để thật sự tôi sống kinh nghiệm sa mạc của Chúa Giêsu.

Con người ta như một cái máy, nó cần có những biện pháp chế tài, để điều chỉnh cuộc sống. Cho nên trong đời sống, chúng ta phải khiêm tốn nhận rằng chúng ta cần thiết phải có *những điểm dừng*, để nhìn lại đời ta và điều chỉnh lối sống của ta. Linh thao năm, cấm phòng thánh, hồi tâm... sẽ giúp chúng ta có những giây phút sa mạc đó.

Chúng ta cần nhìn lại 3 con cám dỗ của Chúa Giêsu, để kiểm tra đời sống của chúng ta mỗi ngày. Tôi có thật sự đi theo các “*đề nghị*” của Satan về những điều đó trong cuộc đời tôi hay không ?

⁷³ Xem Mt 6,24: “Không ai có thể làm tôi hai chủ (...) Anh em không thể vừa làm tôi Thiên Chúa vừa làm tôi Tiền Của được”. Tiền Của đôi khi đã trở thành “*vị thần*” đối với con người.

Ngoài ra, cũng có thể có những sa mạc ngay trong cuộc sống của tôi : một giai đoạn sâu khổ thiêng liêng nào đó. Sự mệt nhọc chán nản trong công việc, thấy hết ý nghĩa của những điều đang làm, là những lúc tôi đang ở sa mạc để đối diện với Chúa, và nhận ra : “không có Chúa tôi không thể làm được gì”. Ngược lại, “tôi có thể làm được mọi sự trong Đấng ban sức mạnh cho tôi” (xem 2 Cr 12,7.9-10 ; 4,7 ; Cl 1,29 ; Ep 6,10).

Những cái đều đều của cuộc sống hàng ngày, sự cô đơn, là những yếu tố để tôi đến với Chúa nhiều hơn nữa, để tìm ra ý nghĩa của những cái hàng ngày và sự cô đơn đó. Đùng chạy trốn những sa mạc này, để tìm kiếm sự giải khuây ở những điều khác. Sự kiên trì, chịu đựng, như Chúa Giêsu đã kiên trì ăn chay 40 đêm ngày, trong sự cô tịch vắng lặng đó. Sự kiên trì trong thử thách là một đức tính quan trọng của đời sống thiêng liêng ⁷⁴.

Saint Exupéry kể về sự kiên trì của bạn ông như sau : “Cái gì cứu thoát ? đó là bước một bước, bước thêm một bước, luôn luôn bước đi một bước” ⁷⁵.

⁷⁴ Trong Linh Thao, Thánh I-Nhã nói về sự kiên trì không thay đổi quyết định trong khi gặp sâu khổ (xem LT 318-321)

⁷⁵ Xem Saint-Exupéry trong *Terre des Hommes*, 2000, Gallimard, trang 46. Trong phần nói về “bạn hữu” ông đã ca ngợi lòng can đảm của Guillaumet, người đã rút máy bay trong dãy núi Andes phủ đầy tuyết mùa đông. Anh chống lại cơn cám dỗ muốn chôn vùi thân xác ở dưới lòng tuyết. Nhưng anh không cho phép anh sa cơn cám dỗ đó : “Anh chống lại mọi cám dỗ. Anh bảo : Nằm trong tuyết, mình mất hết bản năng sống còn. Sau hai, ba, bốn ngày đường, tôi chỉ thèm ngủ. Chỉ thèm chừng đó. Nhưng tôi nghĩ : Nếu vợ tôi tin tôi còn sống, bà tin là tôi đang đi, bạn hữu cũng tin là tôi đang đi, mọi người đều tin vào tôi. Và tôi là thằng tôi nếu tôi không đi” (trang 43).

KẾT LUẬN :

Như Chúa Giêsu, mỗi người phải có một hướng đi rõ ràng trong cuộc sống. Nếu không chọn hướng đi cho mình, thì cuộc sống sẽ áp đặt hướng đi của nó cho bản thân chúng ta. Hướng đi này như kim chỉ nam cho cuộc sống dương thế của mỗi người.

Người sống đời hôn nhân gia đình, phải kiên trì để xây đắp cho hạnh phúc gia đình. Người sống đời dâng hiến phải thực sự tìm được hạnh phúc trong ơn gọi mình đã quyết định chọn theo. Ngay cả những hoàn cảnh “đang dở” cũng cần có những cuộc tĩnh tâm định hướng để biết mình sống hoàn cảnh đang dở của mình thế nào cho đẹp lòng Chúa.

Phải có một niềm tin rằng : một khi Thiên Chúa đã cho chúng ta sinh ra và sống trong cuộc đời này, chúng ta vẫn có thể tạo lập được một cuộc sống hạnh phúc cho chính mình, dù ở bất cứ hoàn cảnh nào. Vấn đề là : như Chúa Giêsu, chúng ta chấp nhận Thánh Ý Chúa trong cuộc đời ta.

Ngoài ra, chúng ta không quên, chúng ta còn sống nhờ *đời sống ơn thánh*, chứ không phải chỉ đơn thuần đời sống tự nhiên của ta.

Bài suy niệm này cho thấy, để hoàn tất “ơn gọi trong bậc sống” chúng ta cần không ngừng cầu nguyện, và đôi khi ăn chay hãm mình, để tìm kiếm Thánh Ý Thiên Chúa. Chúa Giêsu đã làm như vậy, lẽ nào chúng ta có thể miễn trừ cho mình những điều chúng ta cần thiết phải làm, để xác định hướng đi cho đời ta theo Thánh Ý Chúa ?

B à i 1 6



HAI CỜ HIỆU

LT. 136-147

D ẫ n N h ậ p

Đây là một bài suy niệm mang tính ẩn dụ, nhưng lại có một cơ sở Kinh Thánh và thần học rất cao.

Trên cơ sở của Kinh Thánh, thật sự có sự đối đầu giữa Satan và Thiên Chúa, như giáo lý cổ truyền về cuộc sa ngã của các Thiên Thần (hàm ý trong bài trình thuật sáng tạo II), cũng như trong lời của Chúa Giêsu : “không thể vừa làm tôi Thiên Chúa vừa làm tôi Tiền Của được” (Mt 6,24). Sự đối đầu giữa Satan với con người cũng hàm ý trong Ga 8,44 khi Chúa Giêsu nói về Satan như kẻ nói dối, và là tên sát nhân.

Trên bình diện thần học, giáo lý phổ thông cho biết con người bị ma quỷ cám dỗ, và có nhiều đoạn Kinh Thánh ám chỉ đến việc này (Mc 14,38 : hãy canh thức và cầu nguyện, kéo sa chước cám dỗ).

Trong lịch sử cứu độ, Chúa Giêsu đến để giải thoát ta khỏi quyền lực của Satan mà Ngài gọi là quyền lực của bóng tối, và đồng hóa nó với thủ lãnh của thế gian này (Ga 14,30 ; 16,11 ; 12,31).

Thánh I-nhã dùng hình ảnh 2 cờ hiệu để cho thấy con người, hay nhân loại được Thiên Chúa mời gọi thông hiệp vào sự sống của Thiên Chúa. Ngược lại, Satan cám dỗ con người để thỏa mãn những dục vọng của con người, từ đó đi ngược lại đường lối của Thiên Chúa và đánh mất hạnh phúc đời đời.

Đnl 15,30 : “Này ta đặt ngươi trước sự lựa chọn : sự sống hay sự chết !”

Những hình ảnh cụ thể trong cuộc sống con người cũng giúp cho chúng ta thấy rõ hơn cái ranh giới rất mong manh, mà con người có thể đi vào cờ hiệu của Satan lúc nào không hay biết. Chính vì sự tinh tế giữa 2 con đường, mà ở tiền nguyện II, I-Nhã đã dạy ta xin một ơn xin gồm 2 điểm kép :

- 1) hiểu biết *sự lừa dối* của Satan, và *ơn trợ giúp* để giữ mình khỏi sa chước cám dỗ.
- 2) hiểu biết *đời sống chân thật* của Chúa Kitô và *ơn để bắt chước* Ngài.

CÁC ĐIỂM SUY NIỆM

Điểm I : Những cám dỗ của Satan

Việc ma quỷ cám dỗ là chuyện có thực trong đời sống con người. Các nhà tu đức đều nói chắc về việc này. Hiện tượng ma quỷ được nói đến trong Kinh Thánh từ thời Chúa Giêsu. Như vậy ta phải ý thức có một quyền lực sự dữ cám dỗ ta thật, trong đời sống của ta. Ngày nay có nhiều người không tin như vậy. Lý do rất dễ hiểu là vì các cám dỗ của Satan rất gần với nhu cầu cụ thể của đời sống con người. Đó là cám dỗ về tiền bạc, danh vọng và lòng kiêu ngạo.

Chúng ta nên lưu ý đến *tính cách liên kết chặt che* với nhau của 3 yếu tố này :

Yếu tố *tiền bạc của cải* là điều rất thường tình, mọi người đều thích. Hơn nữa, tự nó cũng chẳng phải là tội lỗi khi chúng ta sử dụng tiền bạc và của cải đúng mục tiêu của nó (NLNT). Vấn đề ở chỗ là khi có tiền bạc của cải, và khi có nhiều và bởi vì lòng tham của con người không đáy, nên nó trở thành một nấc thang đưa đến *danh vọng*.

Trong đời sống hàng ngày, ta thấy có nhiều trường hợp, từ sự giàu sang phú quý đó, con người đi tìm danh vọng, đôi khi còn dùng tiền bạc để mua lấy địa vị, hoặc để thỏa mãn có được chức quyền, hoặc để có thêm của cải nhờ địa vị chức quyền đó.

Trong xã hội, sự kiện này hầu như hiển nhiên trước mắt chúng ta. Cuộc sống trần thế tập trung then chốt ở việc thu nhập của cái vật chất. Xã hội trần thế hay thành phố cuộc đời là cái độc lập hay đối lập với thành đô thiên quốc, theo cái nhìn của Hervey Cox. Nó dẫn con người đến cái vô danh (*anonymat*), chỉ là một con số trong một *thế giới độc lập* và *tự lập* này.

Người kitô hữu không ý thức, thì vô tình vun xới cho cái thế giới độc lập và tự lập này, như xưa, câu chuyện tháp Babel đã minh họa phần nào sự lạc hướng này của con người. Với tiền của và danh vọng, con người đã đi đến *kiêu ngạo*. Con người đứng thực đã đạt tới đỉnh cao của văn minh tiến bộ, tiện nghi, làm chủ thế giới vật chất, nhưng *con người sẽ đánh mất mình trong chính cái thế giới họ thiết lập nên*.

Tính cách *anonymat* vô danh, là một ảo tưởng rất tác hại về nhân phẩm con người.

Sự kiêu ngạo cả thể, sẽ đi đến mọi tính xấu khác : con người bị ngụp lặn trong thế giới lợi lộc, và dẫn đến trở thành *nạn nhân* của chính của cải và danh vọng, do chính họ đã gây dựng nên. Điều quan trọng đáng lưu ý ở đây là : các cám dỗ của Satan để mời gọi con người đứng vào cờ hiệu của nó, lại rất phù hợp với *khuyňh hướng tự nhiên* của con người. Con người sẽ tự động xếp hàng dưới cờ hiệu của Satan.

Điểm II : Lời mời gọi của Chúa Giêsu

Chính vì cái *thế giới tự động thiếu suy nghĩ* đó của con người, mà Chúa Giêsu đã xuống thế làm người, sống thân phận con người, và kêu gọi ta đi một con đường ngược lại với con đường tự nhiên của thế gian. Pl 2,6-12 : “*Đức Giêsu Kitô vốn dĩ là Thiên Chúa...*” Mẫu nhiệm nhập thể không phải chỉ đơn giản là việc xuống thế làm người, để *cứu chuộc ta bằng cái chết* trên thập giá. Mẫu nhiệm nhập thể còn cho thấy cuộc sống của Chúa Giêsu tại Nadaret, là một *thái độ sống* chúng ta *phải có* trong thế gian.

Đời sống khó nghèo tại Nadaret như ta đã thấy : những nỗi khổ, và cái chết, có thể là điều bình thường trong cuộc sống của con người.

Nhưng *cuộc đời và cái chết* của Chúa Giêsu có một ảnh hưởng rõ rệt : sống ở trong thế gian, nhưng không thuộc về thế gian vì con người thuộc về Thiên Chúa. Chúa Giêsu cho thấy rõ điều ấy trong các phản ứng của Ngài, cũng như trong cách thức Ngài cầu nguyện liên li với Chúa Cha.

Khi đi rao giảng Tin Mừng Nước Thiên Chúa, Ngài nói một cách minh nhiên hơn về những gì con người phải đối diện với cuộc sống : Bài giảng 8 mối phúc là một minh họa rất rõ nét về dung mạo của người công dân Nước Trời trong đời sống tại thế. Con đường thập giá là con đường cụ thể của mọi người kitô hữu : “Ai muốn theo Tôi, phải từ bỏ chính mình, vác thập giá mình mà theo” (Mc 8,34). Đó là con đường cửa hẹp (Mt 7,13-14) ; người giàu có khó vào nước trời (Mt 19,23) ; con chồn có hang, chim trời có tổ, nhưng Con Người không có chỗ tựa đầu (Mt 8,20). Con đường từ bỏ : được lời lãi cả thế gian mà đánh mất sự sống mình nào có ích gì (Mt 16,26).

Giới răn trọng nhất là : yêu Chúa hết linh hồn, hết trí khôn và yêu tha nhân như chính mình (Lc 10,27).

Chúa Giêsu không phản đối của cải vật chất. Nhưng Ngài dạy ta làm chủ thật sự vật chất.

Những giáo huấn đơn sơ, nhưng minh họa rất rõ con đường này :

- Đừng tưởng có của cải mà được an toàn đâu (Lc 12,15).
- Đừng tìm chỗ nhất nơi hội đường và bàn tiệc (Lc 14,7-11).
- Hai trinh của bà góa (Lc 21,1-4).
- Hãy học cùng Ta vì Ta hiền lành và khiêm nhường trong lòng (Mt 11,29).
- Đừng lo lắng về ngày mai, ngày mai, cứ để ngày mai lo, ngày nào có nỗi khổ của ngày ấy (Mt 6,34).

Con đường của Chúa Giêsu đúng là con đường của người nghèo : sống đơn giản, thanh bạch, tự do, không bon chen, hòa đồng với mọi người, phục vụ, sống như người tôi tớ. Có biết bao nhiêu yếu tố của Tin Mừng phác họa cho ta chân dung của lối sống này. Vì thế, khi suy niệm về cờ hiệu của Chúa Giêsu, chúng ta có thể hình dung dễ dàng : đâu là lối sống của chúng ta, đâu là cách hành xử theo Tin Mừng ?

Bài suy niệm này cho ta thấy những yếu tố rất cụ thể của đời sống Kitô hữu.

Điểm III : ý thức và chọn lựa lối sống

Như thế bài suy niệm này giúp ta ý thức về thực tại đời sống của chúng ta. Chúng ta đang ở dưới cờ của ai : cờ của Chúa Giêsu hay cờ của Satan ? Sự ý thức này rất cần thiết, để ta *tỉnh táo trước những cám dỗ*, đồng thời để ta *nhảy bèn trước đời sống chân thật của Chúa Giêsu*. Nhưng sự tỉnh thức này phải dẫn ta đến một sự chọn lựa rõ ràng và cụ thể những gì liên quan đến đời sống của ta.

Ở điểm thứ 3 này ta có thể làm được bản “thống kê” về những gì chúng ta đã vô tình sống dưới cờ Satan và giúp ta xác định một số điểm có liên quan đến hướng đi của đời ta, nếu chúng ta thực sự muốn đứng dưới cờ của Chúa Giêsu. Ý thức và chọn lựa, là cách thức để ta trở về với ơn gọi Kitô hữu của ta trong phép rửa : *chết cho tội, cho thế gian, cho tính xác thịt, và chọn Chúa là lẽ sống* của mình.

Chúng ta phải nài xin bằng cách làm cuộc tâm sự như chúng ta được hướng dẫn trong bài cầu nguyện. Chúng ta xin Chúa cho chúng ta không mâu thuẫn với chính mình. Trong ý thức chúng ta theo Chúa, nhưng cụ thể chúng ta lại đi trên con đường của Satan.

BÀI SUY NIỆM VỀ HAI CỜ HIỆU

THEO LT. 136-147

136. HAI CỜ HIỆU

Suy-gẫm về hai cờ hiệu ; cờ của Đức Kitô, vị chỉ-huy tối cao và Chúa chúng ta ; cờ của Luxiphe, kẻ tử thù của bản tính loài người chúng ta.

Kinh nguyện : kinh dọn lòng như thường lệ.

137. Tiền nguyện I : lịch sử : ở đây là Chúa Kitô kêu gọi và muốn cho mọi người ở dưới bóng cờ Ngài, và ngược lại, Luxiphe (cũng gọi và muốn cho mọi người) ở dưới cờ nó.

138. Tiền nguyện II : Đặt khung cảnh, nhìn xem nơi chốn : ở đây là nhìn xem một doanh trại vĩ đại bao hết miền Giêrusalem, và ở đây có vị chỉ huy tối cao của những người lành là Đức Kitô, Chúa chúng ta ; một doanh trại khác ở miền Babylon, nơi có tên cầm đầu kẻ thù là Luxiphe.

139. Tiền nguyện III : xin điều tôi muốn, ở đây là xin cho được hiểu biết những sự lừa dối của tên cầm đầu xấu xa và ơn trợ giúp để giữ mình khỏi những sự ấy ; và được hiểu biết đời sống chân thật mà vị lãnh đạo tối cao và đích thực chỉ cho chúng ta, cùng ơn để bắt chước Ngài.

(PHẦN I)

140. ĐIỂM NHẤT : Tưởng tượng ra tên cầm đầu hết mọi kẻ thù địch ở trong một doanh trại vĩ đại miền Babylon, như đang ngồi trong một ngai lớn bằng lửa và khói, với hình dáng ghê sợ và khủng khiếp.

141. ĐIỂM HAI : Suy nghĩ về việc hấn kêu gọi vô số quý và sai chúng đi khắp thế giới thế nào ; bọn này thành này, lũ kia thành khác,

không bỏ sót một thành, một miền, một bậc người hay một cá nhân nào.

142. ĐIỂM BA : Suy nghĩ về những lời hấn nói với lũ quỷ, về sự hấn khuyến khích chúng quăng lưới và xiềng xích như thế nào ; rằng trước hết chúng phải cảm dỗ về sự ham muốn của cái, như trường hợp thường xảy ra, để người ta dễ đi đến hư danh thế gian hơn, và sau đó đến sự kiêu ngạo cả thể ; như thế, bậc thang thứ nhất là của cái, bậc thang thứ hai là danh vọng, bậc thứ ba là kiêu ngạo, và từ ba bậc thang này hấn đưa vào mọi nét xấu khác.

(PHẦN II)

143. Phải tưởng tượng trái ngược hấn về vị chỉ huy tối cao và chân thật là Đức Kitô, Chúa chúng ta.

144. ĐIỂM NHẤT : Nhìn xem Đức Kitô, Chúa chúng ta đang đứng trong doanh trại rộng lớn miền Giêrusalem đó, ở một chỗ khiêm tốn, đẹp đẽ và phúc hậu như thế nào.

145. ĐIỂM HAI : Suy nghĩ về sự Chúa cả thế giới chọn lựa biết bao nhiêu người, tông đồ, môn đệ v.v... và sai họ đi khắp thế gian rao truyền đạo thánh Ngài cho mọi bậc và mọi hạng người như thế nào.

146. ĐIỂM BA : Suy xét về những lời Đức Kitô, Chúa chúng ta phán dạy các tội tở và bạn hữu Ngài, mà Ngài sai đi trong cuộc viễn chinh đó ; Ngài căn dặn họ tìm cách giúp đỡ mọi người bằng cách lôi kéo họ, thứ nhất đến sự khó nghèo trong lòng tốt bậc, và đến cả sự khó nghèo thực sự, nếu bởi đó Thiên Chúa được phụng sự và nếu Người muốn chọn họ, thứ hai đến lòng ao ước chịu nhục nhã và khinh chê, vì bởi hai điều ấy mà có đức khiêm nhường ; như thế có ba bậc, bậc thứ nhất là sự khó nghèo đối lại với sự giàu sang, bậc thứ hai là những sự nhục nhã hoặc khinh chê đối lại với danh vọng thế gian, bậc thứ ba là khiêm nhường đối lại với kiêu ngạo ; và từ ba bậc thang ấy họ phải dẫn tới mọi nhân đức khác.

147. TÂM SỰ : Tâm sự với Đức Bà để Người xin cùng Con và Chúa Người cho tôi ơn được nhận vào dưới cờ Ngài ; thứ nhất bằng sự khó nghèo trong lòng tốt bụng, và cả khó nghèo thực sự, nếu bởi đó Chúa chí tôn được phụng sự và nếu Người muốn chọn và nhận tôi ; thứ hai, bằng sự chịu nhục nhã và bất công để nhờ đó bắt chước Ngài hơn, miễn là tôi có thể chịu những sự ấy mà không nên tội cho ai và cũng không có chi mất lòng Chúa chí tôn.

Đoạn đọc một kinh Kính Mừng.

Cuộc tâm sự thứ hai : xin cùng một điều ấy với Đức Chúa Con để Ngài cầu xin Đức Chúa Cha cho tôi, rồi đọc kinh Lạy Hồn Chúa Kitô (*Anima Christi*)

Cuộc tâm sự thứ ba : xin cùng một điều ấy với Đức Chúa Cha để Người ban cho tôi, và đọc một kinh Lạy Cha.

B à i 17



BA MẪU NGƯỜI

LT. 149-157

DẪN NHẬP

Bài cầu nguyện này giúp ta kiểm tra lòng chân thành của ta trong đời sống thiêng liêng. Nói cách khác là bài kiểm tra ý chí của ta, đó là *ý chí của sự từ bỏ*. Tuy nhiên cũng có thể khai triển bài suy niệm này ở khía cạnh tích cực của nó, tức là *các quyết tâm của ta trong đời sống thiêng liêng*.

Sự từ bỏ là một trong các yếu tố tu đức truyền thống, ngày nay vẫn có giá trị, nhưng ít được nhấn mạnh như trước. Người ta nói đến các giá trị của đức ái, của lòng quảng đại, của hy sinh tận tụy trong công việc. Và như thế có thể người ta trốn tránh điều cản trở đời sống thiêng liêng của chúng ta : đó là các quyền luyến lệch lạc trong đời sống chúng ta.

Bài suy niệm về 3 mẫu người coi việc quyền luyến với tiền bạc như là sự quyền luyến lệch lạc tiêu biểu trong đời sống thường tình của chúng ta. Nhưng nói rộng ra, sự quyền luyến lệch lạc đó có thể ở nhiều lãnh vực: quyền luyến về tình cảm, gán bó với ý riêng, thiếu khả năng vâng phục, ham ăn uống, thích chung diện, đam mê coi bóng đá đến mức độ phạm thời giờ và bỏ qua việc bổn phận vv... Nói chung bất cứ một sự quyền luyến nào làm mất tự do của con người thì đó là quyền luyến lệch lạc.

Về những quyết tâm trong đời sống, mỗi ngày, mỗi tháng, mỗi năm, chúng ta thường có các quyết tâm để canh tân và cải thiện đời sống. Có những điều chúng ta muốn quyết tâm nhưng chỉ nằm ở bình diện của lòng

ước muốn thuần túy. Thí dụ : ta muốn yêu Chúa, nhưng trong thực tế, ta chẳng làm gì để bày tỏ lòng yêu mến Chúa.

Chúa Giêsu : kẻ yêu mến Ta thì giữ các lệnh truyền của Ta (Ga 14,21). Như vậy lòng yêu mến được thể hiện thực sự ở việc giữ các lệnh truyền của Chúa Giêsu.

Một cách cụ thể : ta nói ta yêu Chúa, nếu ta cứ phạm tội thì không thể nói đó là lòng yêu mến Chúa được. Hay yêu Chúa nhưng không đi lễ Chúa Nhật. Với người sống đời dâng hiến : yêu mến Chúa nhưng không cầu nguyện theo như luật định.

Có rất nhiều điều trong đời sống thiêng liêng ẩn núp dưới nhiều hình thức khác nhau, để trốn tránh trách nhiệm. Như vậy, kiểm tra tinh thần từ bỏ hay xem xét lại các quyết tâm của ta là cách thức để chúng ta làm cuộc kiểm tra đời sống thiêng liêng của chúng ta.

Điểm I : Tật xấu cố hữu hay những quyền luyến lệch lạc

Mỗi người chúng ta đều có một số tật xấu cố hữu nào đó. Chúng ta phải khám phá ra được các tật xấu cố hữu đó. Chính cái tật xấu cố hữu đó có thể là một trong các quyền luyến lệch lạc của ta. Nếu chính chúng ta không biết rõ, chúng ta có thể nhờ linh hướng hay anh em góp ý xây dựng cho ta. Và nếu chúng ta có thiện chí đón nhận sự góp ý, thì đã là một sự tiến bộ lắm rồi.

Nhưng trong thực tế, có nhiều khi chúng ta không làm gì để thay đổi con người của chúng ta, không cố gắng nhưng lười biếng. Như vậy, cái thiện chí kia không có tác dụng. Nó chỉ là một thái độ để trấn an lương tâm. Nó chưa biến sang hành động. Loại người này giống như câu chuyện người con thứ 2 trong Phúc Âm Mt 21,28-32. Anh nói : vâng, con sẽ đi làm vườn nho cho Cha. Nhưng sau đó anh đã thực sự không đi.

Tuy nhiên sự thánh thiện không đo lường ở mức độ tôi đã đạt được sự hoàn chỉnh nơi con người của tôi đến đâu, nhưng hệ ở *những cố gắng sửa đổi con người của tôi*. Có những người có những khuyết tật thiêng

liêng, nhưng họ đã cố gắng rất nhiều mà cuối cùng, cho đến chết họ vẫn chưa sửa được các khuyết tật ấy.

Sự thánh thiện không phải ở chỗ ta đã *bíng* được hay chưa các khuyết tật thiêng liêng của ta. Sự thánh thiện hệ ở chỗ ta đã *nỗ lực* hay chưa, và có *kiên trì* trong nỗ lực đó không.

Thánh Phaolô : để tôi khỏi kiêu ngạo, Thiên Chúa đã để một cái dằm trong xác thịt tôi (2 Cr 12,7). Thánh Têrêsa Avila : hơn 20 năm cầu nguyện không được, nhưng vẫn kiên trì trong cầu nguyện không bỏ cuộc.

Nếu thực sự ta dùng phương thế, thì kết quả đời sống thiêng liêng của ta có thể phó thác trong bàn tay quan phòng của Thiên Chúa.

Điểm II : Những thỏa hiệp trong cuộc sống

Thường đa số chúng ta sống một đời sống thiêng liêng thỏa hiệp như mẫu người thứ II.

Trong Cựu Ước, dân Do Thái vừa thờ Thiên Chúa Giavê vừa thỏa hiệp với các nước lân bang, hoặc thờ các thần ngoại.

Có biết bao nhiêu sự *thỏa hiệp ngầm* trong đời sống thiêng liêng của ta : tôi sốt sắng phục vụ Chúa ở điều này, nhưng ở điều khác tôi làm phiền lòng Chúa. Có một sự bù trừ tinh tế nào đó. Và lương tâm tôi được yên ổn.

Sách Khải Huyền có nói về tình trạng này trong Giáo Hội Lao-đi-ki-a (Kh 3,14-22) : “Bởi vì người không nóng không lạnh, nên ta muốn mửa người ra khỏi mình Ta”.

Đời sống thỏa hiệp đôi khi còn nguy hiểm hơn mẫu người thứ I nữa, bởi vì những người sống đời sống thiêng liêng thỏa hiệp khiến họ có ảo tưởng là họ thánh thiện. Vì thế, có khi họ làm điều gian ác và lương tâm họ bị che đậy. Khi họ không quyết tâm từ bỏ cái ngăn cản họ tiến bước trên đời sống thiêng liêng, thì các việc đạo đức khác có thể có tính bù trừ để họ ẩn náu trong một lương tâm tội lỗi.

Chính vì thế, mà trong đời sống tu đức vấn đề không nóng không lạnh rất nguy hiểm. Nó giữ con người ở sự tội tệ : Chúa Giêsu nói về điều này đối với người xây tháp hoặc đi giao chiến trong Lc 14,28-33 và Ngài kết luận : “Cũng vậy, ai trong anh em không từ bỏ hết những gì mình có, thì không thể làm môn đệ tôi được”.

Điểm III : Một điển hình trong Phúc Âm : ông Giakêu Lc 19,1-10

Để minh họa cho mẫu người thứ III này, có lẽ câu chuyện ông Giakêu là một điển hình rõ nét nhất.

Có lẽ ông Giakêu tội lỗi này đã nghe biết về Chúa Giêsu và có lòng ước ao *nhìn thấy* Chúa. Lòng ước muốn của ông rất đơn sơ nhưng thực tế, ông không đủ điều kiện để có thể nhìn thấy Chúa : người nhỏ bé, đóm đông chen chúc, làm sao ông có thể chen vào để thấy Chúa được. Chính lòng ước ao đơn sơ thánh thiện và chân thành của ông khiến ông *tìm cách thức* để thực hiện điều ông ước muốn. Ông chạy lên trước, leo lên cây vả, vì Chúa sẽ đi ngang qua đó.

Cách thức hành xử của ông đã đánh động con tim của Chúa. Chúa nhìn ông và tuyên bố : “Này ông Giakêu, xuống mau đi vì hôm nay tôi phải ở lại nhà ông”.

Ông đã hân hoan đón tiếp Chúa, và thực thi giáo lý của Chúa : “Thưa Ngài, này đây phân nửa tài sản của tôi, tôi cho người nghèo ; và nếu như tôi đã cưỡng đoạt của ai cái gì, tôi xin đền gấp bốn”.

Đáp lại Chúa Giêsu nói : “Hôm nay ơn cứu độ đã đến cho nhà này, bởi người này cũng là con cháu tổ phụ Abraham”.

Có những điều đơn giản như vậy trong đời sống thiêng liêng, chúng ta không làm được. Chúa đã đáp lại cái nhìn của ông Giakêu bằng một cái nhìn khác. Chúa thi ân cho chúng ta rất nhiều điều, nhưng chúng ta chưa có được lòng quảng đại của ông Giakêu. Ông cảm thấy hân hạnh được

đón Chúa đến nhà, và để đáp lại ân huệ Chúa viếng thăm, ông đã thật sự từ bỏ mọi sự để trở nên người môn đệ của Chúa ⁷⁶.

Tiếp nhận Chúa, là đặt tất cả tài sản của mình dưới chân Chúa, con người, trí khôn, trí hiểu và ý chí của mình, không để một sự quyến luyến lệch lạc nào còn lại nơi mình.

KẾT LUẬN

“Thế giới” của bản thân chúng ta rất bé, nhưng chúng ta thường nghĩ nó rất to. Tài năng, của cải vật chất của ta có là gì ? So sánh với nhiều người khác. Ấy vậy mà ta vẫn gắn bó với nó.

Sự thánh thiện có thể là một điều *dễ bị bỏ quên* nhất trong khi chính sự thánh thiện lại là *cái lớn lao nhất* trong ơn gọi làm người. Mt 5,48 : hãy nên hoàn thiện như Cha anh em trên trời là Đấng hoàn thiện. Sự thánh thiện là cái *tôn vinh* chúng ta. Nhưng lòng chúng ta vẫn còn gói gọn trong *thế giới chật hẹp* này. Phải siêu thoát. Phải có được sự tự do nội tâm. Tại sao tôi không có thể sống một đời sống đơn sơ và thanh bạch được ? Đâu là *hạnh phúc đời tôi* ? Cái gì là hạnh phúc thật ?

Suy niệm về 3 mẫu người, tôi sẽ thấy được những cái vô lý trong cách hành xử của tôi : tiền hậu bất nhất.

⁷⁶ Bài ca “Hãy Tiếp Nhận Con” diễn tả tư tưởng này. Chúng ta chỉ cần Chúa nhìn đến chúng ta một giây phút thôi, là đủ nuôi ta cả một đời (Xem Ca Nguyễn Linh Thao trang 70).

BÀI CẦU NGUYỆN VỀ BA MẪU NGƯỜI

LT. 149-157

149. BÀI CẦU NGUYỆN VỀ BA MẪU NGƯỜI

Suy ngẫm về BA MẪU NGƯỜI,
để theo đảng tốt hơn cả.

Kinh nguyện : kinh dọn lòng như thường lệ.

150. TIỀN NGUYỆN I : câu truyện : đây là truyện ba mẫu người, mỗi người đều kiếm được mười ngàn “đô-la”⁷⁷. Nhưng không phải với lòng trong sạch ngay thẳng, vì kính mến Chúa. Cả ba đều muốn cứu thoát mình và tìm thấy Thiên Chúa, Chúa chúng ta trong bình an, bằng cách gỡ mình khỏi gánh nặng và sự cản trở vấp phải do lòng quyến luyến những của đã kiếm được.

151. TIỀN NGUYỆN II : đặt khung cảnh, xem nơi chốn : ở đây là nhìn xem chính mình tôi, như đang ở trước mặt Thiên Chúa, Chúa chúng ta và tất cả các thánh của Ngài, để ước muốn và nhận biết điều gì có thể làm đẹp lòng Chúa nhân lành hơn cả.

152. TIỀN NGUYỆN III : xin điều tôi muốn : ở đây là xin ơn để chọn lựa điều gì có thể góp phần nhiều hơn vào việc làm vinh danh Chúa Chí Tôn và làm ích cho linh hồn tôi.

153. MẪU NGƯỜI THỨ NHẤT : mẫu người thứ nhất cũng muốn diệt trừ lòng quyến luyến mình có đối với của cải đã kiếm được, để tìm thấy Thiên Chúa, Chúa chúng ta trong bình an và để có thể cứu rỗi mình, nhưng cho đến giờ chết họ không dùng các phương thế.

⁷⁷ Thánh I-Nhã viết đồng “đô-ca”, tương đương với “đô-la” ngày nay.

- 154. MẪU NGƯỜI THỨ HAI :** mẫu người thứ hai muốn diệt trừ lòng quyến luyến ấy, nhưng họ muốn vừa diệt bỏ nó, vừa giữ lại của cái đã kiếm được, làm như Thiên Chúa phải theo ý muốn họ, và họ không quyết tâm từ bỏ của ấy để đi tới Thiên Chúa, mặc dù đó phải là bậc tốt hơn hết cho họ.
- 155. MẪU NGƯỜI THỨ BA :** mẫu người thứ ba muốn diệt trừ lòng quyến luyến ấy, mà họ muốn đến nỗi chẳng còn tha thiết tới việc giữ hay không giữ của đã kiếm được, mà chỉ mang trong lòng một điều là muốn hay không muốn giữ của ấy tùy theo đàng Thiên Chúa, Chúa chúng ta sẽ thôi thúc ý chí họ, và chính họ thấy tốt hơn cho việc phụng sự và ngợi khen Thiên Chúa ; trong khi chờ đợi, họ muốn coi mình như đã từ bỏ hết mọi sự trong tâm hồn và cố sức không muốn sự này hay sự khác nếu họ không được thúc đẩy bởi nguyên một việc phụng sự Chúa mà thôi. Như thế, chính ý muốn được phụng sự Thiên Chúa, Chúa chúng ta hơn thúc đẩy họ lấy hoặc bỏ của ấy.
- 156. BA CUỘC TÂM SỰ :** Làm cùng ba cuộc tâm sự như đã làm trong cuộc chiêm niệm trước về hai cờ hiệu.
- 157. GHI CHÚ :** Nên ghi chú rằng khi ta cảm thấy một tâm tình ngược lại hoặc lòng gớm ghét đối với sự khó nghèo thực sự, khi ta không bình tâm đối với sự khó nghèo hoặc giàu có, thì điều này giúp ích nhiều để diệt trừ lòng quyến luyến lệch lạc ấy, là trong các tâm sự, nài xin Chúa chọn mình vào sự khó nghèo thực sự (mặc dù nghịch ý xác thịt) và giục lòng ước muốn, cầu xin, van nài cho được điều ấy, miễn là để phụng sự và ngợi khen lòng lành Thiên Chúa.

B à i 1 8



VƯƠNG QUỐC CỦA THIÊN CHÚA

KINH THÁNH : Mc 1, 14-15

DẪN NHẬP

Lời rao giảng tiên khởi của Chúa Giêsu là lời rao giảng về Vương Quốc của Thiên Chúa (The Kingdom Of God) hay Nước Trời.

Mc 1,15 : Thời kỳ đã mãn, và Nước Thiên Chúa đã đến gần. Anh em hãy sám hối và tin vào Tin Mừng.

Mt và Mc đã trình bày việc Chúa Giêsu xuất hiện là ứng nghiệm lời Kinh Thánh về Nước Trời.

Mt 4,16 : “Dân đi trong tối tăm đã thấy một ánh sáng huy hoàng”. Sau đó là lời rao giảng của Chúa Giêsu : “Anh em hãy sám hối, vì Nước Trời đã đến gần” (Mt 4,17). Lc 4,18-22 cũng sử dụng lời Ngôn Sứ Isaia, nhưng ở đoạn 61,11 : “Thần Khí Chúa ngự trên tôi...”

Vì thế lời rao giảng về Nước Trời là lời rao giảng chính thức của Chúa Giêsu, được nói rải rác ở trong các trình thuật Phúc Âm.

Điểm I : Nước Thiên Chúa

Đây là một thực tại đã được Chúa Giêsu loan báo rất rõ trong Phúc Âm. Mc 4 và Mt 13 đã dùng nhiều dụ ngôn để nói về Nước Thiên Chúa hay Nước Trời. Đây là điều mới mẻ hay là điều đã được nói trước đó trong mạc khải Cựu Ước ?

Nước Thiên Chúa được nói trong Cựu Ước chỉ đến Vị Thiên Sai hay Thời Đại Thiên Sai, hoặc có thể nói đến thời cánh chung, trong đó Thiên

Chúa sẽ hiển trị, chứ không nói về Nước Thiên Chúa, hay Nước Trời, theo ý nghĩa Gioan Tẩy Giả hay Chúa Giêsu loan báo (xem 2 Sm 7 ; Is 11 ; Gr 3 ; Xp 3,9-20 ; Tv 92 ; Tv 95).

Lời rao giảng về Nước Thiên Chúa của Chúa Giêsu là một lời rao giảng hoàn toàn mới. Vậy Nước Thiên Chúa là gì ?

Các ví dụ về Nước Thiên Chúa cho ta một vài ý niệm về điều này: người gieo giống, cỏ lùng, hạt cải, men trong bột, kho báu và ngọc quý, lưới cá, mười cô trinh nữ... Đó là một thực tại mà chủ yếu là LỜI của Chúa Giêsu. Những ai tin và sống Lời Chúa Giêsu, là những người thuộc về Nước Trời.

Phúc Âm Mt và Mc đều khởi sự nói về Nước Trời với dụ ngôn về người gieo giống. Lời ấy sẽ sinh hoa kết quả trong lòng con người : kẻ thì 30, kẻ thì 60, kẻ thì 100.

Khi Chúa Giêsu trả lời cho Satan ở trong con cám dỗ : “người ta sống không chỉ nhờ cơm bánh, nhưng còn nhờ mọi lời miệng Thiên Chúa phán ra” (Mt 4,4), thì rõ ràng là Chúa Giêsu đã ám chỉ đến hai thực tại trong cuộc sống con người. Cơm bánh là thực tại của thế giới này. Lời Chúa là thực tại của Nước Trời, hay là điều sẽ dẫn đưa chúng ta đến thực tại Nước Trời.

Khởi từ Lời Chúa, người ta đón nhận sự sống của Thiên Chúa. Lời Chúa làm phát sinh sự sống (xem Ga 1,1-5). Sự sống ấy phát sinh, nảy nở, tùy ở tình trạng tâm hồn của mỗi người.

Ở những chỗ khác, Chúa Giêsu lại trình bày về Nước Trời như một bữa tiệc của hoàng tử. Mọi người đều được mời tham dự vào tiệc ấy (Mt 22,1-14). Hình ảnh tiệc cưới Nước Trời cũng rất rõ nét. Nhưng trong hầu hết các diễn từ về tiệc cưới để minh họa Nước Trời, luôn luôn có ám chỉ đến Chúa Giêsu là “chàng rể” (Mt 25,1-13). Đó là sự hiệp thông của nhân loại mà Chúa Giêsu là người qui tụ.

Nước đó là Nước của Thiên Chúa như Chúa Giêsu đã nói một cách minh nhiên trong kinh Lạy Cha : Nước Cha trị đến.

Cuối cùng với sách Khải Huyền thì Nước Trời là thời đại cánh chung của nhân loại : Tiệc Cưới Chiên Con (Kh 19,8-9).

Điểm II : Những đối tượng của Nước Trời

Đĩ nhiên Nước Trời dành cho mọi người, nhưng trong bài giảng trên núi, Chúa Giêsu đã lưu ý đến những người : nghèo khó, hiền lành, sầu khổ, khao khát sự công chính, biết xót thương, trong sạch, xây dựng hòa bình, bị bách hại. Nước Trời như thể đường như dành cho những người bên lề xã hội. Họ là những người chịu thiệt thòi nhiều trong cuộc sống dương thế này.

Chúng ta nhớ lại lời nói của Chúa Giêsu : “được lời lãi cả thế gian mà đánh mất sự sống mình, thì nào có ích gì” (Mt 16,26).

Nước Trời dường như dành cho *những người bất hạnh* ở trần gian này, và đặc biệt những người được coi là tội lỗi. Chúa Giêsu đã nói với giới lãnh đạo Do thái : “những người thu thuế và các cô gái điếm sẽ vào Nước Trời trước các ông” (Mt 21,31b). Sở dĩ có sự nghịch lý ấy là vì những người này dễ mở lòng ra hơn để đón nhận lời rao giảng về Nước Trời của Chúa Giêsu. Hoặc những sự khốn khó để cho người ta đi tìm kiếm Nước Trời hơn.

Tất cả cuộc đời của Chúa Giêsu dường như dành ưu tiên cho những con người bên lề xã hội : người nghèo, người bị bỏ rơi, người bệnh tật, người tội lỗi, cô nhi, quả phụ (Lc 7,11-17 : phép lạ cho con trai bà góa thành Naim sống lại).

Khi nói về Nước Trời, Chúa Giêsu đã dùng hình ảnh một em bé (Mc 10,13-16). Khi nói về đời sống đạo đức, Chúa Giêsu đã ca tụng hai trinh của bà góa (Mc 12,41-44). Khi nói về lời cầu nguyện, Chúa đã tán dương lời cầu nguyện của người thu thuế (Lc 18,9-14).

Và sau bài giảng về 8 mối phúc, Chúa Giêsu đã nói một loạt những điển từ về sự khôn ngoan, mà khởi đầu của những huấn giáo đó được bắt đầu bằng những từ ngữ : “Còn Ta, Ta bảo các ngươi...” (Mt 5,21-48) Điều ấy

hàm ý rằng Nước Trời đã đến nơi chính con người của Chúa Giêsu, nơi Lời của Ngài.

“Nếu ta dùng ngón tay Thiên Chúa mà trừ quỷ, thì các ngươi biết rằng Nước Trời đã đến rồi” (Lc 11,20).

Điểm III: Sự căng thẳng giữa hiện tại và tương lai

Ở thời Chúa Giêsu cũng như ở thời đại chúng ta hôm nay, luôn luôn có sự căng thẳng giữa hiện tại và tương lai, giữa đời sống tại thế và đời sống mai hậu. Một đàng : sự sống của Thiên Chúa đã bắt đầu có rồi ngay từ đời này. Đàng khác ta lại phải đối diện với những nhu cầu thực tế của đời sống. Đường như ta chọn cái này sẽ mất cái kia. Hoặc ta làm điều này sẽ làm phương hại đến điều kia.

Làm sao để sự sống của Thiên Chúa đã bắt đầu ngay ở đời này trong cuộc đời ta, và sẽ tiếp tục “ồn thỏa” đến cuộc sống mai hậu. Đó là điều ta đã nói ở trên : sống Lời Chúa, và luôn ở trong tình trạng “nhận định” (NLNT).

Theo Mc và Lc là sống “tinh thức”. Tinh thức và nhận định là lẽ khôn ngoan của người kitô hữu.

Chúng ta không thuộc về thế gian này. Và theo như lời nguyện của Chúa Giêsu ở trong phúc âm Gioan : ở trong thế gian nhưng không thuộc về thế gian. Không phải thoát khỏi thế gian mà là thoát khỏi sự dữ (Ga 17,15). Người kitô hữu có nhiệm vụ làm cho Nước Thiên Chúa hiện diện ở trần gian, cho các giá trị của Nước Trời được phô bày ra cho mọi người : làm men trong bột, làm ánh sáng và làm muối đất cho đời (Mt 13,33 ; 5,13-16).

Như vậy, đang khi sống các nhiệm vụ trần thế, người kitô hữu luôn luôn xây dựng Nước Trời. Ở gia đình là một cộng đoàn yêu thương, ở trong cộng đoàn, càng thể hiện hơn nữa mối tương quan huynh đệ của những người con cái Chúa. Ở trong Giáo Hội, càng thể hiện sự hiệp thông

không biên giới của những người nhận biết mình có một Cha chung là Thiên Chúa.

Sự căng thẳng chỉ có khi người ta muốn đi nước đôi, không dám đối mặt với Thiên Chúa để tìm cho mình một con đường đi hợp với Thánh Ý Ngài. Thiên Chúa luôn luôn hỗ trợ ta, để hạt giống Nước Trời lớn lên trong ta. Và điểm đặc biệt là : khi chúng ta sống thực sự cho Nước Trời, thì chúng ta được phong phú cả ở đời này lẫn đời sau. Con người ta được triển nở cả về nhân bản lẫn siêu nhiên.

Lời rao giảng về Nước Trời đúng là một Tin Mừng Chúa Giêsu đem đến cho chúng ta. Điều tưởng chừng không có được, thì có thể thực hiện được, khi ta bước theo Chúa Giêsu và sống Lời Hằng Sống của Ngài.

B à i 19



BA MỨC ĐỘ KHIÊM NHƯỜNG

LT. 165-168

DẪN NHẬP

Đây là bài câu nguyện để kiểm tra về mức độ tình yêu của ta đối với Chúa. Ta thực sự đã yêu Chúa đến đâu? Yêu Chúa, giữ các giới răn Chúa? Yêu Chúa, bằng việc phục vụ Chúa? Yêu Chúa, vâng theo thánh ý Chúa trong tất cả mọi biến cố trong đời ta: giàu/nghèo, đau yếu/khỏe mạnh, danh dự/tủi nhục?

Tình yêu ấy được chia ra thành 3 mức độ như sau:

- Mức độ 1: thà chết chẳng thà phạm một tội trọng mất lòng Chúa, cho dù người ta có đặt tôi làm Chúa mọi thụ tạo đi nữa.
- Mức độ 2: thà chết chẳng thà phạm một tội nhẹ mất lòng Chúa, cho dù người ta có đặt tôi làm Chúa cả mọi thụ tạo đi nữa.
- Mức độ 3: giả thiết là tôi đã đạt được 2 mức độ trên, và có sự bình tâm đối với mọi sự việc xảy đến trong đời tôi, tôi còn đi xa hơn nữa, đó là tôi chọn sự *nghèo kho* với Chúa Giêsu nghèo, *chịu sỉ nhục* với Chúa Giêsu chịu sỉ nhục, bị coi là *ngu dại* hơn là khôn ngoan thông thái, vì *Chúa Giêsu đã chịu như vậy*.

Ở đây ta thấy ngay được rằng đứng trên bình diện tự nhiên, nếu ta đạt được mức độ I trong tình yêu của ta đối với Thiên Chúa đã là quý lắm

rồi. Nhưng đó là mức độ tối thiểu ta phải đạt được. Có thể thấy rõ trường hợp anh hùng này nơi các thánh tử đạo ⁷⁸.

Mức độ II là của các thánh hiền tu : họ tránh cả tội nhẹ. Họ tìm cách tiến tới trên đường trọn lành. Họ sống một cuộc đời không gì đáng trách ⁷⁹.

Mức độ III thường thấy nơi các thánh lập dòng ⁸⁰. Họ được một ân sủng đặc biệt gắn bó với Chúa Giêsu ở *một phương diện nào đó* : Phanxicô Assisi về sự *khó nghèo*, thánh Đaminh về sự *hãm mình*, thánh Inhaxiô về *tình yêu Chúa Giêsu triệt để* và *làm vinh danh Thiên Chúa* trong tất cả những nỗ lực có thể làm theo sức con người.

Cả 3 mức độ đều là lòng khao khát nên hoàn thiện, lòng khao khát không muốn lia xa Chúa, không muốn mất Chúa. Có thể so sánh 3 mức độ này với 3 giai đoạn của đời sống thiêng liêng :

- 1. Giai đoạn thanh luyện : tránh tội trọng.
- 2. Giai đoạn quang khái : tránh tội nhẹ ⁸¹.
- 3. Giai đoạn kết hợp : nên một với Chúa Giêsu.

⁷⁸ Đây chỉ là cách so sánh để cho dễ hiểu : các thánh tử đạo đã từ khước làm hành vi “chối đạo” là một tội trọng đối với người kitô hữu.

⁷⁹ Các thánh Hiền Tu, vì sợ làm phiền lòng Chúa, nên các Ngài hết sức tránh các lỗi nhẹ trong cuộc sống.

⁸⁰ Các thánh lập dòng đa số là sống đời nhiệm nhật, và thường được soi sáng bằng các ơn đặc biệt, làm nên một linh đạo riêng. Ở thời đại chúng ta, Mẹ Têrêxa Calcutta là một gương mẫu cụ thể.

⁸¹ Phúc cho ai có tâm hồn trong sạch, vì họ sẽ được nhìn thấy Thiên Chúa (Mt 5,8). Một khi đã tránh được tội nhẹ, các thánh thường sống qua giai đoạn kết hiệp với Thiên Chúa, vì đã được phần nào siêu thoát khỏi thế gian này. Vì thế, từ quang khái, đến kết hiệp và hưởng kiến (được thấy Thiên Chúa), con đường không còn bao xa, nếu giữ được lòng kiên trì sống không còn vướng mắc tội nhẹ nữa.

Điểm I : Giai đoạn thanh luyện con người tội

Thánh nhân nào cũng có quá khứ, tội nhân nào cũng có tương lai. Ông gọi kitô hữu phải đạt cho được giai đoạn thanh luyện này : sạch tội trọng. Những giới răn của Chúa và 6 điều luật Hội Thánh là quy phạm cho giai đoạn này.

Chúa là tạo hoá, tôi là thụ tạo. Tôi được mời gọi sống tốt ơn tạo dựng tôi đã nhận, nhờ việc giữ các giới luật Chúa, như Adam đã được mời gọi đừng ăn quả cây trái cấm. Như Cain đã được Chúa nhắc nhở đừng ganh tỵ với Aben : “Hãy ngắt đầu lên, đừng sa sầm nét mặt như vậy, nếu người hành động không tốt, thì tội lỗi đang nằm phục ở cửa, nó thèm muốn người” (St 4,6).

Thánh Phêrô : “Anh em hãy tiết độ và tỉnh thức vì ma quỷ, thù địch của anh em như sư tử gầm thét, rảo quanh tìm mồi cắn xé. Anh em hãy đứng vững trong đức tin mà chống cự” (1 Pr 5,8-9a). Đời sống người kitô hữu đã là sự tử đạo rồi, vì họ sống khác lối sống của người thế gian này. Để sống trung tín với Thiên Chúa, họ đã phải hy sinh rất nhiều. Thí dụ : không ngủa thai theo phương pháp tự nhiên, không ly dị, không ăn cắp của chung, không làm việc dâm ô, không xì ke ma túy, không lăng mạ người khác, không ngoại tình...

Trong một thế giới bị áp lực bởi hối lộ, không làm sai số kế toán, không gian lận. Phải từ khước những công tác không phù hợp với nền luân lý Kitô giáo. Nhiều khi phải đi ngược dòng với các trào lưu của xã hội như trường hợp một số người không dùng phương pháp tránh thai nhân tạo, nên sinh nhiều con, bị bạn bè cười chê. Cần có đức tin vào Thiên Chúa quan phòng mới có thể *sống công chính* được trong thế giới hiện tại.

Ở bình diện này thôi, đôi khi người kitô hữu đã bị coi là kẻ ngu dại rồi. Nhưng như thánh Phêrô nói : anh em hãy đứng vững trong đức tin mà chống cự. Chúa Giêsu cũng nói : Ta sai các người như con chiên giữa bầy

sói (Lc 10,3). Phải đứng vững trong niềm tin, và phải cam đảm sống dưới sự chỉ đạo của Giáo Hội.

Điểm II : Giai đoạn quang khái

Khi chúng ta giữ mình sạch tội nhẹ, là ta đã bước vào giai đoạn được soi sáng, được sống trong ánh sáng, sống trong sự thật, nghĩa là được kết hợp với Chúa Giêsu một cách nào đó rồi : kẻ yêu mến Ta thì giữ các lệnh truyền của Ta (Ga 14,15). Khi ta giữ mình sạch tội nhẹ, ta mới có thể thực thi lệnh truyền của Chúa là : yêu Chúa hết lòng, hết trí khôn và người anh em như chính mình (Mc 12,28-34).

Khi lưu lại trong Sự Thật là lưu lại trong Thiên Chúa, được kết hiệp với Chúa trong tình yêu, và hiệp thông với anh em trong lòng mến. Bài ca đức ái là mẫu mực của giai đoạn này (1 Cr 13,1-13) : không ghen tương, không vênh vang, không tự đắc, không nóng giận, không nuôi hận thù, tha thứ cho tất cả, chịu đựng tất cả !

Chúa Giêsu bận tâm rất nhiều về tình yêu thương nhau. Khi các môn đệ chia rẽ nhau, Chúa nhắc nhở các ông : người làm lớn phải phục vụ anh em mình (Mc 10,43). Chúa cũng muốn qui tụ các con cái của Chúa ở khắp nơi về một mối (Ga 11,49-52). Trong lời nguyện hiến tế, Chúa cầu nguyện cho mọi người được hiệp nhất trong tình yêu (Ga 17,20-23).

Đức giáo hoàng Gioan Phaolô II nói về thực trạng của thế giới hôm nay đã đề cao một nền văn minh tình thương. Ai yêu anh em mình là người có văn minh, có văn hóa. Ai ghét anh em mình thì người đó là kẻ sát nhân (1 Ga 3,15).

Nếu ở giai đoạn thanh luyện ta sống sự công chính bằng cách thi hành triệt để nhân đức công bằng, thì giai đoạn sống trong sự thật (*quang khái*) này ta sống đức ái. Công bằng và đức ái là hai nét đặc trưng nổi bật của Kitô giáo : công lý và hòa bình.

Điểm III : Giai đoạn kết hợp

Đây chính là giai đoạn siêu thoát, không còn phải là sợ mất Chúa ở giai đoạn 1, sợ làm phiền lòng Chúa ở giai đoạn 2. Ở giai đoạn này người thao viên muốn được nên giống Chúa :

- Tôi không thể sống giàu nếu Chúa Giêsu đã sống nghèo (Charles de Foucauld).
- Tôi không thể “hường” danh thơm tiếng tốt nếu Chúa Giêsu đã chịu sỉ nhục.
- Tôi không thể “hãnh diện” là người khôn ngoan khi chính Chúa Giêsu là Đấng khôn ngoan đã bị coi là điên dại.

Đó là thái độ sống của những người bạn thiết nghĩa với Chúa. Thánh Phanxicô Assisi đã tung tăng với niềm vui của đời sống khó nghèo, thoát ly mọi vương bận của cái vật chất. Khi gặp Chúa Giêsu hiện ra trên đường, Chúa đã nói với ông : “Phanxicô, con điên à ?”. Và ông đã trả lời Chúa : “Con biết trước kia có người còn điên hơn con”.

Sạch tội nhẹ vì không muốn làm phiền lòng Chúa là đã được kết hợp với Chúa rồi, mang lấy cùng *một tâm tình* như Chúa Giêsu : Phil 2,6-12 : Ngài vốn dĩ là Thiên Chúa...

Bà thánh Têrêsa Avila khi được Chúa hiện ra, đã trách Chúa là tại sao Chúa đã để cho bà chịu khổ cực lâu như vậy, vì trên 20 năm cầu nguyện, bà chẳng được chút an ủi thiêng liêng nào. Chúa nói với bà : “Con không biết Ta chỉ ban thập giá cho những người bạn thiết nghĩa của Ta thôi sao”. Bà trả lời Chúa : “Thảo nào Chúa ít bạn !”

Người môn đệ Chúa Giêsu cần có kinh nghiệm về đời sống khó nghèo mới hiểu được thế nào là sự nghèo khó thực.

Trong việc giáo dục ngày nay người ta có khuynh hướng để thực tập ở những xứ rất nghèo. Cũng cần phải có kinh nghiệm về sự nhục nhã nếu điều ấy không gây dịp tội cho người khác. Làm sao chúng ta có thể hiểu được tiếng kêu la của người nghèo, người bị áp bức, nếu chúng ta không ở trong chính những hoàn cảnh đó ? Chúa Giêsu đã làm như vậy, Ngài

thực sự là người nghèo của Giavê như sứ mạng đã được loan báo về Ngài ở Isaia : Thần Khí Chúa ngự trên tôi, Ngài sai tôi đi rao giảng Tin Mừng cho người nghèo khó, cho kẻ bị giam cầm biết họ được tha, trả tự do cho người bị áp bức, công bố năm hồng ân của Chúa (Lc 4,18-19)

Như vậy mức độ khiêm nhường III là cách thức để người môn đệ Chúa Giêsu được kết hợp với Chúa Giêsu : theo Ta trong đau khổ, để được cùng Ta vào vinh quang của Chúa Cha (bài Tiếng Gọi Của Vua). Cái vinh quang ngược đời, nhưng Gioan đã trình bày thập giá là vinh quang. Và thánh Phaolô cũng nói : Niềm hãnh diện của ta là thập giá Đức Giêsu Kitô (Gl 6,14).

Nước Trời dành cho những con người bé mọn là thế.

Thánh Phaolô : tôi coi tất cả là rác rưởi, là phân bón để được Đức Giêsu Kitô (Pl 3,8).

Tình yêu là cái duy nhất hiện nay có thể xoay vần thế giới, trước những thế lực động trời ngày nay đang xoay vần thế giới theo hướng đi của nó ⁸².

⁸² Bài suy niệm cổ lung trong ruộng lúa cho ta thấy sức mạnh động trời của bầu khí tội lỗi trong thế giới đang xoay vần nhân loại theo trục xoay của nó. Chỉ có Thiên Chúa mới có thể “xoay vần” thế giới theo hướng ngược lại

BÀI CẦU NGUYỆN VỀ BA BẬC KHIÊM NHƯỜNG

LT. 165-168

165. Bậc khiêm nhường thứ nhất :

Bậc khiêm nhường thứ nhất cần thiết cho phần rỗi đời đời, tức là tôi hạ mình khiêm nhường chừng nào có thể, để vâng theo lẽ luật Thiên Chúa, Chúa chúng ta trong mọi sự, đến nỗi dù người ta có chọn tôi làm chúa mọi thụ tạo trên thế gian này hay dù có phải bỏ mạng sống tạm bợ này đi nữa, tôi cũng không nghĩ đến vi phạm một giới răn nào của Thiên Chúa hay của loài người mà buộc thành tội trọng.

166. Bậc khiêm nhường thứ hai :

Bậc khiêm nhường thứ hai hoàn hảo hơn bậc thứ nhất, tức là nếu tôi tới được mức độ không còn tìm kiếm mà cũng chẳng tha thiết được giàu sang hơn là nghèo hèn, danh dự hơn là nhục nhã, ao ước đời sống lâu dài hơn là ngắn ngủi, khi việc phụng sự Thiên Chúa và lợi ích cho linh hồn tôi ngang nhau trong những trường hợp ấy ; và nữa, dù để được cả thụ tạo hay phải liều mạng sống đi nữa, tôi cũng không nghĩ đến phạm một tội nhẹ.

167. Bậc khiêm nhường thứ ba :

Bậc khiêm nhường thứ ba hoàn hảo nhất, bao gồm cả bậc thứ nhất và thứ hai, ấy là giả thiết sự ngợi khen và vinh danh Chúa ngang nhau trong mọi trường hợp, thì để bắt chước và nên giống Đức Kitô, Chúa chúng ta cách thiết thực hơn, tôi muốn và tôi chọn sự nghèo khó với Chúa Kitô khó nghèo hơn là sự giàu sang, sự sỉ nhục với Chúa Kitô bị sỉ nhục hơn là danh vọng, và ao ước được coi là ngu dại vì Chúa Kitô, Đấng đã bị coi như thế trước, hơn là được coi như người thông thái, khôn ngoan ở thế gian này.

168. GHI CHÚ :

Như thế, đối với ai muốn được lòng khiêm nhường theo bậc thứ ba ấy, thì điều rất có ích là làm ba cuộc tâm sự như trong bài về các mẫu người đã nói trước đây, xin Chúa chúng ta đoái chọn họ vào bậc khiêm nhường thứ ba ấy, cao hơn và tốt hơn, để bắt chước và phụng sự Chúa hơn, nếu việc phụng sự và ngợi khen Chúa chí tôn cũng bằng hoặc lớn hơn (ở bậc khác).

B à i 2 0



CANH TÂN VÀ CẢI THIỆN ĐỜI SỐNG

LT. 169-189

DẪN NHẬP

Vào đầu tuần II, Thánh I-Nhã đã đề nghị thảo viên suy nghĩ về các bậc sống (LT 135), và cho hai bài suy niệm căn bản là bài hai cờ hiệu và bài ba mẫu người. Sau đó là các bài cầu nguyện về cuộc đời Chúa Giêsu. Kết thúc tuần thứ hai là bài suy niệm về Ba Mức Độ Khiêm Nhường, và sau đó là những hướng dẫn để làm việc lựa chọn hay canh tân và cải thiện cuộc sống (LT 169-189).

Như vậy, việc chọn lựa và canh tân cải thiện đời sống đã được I-Nhã gợi ý ngay từ đầu tuần II, sau các bài chiêm niệm về thời thơ ấu của Chúa Giêsu và cuộc đời ẩn dật tại Nadaret, để trong khi chiêm niệm cuộc đời công khai của Chúa Giêsu, thảo viên sẽ được soi sáng về bậc sống và cuộc canh tân cải thiện đời sống của mình.

Mỗi năm đều phải làm cuộc canh tân và cải thiện đời sống vì theo NLNT, mỗi năm mọi sự đều “đã ra khác”, và tôi phải canh tân cải thiện đời sống cho phù hợp với hoàn cảnh của tôi cho năm mới.

I. PHƯƠNG PHÁP ĐỂ LÀM CUỘC CANH TÂN VÀ CẢI THIỆN

Đây là một hay nhiều giờ cầu nguyện. Thảo viên đến trước mặt Chúa với tất cả những ân huệ và những soi sáng Chúa đã ban trong một năm qua, và đặc biệt trong tuần Linh Thao này.

Trước hết : “Con mắt ý hướng phải đơn sơ. Chỉ nhắm cái mục đích vì đó tôi đã được dựng nên, ấy là để ngợi khen, tôn kính và phụng sự Chúa, nhờ đó cứu rỗi linh hồn tôi” (LT 169).

Khi chọn lựa một điều gì, tôi phải luôn lấy cứu cánh đời tôi làm chính. Không nên khuôn cứu cánh theo phương tiện, nhưng phải xếp đặt phương tiện theo cứu cánh.

Trong thực tế, có nhiều người chọn bậc sống trước như hôn nhân hay đời linh mục, rồi mới chọn việc phụng sự, ngợi khen và tôn kính Thiên Chúa trong các bậc ấy. Như vậy là họ không đi thẳng tới Thiên Chúa, nhưng muốn Thiên Chúa đến với những quyến luyến lệch lạc của mình, và do đó họ lấy phương tiện làm cứu cánh và cứu cánh làm phương tiện (LT 169).

Cũng vậy, trong cuộc canh tân và cải thiện đời sống, để có thể làm tốt việc này, thao viên nhìn lại tuần lễ LT của mình, để biết xem Chúa Chí Tôn đã đánh động họ ở những điểm nào trong các bài tập LT họ đã làm. Những điều họ đã nhận ra được trong tuần I của Linh Thao về tội lỗi trong cuộc đời của họ (*biết mình*). Những điều họ đã khám phá ra được trong mẫu nhiệm cuộc đời của Chúa Giêsu. Ngài đã sống cuộc đời dương thế này thế nào ? Ngài đã hành xử ra sao ? Ngài dạy dỗ con người những gì? (*biết Chúa*).

Cuộc đời của Chúa Giêsu “soi sáng” cho cuộc đời tôi ở những điểm nào ? Lưu ý đến thái độ sống của Chúa Giêsu và những điều Ngài quan tâm nhiều nhất trong các giáo huấn của Ngài.

Từ đó tôi mới thấy tôi phải làm gì để sửa đổi các khuyết điểm của tôi, và phải làm những gì, để thiết lập cho tôi một đời sống đạo ổn định.

Sau khi đã viết ra trên giấy bản canh tân về đời sống, tôi đi cầu nguyện với Chúa, với bản văn trước mặt, để xin Chúa phê chuẩn các quyết định của tôi. Nếu tôi thấy tôi được bình an, thì điều ấy có nghĩa là, Chúa đã ưng thuận với những quyết tâm hay dốc lòng tôi đã làm.

Những ai cẩn thận, có thể trình bày bản canh tân và cải thiện đời sống của mình cho vị hướng dẫn LT hay cho vị linh hướng, để các ngài “duyet xét” xem có cái gì bất cập không. Vì đôi khi lòng sốt sắng quá đáng cũng có thể làm cho người ta ra mù quáng, hay ma quỷ cũng có thể xúi giục ta quyết định những điều tốt lành, mà thực tế ta không có thể thực hiện được.

II. NHỮNG ĐIỂM CẦN PHẢI ĐƯỢC CANH TÂN VÀ CẢI THIỆN

Trước hết đó là đời sống cầu nguyện, thánh lễ và bí tích hòa giải. Đó là 3 yếu tố chính làm nên đời sống thiêng liêng. Nếu thao viên quyết định làm tốt hơn 3 yếu tố này, thì đó là một quyết định luôn luôn đúng và được Chúa chuẩn nhận. Ngoài ra còn có các việc đạo đức khác như sách thiêng liêng, việc hồi tâm buổi tối, việc lần chuỗi, linh hướng và các việc đạo đức khác.

Yếu tố tiếp theo là Đức Ái và đời sống cộng đoàn. Đây là hai yếu tố bày tỏ ra bên ngoài đời sống nội tâm thực của tôi. Nếu tôi sống đức ái và sống đời sống cộng đoàn tích cực, đó là dấu chỉ tôi có sự biến đổi thiêng liêng và có đời sống thiêng liêng.

Các “điều chỉnh” về tính tình sẽ biểu lộ ra ở hai khía cạnh này. Xem quả thì biết cây, đó là cái thực tế của cuộc sống.

Cuối cùng là các liên đới của tôi với người nghèo, những người bị bỏ rơi. Ngày nay, yếu tố này trở nên quan trọng đối với dung mạo của người mục tử. Ở trong một thế giới đang ủng hộ cho sự hưởng thụ và chủ nghĩa cá nhân, thì yếu tố này sẽ giúp đỡ rất nhiều để đào tạo con người của mình, đi ngược lại với trào lưu của thế giới.

Cũng có thể thêm phần canh tân và cải thiện liên quan đến đời sống bổn phận của mình : việc học hành, hay việc tông đồ chính yếu đã được trao phó.

Tất cả các điểm trên nên viết ra trong nhật ký thiêng liêng và dâng cho Chúa như đã nói ở trên.

III. ĐỜI SỐNG ƠN THÁNH

Như mọi người được biết, các đốc lòng hay quyết tâm chỉ thực hiện được nhờ đời sống ơn thánh. Về điều này, người kitô hữu phần nào sống theo chủ nghĩa duy tín (*fidéisme*). Chỉ tin vào Chúa mà thôi. Chỉ có Chúa mới làm cho tôi biến đổi được. Tất cả những cố gắng của tôi chỉ là phần đóng góp nhỏ bé từ phía tôi. Phần còn lại hoàn toàn do ơn thánh.

Một ý tưởng được coi như của Thánh I-Nhã : Làm hết sức mình, y như chỉ có tôi, không có Chúa. Phó thác cho Chúa hoàn toàn, y như chỉ có Chúa mà không có tôi. Khi ta đã “chủ toàn” phận sự về phía chúng ta, chúng ta có thể “bình an” phó thác mọi sự trong tay Chúa.

Có những khuyết tật thiêng liêng chúng ta có thể phải chịu suốt cả đời. Nhưng bình thường một đời sống thiêng liêng sung mãn có thể biến đổi nhân cách chúng ta rất nhiều. Sự thánh thiện chính là một nhân cách tôn giáo sung mãn.

Ngày nay người ta không nhìn sự thánh thiện dưới góc độ “đạo đức”, “sốt sắng”, chăm chăm chú chú ở nhà thờ nữa. Người ta chú ý đến một con người trưởng thành, lành thánh, nhân đức, sống tử tế với mọi người. Vì “các điều đạo đức” đôi khi không khác biệt lắm với cách thức “sống đạo” của người khác. Hai người có các “việc làm đạo đức” như nhau, nhưng trong thực tế, không “sống đạo” thực sự : thiếu tử tế trong các tương quan, không có lòng nhân ái, thiếu quan tâm đến người nghèo... Yếu tố thực tế trong “tương quan” đánh động người ta nhiều hơn là yếu tố “đọc kinh chăm chỉ” nhưng lại sống “chăng ra gì” đối với người khác.

Có nhiều trường hợp phải chú ý nhiều đến khía cạnh nhân bản trước khi chú ý đến khía cạnh thiêng liêng. Hai yếu tố này tác động hỗ tương. Khi có đời sống thiêng liêng tốt thì đời sống nhân bản cũng tương đối hoàn chỉnh. Cái siêu nhiên không áp đặt lên được cái tự nhiên là vì vậy.

Những gì thuộc nhân bản, thì trên bình diện tự nhiên cần được khắc phục đã, thì đời sống thiêng liêng mới triển nở được. Con người tự nhiên cần được sửa đổi thì các tác động của ơn thánh mới để lại các kết quả tốt nơi một nhân cách. Ông gọi làm con Chúa đồng nghĩa với ông gọi làm người.

Cuộc sáng tạo thứ I được hoàn tất nhờ cuộc sáng tạo thứ II nơi con người Đức Giêsu Kitô.

TUẦN LỄ III

B à i 2 1



CHÚA GIÊSU TRONG NGÀY THỨ NĂM TUẦN THÁNH

Kinh Thánh : Ga 13,1-20.31-38

Đạt khung cảnh : sau khi Chúa Giêsu đã vào thành Giêrusalem vinh hiển (Ga 12,12-19). Chúa Giêsu ăn mừng lễ Vượt qua với các môn đệ.

Xin ơn : xin được ăn năn khóc lóc, vì với biết bao đau khổ Chúa đã phải chịu vì tôi trong cuộc khổ nạn.

Điểm I : Chúa Giêsu bày tỏ tình yêu của Ngài đối với các môn đồ

Phúc Âm nói rõ Chúa Giêsu ý thức đã đến giờ trở về với Chúa Cha (Ga 13,1). Phúc Âm cũng nói Chúa Giêsu làm việc rửa chân cho các môn đệ để bày tỏ tình yêu đến tận cùng của Ngài đối với các môn đệ. Bối cảnh của việc rửa chân là trong bữa ăn vượt qua, và trước khi Chúa Giêsu đi vào cuộc khổ nạn.

Chúa Giêsu đã làm việc này một cách long trọng. Ngài mang trong mình những tâm tình thiết nhất đối với các môn đệ của Ngài.

Xét về thần tính, Ngài dường như biết rõ Ngài sắp bỏ thế gian này để về cùng Chúa Cha. Cái thế gian tuy chẳng là gì, chẳng có gì, nhưng là cái thế gian Ngài đã yêu mến. Vì thế, xét về nhân tính, Ngài muốn làm một cử chỉ để sống trọn vẹn cái tình yêu mà mọi con người nhân loại bình thường muốn sống cho nhau, trước khi từ giã cõi đời.

Cách thức của Chúa Giêsu bày tỏ một tình yêu như vậy cho thấy Ngài trân trọng từng giây phút của mầu nhiệm nhập thể. Ngài hiểu hơn ai hết, là Ngài chỉ từ giả các môn đệ một thời gian ngắn, rồi sau này, khi các môn đệ hoàn tất sứ vụ, sẽ đón nhận phúc tử đạo và về cùng Ngài trong Vương Quốc Ngài đã khai mở, nhưng Ngài vẫn tha thiết muốn có bữa tiệc với họ, và bày tỏ trong con người nhân loại của Ngài, tình yêu Ngài có đối với họ.

Đúng là Ngài đã yêu họ đến tận cùng, hay đến giây phút cuối cùng, bao lâu Ngài còn ở trong thế gian này. Tuy nhiên cách bày tỏ tình yêu của Ngài là một sự ngỡ ngàng không thể tưởng tượng được. Một vì Thiên Chúa quỳ dưới chân thụ tạo để rửa chân cho họ.

Ngài đã yêu quá mức đối với sự hiểu biết của chúng ta, đến nỗi Phêrô không thể chấp nhận được. Nhưng vì là một bài học quan trọng, nên Chúa Giêsu đã thực hiện đến cùng bài học nhớ đời này. Ngài đã nghĩ ra việc làm này, Ngài chủ ý muốn làm việc này để bày tỏ tình yêu theo cách thức công việc của người tôi tớ.

Vì thế, khi làm xong công việc, Ngài trở lại bàn tiệc và bắt đầu dạy các môn đệ như một Rabbi đã làm một cái gì đó và đưa ra một bài học. “Anh em gọi Thầy là Thầy và là Chúa, điều đó phải lắm. Vậy nếu Thầy là Chúa là Thầy, mà còn rửa chân cho anh em, thì anh em cũng phải rửa chân cho nhau. Thầy đã nêu gương cho anh em, để anh em cũng làm như Thầy đã làm cho anh em” (c. 13-14). Vừa là bày tỏ tình yêu, vừa là bài học. Chúa đã làm gương trước để chúng ta học bài học yêu thương của Ngài.

Một tình yêu bày tỏ bằng sự phục vụ, một cách cụ thể. Một tình yêu khiêm tốn, trái ngược hoàn toàn với cách hành xử của người trong thế gian này, như Ngài đã dạy các môn đệ ở Mc 10,42-45 : “Ai muốn làm lớn giữa anh em thì phải là người phục vụ anh em (...) Con Người đến không phải để được người ta phục vụ, nhưng là để phục vụ, và hiến mạng sống làm giá chuộc muôn người”.

Rửa chân vừa bày tỏ tình yêu đến tận cùng, vừa là biểu tượng của cái chết hiến mạng sống làm giá chuộc muôn người.

Điểm II : yêu mến là phục vụ

Giới răn yêu thương là giới răn trọng nhất trong cuộc đời của Chúa Giêsu. Yêu Chúa hết lòng, hết trí khôn và yêu tha nhân như chính mình.

Nhưng đối với Chúa Giêsu : yêu mến không phải là một tình cảm trong lòng mà thôi, yêu mến được thể hiện ra hành động, và đặc biệt đối với Chúa Giêsu yêu mến là phục vụ, và là thái độ phục vụ của người tôi tớ trung tín (xem Lc 12,35-37).

Ở đây Chúa Giêsu đã minh họa cho chúng ta thấy hình ảnh của một vì Thiên Chúa phục vụ, chứ không phải là một vì Thiên Chúa thống trị, không muốn cho con người được tham dự đầy đủ vào sự sống của Thiên Chúa, như Satan đã nói trong vườn địa đàng.

Chính vì điều hết sức nghịch lý này mà Phêrô đã nói : Thầy mà rửa chân cho con ư, không đời nào con chịu đâu ! Nghĩ làm sao thì nói như vậy ? Phêrô không ngờ rằng chính câu nói đó đã phơi bày ra chân tướng thật của ông. Sự từ chối của Phêrô rõ đúng là một sự lẽ phép đối với Thầy, vì ai lại để Thầy rửa chân cho trò. Nhưng trong câu nói của Phêrô cũng hàm ý khác : nghĩa là, Phêrô sẽ không bao giờ rửa chân cho người dưới thuộc quyền mình.

Vì vậy Chúa mới nói : nếu Thầy không rửa chân cho anh, anh sẽ chẳng được chung phần với Thầy. Nghĩa là, nếu anh không chấp nhận để cho Thầy rửa chân cho anh, thì anh sẽ không bao giờ rửa chân cho các môn đệ của anh sau này, và như vậy Phêrô sẽ không có phần với Chúa, có phần trong cuộc khổ nạn của Ngài.

Phêrô không hiểu được điều này. Ông chỉ nghĩ đến quyền lợi sẽ được hưởng với Chúa Giêsu, nên ông đã đơn sơ xin Chúa : “Vậy thì lạy Thầy, xin cứ rửa, không những chân mà cả tay và đầu con nữa” (13,9). Thật là châm biếm cho Phêrô. Chúa phải trả lời ông cho qua chuyện : “Ai

tắm rồi thì không cần phải rửa nữa, vì toàn thân người ấy đã sạch” (13,10).

Ngày nay Giáo hội nhấn mạnh về điều này đối với các thành viên của Giáo Hội, nhất là đối với các giám mục, linh mục. Phải làm nổi bật chân dung của người phục vụ, vì đó là chân dung của Đức Giêsu.

Giáo Hội đã có thời gian sống như một người quyền thế ngồi trên bệ giảng. Các bề trên thực sự có quyền thay mặt Chúa coi sóc anh chị em. Và các quyết định của bề trên thực sự bày tỏ ý của Chúa, dù cách nào đi nữa, ngay cả khi bề trên có vẻ sai lầm, nhưng Thiên Chúa của bề trên không bao giờ sai lầm.

Đó là một giáo lý chính thống, và Chúa muốn chúng ta phải tùy thuộc bề trên như vậy. Nhưng mặt khác, bề trên phải có thái độ phục vụ của Chúa Giêsu chứ không dùng quyền uy như vua chúa thế gian, như Chúa Giêsu đã nói rõ về điểm này.

Quyền bính theo Chúa Giêsu là “quản trị” chứ không phải là “cai trị”. Người mục tử nhân lành hy sinh mạng sống mình vì đàn chiên (Ga 10,11).

Điểm III : lời trần trối

Kết thúc bài diễn từ về rửa chân, Chúa Giêsu có vẻ như đã nói những lời trần trối quan trọng ở những câu 31-35.

Trước hết Ngài nghĩ đến cái chết của Ngài và Ngài hiểu đó là lúc Ngài được tôn vinh. Ngài hiểu khi Ngài được chết trên thập giá là cách thức tối ưu để Ngài bày tỏ tình yêu của Ngài đối với Chúa Cha, vâng phục Cha, đồng thời cũng là cách thức tối ưu để bày tỏ tình yêu đến tận cùng của Ngài, qua việc Ngài vừa rửa chân cho các môn đệ là một hành vi biểu trưng báo trước cho cái chết này.

Cho nên Ngài thấy thập giá là nơi Ngài tôn vinh Cha đồng thời cũng được Cha tôn vinh.

Ngài gọi các môn đệ của mình là ”những người con bé nhỏ” của mình. Và Ngài nói một lần nữa về giới răn mới : “Anh em hãy yêu thương nhau như Thầy đã yêu thương anh em. Ở điểm này, mọi người sẽ nhận biết anh em là môn đệ của Thầy, là anh em có lòng yêu thương nhau” (Ga 13,35). Vì thế, là người môn đệ Chúa Giêsu, chúng ta phải tìm ra được phương án để những người *cùng là* môn đệ của Chúa Giêsu phải làm nổi bật nên dấu chỉ ấy.

Trước hết bằng một xác tín : yêu thương nhau là điều có thể làm được, vì Chúa đã dạy như vậy, Chúa có thể ban ơn để ta thực hiện được giới răn yêu thương này của Chúa Giêsu. Thứ đến : yêu như Chúa Giêsu yêu. Nghĩa là quên mình, chịu thiệt thòi về chính mình, như Chúa đã yêu các môn đệ. Trong thực tế, Giuđa đã phản bội Chúa, Phêrô chối Chúa, các môn đệ khác bỏ trốn hết, chỉ có một mình Gioan ở dưới chân cây thập giá.

Yêu như Chúa là quên mình, như một quyết định của tình yêu : Ngài đã yêu những kẻ thuộc về mình và Ngài đã yêu họ đến cùng.

Chúng ta đừng quên khía cạnh này của tình yêu : một khi chúng ta muốn giữ giới răn yêu thương của Chúa chúng ta sẽ phải yêu như Chúa : *yêu đến cùng*. Nghĩa là cho dù đối tượng tôi yêu mến có sao chăng nữa, tôi vẫn yêu đến cùng. Đó chính là một phẩm tính của tình yêu Thiên Chúa *hesed & emeth* : ơn nghĩa và lòng thành tín.

Bài sách Êdêkien về cô gái bé bị bỏ rơi ngoài đường, được lớn lên, được mặc xiêm y lộng lẫy, thế nhưng đã lãng loạn, vậy mà Thiên Chúa vẫn yêu cô gái đó. Êdêkien muốn nói về Israel đã đối xử với Chúa như vậy, nhưng Thiên Chúa vẫn yêu thương giữ lời giao ước (Ed 16,1-63).

Và đó là lời trần trời của Chúa Giêsu.

Chúng ta chỉ biết rằng Chúa Giêsu rất quan tâm đến điều này trước khi Ngài bước vào cuộc khổ nạn. Mỗi lo ngại hàng đầu của Chúa Giêsu có lẽ là : chúng ta không biết yêu thương nhau.

B à i 2 2



BÍ TÍCH THÁNH THỂ

KINH THÁNH : Lc 22,19-20

1 Cr 11,23-25

Ga 6,35-50.51-59

DẪN NHẬP

Phúc Âm Nhất Lãm và thư 1 Cr 11 đều kể lại việc lập Bí Tích Thánh Thể gần giống nhau. Bí Tích Thánh Thể như thể rõ ràng đã được tháp nhập vào bữa ăn Vượt Qua cuối cùng của Chúa Giêsu với các môn đệ.

Điểm I : lời truyền phép

Này là mình Thầy sẽ bị nộp vì anh em. Này là máu Thầy, máu Tân Ước vĩnh cửu sẽ đổ ra cho anh em và nhiều người được tha tội. Anh em hãy làm việc này mà nhớ đến Thầy.

Quả thật, Chúa Giêsu đã bị nộp. Giữa nộp Chúa cho các vị lãnh đạo Do Thái. Các nhà lãnh đạo Do Thái nộp Chúa Giêsu cho Philatô. Cuối cùng Philatô nộp Chúa Giêsu lại cho người Do Thái để họ đưa đi đóng đinh. Nhưng nói cho cùng, trong lịch sử tình yêu của Thiên Chúa, thì chính Chúa Giêsu đã nộp mình cho quân lính (trình thuật Ga 18,1-11). Và trên hết Chúa Cha đã nộp con yêu dấu của mình vì tội lỗi hết thảy chúng ta (Rm 8,31-32).

Không có tình yêu nào lớn hơn tình yêu của kẻ thí mạng sống mình vì người mình yêu (Ga 15,13). Bị nộp là cách thức Chúa Giêsu yêu ta. Vì

thể, khi thiết lập Bí Tích Thánh Thể, Chúa Giêsu đã dùng từ ngữ bị nộ này để nói lên tình yêu của Thiên Chúa đối với chúng ta. Quả thật nơi Bí Tích Thánh Thể : Chúa Giêsu một lần nữa, *sau những lần bị nộ ở trên*, nộ mình trong tay vị linh mục, để trở nên bánh trường sinh nuôi sống chúng ta. Chúa đã nộ mình không phải một lần xưa kia trong cuộc khổ nạn, mà còn nộ mình cho hết thầy chúng ta, khắp nơi và khắp mọi thời để qua Bí Tích Thánh Thể, Ngài đến với chúng ta.

Chính vì tình yêu khao khát *đến và ở lại* với chúng ta, Ngài đã nộ mình trong Bí Tích Thánh Thể : anh em hãy làm việc này mà tưởng nhớ đến Thầy. Mỗi lần cử hành Bí Tích Thánh Thể, là thêm một lần Chúa Giêsu nộ mình trong tay chúng ta, qua vị linh mục. Khi vị linh mục đọc lời truyền phép, Chúa Giêsu như một lần nữa trở thành của lễ trên thánh giá để sinh ơn cứu độ cho chúng ta.

Bí Tích Thánh Thể là sáng kiến của Tình Yêu để Chúa Giêsu tiếp tục hiện diện *một cách bí tích* với chúng ta trên trần gian.

Điểm II : Thánh Thể và Thánh Giá

Như thế Thánh Thể liên hệ trực tiếp với thánh giá. Vì khi biến rượu thành máu thánh Ngài, Chúa Giêsu đã nói : này là máu ta, máu giao ước vĩnh cửu, sẽ đổ ra cho các con và nhiều người được tha tội. Máu của Bí Tích Thánh Thể là máu của Chúa Giêsu đã đổ ra trên thánh giá.

Thư Do thái : nếu máu chiên bò có thể thanh tẩy thì máu Chúa Giêsu càng hiệu lực hơn biết mấy (Dt 9, 15.22.28.13-14).

Như vậy trước khi Chúa chịu chết trên thập giá, Chúa đã lập Bí Tích Thánh Thể, để chúng ta có thể được hưởng những lợi ích do cái chết thập giá của Chúa Giêsu. Và hoa quả do cái chết của Chúa Giêsu đem lại cho chúng ta thế nào thì Bí Tích Thánh Thể cũng đem lại cho chúng ta các hoa quả đó như vậy.

Vì thế giáo lý mới nói : Thánh Lễ là hy tế thập giá. Chỉ khác một điều : hy lễ thập giá chỉ xảy ra một lần. Còn hy lễ trong Thánh Lễ xảy ra nhiều lần.

Điểm độc đáo của Thánh Lễ là :

- Chúa Giêsu là của lễ.
- Chúa Giêsu là bàn thờ.
- Chúa Giêsu là thầy cả.

Nên của lễ được dâng trong Thánh Lễ chắc chắn được nhận và là việc tôn thờ có giá trị nhất trong các việc đạo đức phụng thờ Thiên Chúa.

Bí tích Thánh Thể hay Thánh Lễ là một sáng kiến lạ lùng vô song của Thiên Chúa để áp dụng hy lễ thập giá cho chúng ta, cứu độ chúng ta mọi người ở mọi thời.

Cho nên, nếu biến cố truyền tin là biến cố siêu thời gian, siêu không gian, biến cố đánh dấu một *cách thức hiện diện mới* của Thiên Chúa với Ngôi Lời nhập thể, thì hy lễ thập giá cũng vậy là một biến cố siêu thời gian, siêu không gian, có giá trị vĩnh cửu một cách cụ thể nhờ Bí Tích Thánh Thể.

Như thế có thể nói mâu nhiệm nhập thể và mâu nhiệm thập giá nối kết với nhau thành một, trong Bí Tích Thánh Thể. Vì trong Bí Tích Thánh Thể Chúa Giêsu *như làm một cuộc nhập thể mới* : biến bánh và rượu thành mình và máu Ngài ; hay nói cách khác, Ngài trở nên rượu và bánh cho chúng ta ; vì bánh và rượu đó *là chính Ngài*, thì cùng một lúc khi biến bánh và rượu thành mình và máu Ngài, Ngài cũng trở thành của lễ dâng lên Thiên Chúa.

Mình Ta thật là của ăn, máu Ta thật là của uống. Ai ăn thịt Ta và uống máu Ta sẽ sống muôn đời, và Ta sẽ cho họ sống lại ngày sau hết (Ga 6,54).

Như vậy, Thánh Thể và Thánh Giá là một hy lễ.

Điểm III : Thánh Lễ

Từ đó ta mới hiểu được giá trị vô song của Thánh Lễ. Sở dĩ Thánh Lễ có giá trị vô song chỉ vì đó là hy lễ Thánh Giá.

Sau khi truyền phép, bánh và rượu trở thành mình và máu Chúa Kitô, linh mục nói : đây là mầu nhiệm đức tin. Chúng ta thưa : lạy Chúa, chúng con loan truyền việc Chúa chịu chết và tuyên xưng việc Chúa sống lại, cho tới khi Chúa lại đến. Nên cử hành Thánh Lễ là cử hành ơn cứu độ. Là hiện tại hóa hy lễ thập giá vào cuộc đời ta. Vì thế chúng ta mới dự lễ hàng ngày. Và nếu hiểu như vậy, thì việc bỏ một lễ hàng ngày sẽ thiệt thòi biết bao.

Thánh Lễ có vẻ như một việc làm giống nhau, nhàm chán mỗi ngày. Những người không hiểu được ý nghĩa đích thực của Thánh Lễ thì không đi lễ nữa. Nhưng nếu chúng ta hiểu được Thánh Lễ như vậy, chúng ta thấy đó chính là sự sống của chúng ta, là sức mạnh của Giáo Hội.

Một thí dụ tầm thường : không ai nói một ngày ăn 3 bữa cơm là nhàm chán cả, vì ai cũng đói. Nhưng đối với Thánh Lễ, người ta chưa biết là đói : con người cần được nuôi bằng sự sống thần linh.

Thánh Lễ vì thế mới trở thành trung tâm của đời sống Giáo Hội. Mỗi khi có sự tụ tập thì ở đó có Thánh Lễ. Đức Giáo Hoàng : đại hội giới trẻ - cử hành thánh lễ - đại hội Thánh Thể.

Bởi vì Thánh Lễ là của lễ đẹp lòng Thiên Chúa : “Con là con Ta, con yêu dấu của Ta” (Mc 1,9). Và chắc chắn được nhận, vì của lễ là Chúa Giêsu.

Thánh Lễ cũng bày tỏ tình yêu của Chúa Giêsu, vì Ngài đã lập nên chức linh mục, là vì yêu ta (chứ không phải chỉ vì ông linh mục đó), để qua linh mục Ngài đến với ta. Chính ở điểm này ta thấy sự tự hủy tận cùng của Ngôi Lời nhập thể. Ngài phó mình trong tay vị linh mục, có thể là một vị linh mục tội lỗi. Ngài chấp nhận mọi sự sỉ nhục, vô ơn đối với Bí Tích Thánh Thể. Ngài biết trước những sự chà đạp lên Thánh Thể, như

ta đã thấy trong lịch sử, những lần người ta phạm sự thánh. Nhưng Ngài đã phó nộ, chấp nhận tất cả như vậy vì yêu ta.

Bí Tích Thánh Thể hay cuộc khổ hình thập giá cũng chịu một sự sỉ nhục vì lệ thuộc vào lịch sử con người như nhau.

TÂM SỰ

Chúng ta hãy thờ lạy Thánh Thể. Nhìn ngắm Thánh Thể để thấy tất cả những ý nghĩa cao cả của Bí Tích Thánh Thể và nói lên trong lòng ta rằng : Thánh Thể chính là tiếng nói cuối cùng về một tình yêu đến tận cùng. Thánh Thể là sáng kiến tuyệt vời của Chúa Giêsu. Bí Tích Thánh Thể đúng là bí tích của tình yêu.

Chúng ta hãy năng viếng Thánh Thể và cầu Thánh Thể. Chúng ta hãy tham dự Thánh Lễ sốt sắng vì đó là ân huệ rất lớn trong đời sống hàng ngày của chúng ta.

B à i 23



CUỘC KHỔ NẠN CỦA CHÚA GIÊSU

A. HƯỚNG DẪN

Lấy một trong bốn trình thuật để cầu nguyện và đi dâng thánh giá. Có thể có 3 trạng thái tâm hồn sẽ đến với ta trong những bài suy niệm này.

I. Trạng thái thứ I : Hoặc là chúng ta được an ủi, vì cảm nghiệm được những đau khổ, sỉ nhục Chúa Giêsu đã phải chịu vì ta. Hoặc không cảm nhận được gì hết, chúng ta cảm thấy khô khan. Nhưng bởi vì chúng ta đang chiêm ngắm con người Chúa Giêsu và các mẫu nhiệm trong cuộc đời của Ngài, nên chúng ta không bỏ giờ cầu nguyện. Chúng ta tiếp tục chiêm ngắm Chúa Giêsu trong cuộc khổ nạn, tiếp tục xin ơn để được cảm nhận những đau khổ Chúa đã phải chịu vì ta. Chính trong tình trạng này chúng ta sẽ phân biệt được rõ ràng thế nào là an ủi, thế nào là sầu khổ⁸³.

II. Trạng thái thứ II : Mỗi người đối diện với những xúc cảm của mình một cách khác nhau. Người rất dễ bị cảm xúc đôi khi quên hết mọi

⁸³ Việc cầu nguyện có thể cho chúng ta những an ủi hay bị sầu khổ. Thánh I-Nhã nói về các qui tắc phải giữ khi được an ủi hay khi phải sầu khổ trong LT 313-327. Đó là những qui tắc rất đơn giản để giúp những người mới bước vào đường thiêng liêng nhận định về các trạng thái khác nhau của tâm hồn, và cách thế để vượt qua các tình trạng đó. Dù được an ủi hay phải sầu khổ, nhất là khi phải sầu khổ, càng phải kiên trì hơn nữa trong việc cầu nguyện, không bỏ cuộc. Nếu người thao viên đã làm tốt những gì cần phải làm của giờ cầu nguyện, thì khi phải sầu khổ, vẫn có thể có được sự bình an. Lúc đó, việc đi linh hướng sẽ giúp thấy rõ vấn đề hơn, để phân biệt thân loại.

sự, kể cả bản thân của Chúa Giêsu, chỉ nghĩ đến bản thân mình. Những người này cần tập trung vào những điều Thánh I-Nhã đã lưu ý số 195-197 : họ phải cố gắng đau buồn khóc lóc, vì tội lỗi của họ, đã làm cho Chúa phải chịu khổ hình như vậy. Họ phải bày tỏ ước muốn *làm cái gì* và *chịu cái gì* cho Chúa. Còn những người có khuynh hướng kiểm soát mình và đời sống mình, đôi khi lại bị cám dỗ đi ngược lại những ngày đầu của linh thao, hay những ngày trước. Họ có khuynh hướng nhớ lại các tội của họ đã suy nghĩ và cầu nguyện trong tuần thứ I của LT, hay các tội được tưởng tượng ra. Và vì họ là người “duy hoàn thiện” hoặc/và “quy ngã” nên họ đứng giữa ngã ba đường : một nửa tự do, một nửa không tự do. Họ cảm thấy sự bất lực về con người của mình như Chúa Giêsu đã chịu bất lực như vậy trong cuộc khổ nạn ⁸⁴.

III. Trạng thái thứ III : Có những người khi suy niệm về cuộc khổ nạn lại cảm thấy tự thương xót cho thân phận mình. Cuộc khổ nạn làm cho họ đối đầu với họ. Phải làm sao giúp họ tránh được tình trạng này, dẫn họ đi đến việc cảm nghiệm về cuộc khổ nạn như một cái gì đó sống động : lòng đau khổ, buồn rầu vì bao nhiêu những cực nhọc, đau khổ Chúa Giêsu đã chịu vì tôi.

Tóm lại, người thao viên phải cảm nhận được họ đang chiêm ngắm cuộc khổ nạn theo cách thức của họ. Họ là những người bạn của Chúa Giêsu đang đi với Chúa Giêsu trong cuộc khổ nạn. Họ chỉ cần theo cái khung của các bài cầu nguyện và không quan tâm nhiều đến việc bị sâu khổ.

⁸⁴ Nếu Chúa Giêsu đã phải chịu sự bất lực một cách nào đó trước những thế lực muốn kết án tử cho Chúa, thì họ cũng phải cảm thấy sự bất lực như vậy trước mầu nhiệm tội lỗi trong cuộc đời của họ, để được củng cố trong việc kiên trì theo Chúa, dù với các khuyết điểm thiếu sót trong cuộc đời mình. Sự thánh thiện hệ ở việc gắn bó với con người Chúa Giêsu hơn là những nỗ lực “duy ý chí” muốn đạt ngay cho được sự hoàn thiện mà tự sức mình hiện tại chưa có thể làm được. Sự tiến bộ trong đời sống thiêng liêng cần ơn thánh Chúa.

Cuối cùng người hướng dẫn chỉ nói những gì cần thiết, vì tuần thứ III là tuần lễ của sự tĩnh lặng.

B. BA CÁCH THỨC CẦU NGUYỆN VỀ CUỘC KHỔ NẠN CỦA CHÚA GIÊSU

Cách 1 : Cầu nguyện kết hợp với cuộc khổ nạn của Chúa Giêsu. Đau khổ với Chúa Giêsu đau khổ, cảm nghiệm những cực nhọc và vất vả với Chúa Giêsu, vì tôi Ngài đã chịu các cực hình như vậy. Hoàn toàn nhập cuộc vào cuộc khổ nạn của Chúa Giêsu.

Cách 2 : Cầu nguyện về cuộc khổ nạn của Chúa Giêsu bằng cách liên tưởng đến các cuộc khổ nạn của con người ngày nay còn đang gánh chịu : nghèo đói, khổ cực, bệnh tật và biết bao nhiêu đau khổ mà tôi biết được vẫn còn đang diễn ra trên thế giới. Đó là những gì còn “thiếu sót” trong cuộc khổ nạn của Chúa Giêsu như thánh Phaolô đã nói ⁸⁵. Khi cầu nguyện như vậy, tôi tự hỏi tôi sẽ liên đới thế nào với những con người đang chịu mọi cơ cực của cuộc sống : ốm đau, nghèo đói, bách hại, chịu sỉ nhục.

Cách 3 : Cầu nguyện về cuộc khổ nạn và quy chiếu về thánh giá trong cuộc đời của tôi. Tôi đang vác thập giá với Chúa Kitô ở những điểm nào. Tôi được nên giống Ngài như thế nào trong cuộc khổ nạn. Tôi xin cuộc khổ nạn của Chúa Giêsu ban sức mạnh cho tôi để tôi tiếp tục sống mẫu nhiệm vượt qua của Đức Kitô.

⁸⁵ Xem 2 Cr 4,10 ; Pl 3,10 ; Cl 1,24.

BÀI CẦU NGUYỆN VỚI CHÚA GIÊSU TRONG VƯỜN CÂY DẦU

1. **KINH THÁNH : Mc 14,26-48**

2. Đặt khung cảnh : Dùng chính bản văn trình thuật
3. Xin ơn : xin được ăn năn khóc lóc, vì với biết bao đau khổ Chúa đã phải chịu vì tôi trong cuộc khổ nạn.
4. Phương pháp : vừa suy niệm vừa chiêm niệm.

CÁC ĐIỂM SUY NIỆM

Điểm I : Cuộc Vượt Qua của Chúa Giêsu

Sau bữa Tiệc Ly, Chúa Giêsu và các môn đệ đi qua bên kia suối Kedron, đến núi Cây Dầu. Trên đường đi, Chúa Giêsu đã báo trước cho các môn đệ : “Ta sẽ đánh người chần chiên, và chiên sẽ tan tác” Chúa Giêsu bước vào cuộc khổ nạn bằng một cuộc hành trình ngắn từ Nhà Tiệc Ly đến Núi Cây Dầu. Đó là một khoảng cách gần 2 cây số.

Chúng ta có thể thấy hình ảnh của người chần chiên, dẫn chiên qua con suối Kedron trước khi đến Núi Cây Dầu. Nhưng lần này, không phải để cho đàn chiên uống nước, mà để cho người chần chiên thí mạng sống mình vì đàn chiên.

Chúa Giêsu và các môn đệ đến một thửa đất gọi là Ghêtsêmani. Chi tiết này rất phù hợp với địa lý có thể xác định được, như ta thấy hiện nay. Ở đó Chúa Giêsu đã cầu nguyện bằng một lời cầu nguyện rất tha thiết : “Abba, Cha ơi ! Cha có thể làm được mọi sự, xin tha cho con khỏi uống chén này, nhưng xin đừng theo ý con, mà theo ý Cha”. Lời cầu nguyện của Chúa Giêsu rất phù hợp với *cách suy nghĩ* của chúng ta : Thiên Chúa

có thể làm được mọi sự, tại sao Chúa Giêsu lại phải đi vào cuộc khổ nạn mới cứu được ta ?

Vấn nạn đó Mc cho thấy cũng khó hiểu đối với Chúa Giêsu, chứ không phải chỉ khó hiểu đối với chúng ta mà thôi. Và sau này trong cuộc đời của chúng ta, sẽ có biết bao nhiêu những vấn nạn khó hiểu như vậy. Đường lối của Thiên Chúa nhiều khi khó hiểu đến mức không chấp nhận được.

Nhưng con tim của Chúa Giêsu lại khác với cách chúng ta cầu nguyện : “nhưng xin đừng theo ý con, mà theo ý Cha”. Dầu sợ hãi trước cái chết, Chúa Giêsu vẫn muốn ý Chúa Cha phải được thực hiện, như Chúa Giêsu đã dạy trong kinh Lạy Cha. Ga 4,34 : “Lương thực của Thầy là thi hành ý *muốn* của Đấng đã sai Thầy, và *hoàn tất công trình của Người*”. Ga 12,27 cũng nói : “Bây giờ tâm hồn Thầy xao xuyến ! Thầy biết nói gì đây ! Lạy Cha, xin cứu con khỏi giờ này, nhưng chính vì giờ này mà con đã đến !”

Đúng là Chúa Giêsu đang trải qua một cuộc Vượt Qua. Cuộc vượt qua nơi chính bản thân mình, vượt qua sự sợ hãi nơi tâm hồn mình, để chấp nhận theo Thánh Ý Chúa Cha.

Điểm II : Hãy canh thức và cầu nguyện,

kéo sa chước cám dỗ

Hình ảnh Chúa Giêsu trong vườn Cây Dầu là gương mẫu tuyệt vời của đời sống cầu nguyện. Chính Chúa Giêsu là Con Thiên Chúa làm người, trong thân phận nhân loại, cho thấy “cần phải cầu nguyện, kéo sa chước cám dỗ”. Và Ngài đã cầu nguyện lâu giờ. Ba lần cầu nguyện tha thiết với một ý cầu xin duy nhất : chấp nhận chết hay đi con đường khác. Mc cho thấy ít là Chúa Giêsu đã cầu nguyện một giờ đồng hồ như thế : “Phêrô, anh ngủ à ? anh không thức được một giờ sao ? (xem thêm Dt 5,7-10).

Chúa Giêsu chắc chắn đã biết rõ ý Chúa Cha. Nhưng Ngài vẫn cầu xin cùng Chúa Cha “nếu có thể được”, thì xin cho Ngài khỏi uống chén đắng của khổ hình thập giá. Lời cầu xin đó vừa là lời cầu xin “tránh nạn”, vừa là lời cầu xin “theo Thánh Ý Chúa”. Hai điều ấy không mâu thuẫn nhau, vì nếu Thiên Chúa muốn, chúng ta vẫn có thể tránh nạn. Đối với Chúa Giêsu, dường như Ngài biết rõ không có con đường nào khác. Thế mà Ngài vẫn cầu xin.

Lý do của việc cầu nguyện như Chúa Giêsu đã nói : Tinh thức cầu nguyện, để *khỏi sa chước cám dỗ*. Như thế, cầu nguyện là để có *sức mạnh*. Đối với Chúa Giêsu là sức mạnh để chết. Phúc âm Lc nói rõ : sau lần cầu nguyện thứ nhất, thì có thiên sứ từ trời xuống để tăng sức cho Người. Sau đó, Chúa Giêsu lâm cơn xao xuyên bồi hồi ! Điều ấy hàm ý nói : Việc xuất hiện của thiên sứ là câu trả lời của Chúa Cha : tiếp tục đi con đường khổ giá. Vì thế Chúa Giêsu mới “xao xuyên bồi hồi”. Và vì càng xao xuyên bồi hồi, Ngài càng khẩn thiết cầu xin.

Lời cầu xin lúc này chắc chắn là xin sức mạnh để chịu đựng cuộc khổ nạn. Cho nên sau đó, Lc nói : và mồ hôi Người như những giọt máu rơi xuống đất. Trong đời sống nhân loại, có biết bao nhiêu người đã phải cầu nguyện như vậy trước những đau đớn bệnh tật, để xin Chúa sức mạnh trước khi chết. Như vậy, cầu nguyện có thể là để “tránh nạn”, nhưng cũng là để có sức mạnh đón nhận Thánh Ý Thiên Chúa trong cuộc đời, dù có phải “đổ mồ hôi máu” đi nữa.

Điểm III : Chúa Giêsu nộp mình hay bị bắt ?

Đứng trên bình diện giáo lý và thần học, thì bị bắt hay nộp mình cũng chỉ là một.

Kết thúc đoạn Phúc Âm này Mc cho thấy Chúa Giêsu đã đi đến nơi các tông đồ đang ngủ và nói : “Thôi đủ rồi. Giờ đã điểm. Nay Con Người bị nộp vào tay phường tội lỗi. Đứng dậy ta đi nào. Kia kẻ nộp Thầy đã tới”. Phúc Âm Gioan cho thấy : khi quân lính đến bắt Chúa Giêsu, thì

chính Ngài đã tiến ra gặp họ và hỏi : “Các anh tìm ai ?” Họ đáp : “Tìm Giêsu Nadaret”. Và ngay sau khi Chúa Giêsu nói : “Chính Ta đây”, quân lính đã lùi lại và ngã xuống đất. Gioan muốn cho độc giả thấy sự cao cả của Chúa Giêsu : Ngài là *Ego Eimi*, nghĩa là Thiên Chúa. Vì thế quân lính mới té nhào xuống đất.

Nhưng sau đó Chúa Giêsu nói : “Nếu anh em tìm bắt tôi, thì hãy để cho những người này đi”. Chúa Giêsu là Thiên Chúa và là Mục Tử Nhân Lành bảo vệ đoàn chiên.

Kết thúc đoạn này, Phúc Âm Gioan cho chúng ta nghe lời của Chúa Giêsu nói với Phêrô : “Chén đắng Chúa Cha đã trao cho Thầy, lẽ nào Thầy chẳng uống ?” Rõ ràng Gioan đã trình bày Chúa Giêsu như người tự ý nộp mình cho quân lính.

Ý định của Thiên Chúa được thực hiện trong một bối cảnh gần như có *sự trùng hợp* giữa quyết định của các Thượng Tế và các Trưởng Lão là phải khai trừ Chúa Giêsu, với thái độ của Chúa Giêsu *muốn chấp nhận kế hoạch của Thiên Chúa Cha* đã được dự định từ đời đời, là thí ban Con Một của Người cho nhân loại.

Ở bình diện lịch sử, lời rao giảng và các phép lạ của Chúa Giêsu đã gây nên cuộc xung đột giữa giới lãnh đạo Do Thái và Chúa Giêsu. Nhưng ở bình diện thần học thì cái chết của Chúa Giêsu là do quyết định của Chúa Cha. Chúa Giêsu đã bằng lòng với quyết định này từ khi Ngài chấp nhận mầu nhiệm nhập thể (xem Pl 2,6-11).

Cuối cùng điểm quan trọng là ở phía chúng ta : Đây là Minh Thầy, sẽ *bị nộp vì anh em*. Đây là Máu Thầy sẽ *đổ ra cho anh em và nhiều người* được tha tội”. Chúng ta không thể khẳng định rõ ràng được Chúa Giêsu bị bắt hay chính Ngài nộp mình. Nhưng điểm căn bản là về phía chúng ta : dù cách nào, cuộc khổ nạn của Chúa Giêsu là “vì chúng tôi và để cứu rỗi chúng tôi” (Kinh Tin Kính). Chính chúng ta là “nguyên nhân” khiến Chúa Giêsu bị bắt hay phải tự nộp mình.

Cái “thảm họa” kết thúc cuộc đời dương thế của Chúa Giêsu phát xuất từ Tình Yêu của Ngài đối với chúng ta : “Chính vì nhiệt tâm nhà Chúa mà tôi đây phải thiệt thân” (Ga 2,17).

B à i 2 4



CHÚA GIÊSU TRƯỚC CÔNG NGHỊ DO THÁI VÀ TRƯỚC TÒA PHILATÔ

KINH THÁNH : Mc, 14,53-15, 20

DẪN NHẬP

Khi nói về cái chết của Chúa Giêsu, người ta đã đặt vấn đề : ai là người chủ mưu đã đưa Chúa Giêsu đến cái chết thập giá ? Câu trả lời có thể đơn giản là : đứng về phương diện pháp lý, án tử hình thập giá thuộc về trách nhiệm của Philatô. Nhưng trách nhiệm chính yếu dẫn đến cái chết của Chúa Giêsu vẫn là cấp lãnh đạo tôn giáo Do Thái.

Điểm I : Sự xung đột giữa Chúa Giêsu và cấp lãnh đạo Do thái

Công nghị kết án tử cho Chúa Giêsu được họp sau khi Chúa Giêsu bị bắt. Nhưng trong cuộc đời công khai, rất sớm, ở Mc 3,6 nhóm Pharisêu đã bàn tính với phe Hêrôđê để tìm cách giết Chúa Giêsu.

Trong suốt cuộc đời công khai của Chúa Giêsu, những người Pharisêu đã rình rập, quan sát bắt bẻ Chúa Giêsu về các phép lạ và các giáo huấn của Ngài. Họ không đồng ý với Chúa Giêsu, vì Ngài cho thấy Ngài có *quyền tha tội*, và phê bình các môn đệ của Chúa Giêsu, vì họ không ăn chay và *giữ ngày Sabat* (Mc 2,1-27). Họ trách cứ các môn đệ của Chúa Giêsu đã không giữ *tập tục của các tiền nhân*, vì đã không rửa tay trước khi ăn (Mc 7,1-2).

Về phần Chúa Giêsu, Ngài đã công kích họ nhiều lần và quở trách *sự giả hình của họ*. Ở Mc 7,3-13 Chúa Giêsu đã phanh phui việc họ “lợi dụng tôn giáo” để làm lợi cho bản thân về vật chất. Và ở Mc 8,11-15 Chúa Giêsu đã dạy các môn đệ của Ngài tránh “men biệt phái” và “men Hêrôđê”. Khi các thượng tế, kinh sư và các kỳ mục đặt vấn đề về “quyền” của Ngài, Chúa Giêsu đã nói dụ ngôn về những tá điền làm vườn nho ở Mc 11,27-12,12 để ám chỉ đến họ, khiến họ rất căm tức muốn bắt Ngài, nhưng vì sợ dân chúng nên chưa dám bắt.

Ngoài ra Mc còn cho thấy dường như hai nhóm Pharisêu và Hêrôđê liên kết với nhau và với nhà cầm quyền Rôma, để đưa Chúa Giêsu đến cái chết thập giá (Mc 12,13-27). Điểm then chốt có thể là : họ coi Chúa Giêsu như một nhân vật nguy hiểm, gây xáo trộn về phương diện tôn giáo và chính trị. Và đó là lý do họ có thể xúi giục dân chúng chống lại Chúa Giêsu, cũng như thuyết phục nhà cầm quyền Rôma lên án tử cho Chúa Giêsu.

Chính trong trình thuật “bị bắt” Chúa Giêsu đã thấy được yếu tố này trong tâm thức của những người lính đến bắt Ngài, vì thế Ngài nói : “Các ông đem gươm giáo gây gộc đến bắt tôi, như bắt một tên cướp vậy” (Mc 14,48). Vì từ ngữ *letes* thời bấy giờ không phải chỉ đơn giản là người cướp bóc, mà là một người gây ra xáo trộn tôn giáo và chính trị, như Ga 18,39 đã ám chỉ về ý nghĩa của từ ngữ này khi nói về Baraba. Ông này chính là một người nổi loạn chống chính quyền Rôma (xem Mc 15,7).

Cuối cùng ở Mc 14,1 nói rõ : thượng tế và kinh sư đã có một kế hoạch được tính toán kỹ lưỡng để bắt Chúa Giêsu.

Điểm II : Lý do chính dẫn đến cái chết trong cuộc họp Thượng Hội Đồng

Tuy thế, ở trong Công Nghị Do Thái, chúng ta thấy có hai lý do đưa Chúa Giêsu đến cái chết.

Lý do thứ nhất là lời tố cáo : “Chúng tôi đã nghe ông ấy nói : ‘Tôi sẽ phá đền thờ này do tay người phạm xây dựng, và nội ba ngày, tôi sẽ xây dựng một đền thờ khác, không phải do tay người phạm’” (Mc 14, 58). Chúng ta lưu ý đến hai cụm từ *do tay người phạm* và *không do tay người phạm*. Do tay người phạm, chúng ta hiểu ngay đó là đền thờ Giêrusalem. Không do tay người phạm chúng ta hiểu đó là Đền Thờ Thân Xác Chúa Giêsu, như Gioan đã chú giải về điều này ở Ga 2,21.

Mc 14,59 cho thấy các người tố cáo không hiểu rõ nội dung của lời tố cáo, cho nên “các chứng của họ không ăn khớp nhau”. Và khi Thượng Tế hỏi Chúa Giêsu tại sao không trả lời về những lời tố cáo, Chúa Giêsu đã làm thinh (Mc 14,61). Điều này cho thấy Chúa Giêsu đã nói một điều gì đó liên quan đến việc phá hủy đền thờ, và người Do Thái không chấp nhận được điều này.

Vì đối với người Do Thái, Đền Thờ là nơi Thiên Chúa ngự, là trung tâm sinh hoạt tôn giáo của cả dân tộc. Nên nói một điều gì đụng tới Đền Thờ là một trọng tội.

Lý do thứ hai minh nhiên hơn, đó là khi vị Thượng Tế “nhân danh Thiên Chúa” (theo Matthêu) để hỏi Chúa Giêsu : “Ông có phải là Đấng Kitô Con Thiên Chúa Đấng đáng chúc tụng không ?” thì Chúa Giêsu đã trả lời : “Phải chính thế, rồi các ông sẽ thấy Con Người ngự bên hữu Đấng Toàn Năng, và ngự giá mây trời mà đến” (Mc 14,62).

Từ đó vị Thượng Tế và Hội Đồng quyết định là Chúa Giêsu phải chết. Đó là một lời nói phạm thượng.

Trong suốt Phúc Âm Maccô, tác giả luôn luôn trình bày về bí mật Thiên Sai. Và Chúa Giêsu cũng nhiều lần không muốn tỏ ra cho dân chúng biết Ngài là Đấng Messia. Nhưng ở Thượng Hội Đồng Do Thái, *một cách long trọng*, Chúa Giêsu đã tuyên bố chính thức Ngài là Đấng Messia. Và đây là lý do chủ yếu dẫn Chúa Giêsu đến cái chết.

Đối với Mc, đây là điểm thần học chính yếu của ông : Đấng Messia chịu đau khổ.

Điểm III : Án tử trước khi ra tòa

Sau Thượng Hội Đồng, các thượng tế đã họp bàn với các kỳ mục và kinh sư, và quyết định giải nộp Chúa Giêsu cho Philatô (Mc 15,1). Với câu hỏi đầu tiên của Philatô : “Ông là Vua dân Do Thái sao ?”, độc giả hiểu được rằng đã có một cuộc thỏa hiệp ngầm giữa giới lãnh đạo Do Thái và Philatô.

Bản án đã có rồi : Chúa Giêsu phải chết, vì Ngài đã tự xưng mình là Đấng Messia. Nhưng khi nộp Chúa Giêsu cho Philatô, thì tội danh lại là tội “xung vương”, nghĩa là tự cho mình là Vua Dân Do Thái. Đây chính là tội phản nghịch đối với hoàng đế Xêda, vì “ai tự xưng mình là vua, thì chống lại Xêda” (Ga 19,12). Điều này rõ ràng hơn khi Mc trình bày chi tiết sự kiện Baraba ở Mc 15,6-8 : một vụ nổi dậy. Và đứng trước đám đông dân Do Thái, Philatô luôn luôn nói về Chúa Giêsu với danh xưng Vua Dân Do Thái.

Còn dân chúng lại xin Philatô đóng đinh Chúa Giêsu. Việc Philatô tha Baraba và truyền đánh đòn Đức Giêsu, rồi trao người cho họ đóng đinh vào Thập Giá, rõ ràng án tử đối với Philatô là án tử dành cho người phiến loạn, trong khi Philatô khẳng định nhiều lần trước mặt dân chúng : “Ông ấy đã làm điều chi gian ác ?” (Mc 15,14). Chính Mc cũng nói : Philatô đã chiều lòng đám đông (Mc 15,15).

KẾT LUẬN

Bản văn trình thuật có thể cho ta các yếu tố để nhận diện được tình tiết lịch sử của vụ án Giêsu. Nhưng điểm nhấn của Mc có lẽ không nằm ở bình diện lịch sử cho bằng trình bày về cái chết của Đấng Messia.

Một con người đã làm nhiều việc lạ lùng đến kinh ngạc đối với cả loài người lẫn Satan, giờ đây chấp nhận chịu chết. Một người đã dạy các giáo lý mới mẻ như một người đầy quyền năng, giờ đây chấp nhận chết trước sự kết án của những người *không muốn tin* và có *sự thù nghịch với Chúa Giêsu*. Mc 15,10 : “Vì ông (Philatô) biết chỉ vì ganh tị mà các

thượng tế đã nộp Người”. Đó là cách thức Đấng Messia đã đi vào cái chết.

Chính những người lẽ ra được hưởng trọn lời hứa của ơn cứu độ, *lại từ khước Đấng Messia đã đến để cứu độ họ*. Và một cách nghịch lý : chính khi họ kết án tử cho Đấng Messia, lại là *phương cách để Đấng Messia hoàn tất sứ vụ cứu thế của Ngài*. Ơn cứu độ quả là một điều nghịch lý đối với những người cứng lòng tin.

B à i 2 5



ĐƯỜNG THÁNH GIÁ VÀ CÁI CHẾT CỦA Đấng MESSIA

KINH THÁNH : Mc 15, 10-47

CÁC ĐIỂM SUY NIỆM

Điểm I : Những yếu tố bên lề của cuộc hành hình

Phúc âm Mc rất mạch lạc khi trình bày về cái chết của Đấng Messia. Trước khi vác khổ giá là màn chế diễu của quân lính Rôma. Chúng mặc cho Ngài một áo đỏ, và đội trên đầu một vương miện bằng gai. Chúng khạc nhổ và nhạo báng Ngài : Vạn tuế Đức Vua dân Do Thái (Mc 15,16-20).

Đến khi trình bày về cái chết, Mc cũng cho thấy Chúa Giêsu đã bị đóng đinh và chết giữa hai người phản loạn, với lời chú thích : “Ngài được liệt vào hạng những tên phạm pháp” (Mc 15,28).

Như vậy là đối với người đại diện Rôma, Chúa Giêsu đã phải chết như một người phản loạn, nhưng với danh xưng Vua Dân Do Thái. Ngược lại, về phía người Do Thái, Mc cho thấy họ đã chế nhạo Chúa Giêsu về hai điều :

- Kẻ phá Đền Thờ, có giỏi thì xuống khỏi thập giá mà cứu mình đi (Mc 15,29-30).
- Ông Kitô Vua Israel, cứ xuống thập giá bây giờ để chúng tôi tin (Mc 15,32).

Như vậy là rất am hợp với diễn tiến của vụ án. Một lần nữa đứng trước thập giá, người Do Thái bày tỏ sự vô tín của họ.

Chúng ta để ý đến danh xưng *Kitô Vua Israel* mà Mc đã sử dụng ở đây. Danh xưng Israel chỉ về Dân Thiên Chúa, chính xác hơn danh xưng Vua Dân Do Thái là cách nói của người ngoại giáo.

Kết quả là, khi Chúa Giêsu chết, thì màn trong Đền Thờ xé ra làm hai. Và viên đội trưởng, một người ngoại giáo người Rôma, tuyên xưng : Quả thật người này là Con Thiên Chúa. Đúng là Mc đã viết Phúc Âm cho dân ngoại. Chính dân riêng (Israel) của Thiên Chúa đã từ khước Đấng Messia của họ.

Những yếu tố bên lề này cho ta thấy sự nghịch lý của mâu nhiệm thập giá, được trình bày ở mức độ tột đỉnh của sự nghịch lý.

Điểm II : Chúa Giêsu vác thập giá

Phúc Âm Mc không minh nhiên nói Chúa Giêsu vác thập giá, nhưng chúng ta hiểu Ngài đã vác thập giá đến kiệt sức. Vì thế mới xuất hiện nhân vật Simon Kyrênê, là thân phụ của Alexandê và Ruphô, vác đỡ thập giá cho Chúa Giêsu. Chi tiết này cho thấy có lẽ Alexandê và Ruphô là hai nhân vật trong cộng đoàn của Mc, và hai người này trước kia là hai người ngoại giáo. Chi tiết này cũng cho chúng ta thấy thập giá của Chúa Giêsu cũng là thập giá của tất cả mọi người chúng ta.

Chúng ta cùng vác thập giá với Chúa Giêsu, hay người tiếp tục vác thập giá với chúng ta.

Chi tiết thứ hai là Chúa Giêsu không dùng rượu pha mộc dược để bổ sức. Chi tiết này cho chúng ta hiểu Chúa Giêsu hoàn toàn chấp nhận thân phận của một tử tội và *chính thập giá của Chúa Giêsu và cái chết của Ngài là sức mạnh cho chúng ta.*

Cuộc khổ nạn có vẻ tập trung ở trình thuật về họp Công Nghị, và trước tòa án Philatô hơn là sự kiện chính yếu của việc vác thập giá và đóng đinh vào thập giá. Cái thảm trạng đau đớn nhất của thập giá có lẽ ở sự từ khước của con người (người Do Thái) và sự nhu nhược của người cầm quyền (Philatô) đã chịu bắt lực trước sự gian ác của con người. Còn

thập giá, cho dù là một hình phạt rất đau đớn, nhưng có lẽ không phải là cái đáng sợ nhất đối với Chúa Giêsu.

Con hấp hối của Chúa Giêsu ở vườn Cây Dầu là sự sợ hãi đứng trước giờ phải đối đầu với những người chống đối Ngài, bị chính “người nhà của Ngài” từ khước, và phải chứng kiến trước *sự bất lực trước lẽ công chính* mà người có quyền bính không bảo vệ được. Cuộc hấp hối đó cũng có thể là nỗi đau của Đấng Messia đến cứu chúng ta, nhưng chúng ta vẫn ở lại trong tội lỗi của mình. Chính sự nhạo báng và cứng tin mới là yếu tố đau đớn nhất của cuộc khổ nạn.

Điểm III : Mai táng

Đoạn Phúc Âm về mai táng cho thấy sức mạnh của thập giá đã có sự biến đổi. Ông Giôxép, người thành Arimathê, một người có thế giá trong Hội Đồng đã mạnh dạn đến gặp Philatô để xin thi hài Chúa Giêsu. Mc cho thấy ông là một người mong đợi Triều Đại Thiên Chúa. Điều ấy hàm ý cho thấy, sau cái chết của Chúa Giêsu ông đã tin.

Thái độ của Philatô cũng có vẻ ân cần, trước cái chết nhanh chóng của Chúa Giêsu (xem Mc 15, 44-45). Ông đã đồng ý để Giôxép làm thủ tục mai táng.

Phần ông Giôxép, ông đã mai táng Chúa Giêsu trong mồ cách tươm tất.

Cuối cùng là các người phụ nữ đã quan sát nơi đặt xác Chúa Giêsu. Một cái gì đó đã hé mở, khi các người phụ nữ này định vị nơi chốn. Các bà có ý sau dịp lễ sẽ đến để làm thêm việc tảo mộ cho chu đáo hơn.

Hạt giống dường như đã được gieo vào lòng đất, để rồi dù người ta thức hay ngủ, cũng sẽ trở thành những bông lúa nặng trĩu hạt (Mc 4,26-28).

TUẦN LỄ IV

B à i 2 6



ĐỨC MARIA TRONG NGÀY THỨ SÁU VÀ THỨ BẢY TUẦN THÁNH

LT. 218-229

D Ẫ N NH ẬP

Kinh Thánh chỉ kể lại việc Đức Mẹ đứng dưới chân Thánh Giá. Sau đó không nói gì thêm, và không kể lại việc Chúa Giêsu phục sinh hiện ra với Đức Mẹ.

Chúng ta dùng phương pháp hình dung để sống với Đức Maria, những tâm tình của Mẹ ngày thứ sáu và thứ bảy tuần thánh.

I. Tâm tình của Đức Maria

Nếu Đức Maria đã nghe lời Chúa Giêsu ở đền thờ Giêrusalem : tại sao lại tìm con, cha mẹ không biết con phải lo việc cha con sao ? Và Đức Maria đã suy nghĩ về những lời ấy trong lòng, thì ở dưới cây Thánh Giá và sau khi Chúa Giêsu được an táng trong mồ, Đức Mẹ cũng mang trong mình một nỗi đau đớn không nói lên lời, và chìm đắm trong việc suy nghĩ về những sự kiện không thể tưởng tượng được đã xảy đến cho Mẹ trong tuần lễ vượt qua này.

Tuy nhiên, sau khi mọi sự đã hoàn tất, những tiếng nói đằng đằng sát khí không còn nữa. Những âm thanh của tiếng búa đóng đinh không còn đâm thấu vào trái tim Mẹ nữa, Đức Maria đang ở trong *những giây phút im lặng rất thánh* trong ngày thứ sáu và thứ bảy tuần thánh. Có một cái gì đó rất sâu sắc trong tâm hồn Mẹ. Có một niềm cậy trông nào đó đang lớn dần lên trong lòng Mẹ.

Như mọi kinh nghiệm thiêng liêng : dù là cuộc khổ nạn của Chúa, khi ta kết hiệp với cuộc khổ nạn của Ngài, để cảm thấy đau đớn trong lòng vì tội lỗi ta mà Chúa phải chịu cực hình như vậy, nhưng trong lòng ta luôn có một niềm tin, lòng trông cậy và tình mến giữ cho lòng ta không sụp đổ.

Đức Maria cũng vậy, Mẹ thấy một sự bình an trong niềm tin, cậy, mến. Và hơn nữa, đã thấp lèn trong lòng Mẹ một sự chờ đợi nào đó, về một cái gì đó lớn hơn sắp xảy ra. Và Mẹ đã sống như vậy suốt ngày thứ sáu và thứ bảy tuần thánh. Lòng can đảm của Mẹ có vẻ còn lớn hơn cả lúc Mẹ đứng dưới cây thập giá nữa, lúc mà các xúc cảm của Mẹ đã lên đến tột độ.

II. Chúa Giêsu đến với Đức Mẹ

Sau khi Chúa đã được an táng trong mồ, và đã xuống ngục tổ tông an ủi các thánh, đến giờ Chúa sống lại, Chúa đã đến gặp Đức Mẹ trước hết. Chúng ta có thể tưởng tượng được Chúa Giêsu vui vẻ biết chừng nào. Tất cả mọi bí ẩn trong cuộc đời Chúa giờ đây được vén mở ra cho Đức Mẹ. Mẹ sẽ không còn phải nghe những lời ấy mà suy nghĩ trong lòng nữa. Mà chỉ trong một giây phút Mẹ hiểu hết mọi sự. Vì tất cả những gì đã suy niệm về cuộc đời của Chúa Giêsu, Mẹ đã suy nghĩ hết rồi, chỉ còn chờ tiếng nói cuối cùng của Chúa mà thôi.

Phải nói rằng, có lẽ Chúa Giêsu cũng hồi hộp trước giờ phút này. Nếu trước kia khi rời Đức Maria để đi vào sứ vụ rao giảng Tin Mừng Nước Thiên Chúa, Chúa Giêsu đã phải đắn đo chọn ngày, chọn giờ, tìm cách nói lời từ giả Đức Mẹ, thì giờ đây hoàn toàn khác hẳn. Không có sự đắn đo nào cả. Ngay khi Chúa hoàn tất công việc thăm viếng các linh hồn trong ngục tổ tông, Chúa hiện ra một cách *bất thành linh* trước mặt Đức Mẹ, vào buổi sáng sớm ngày Phục Sinh, lúc đó có lẽ Đức Mẹ đang cầu nguyện vào giờ sáng sớm tinh sương.

Chúng ta có thể hình dung ra cái mỉm cười và cái nhìn “hóm hỉnh” của Chúa Giêsu với Mẹ Ngài, không nói bằng lời nhưng bằng ánh mắt và nụ cười : con đây ! Cũng chỉ trong tích tắc Đức Mẹ hiểu hết vấn đề, như một ơn siêu nhiên đặc biệt, vì đây như một thị kiến, được xem thấy vinh quang đầu tiên của Đấng Phục Sinh. Ánh sáng chiếu soi tâm hồn Mẹ và đánh động các cảm quan nơi Mẹ như một kỷ niệm không *phai mờ* được, nhưng cũng không thể nào *tả xiết* được.

Tuy nhiên, cũng trong một khoảnh khắc Mẹ nhận ra được *khoảng cách* rất lớn của Mẹ với Chúa Giêsu. Một đàng Chúa Giêsu Phục Sinh chính là Con của Mẹ. Người Con mà Mẹ đã sinh ra và ấp ủ trong lòng. Người Con đã sống với Mẹ 30 năm ở Nadaret. Nhưng đồng thời, Chúa Giêsu Phục Sinh cũng đang là Chúa của Mẹ, đang đứng trước mặt Mẹ.

Cùng một lúc một *tâm tình gần gũi* sống động của 30 năm, cùng một lúc Mẹ thấy *sự lớn lao* của Chúa Giêsu : Chúa của Mẹ đang ở đó. Mẹ như muốn quỳ xuống để tôn thờ Chúa. Vào đúng lúc đó, Chúa Giêsu đến với Mẹ và đỡ Mẹ đứng dậy.

III. Cuộc đối thoại của Chúa Giêsu và Đức Mẹ

Chúng ta không có thể hình dung được về cuộc đối thoại này, vì thời gian Chúa gặp Đức Mẹ rất ngắn ngủi. Hầu như mọi sự đã được hiểu rồi, nhờ ánh sáng siêu nhiên của mầu nhiệm phục sinh. Nhưng chúng ta có thể đoán được nội dung của cuộc đối thoại đó.

Chúa Giêsu *cám ơn* Đức Mẹ, về những gì Đức Mẹ đã làm cho Chúa, từ khi Chúa sinh ra đến khi Chúa chết trên cây thập giá. Chúa Giêsu *cám ơn* Đức Mẹ về thái độ đức tin Mẹ đã bày tỏ trong cuộc đời của Chúa, những điều Chúa không thể nói hết khi ở Cana, lúc Mẹ báo cho Chúa họ đã hết rượu ; những điều Chúa đã không thể nói lại khi Mẹ đến trước Chúa đang lúc Chúa rao giảng ; những điều Chúa không thể nói hết lúc Chúa gặp Đức Mẹ trên đường khổ giá. Nhất là Chúa *cám ơn* Đức Mẹ về sự can đảm của Mẹ dưới chân cây thập giá.

Chúng ta cũng có thể nghĩ đến những gì Chúa *ký thác* ở Đức Mẹ, về Giáo Hội, về các thánh tông đồ. Sự ký thác này Chúa không nói ra bằng lời, nhưng bằng một cách nào đó, Chúa đã bày tỏ ước mong Mẹ sẽ tiếp tục ở với các môn đệ, những người con mới của Mẹ với tư cách mới của Mẹ : là cộng sự viên của Chúa trong công trình cứu chuộc.

Cuối cùng như một *cái nhìn hẹn ước*, Chúa đã từ giã Đức Mẹ, nhưng hiểu ngầm được rằng, Mẹ sẽ đón nhận ân huệ rất lớn của Thánh Thần trong những ngày tới. Và sau khi Đức Mẹ đã hoàn tất sứ vụ đồng hành với Giáo Hội, với cộng đoàn đầu tiên sẽ thành hình, Mẹ sẽ về trời cả hồn lẫn xác để hưởng vinh quang với Chúa Giêsu phục sinh.

KẾT THÚC

Sau khi đã hình dung ra cuộc gặp gỡ giữa Chúa Giêsu phục sinh với Đức Mẹ, chúng ta liền tâm sự với Mẹ về những gì chúng ta cảm nghiệm được trong giờ cầu nguyện này.

Ta cũng tâm sự với Chúa Giêsu phục sinh để ca tụng Ngài vì Ngài đã đến với Đức Mẹ, và cùng hiệp thông niềm vui với Ngài. Ta cũng xin Chúa Giêsu phục sinh ban cho ta niềm vui và sự an ủi của Ngài về cuộc đời của ta.

BÀI CHIÊM NIỆM VỀ ĐỨC KITÔ CHÚA CHÚNG TA ĐÃ HIỆN RA CÙNG ĐỨC MẸ

LT. 219-225

KINH NGUYỆN: Kinh dọn lòng thường lệ.

- 219. TIỀN NGUYỆN I :** Lịch sử. Ở đây là sau khi Chúa Kitô tắt thở trên thập giá, xác Ngài ở trong tình trạng tách rời khỏi linh hồn, nhưng vẫn luôn kết hợp cùng bản tính Thiên Chúa, linh hồn đầy hạnh phúc Người xuống ngục tở tởng, vẫn luôn kết hiệp cùng thiên tính. Người rước linh hồn các thánh ra khỏi ngục, đoạn trở lại mồ, và khi đã sống lại, Người hiện ra cùng Đức Mẹ đầy ân phúc, bằng cả xác và hồn.
- 220. TIỀN NGUYỆN II :** Đặt khung cảnh, nhìn xem nơi chốn. Ở đây là xem xét sự xếp đặt của mồ thánh, và nơi nhà Đức Mẹ ; nhìn riêng từng phần một, phòng ngủ, nhà nguyện v.v...
- 221. TIỀN NGUYỆN III :** Cầu xin điều tôi ao ước. Ở đây là cầu xin ơn được vui mừng mãnh liệt vì sự vinh quang và vui mừng dường ấy của Đức Kitô Chúa chúng ta.
- 222. ĐIỂM NHẤT, HAI, BA :** Điểm 1, 2, 3 cũng là những điểm mà chúng ta đã quen làm trong cuộc chiêm niệm về Tiệc Ly của Đức Kitô, Chúa chúng ta.
- 223. ĐIỂM BỐN :** Suy gẫm về việc bản tính Thiên Chúa đã có vẻ như ẩn mình trong cuộc Thương Khó, bây giờ tỏ hiện cách lạ lùng biết bao trong việc Phục Sinh cực thánh, bởi những hiệu lực chân thật và cực thánh của chính sự Phục Sinh ấy là thể nào.
- 224. ĐIỂM NĂM :** Xét về chức vụ an ủi mà Đức Kitô, Chúa chúng ta, hiện đang chu toàn. So sánh việc ấy với cách thức mà các bạn hữu quen an ủi nhau.
- 225. TÂM SỰ :** Kết thúc bằng một hay nhiều cuộc tâm sự, tùy theo đề tài, và đọc một kinh Lạy Cha.

B à i 27



NGÔI MỘ TRỐNG

KINH THÁNH : Ga 20,1-10 ; Mc 16,1-8

Dẫn nhập : Ngôi mộ trống là kinh nghiệm khách quan mà người phụ nữ và các môn đệ Chúa Giêsu đã phát hiện ra vào buổi sáng ngày Chúa phục sinh. Đây là một lý chứng quan trọng của Giáo hội sơ khai về sự kiện Chúa Kitô phục sinh.

Khung cảnh : buổi sáng tinh sương ngày thứ nhất trong tuần.

Xin ơn : xin được niềm vui cực độ với Chúa Giêsu đã sống lại, chiến thắng tội lỗi và sự chết.

Điểm I : ngôi mộ trống

Maria Mađalêna ở Ga cũng như các phụ nữ trong Phúc Âm Maccô đã chứng kiến ngôi mộ trống đầu tiên. Maria Mađalêna chạy ngay về báo cho các thánh Tông đồ (theo Gioan). Còn các người phụ nữ theo Maccô thì các bà đã gặp một thiên thần đang ngồi trong ngôi mộ trống.

Ta hãy suy niệm những lời thiên thần nói với các bà. Đừng sợ ! Người đã trỗi dậy rồi, không còn ở đây nữa. Chỗ đã đặt Người đây này. Như vậy rõ ràng Phúc Âm khẳng định cho ta là các bà đã đến đúng địa chỉ, đến đúng mộ của Chúa, đến đúng chỗ đã đặt xác Chúa Giêsu. Nhưng Người không còn ở đây nữa, Người đã trỗi dậy. Sự kiện này càng làm các bà hoảng sợ thêm.

“Vừa ra khỏi mộ, các bà liền chạy trốn, run lẩy bẩy, hết hồn hết vía. Các bà chẳng nói gì với ai vì sợ quá”. Như thế là Maccô cho thấy sự kiện

mồ trống là một sự kiện rất rõ ràng, không phải chuyện mơ. Maccô cho thấy các phản ứng rất cụ thể của các người phụ nữ này : chạy trốn, run lẩy bẩy, hết hồn hết vía, im bật không dám kể điều đó với ai. Khi nói về phản ứng như vậy, chắc chắn Maccô nhấn mạnh đến sự kiện mồ trống, một sự kiện chưa từng thấy : mới hôm thứ sáu xác Chúa được an táng tại nơi đây, bây giờ không còn nữa.

Chúng ta biết đối với người Do Thái, mộ là một thứ hạng toại đạo, chỉ khác một điều là ở dưới đó có các phòng, mỗi phòng có thể để 2 hay 3 xác chết, giống như giường tầng trong xe lửa. Ngôi mộ của Chúa Giêsu là một ngôi mộ mới làm (theo Gioan) nghĩa là chỉ có một mình xác Chúa Giêsu trong ngôi mộ ấy.

Việc ướp xác Chúa là một thói quen của người Do Thái. Người chết được chăm sóc rất chu đáo, như những người đang ngủ. Tv nói như những người đang an giấc và hồn của họ ở dưới âm phủ (Shéol).

Như thế ngôi mộ trống vừa là một thực tại, vừa là một dấu hiệu báo tin Chúa đã sống lại. Thánh Mt và truyền thống Giáo hội sơ khai cũng lưu ý rất nhiều đến sự việc này. Trong Phúc Âm Mt có trình thuật về việc các nhà lãnh đạo Do Thái dứt lốt tiền cho lính, để khai man rằng : các môn đệ của Chúa đã đến lấy xác đi. Và tin đồn đó vẫn còn lưu truyền đến ngày nay, nghĩa là khi Matthêu viết Phúc Âm, khoảng gần 40 năm sau biến cố Phục sinh, thì vấn đề ngôi mộ trống vẫn là một sự kiện đang tranh luận.

Điểm II : sứ điệp cho các bà

Xin các bà về nói với các môn đệ Người và ông Phêrô rằng : Người sẽ đến Galilê trước các ông. Ở đó, các ông sẽ được thấy Người như Người đã nói trước với các ông. Như vậy, các bà có sứ mạng đi báo cho các tông đồ biết sự kiện mộ trống này, và có sứ mạng báo cho Phêrô và các môn đệ của Chúa Giêsu về cái hẹn ở Galilê, hay đúng hơn, theo lời các thiên thần, là nhắc lại một lời hẹn đã nói trước khi Chúa Giêsu chịu khổ nạn (Mc 14,28).

Như vậy, cả bốn Phúc Âm đều cho thấy, các người phụ nữ là những người đầu tiên đã khám phá ra ngôi mộ trống. Mt và Ga còn cho thấy việc Chúa hiện ra với các phụ nữ đến mờ buổi sáng và với Maria Mađalêna. Chúng ta thấy các Phúc Âm khá nhất trí về sự việc này.

Như vậy các người môn đệ phụ nữ, sau Đức Maria, là những người đầu tiên đã được Chúa Giêsu tỏ mình ra. Điều ấy là một ơn đặc biệt vì chính các bà là những người đã trung tín với Chúa, theo Chúa đến dưới chân thập giá.

Thật đúng như lời hiệu triệu của Chúa Giêsu trong bài tiếng gọi của Vua : “Theo Ta trong đau khổ, để cùng vào trong vinh quang với Ta”. Các bà là các người môn đệ trung tín đã theo Chúa đến cùng, nên đã được Chúa phục sinh tỏ vinh quang của Ngài ra trước hết.

Đây là một sự kiện rất đáng lưu ý trong các trình thuật Phúc Âm : một biến cố trọng đại nhất đã được bày tỏ cho các người phụ nữ. Hơn nữa, các bà còn có sứ mạng báo tin vui bí mật này cho các thánh tông đồ. Ngoài ra còn có sứ mạng nữa : xin cho Chúa cái hẹn ở Galilê. Chúng ta thấy Chúa Giêsu rất lịch sự, không có điện thoại, Chúa phải nhờ các bà xin cái hẹn cho Chúa để Chúa được gặp các môn đệ ở Galilê. Thần Học Nữ Quyền có thể dựa vào sự kiện này để nói về vai trò của người phụ nữ trong nhiệm vụ cứu độ.

Hai biến cố quan trọng : - truyền tin : Đức Maria, người phụ nữ có phúc hơn mọi người phụ nữ, và - phục sinh : các người môn đệ phụ nữ trung tín với Chúa Giêsu (chưa kể việc Maria đã xức dầu thơm cho Chúa tại Bêtania), là hai biến cố ưu đãi trong lịch sử cứu độ.

Điểm III : Phêrô và Gioan : giáo hội huấn quyền

và giáo hội đặc sủng

Với lời loan báo của sứ thần, hoặc của chính Chúa Giêsu cho các bà, bắt đầu có một chuyển động.

Gioan chạy, Phêrô cũng chạy. Gioan chạy nhanh hơn, nhưng không vào trong mộ... chờ Phêrô đến, Phêrô vào trước. Đặc súng bao giờ cũng nhanh hơn huấn quyền, nhưng đặc súng luôn luôn phải tùy thuộc sự xác nhận của huấn quyền. Gioan bèn nhảy nhờ đặc súng, ông đã thấy và ông đã tin.

Nhưng Phêrô chỉ xem các sự kiện mà không tuyên bố gì : “Ông vào thẳng trong mộ, thấy những băng vải để ở đó, và khăn che đầu Đức Giêsu, khăn này không để lẫn với các băng vải, nhưng cuốn lại, xếp riêng ra một bên” (Ga 20,6-7). Chúng ta thấy rõ huấn quyền rất chắc chắn : quan sát, xem xét, nhận định từng chi tiết... nhưng không tuyên bố gì. Việc trở thành niềm tin chung của Giáo hội phải có thời gian. Sau này, ta thấy rõ điều ấy ở 1 Cr 15,1-11 ⁸⁶.

Vậy niềm tin vào Đức Kitô Phục Sinh là niềm tin chắc chắn. Và theo lý luận của thánh Phaolô, nếu chúng ta chỉ tin vào Chúa Giêsu ở lúc sinh tiền thôi thì nào có ích gì ? Chúng ta sẽ là những người đáng thương nhất (1 Cr 15,19).

Phục sinh là cái lăng kính để qua đó ta hiểu được tất cả những gì Chúa Giêsu đã nói và đã làm trong cuộc đời công khai của Ngài. Phục sinh là lăng kính để ta hiểu màu nhiệm thập giá, hiểu cái chết thập giá của Chúa Giêsu, hiểu Chúa Thánh Thần, hiểu biết Chúa Ba Ngôi, hiểu ý nghĩa ơn cứu độ, hiểu Giáo Hội.

Tóm lại tất cả thần học và giáo lý đều đặt nền tảng trên biến cố Phục Sinh.

⁸⁶ Cũng thế, Giáo Hội luôn luôn chắc chắn trước những sự việc có liên quan đến đức tin, như nhiều trường hợp liên quan đến việc Đức Mẹ hiện ra. Niềm tin của giáo dân đôi khi đi trước việc xác nhận của huấn quyền. Sự chắc chắn và dè dặt là cần thiết. Nhưng có rất nhiều kitô hữu không hiểu được điều này, và phê bình huấn quyền là chậm chạp. Họ không hiểu rằng đức tin luôn luôn phải đặt trên một nền tảng vững chắc.

Vì thế Phục Sinh không phải chỉ đơn giản là Chúa Cha không để con Ngài phải hư nát trong phần mộ mà thôi. Phục Sinh còn liên quan đến vận mệnh của nhân loại, liên quan đến đời sống của chúng ta, đến từng chi tiết đời sống chúng ta : tại sao ta chết, tại sao ta phải sống trong hoàn cảnh này ? Phục Sinh liên hệ đến lịch sử Giáo Hội : tại sao Giáo Hội có những thăng trầm như vậy, tại sao Giáo Hội bị bách hại, tại sao có các thánh tử đạo, tại sao các thánh Anh Hài phải chết ? Phục Sinh như ánh sáng giải quyết tất cả mọi vấn đề của thời gian, kể cả chiều dài của lịch sử ! Có nhiều người cứ ngay ngáy mong chờ tận thế mà tận thế vẫn chưa đến... ! Phục Sinh điều chỉnh cách sống của chúng ta : sống đúng tính cách của những con người sẽ sống và hưởng sự sống đời đời.

Cho nên về phương diện giáo lý : sẽ là *lý thuyết*, sẽ là *ý thức* *he*, sẽ là *triết học*, nếu không có sự kiện Chúa Giêsu phục sinh. Phục Sinh giải quyết tại sao ta không được phá thai, không được ngừa thai. Phục Sinh là động lực để ta lên đường thi hành sứ mạng của Chúa Giêsu, và để ta chấp nhận mọi gian nan thử thách.

Đúng như Chúa Giêsu nói trước khi Ngài đi vào cuộc khổ nạn ở Ga 16,33 : “Thầy nói với anh em những điều ấy để trong Thầy anh em được bình an. Trong thế gian, anh em sẽ phải gian nan khốn khó. Nhưng can đảm lên, Thầy đã thắng thế gian”.

TÂM SỰ

Tạ ơn Chúa Giêsu về cuộc đời của Ngài, về cái chết của Ngài, đặc biệt về sự phục sinh của Ngài.

B à i 2 8



CHÚA GIÊSU TỎ MÌNH RA CHO CÁC MÔN ĐỆ

KINH THÁNH : Ga 20,19-29

KHUNG CẢNH : các tông đồ vào ngày thứ nhất trong tuần, ở trong phòng, các cửa đóng kín.

Xin ơn : niềm vui với Chúa Phục Sinh.

I. Sự sống mới : lời chúc bình an và ban Thánh Thần

Lời chúc bình an và ban Thánh Thần là hoa quả của ơn cứu độ. Lời Chúa Giêsu trong bài diễn từ tiệc ly 14,27a.28a.29a :

- 27a : Thầy để lại bình an cho anh em, Thầy ban bình an của Thầy cho anh em.
- 28a : Thầy ra đi và đến cùng anh em.
- 29a : Bây giờ Thầy nói với anh em trước khi sự việc xảy ra, để anh em tin khi sự việc ấy xảy ra.

Điều Chúa nói trước về tử nạn và phục sinh, bây giờ Ngài thực hiện điều ấy. Lời chào bình an là dấu hiệu chiến thắng của Chúa Giêsu phục sinh. Lời chào này phát biểu 2 lần và không những chỉ chào bình an mà thôi, Chúa Giêsu còn đồng hóa sứ mạng của Ngài với sứ mạng của các Thánh Tông Đồ : “Như Chúa Cha đã sai Thầy thì Thầy cũng sai anh em”.

Thánh Thần là dấu ấn cho sự đồng hóa này. Chúa hà hơi trên các ông và bảo : “Anh em hãy nhận lấy Thánh Thần”. Ấn tín Chúa Thánh

Thần làm cho các môn đệ thực sự được đồng hóa với Chúa Giêsu, nên một với Chúa Giêsu, nên :

- Anh em tha tội cho ai thì tội người ấy được tha
- Anh em cầm giữ ai thì người ấy bị cầm giữ.

Khi ban quyền như vậy thì sự đồng hóa được trọn hảo. Các tông đồ có tư cách pháp nhân như Chúa Giêsu. Chúa Giêsu không những tỏ mình ra cho các tông đồ mà còn ban cho các tông đồ hoa quả của sự phục sinh, vì cuộc chiến thắng của Chúa Giêsu cũng là cuộc chiến thắng cho chúng ta.

Niềm vui phục sinh của Chúa Giêsu là niềm vui của chúng ta ; như Chúa Giêsu đã nói ở Ga 16,22 : “Thầy sẽ gặp lại anh em, lòng anh em sẽ vui mừng và niềm vui của anh em không ai lấy mất được”. Và Ga 17,13 : “Con nói những điều này lúc còn ở thế gian, để họ được hưởng trọn niềm vui của con”.

Vậy nhờ Thánh Linh của Chúa Giêsu phục sinh chúng ta được phục hồi hoàn toàn địa vị làm con Chúa. Và nếu nói cho *cường điệu hơn*, cuộc ban Thánh Linh của Chúa Kitô phục sinh còn làm cho chúng ta *người* hơn là *khí* đã thổi vào mũi của Adam trong cuộc sáng tạo I.

Về điều này, chúng ta có thể thấy hai bài diễn từ rất dài về Thánh Linh ở chương 14 và chương 16.

Thầy đi thì có lợi hơn cho anh em, vì nếu Thầy không đi, Ngài sẽ không đến với anh em. Thánh Linh là sự sống của chính Thiên Chúa Ba Ngôi được ban cho chúng ta. Nên không những Cha đã ban CON MỘT cho chúng ta mà Ngài còn ban THÁNH LINH là chính sự sống của Ngài cho chúng ta. Vậy Thánh Linh đó Cha cũng ban cho chúng ta qua Chúa Giêsu. Nên trong trình thuật khổ nạn của Gioan, Thánh Linh đã được ban ngay từ lúc Chúa Giêsu trút hơi thở : *paradoken to pneuma*. Không phải là trút hơi thở như trong Nhất Lãm : *aphêken to pneuma*. Gioan nói *trao ban (paradoken)*. Nhất Lãm sử dụng từ bình thường : Ngài kêu một tiếng

lớn rồi tắt thở : *kasas phonê mēgalē*. Trong khi ở Gioan rất rõ : ơn cứu độ đó là ơn đón nhận Thánh Linh.

Như thế chúng ta thấy có 2 bước của ơn cứu độ : xóa tội, Chúa chết làm hy lễ xóa tội (*liberation from* : giải thoát ta khỏi tội lỗi). Nhưng chiều kích II nói về khía cạnh tích cực là ban Thánh Linh (*liberation for* : giải thoát khỏi cái này để có thể đón nhận một cái khác).

Vì thế sau phục sinh và lên trời, với lễ hiện xuống, thì thời đại Thiên Sai là thời đại của Thánh Linh như bài giảng của Phêrô nói : “Đến thời đó ta sẽ đổ Thần Khí ta trên các tứ trai tở gái của Ta”.

Cũng như Chúa Giêsu đã tha thiết nói về Thánh Linh ở chương 14 và 16, thì toàn bộ sách Công vụ Tông đồ là Phúc Âm về Chúa Thánh Linh, bốn Phúc Âm kia là về cuộc đời Chúa Giêsu. Công vụ Tông đồ là sách về thời đại Giáo Hội : sau khi rao giảng về Chúa Giêsu, kết thúc bằng việc đặt tay ban Thánh Linh.

Phục sinh chính là khởi sự cho lễ Hiện Xuống, là hoàn tất cuộc sáng tạo II : Thánh Linh Chúa trong Giáo Hội cho tới ngày nay.

II. Dấu ấn tình yêu

Tại sao Chúa Giêsu lại không làm biến mất dấu đinh ở chân tay Ngài? Các Phúc Âm đều nói rõ về các dấu đinh này trên thân thể Chúa Giêsu Phục Sinh. Tôma còn đòi thọc ngón tay vào cạnh sườn Chúa. Phúc Âm Maccô thì cho thấy Chúa Giêsu Nadaret có tên mới : Đấng Chụ Đóng Đinh. Chính Chúa Giêsu cũng tỏ cho thấy đó là dấu ấn mới của Ngài. Nền 8 ngày sau, khi Chúa tỏ mình ra cho các ông, sau lời chào bình an, Chúa nhìn thẳng Tôma và nói : “đặt ngón tay vào đây, và hãy nhìn xem tay Thầy. Đưa tay ra mà đặt vào cạnh sườn Thầy. Đừng cứng lòng nữa nhưng hãy tin”.

Như thế mầu nhiệm thập giá và mầu nhiệm phục sinh là một thực tại trong công cuộc cứu độ của Chúa Giêsu. Ấn tích của dấu đinh vẫn còn

sau phục sinh, để ta hiểu màu nhiệm cuộc đời của Chúa Giêsu một cách toàn bộ chứ không phải ngắt cuộc đời Chúa ra từng phần.

Lc 24,26 : Nào Đấng Kitô lại chẳng phải chịu khổ hình như thế rồi mới vào vinh quang phục sinh sao ? Nếu ta chỉ hiểu ơn cứu độ là tin vào màu nhiệm cuộc đời của Chúa Giêsu từ lúc sinh ra đến khi Ngài chết trên thập giá, thì chúng ta là những người đáng thương nhất, như Phaolô đã nói. Hoặc nếu chúng ta chỉ hiểu ơn cứu độ là đón nhận Chúa Thánh Linh, mà không suy niệm và sống cuộc đời của Chúa Giêsu, từ khi sinh ra đến khi chết trên thập giá, là chúng ta đã quên dấu đinh trên tay của Chúa Giêsu Phục Sinh ⁸⁷.

Cho nên dấu đinh là dấu ấn tình yêu của Con đối với Cha và của Chúa Con đối với nhân loại. Dấu ấn lịch sử đó là dấu ấn của tình yêu, nên là dấu ấn của Thánh Linh, vì Thánh Linh là Tình Yêu của Cha và Con.

Chúng ta đôi khi đọc cuộc đời chúng ta một cách phiến diện :

- hoặc chỉ thấy toàn đau khổ, quên màu nhiệm phục sinh.
- hoặc chỉ thấy màu nhiệm phục sinh, chối bỏ đau khổ, tưởng rằng đến thẳng ơn cứu độ mà không qua thập giá.

Những đau khổ trong đời ta, dưới ánh sáng của Chúa Giêsu Phục Sinh, là chính dấu ấn của tình yêu : ta yêu Chúa, ta đã thí đời ta cho tha nhân. Thay vì là những thập giá mà thôi, chúng ta phải bước tiếp : hiệp thông với thập giá của Chúa Giêsu để biến thập giá thành Thánh Giá. Tiến trình biến thập giá thành Thánh Giá là một tiến trình đức tin : nhìn các đau khổ đó như là một con đường đương nhiên của người môn đệ.

⁸⁷ Phong trào Thánh Linh chỉ nhấn mạnh đến Thánh Linh mà quên Đấng đã chịu sinh ra, sống kiếp người để chết trên thập giá và ban Thánh Linh, quên nguồn gốc Thánh Linh phát xuất từ đâu đến. Xem 1 Cr 14,1-25 : Thánh Phaolô đã có ý kiến rất rõ về vấn đề này.

III. Lời tuyên xưng : Lạy Chúa tôi,

lạy Thiên Chúa của tôi

Như Tôma, lời tuyên xưng này chỉ có thể thốt lên được khi chúng ta đã chứng kiến hết cuộc đời của Chúa Giêsu từ khi nhập thể đến khi phục sinh. Ga 8,28 : “khi các ông giương cao Con Người lên, bấy giờ các ông sẽ biết là Tôi Hằng Hữu”.

Câu tuyên xưng của Tôma chính là câu tuyên xưng nhận ra Chúa Giêsu là Chúa, là Kitô. Đó là lời tuyên xưng trọn hảo về niềm tin vào Đức Giêsu Phục Sinh : Ngài thực sự là Kitô và là Thiên Chúa, sau khi Ngài đã hoàn tất mầu nhiệm nhập thể và mầu nhiệm vượt qua với cái chết và phục sinh. Như vậy đối với cộng đoàn sơ khai, ngay từ rất sớm đã nhận ra Chúa Giêsu là Thiên Chúa và là Con Một yêu quý của Thiên Chúa Cha.

Cuối cùng, câu nói của Chúa Giêsu là một cách thức phê chuẩn lời tuyên xưng của Tôma : “Vì đã thấy Thầy nên anh tin. Phúc thay những người không thấy mà tin”. Không những thế mà còn là lời phê chuẩn cho tất cả niềm tin của chúng ta vào con người Chúa Giêsu, chúng ta là những người ở mọi thời đại.

Chúa Giêsu thật sự là Cứu Chúa và là Thiên Chúa của chúng ta.

B à i 2 9



CHÚA GIÊSU TỎ MÌNH RA BÊN BỜ HỒ TIBÊRIA

KINH THÁNH : Ga 21,1-23

I. GIÁO HỘI TRÊN CON ĐƯỜNG TRẦN THẾ

Đánh cá - đánh cá người : chính Chúa Giêsu dùng cách nói này. Phêrô : Tôi đi đánh cá đây - Phêrô, người đứng đầu Giáo Hội khởi xướng. Các môn đệ cùng đi với Phêrô : Gioan kể cho thấy có 7 người. Rõ ràng Gioan muốn sử dụng con số 7 để chỉ sự hoàn hảo ở dưới đất (sự hoàn hảo ở trên trời theo Gioan là con số 3). Suốt đêm không bắt được gì : sự tận tâm của Giáo Hội trong công việc, dù không có kết quả.

Khi chiêm ngắm cuộc “ra khơi” của Giáo Hội, chúng ta nhớ lại lời hứa của Chúa Giêsu với Phêrô : “Thầy bảo cho anh biết anh là Phêrô, nghĩa là Tảng Đá, trên Tảng Đá này Thầy sẽ xây Hội Thánh của Thầy, và quyền lực từ trên sẽ không thắng nổi. Thầy sẽ trao cho anh chìa khóa Nước Trời, dưới đất anh cầm buộc điều gì, trên trời cũng sẽ cầm buộc như vậy, dưới đất anh tháo cởi điều gì, trên trời cũng sẽ tháo cởi như vậy” (Mt 16,18-18).

Từ những điều này, chúng ta được củng cố niềm tin vào Giáo Hội. Ngày nay có nhiều người từ chối “tối thượng quyền” của Đức Thánh Cha. Và người ta *phê bình* Đức Thánh Cha một cách quá tự do. Nhưng coi chừng, phải hiểu rằng đây là lãnh vực đụng chạm đến Đức Tin.

Chúa Giêsu đã muốn như vậy. Và chúng ta hiểu khi Ngài đặt Phêrô làm người đại diện của Ngài ở trần gian (*Vicarius Christi*) thì chúng ta

phải hiểu đây là một *on* cho Giáo Hội, chứ không phải chỉ đơn giản là một *quyền* dành cho Phêrô, để Phêrô tha hồ mà *tung hoành* trong Giáo Hội, muốn nói gì thì nói, muốn làm gì thì làm, đã có Chúa bảo kê, như người ta có thể hiểu như vậy.

Đó là cách hiểu có thể nói rất *ấu trĩ* về vai trò của Phêrô, và ngày nay, ngay cả trong lãnh vực cấp cao của thần học, cho dù với ngôn ngữ rất thông thái, nhưng tựu trung lại, cơ bản là cách hiểu về vai trò của Phêrô một cách ấu trĩ như trên.

Sự ấu trĩ đó phát xuất từ thái độ thiếu niềm tin. Thiếu niềm tin về hoạt động của Thiên Chúa vẫn tiếp tục trong lòng nhân loại qua Giáo Hội, cụ thể qua vị đại diện của Ngài ở trần gian. Thiếu niềm tin vì cái nhìn quá *trần thế* có tính *khước tu* địa vị của Giám Mục Rôma. Thiếu niềm tin vì trong lịch sử, họ thấy có những khiếm khuyết và ngay cả tội lỗi ở giáo triều Rôma, ở một thời điểm nào đó của lịch sử Giáo Hội⁸⁸.

Và không những là một *on* cho Giáo Hội, mà còn là Niềm Vui cho chúng ta. Niềm Vui vì chúng ta có thể nói được rằng, qua Đức Thánh Cha, và các giám mục cùng với Ngài, Chúa Giêsu đã thực hiện lời hứa : “Ta sẽ ở cùng chúng con mọi ngày cho đến tận thế” (Mt 28,20).

Về điều này, chúng ta có thể nói, đứng trên phương diện thần học, Thiên Chúa hoàn toàn có thể làm điều đó. Nếu Chúa Giêsu đã đặt các môn đệ của Ngài làm Tông Đồ, thì tại sao Ngài lại không có thể đặt Phêrô làm người đứng đầu của nhóm 12 ? và tại sao chúng ta lại không muốn nhận điều đó như một ân huệ ?

Thánh Têrêxa Hải Đòng Giêsu đã nói một câu bắt hủ : “Trong lòng Giáo Hội tôi sẽ là Tình Yêu”. Và Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II cũng nói một câu bắt hủ về Giáo Hội : “Con đường của Giáo Hội là con người”. Giáo Hội là để *phục vụ* con người, chứ không phải để *cai trị* con người.

⁸⁸ Kinh nghiệm của I-Nhã với Đức Thánh Cha Phaolô III trong lịch sử Dòng Tên

Chúng ta hãy tạ ơn Chúa, vì Ngài đã ban Giáo Hội làm Mẹ của chúng ta.

II. HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO HỘI

Giáo Hội làm nhiệm vụ theo bốn phận của mình. Chúa Giêsu chỉ đạo : hãy thả lưới bên phải thuyền : mẻ cá lạ. Chúa Giêsu là đầu của Giáo Hội. Kết quả của sứ vụ : hoàn toàn do Chúa.

Gioan : nhận ra Chúa qua thành quả của việc đã làm vâng theo lời Chúa dạy. Phêrô : phản ứng nhanh, nhào xuống biển đến với Chúa. Các môn đệ khác kéo lưới vào : thu hoạch kết quả của Chúa.

Những chi tiết trên hoàn toàn phù hợp với giáo lý về Giáo Hội.

Tuy Đức Thánh Cha đứng đầu Giáo Hội, nhưng Chúa Giêsu mới là đầu của Giáo Hội. Thánh Phaolô đã nói về điều này ở Cl 1,18 ; 1 Cr 12,12.27-30 ; Ep 1,21-23. Và Đức Thánh Cha Piô XII đã nói về Giáo Hội như Thân Thể Mầu Nhiệm của Chúa Giêsu. Vì thế chúng ta không nên quên Giáo Hội là *Giáo Hội của Chúa Kitô*.

Theo thánh Gioan, Giáo Hội đã được sinh ra từ cạnh sườn Chúa Giêsu : Đức Mẹ, Thánh Gioan và các người phụ nữ đứng dưới chân cây Thập Giá là Cộng Đoàn Giáo Hội tiên khởi. Máu và Nước từ trái tim Chúa Giêsu vẫn được hiểu là các bí tích trong Giáo Hội.

Giáo Hội là người quản lý kho tàng mạc khải và các bí tích. Hiến chế Tín Lý về Giáo Hội của Công Đồng Vaticanô II cho thấy Giáo Hội là dân Thiên Chúa, có Đức Thánh Cha, Giám Mục Đoàn, các thành phần dân Chúa. Đó là dân mới thay thế dân Israel xưa. Vì thế hoạt động của Giáo Hội là hoạt động của dân Thiên Chúa, chứ không phải chỉ là hoạt động của hàng giáo sĩ hay Đức Thánh Cha mà thôi.

Cơ cấu Giáo Hội đã thay đổi rất nhiều từ sau Công Đồng Vaticanô II. Giáo Hội địa phương được chú trọng đến nhiều hơn. Các Giám Mục và Hội Đồng Giám Mục được quyền hành rất nhiều tại địa phương.

Dân Chúa cũng đóng góp rất nhiều trong các hoạt động của Giáo Hội, ngay cả trong cơ cấu điều hành Giáo Hội.

Một cách chung, nhìn vào thực tế các hoạt động của Giáo Hội ngày nay, chúng ta thấy thực sự Giáo Hội đang có sự tham gia của mọi thành phần dân Chúa và đang có mặt khắp nơi, để xây dựng Nước Thiên Chúa.

Một thành phần đáng chú ý đang đóng góp về sự hiện diện và hoạt động của Giáo Hội nơi trần gian này, đó là thành phần đồng đảo của các nam nữ tu sĩ, đặc biệt các nữ tu. Các chị là sự hiện diện sống động của Giáo Hội giữa lòng dân Chúa, nhất là nơi những người nghèo và trong những công việc mà ít ai dám làm (trại phong, trại HIV...) Điều này thật là đáng kể, khi mà *cấp lãnh đạo, hàng giáo sĩ*, luôn luôn thiếu, và chỉ tập trung ở cơ cấu điều hành và những hoạt động chủ chốt của Giáo Hội.

Chúng ta thấy với một cơ cấu như vậy Giáo Hội là một thực tại vừa sống động, nhờ các đặc sủng, vừa chặt chẽ, nhờ có quyền bính được Chúa Giêsu bảo đảm, qua vị đại diện của Ngài, cũng như qua các cộng sự viên là thành phần giáo sĩ được trao trách nhiệm Ga 20,21).

III. GIÁO HỘI HIỆP THÔNG

Chúa Giêsu vẫn hiện diện trong Giáo Hội qua Tiệc Thánh Thể. Ngài sửa soạn Tiệc Thánh Thể cho Giáo Hội : bữa ăn sáng bên bờ hồ Tibêria. Giáo Hội được tụ tập chung quanh Chúa Giêsu phục sinh : đem cá của chúng con mới bắt lại đây. Giáo Hội toàn vẹn nhờ sự bảo đảm của Chúa Giêsu phục sinh : cá nhiều mà lưới không rách.

Hình ảnh bữa Tiệc Thánh Thể bên bờ hồ Tibêria vừa là hình ảnh của Giáo Hội bây giờ, tại thế, vừa là hình ảnh của bữa tiệc cánh chung.

Sự hiệp thông trở nên hữu hình khi cử hành Bí Tích Thánh Thể : vừa là Lễ Tạ Ôn, vừa là Tiệc Huynh Đệ. Phúc Âm Lc cho thấy sau khi Chúa Giêsu Phục Sinh bẻ bánh, hai môn đệ Emmau mới nhận ra Chúa Giêsu, và lập tức họ trở lại Giêrusalem, và gặp các môn đệ khác đang tụ tập ở

đó. Chính lúc ấy Chúa Giêsu Phục Sinh đến với họ. Giáo Hội sơ khai khi hội họp với nhau cũng làm lễ bẻ bánh. Và sau này Thánh Phaolô nhắc rõ : đó là Tiệc Thánh Thể (xem 1 Cr 11,17-34).

Trong thời đại Giáo Hội sơ khai, đời sống tại thể và đời sống mai hậu dường như được nối kết với nhau chặt chẽ, khi mỗi người để mọi sự làm của chung. Giờ đây hoàn cảnh không cho phép như vậy nữa. Nhưng các cộng đoàn dòng tu, các cộng đoàn xứ đạo, các cộng đoàn chủng viện, các cộng đoàn cơ bản, hay các cộng đoàn sống đời kitô, một cách nào đó, đang phác họa nên hình ảnh Giáo Hội hiệp thông này, khi mọi người sống tình huynh đệ với nhau, chia sẻ hết sức những gì có thể chia sẻ được, về thiêng liêng cũng như về vật chất.

Cái nét thơ mộng của bữa ăn sáng bên bờ hồ Tibêria với Chúa Giêsu phục sinh vẫn là ước mơ của Giáo Hội. Chúng ta hãy xin Chúa cho ước mơ đó có thể thực hiện được trong mỗi đơn vị Giáo Hội nhỏ chúng ta đang sống. Và chúng ta tin rằng, với Chúa Kitô Phục Sinh, điều ấy có thể thực hiện được, nếu mỗi người chúng ta từ bỏ con người ích kỷ của mình để sống hiệp thông với người khác trong Giáo Hội.

Yêu thương nhau là điều có thể làm được vì “đức ái không bao giờ thua cuộc” (1 Cr 13,8).

BÀI CẦU NGUYỆN KẾT THÚC : CHIÊM NIỆM ĐỂ ĐƯỢC TÌNH YÊU

Nếu Nguyên Lý và Nền Tảng là sợi dây xuyên suốt trong quá trình Linh Thao, thì bài chiêm niệm để được tình yêu là sự gặt hái các kết quả mà người thao viên đã có được trong tiến trình ấy.

Thật vậy, sau khi đã lược qua lịch sử cứu độ của Thiên Chúa trong cuộc đời của mình, người thao viên trở lại với cuộc sống, để đi lại bước đầu tiên của Linh Thao, đó là tìm thấy Thiên Chúa trong mọi sự.

Nếu Nguyên Lý và Nền Tảng cho ta một *nhận định* về hướng đi của cuộc sống, thì Chiêm Niệm Để Được Tình Yêu dẫn ta vào cuộc sống cụ thể, *thấy Chúa trong hướng đi của mình*, và trong mọi chi tiết của cuộc sống. Đó là một cái nhìn sinh động về sự hiện diện của Thiên Chúa trong vũ trụ, trong lịch sử, trong cuộc đời của người thao viên, cũng như trong cuộc đời của tha nhân, và trong sự sống tràn đầy của thụ tạo.

Thiên Chúa như *vẫy gọi* người thao viên trên mọi bước đường. Tất cả hiện hữu đều muốn nói lên rằng : *họ đang hiện hữu trong Thiên Chúa và cho Thiên Chúa*. Hiện hữu của họ là sự hiện diện sống động của Thiên Chúa trong thiên nhiên, trong lịch sử, và nơi mỗi con người. Một cái nhìn vừa có tính hoàn vũ, vừa rất cá biệt, nơi từng yếu tố của sự sống. Đường như không còn sự ác nữa, chỉ còn sự sống của Thiên Chúa ngự trị.

Lý do rất đơn giản của cái nhìn này là vì : người thao viên đã đi qua cuộc đời của Chúa Giêsu, sự chết và phục sinh của Ngài. Người thao viên đã bước vào cuộc sống mới. Vì thế, *nhãn quan về sự chết và quyền lực tối tăm nhường chỗ cho nhãn quan về sự sống và quyền lực của ánh sáng*.

Đây không phải là một cái nhìn *không tưởng*, phủ nhận tất cả những cái tiêu cực còn đang đầy đọa thế giới này. Tất cả những gì còn là bất

hạnh và sự ác đã được Chúa Giêsu *chữa lành* nhờ quyền lực phục sinh của Ngài. Vì thế mọi bất hạnh và tiêu cực còn lại chỉ là *bộ mặt của thế giới này đang qua đi*. Người thao viên đã bước vào cái “*thiết yếu vô hình của sự sống*” (Saint Exupéry : “*l’essentiel est invivable pour les yeux*”⁸⁹), nên thay vì chấp nhận bị quan trước những bất hạnh và tiêu cực của thế giới, họ lạc quan tìm cách chinh phục những bất hạnh và tiêu cực đó, như một cuộc Vượt Qua của Đức Kitô. Phải mạnh dạn đi vào sự sống ngang qua đau khổ, để chiến thắng tất cả những gian tà còn trong lòng con người :

1. Thiên Chúa thực sự *đang hiện diện* trong thế giới thực vật, động vật, và con người. Ngài tiếp tục ban ơn sự sống cho mọi thụ tạo.
2. Thiên Chúa thực sự *đang hoạt động* trong từng thực thể, từng thụ tạo, để bảo vệ và gìn giữ sự sống.
3. Thiên Chúa vẫn thực sự *đang tuôn đổ sự sống* cho nhân loại, biết bao ơn lành đang tuôn đổ xuống thế giới.
4. Thiên Chúa thực sự *đang biểu lộ dung nhan* của Ngài nơi các phẩm tính tốt lành trong nhân loại, như ánh sáng chiếu soi từ mặt trời phát ra. Biết bao con người lành thánh đang làm đẹp bộ mặt thế giới này, là những nét chấm phá của dung nhan Thiên Chúa. Mọi sự tốt lành, mọi tiến bộ trong cộng đồng nhân loại, mọi khám phá mới của khoa học, mỗi ngày làm rạng rỡ dung nhan của Thiên Chúa trong thế giới loài người.
5. Từ ơn tạo dựng, ơn cứu chuộc và các ơn riêng, Chúa đã làm cho mỗi người chúng ta thành *Đền Thờ Của Thiên Chúa*. Từ đó, cả vũ trụ này đang là đền thờ của Thiên Chúa như bài chiêm niệm về sáng tạo I đã gợi ý cho chúng ta.

⁸⁹ xem Saint-Exupéry, *Le Petit Prince*, Gallimard, 2000, trang 72-74 : “Chỉ có con tim mới nhìn thấy rõ. Con mắt không thể thấy cái thiết yếu vô hình”.

Bài chiêm niệm để được tình yêu thực sự là một bài chiêm niệm để thấy tình yêu của Thiên Chúa đang thể hiện trong thế giới này. Người thao viên được mời gọi đóng góp phần mình, làm cho bộ mặt thế giới này *đáng yêu hơn, duyên dáng hơn*. Cùng với Chúa Kitô, họ sẽ là các tác viên đẩy lui tất cả những gì còn đen tối, để khai mở vinh quang của Nước Thiên Chúa.

Lạy Chúa, xin hãy đến, và xin tỏ ánh tôn nhan Ngài cho chúng con. Kết thúc, người thao viên được mời gọi dâng lên Chúa lời kinh dâng hiến với tình yêu tha thiết, để đáp lại hồng ân Thiên Chúa :

“Lạy Chúa, xin hãy nhận lấy tất cả tự do, trí khôn,

và trót cả ý chí con,

tất cả những gì con có và làm chủ.

Chúa đã cho con tất cả,

lạy Chúa, con xin trả lại Chúa tất cả.

Tất cả là của Chúa,

xin Chúa sử dụng hoàn toàn theo Tôn Ý.

Chúa hãy cho con Tình yêu và ân sủng của Chúa,

đối với con thế là đủ”.

BÀI CẦU NGUYỆN

CHIÊM NIỆM ĐỂ ĐƯỢC TÌNH YÊU

LT. 230-237

230. CHIÊM NIỆM ĐỂ ĐƯỢC TÌNH YÊU

GHI CHÚ : Trước hết, nên nhận xét hai điều :

Thứ nhất : tình yêu phải đặt trong hành động hơn là trong lời nói.

231. Thứ hai : tình yêu cốt ở sự trao đổi giữa hai bên, nghĩa là người yêu trao tặng và truyền thông cho người được yêu của cái, hay một phần của cái hoặc quyền hành của mình, và người được yêu đổi lại với người yêu cũng vậy. Như thế, nếu người này có được kiến thức, sẽ truyền dạy cho người kia ; cả danh vọng hay tiền của cũng thế ; và người kia cũng đổi lại với người này như vậy.

Kinh nguyện : kinh dọn lòng như thường lệ.

232. **Tiên nguyện I** : đặt khung cảnh : ở đây là nhìn xem tôi đang ở trước Thánh Nhan Thiên Chúa, Chúa chúng ta, trước các thiên thần và các thánh đang cầu bầu cho tôi.

233. **Tiên nguyện II** : cầu xin điều tôi muốn : ở đây là xin được sự hiểu biết thâm sâu về bấy nhiêu ơn lành đã lãnh nhận ; để có thể, với lòng biết ơn sâu xa, yêu mến và phụng sự Chúa chí tôn trong mọi sự.

234. **ĐIỂM NHẮT** : Nhớ lại trong trí những ơn lành đã lãnh nhận : sự tạo dựng, sự cứu chuộc và các ơn riêng. Cân nhắc với thật nhiều tình yêu xem Thiên Chúa, Chúa chúng ta đã làm cho tôi biết bao nhiêu điều tốt đẹp, đã ban cho tôi biết bao nhiêu thứ của Ngài ; sau nữa, Chúa lại còn ước muốn ban chính mình cho tôi chừng nào có thể, theo Thánh Ý Ngài.

Tôi ngắm nghĩ trong lòng, suy xét về điều tôi phải dâng hiến Ngài, về phần tôi, theo đúng lẽ phải và sự công bằng, nghĩa là, tất cả mọi

sự của tôi lẫn chính thân tôi, như một người dâng hiến với tình yêu tha thiết :

*“Lạy Chúa, xin hãy nhận lấy tất cả tự do, trí khôn,
và trót cả ý chí con,
tất cả những gì con có và làm chủ.
Chúa đã cho con tất cả,
lạy Chúa, con xin trả lại Chúa tất cả.
Tất cả là của Chúa,
xin Chúa sử dụng hoàn toàn theo Tôn Ý.
Chúa hãy cho con Tình yêu và ân sủng của Chúa,
đối với con thế là đủ”.*

- 235. ĐIỂM HAI :** Xét xem Chúa ngự trong thụ tạo thế nào, trong các nguyên tố bằng cách ban cho thực thể, trong thảo mộc bằng cách ban cho sức tăng trưởng, trong thú vật bằng cách ban cho cảm giác, trong loài người bằng cách ban cho trí khôn ; và như vậy trong tôi bằng cách ban cho thực thể, sự sống, cảm giác và trí khôn. Cũng vậy, xét xem Chúa đã làm tôi nên đền thờ của Ngài như thế nào, vì Ngài đã tạo dựng tôi nên giống hình ảnh Tôn Nhan Ngài. Cũng suy nghĩ trong lòng theo cách đã chỉ ở điểm nhất hay cách nào khác tôi thấy tốt hơn. Và mỗi điểm dưới đây cũng làm như vậy.
- 236. ĐIỂM BA :** Suy xét xem Thiên Chúa làm việc và hành động cho tôi như thế nào trong mọi thụ tạo trên mặt đất, nghĩa là Ngài đã xử sự theo cách một người làm việc như thế nào, chẳng hạn trên các tầng trời, trong các yếu tố, thảo mộc, hoa trái, thú vật v.v... Đoạn suy nghĩ trong lòng.
- 237. ĐIỂM BỐN :** Xét xem mọi điều tốt lành và mọi ơn riêng đều từ trên ban xuống như thế nào, chẳng hạn quyền lực hữu hạn của tôi, bởi quyền lực tối cao và vô hạn ở trên và cả sự công bằng, lòng nhân từ hiền hậu, thương xót v.v... như những tia sáng từ mặt trời chiếu

xuống, nước trong nguồn chảy ra v.v.... Rồi kết thúc bằng cách suy nghĩ trong lòng như đã chỉ dẫn. Sau cùng tâm sự với Chúa, và đọc một kinh Lạy Cha.

PHỤ LỤC



CÁC QUI TẮC ĐỂ NHẬN ĐỊNH THẦN LOẠI THEO THÁNH I-NHÃ

313. QUY TẮC ĐỀ CẢM BIẾT VÀ NHẬN RA PHẦN NÀO NHỮNG THỨC ĐẨY KHÁC NHAU TRONG LINH HỒN ĐIỀU TỐT ĐỂ ĐÓN NHẬN VÀ ĐIỀU XẤU ĐỂ LOẠI BỎ

(các quy tắc này thích hợp hơn cho tuần thứ nhất)

314. QUY TẮC I : Đối với những người sa ngã hết tội trọng này sang tội trọng khác, kẻ thù thường quen bày cho họ những vui thú bề ngoài, xui họ tưởng đến những khoái lạc và vui thú giác quan để dễ cầm giữ và thúc đẩy họ tiến sâu vào thói hư và tội lỗi. Với những người như thế, thần lành dùng phương pháp ngược lại, bằng cách thôi thúc cho lương tâm cắn rứt họ bằng luật tự nhiên của lẽ phải.

315. QUY TẮC II : Nơi những người tiến mạnh trong việc diệt trừ tội lỗi và đang tiến lên hơn mãi trên đường phụng sự Thiên Chúa, Chúa chúng ta, thì lại có phương pháp ngược lại với quy tắc thứ nhất. Vì khi đó, đường lối riêng của thần dữ là cắn rứt, làm buồn phiền và đặt chướng ngại bằng cách gây băn khoăn lo lắng với những lý lẽ giả tạo để người ta khỏi tiến tới, còn cách thức riêng của thần lành là làm cho can đảm và sức mạnh, an ủi, nước mắt, ơn soi giục và an nghỉ, giảm bớt và hủy diệt các trở ngại để cho người ta tiến lên trong đàng lành.

316. QUY TẮC III : Về an ủi thiêng liêng. Gọi là an ủi trong khi linh hồn phát khởi một thúc đẩy nội tâm, khiến linh hồn bùng cháy lửa

kính mến Đấng Tạo Hóa và Chúa mình, và do đó, không có thể yêu một thụ tạo nào trên mặt đất vì chính thụ tạo ấy, nhưng chỉ yêu trong Đấng tạo dựng mọi sự.

Đó cũng là trường hợp linh hồn chảy nước mắt giục lòng mến Chúa, hoặc bởi đau đớn vì tội lỗi mình, hay vì sự thương khó của Đức Kitô, Chúa chúng ta, hay vì những điều khác trực tiếp hướng về việc phụng sự và ca ngợi Chúa.

Sau cùng, còn gọi là an ủi mọi gia tăng của lòng tin- cậy-mến, cùng mọi niềm vui bề trong mời gọi và lôi kéo [tâm hồn] đến những sự trên trời và phần rỗi riêng của linh hồn mình, làm cho linh hồn được nghỉ ngơi và an bình trong Đấng Tạo Hóa và Chúa mình.

317. QUY TẮC IV : Sự sầu khổ thiêng liêng. Gọi là sầu khổ tất cả những gì trái ngược với quy tắc thứ ba, như sự tối tăm trong linh hồn, xao xuyên bề trong, thúc đẩy về những gì thấp hèn và phạm tục, lo lắng về những xao động và cảm dỗ xúi ta mất tin tưởng, trông cậy, lòng mến ; [linh hồn] cảm thấy lười biếng, khô khan, buồn sầu và như bị lia xa Đấng Tạo Hóa và Chúa mình. Vì như an ủi trái ngược với sầu khổ thế nào, thì các tư tưởng do an ủi sinh ra cũng trái ngược với các tư tưởng do sầu khổ sinh ra như vậy.

318. QUY TẮC V : Trong thời gian sầu khổ, đừng bao giờ thay đổi, nhưng hãy cương quyết bền vững trong những quyết định và dốc lòng cố trước khi bị sầu khổ, hoặc những quyết định đã có khi được an ủi trước đây. Vì cũng như trong khi được an ủi, phần nhiều là thần lành hướng dẫn khuyên nhủ ta thế nào, thì trong cơn sầu khổ, thần dữ cũng [làm] như vậy, mà theo lời khuyên của nó, ta chẳng thể gặp được con đường đưa tới đích.

319. QUY TẮC VI : Trong cơn sầu khổ, nếu như không nên thay đổi những điều đã quyết định, thì lại rất nên cương quyết thay đổi chính mình để chống lại với cơn sầu khổ ấy, chẳng hạn bằng cách chăm

chú cầu nguyện, suy gẫm hơn, xét mình nhiều hơn và gia tăng sự hãm mình theo cách nào thích hợp.

320. QUY TẮC VII : Đang gặp sầu khổ, ta hãy nghĩ rằng, để thử luyện ta, Chúa đã để ta với sức tự nhiên chống trả các xao động và cám dỗ của kẻ thù ; như vậy ta vẫn có thể chống trả được, nhờ ơn Chúa vẫn giúp đỡ dù ta không cảm thấy rõ ràng. Vì Chúa rút bớt lòng sốt sắng nồng nàn, lòng mến bao la và ân sủng mạnh mẽ nhưng vẫn để lại ân sủng đủ cho sự cứu rỗi đời đời.

321. QUY TẮC VIII : Đang cơn sầu khổ hãy gắng giữ sự nhẫn nại, là sự trái ngược với những xáo trộn xây đến, và nghĩ rằng, chẳng bao lâu nữa sẽ được an ủi, nếu hết sức chiến đấu với cơn sầu khổ ấy, như đã nói ở quy tắc thứ sáu.

322. QUY TẮC IX : Có ba nguyên do chính khiến ta gặp sầu khổ:

Thứ nhất là vì ta không sốt mến đủ, lười biếng hay chênh mảng trong các việc thiêng liêng ; vậy là vì lỗi ta mà sự an ủi thiêng liêng lia bỏ ta.

Thứ hai là để thử coi sức ta tới đâu và ta có thể vươn tới đâu trong việc phụng sự và ca ngợi Chúa, khi không được thưởng công bằng bấy nhiêu an ủi và ân sủng bao la.

Thứ ba là để ta học biết và nhận thức tận thâm tâm rằng, không phải tự ta làm phát sinh hay duy trì được lòng sốt sắng vô ngần, lòng mến mạnh mẽ, nước mắt hoặc ơn an ủi thiêng liêng, mà mọi sự đều là ân điển của Thiên Chúa, Chúa chúng ta, và để ta đừng “làm tỏ ở nhà người khác”, và đừng tự đắc đến trở thành kiêu ngạo, khoe khoang, tự gán cho mình lòng sốt sắng hay các hoa trái khác của ơn an ủi thiêng liêng.

323. QUY TẮC X : Khi được ơn an ủi, phải nghĩ tới cách xử sự trong cơn sầu khổ sẽ đến sau, lấy sức mới để [dành] cho lúc đó.

324. QUY TẮC XI : Ai được an ủi, phải gắng tự khiêm và tự hạ chừng nào có thể, bằng cách nghĩ mình nhỏ hèn biết mấy trong cơn sầu

khô, khi không có ân sủng này. Trái lại, người làm con sấu khô phải nghĩ mình có thể [làm được] nhiều nhờ ơn đũ trợ giúp, để chống trả mọi kẻ thù, nhờ lấy sức nơi Đấng Tạo Hóa và Chúa mình.

325. QUY TẮC XII: Kẻ thù xử sự như đàn bà, vì khi ta chống trả thì nó yếu, và khi ta để mặc thì nó mạnh. Quả vậy, đặc tính của đàn bà khi gây gổ với người đàn ông, là mất can đảm và chạy trốn khi người đàn ông thẳng tay chống trả. Trái lại, nếu người đàn ông bắt đầu chạy trốn và mất can đảm, thì con giện, sự trả thù và sự hung dữ của người đàn bà thật không sao lường được.

Cũng vậy, đặc tính của kẻ thù là yếu nhược, khiếp đảm và bỏ chạy với những chước cám dỗ của nó, khi người tập tành trong đàn thiêng liêng thẳng tay chống trả các cám dỗ của nó bằng cách làm điều ngược hẳn lại. Trái lại, nếu người ấy bắt đầu sợ hãi và mất can đảm trước con cám dỗ, thì trên mặt đất này, không có vật nào hung dữ cho bằng kẻ thù của bản tính loài người trong việc theo đuổi ý định xấu xa của nó cách dữ dằn chừng ấy.

326. QUY TẮC XIII : Kẻ thù cũng còn xử sự như kẻ si tình lẳng lơ, muốn giữ bí mật để khỏi bị lộ. Quả vậy, một người đàn ông đòi bại dùng lời xảo trá quyến rũ một thiếu nữ con nhà lành, hoặc vợ một người đứng đắn, thì muốn cho những lời dụ dỗ của hắn được giữ kín ; trái lại hắn rất bất mãn khi thiếu nữ mách với cha, thiếu phụ mách với chồng những lời quyến rũ và ý xấu xa của hắn, vì hắn dễ dàng suy ra rằng, không thể nào thành công được với chuyện hắn đã bắt đầu.

Cũng vậy khi kẻ thù của bản tính loài người đưa những sự xảo trá và xúi giục của nó vào linh hồn ngay lành, thì mong muốn những điều đó được tiếp nhận và giữ kín. Nhưng khi linh hồn tỏ ra với cha giải tội tốt hay một người đạo đức nào khác am tường những dối trá và sự hiểm độc của nó, thì nó rất bất mãn, vì nó kết luận rằng không thể đạt tới điều xấu xa mà nó đã bắt đầu, vì sự dối trá rõ rệt của nó đã bị phanh phui.

327. QUY TẮC XIV : Kẻ thù lại còn xử sự như một tướng quân để thắng và cướp những gì nó muốn. Vì như một vị chỉ huy cầm đầu đội quân, sau khi đặt bản doanh trại và xem xét lực lượng hoặc cách bố trí của một thành trì, sẽ tấn công vào điểm yếu nhất ; thì cũng vậy, kẻ thù của bản tính loài người lượn quanh để dò xét những nhân đức đối thần, các nhân đức trụ và các nhân đức luân lý khác của ta, và điểm nào nó thấy ta yếu nhất và dễ nguy nhất cho phần rỗi đời đời của ta, nó sẽ tấn công vào đó và cố hạ ta.

328. QUY TẮC VỀ CÙNG MỘT VẤN ĐỀ ĐỂ PHÂN BIỆT CÁC THẦN RỒ HƠN

(Các quy tắc này thích hợp hơn cho tuần thứ hai)

329. QUY TẮC I : Đặc điểm của Chúa và các thiên thần khi soi giục là ban sự sáng khoái và vui vẻ thiêng liêng liêng thật, xóa bỏ mọi buồn sầu và xao xuyến do kẻ thù đưa vào. Còn đặc điểm của kẻ thù là chống lại sự sáng khoái và niềm an ủi thiêng liêng ấy bằng cách đưa ra những lý do giả tạo, cầu kỳ và nguy hiểm không cùng.

330. QUY TẮC II : Chỉ có Thiên Chúa, Chúa chúng ta, mới ban ơn an ủi cho linh hồn mà không cần có nguyên do trước ; vì quyền riêng của Đấng Tạo Hóa là vào, ra, đánh động linh hồn, lôi cuốn trọn vẹn linh hồn làm yêu mến Ngài. Tôi nói không có nguyên do, nghĩa là, không có một tình cảm hay một nhận thức về một đối tượng nào trước, nhờ đó sự an ủi phát sinh do tác động của trí tuệ và ý chí.

331. QUI TẮC III : Khi có nguyên do, thần lành cũng như thần dữ đều có thể an ủi linh hồn, nhưng nhằm mục đích trái ngược nhau : thần lành nhằm mưu ích cho linh hồn, để nó lớn lên và ngày càng tốt lành hơn, còn thần dữ nhằm điều ngược lại, để rồi lôi cuốn linh hồn theo ý xấu xa tội tệ của nó.

332. QUI TẮC IV : Đặc điểm của thần dữ là giả dạng thần lành đi vào theo chiều hướng của linh hồn trung tín để rồi kéo linh hồn ra theo đường của nó ; nghĩa là nó bày ra những tư tưởng tốt lành thánh

thiện hợp với tâm hồn công chính, rồi lần lần gắng lôi kéo linh hồn ra theo những mưu mô ẩn kín và những ý tội tặc của nó.

333. QUI TẮC V : Cần chú ý nhiều về diễn biến của tư tưởng. Nếu từ đầu đến cuối đều tốt, hướng hẳn về đường lành, là dấu hiệu của thần lành. Nhưng nếu diễn biến của tư tưởng đưa ta tới điều xấu hoặc lo ra, hay không được tốt như điều trước đó linh hồn đã định làm, hoặc làm giảm sút, khiến ta lo lắng, bối rối, mất sự bình an, yên tĩnh đã có từ trước, đó là dấu hiệu rõ ràng điều ấy bởi thần dữ, kẻ thù của sự tiến tới và phân rã ta.

334. QUI TẮC VI : Khi đã cảm thấy và nhận ra kẻ thù của bản tính loài người bởi cái đuôi rắn của nó và mục đích xấu xa nó muốn đưa tới, thì điều có ích cho người bị cám dỗ là sau đó duyệt lại diễn biến của những tư tưởng tốt nó bày ra và khởi đầu của những tư tưởng ấy, và xem nó đã lần lần tìm cách khiến ta rời sự dịu ngọt và niềm vui siêu nhiên vốn có trước, cho đến chỗ đưa ta tới ý định tội tặc của nó như thế nào ; để nhờ nhận biết và ghi lại những kinh nghiệm đó, ta sẽ giữ mình cho khỏi những đối trá thường lệ của nó sau này.

335. QUY TẮC VII : Đối với những người đang tiến tới, thần lành soi dẫn linh hồn cách êm ái, nhẹ nhàng và dịu ngọt, như giọt nước thấm vào miếng bọt biển ; còn thần dữ thì thúc đẩy cách chất chứa, ồn ào và sôi động, như giọt nước rơi trên đá. Với những người sa sút, thì các thần nói trên hành động ngược lại. Lý do là tùy theo tình trạng của linh hồn trái ngược hay hòa hợp với các thần nói trên, vì khi trái ngược, thì các thần xâm nhập cách ồn ào, dễ cảm thấy và nhận ra, còn khi hòa hợp thì các thần ấy xâm nhập lặng lẽ như vào nhà mình, cửa mở.

336. QUY TẮC VIII : Khi an ủi không có nguyên do, thì không có cạm bẫy, vì như đã nói trên, đó là ơn của riêng Thiên Chúa, Chúa chúng ta. Song người sống thiêng liêng được Chúa ban ơn yên ủi phải tỉnh thức, và chú ý xem xét và phân biệt thời gian được an ủi với thời

gian tiếp sau, khi linh hồn còn nóng nảy và sung sướng vì ơn an ủi vừa qua và dư hưởng của ơn ấy.

Quả vậy, trong thời gian tiếp sau ấy, nhiều khi tự mình suy nghĩ theo tư tưởng và suy luận riêng, hoặc do ảnh hưởng của thần lành hay thần dữ, ta vạch ra những dự định và ý kiến mà không phải do Thiên Chúa, Chúa chúng ta, trực tiếp ban cho, và vì thế, cần xét xem thật kỹ trước khi hoàn toàn tin tưởng ở những điều ấy và đem ra thực hành.

NHỮNG KINH THƯỜNG ĐỌC TRONG THỜI GIAN TẬP LINH THAO



KINH LAY LINH HỒN CHÚA KITÔ

Lạy Hồn Chúa Kitô, xin thánh hóa con.

Lạy Xác Thánh Chúa Kitô, xin cứu độ con.

Lạy Máu Thánh Chúa Kitô, xin cho con say mến.

Lạy Nước bởi nương long Chúa Kitô, xin tẩy rửa con.

Lạy sự thương khó Chúa Kitô, xin thêm sức cho con.

Lạy Chúa Giêsu nhân ái, xin nhận lời con.

Xin giấu ẩn con trong các vết thương Chúa.

Xin cho con đừng bao giờ lìa xa Chúa.

Xin gìn giữ con khỏi kẻ thù tinh quái.

Đến giờ lâm tử, xin Chúa gọi con, và cho con đến cùng Chúa.

Để con được cùng các thánh ca tụng Chúa muôn đời.

KINH XIN ƠN QUẢNG ĐẠI

CỦA THÁNH I-NHÃ

Lạy Chúa Giêsu rất đáng yêu mến,

xin dạy chúng con biết sống quảng đại.

Biết phụng sự Chúa như Chúa đáng được phụng sự.

Biết cho không tính toán.

Biết chiến đấu không ngại thương tích.

*Biết làm việc không tìm nghỉ ngơi.
Biết hiến thân mà không mong chờ phần thưởng nào hơn,
là được biết chúng con chu toàn Thánh Ý Chúa. Amen.*

KINH DÂNG HIẾN

CỦA CHA CHARLES DE FOUCAULD

*Lạy Cha,
Con phó mình con trong tay Cha,
xin hãy làm nơi con mọi sự đẹp ý Cha.
Cha làm chi mặc lòng, con cũng cảm ơn Cha.
Con sẵn sàng luôn luôn, con nhận lãnh tất cả,
miễn ý Cha được làm nơi con,
nơi tất cả mọi loài Cha tạo dựng.
Con chẳng ước mong chi khác nữa,
lạy Cha là Chúa Trời con,
con phó thác linh hồn con trong tay Cha.
Lạy Cha, với tất cả Tình Yêu của lòng con,
vì con mến Cha, và vì mến Cha,
nên con thấy cần phải hiến thân con,
phó trót mình con trong tay Cha,
không do dự đắn đo,
song vô cùng tin cậy,
vì Cha là Cha của con.*

KINH DẪN THÂN

*Lạy Chúa Kitô,
là hình ảnh toàn vẹn của Chúa Cha,
là con trưởng của nhân loại mới,
là Đấng duy nhất đã đánh bại tội lỗi và sự chết.
Con xin tình nguyện dẫn thân theo Chúa vô điều kiện,
phấn đấu dưới cờ Thánh Giá,
góp phần qui tụ dân tộc của Chúa,
bất chấp mọi gian nan khổ cực,
chỉ trông cậy ở Chúa thành tín.
Xin Chúa chấp nhận con làm bạn đồng hành,
và ban cho con được trung thành đến cùng.*

TÌNH THỨC CẦU NGUYỆN

*Lạy Chúa là Thiên Chúa chúng con,
chúng con nài xin Chúa cho chúng con,
biết thiết tha trông chờ Đức Kitô Con Chúa đến,
để khi Người tới gõ cửa,
sẽ thấy chúng con đang tình thức cầu nguyện,
và đang hân hoan ca hát ngợi khen Người.*

TRỜI MỚI ĐẤT MỚI

*Lạy Chúa,
nhờ Con Một Chúa đã toàn thắng sự chết,
Chúa đã mở rộng cửa sự sống vĩnh cửu cho chúng con.
Chúng con nài xin Chúa ban cho chúng con,*

*khi long trọng mừng Chúa phục sinh,
chúng con nhờ Thánh Thần Chúa đổi mới,
được phục sinh trong ánh sáng ban sự sống.
Lạy Chúa,
Chúa đã nhờ Con Một Chúa làm cho chúng con
trở nên thụ tạo mới.
Xin Chúa đoái thương nhìn đến
công trình của lòng từ bi Chúa,
và trong ngày Con Chúa đến,
xin thanh tẩy chúng con sạch mọi vết nhơ tội xưa. Amen.*

KINH HÒA BÌNH

CỦA THÁNH PHANXICÔ ASSISI

*Lạy Chúa khoan nhân,
xin dạy chúng con nhận biết,
yêu thương và phụng sự Chúa trong mọi người
chẳng trừ ai.
Lạy Chúa,
xin hãy dùng con như khí cụ bình an của Chúa,
để con đem yêu thương vào nơi thù oán,
đem thứ tha vào nơi lừng nhục,
đem an hoà vào nơi tranh chấp,
đem chân lý vào chốn dối lầm.
Để con đem tin kính vào nơi nghi nan,
chiếu trông cậy vào nơi thất vọng.
Để con dọi ánh sáng vào nơi tối tăm,*

đem niềm vui đến chốn u sầu.

Lạy Chúa,

xin hãy dạy con,

tìm an ủi người, hơn được người an ủi,

tìm hiểu biết người, hơn được người hiểu biết,

tìm yêu mến người, hơn được người mến yêu.

Vì chính khi hiến thân, là khi được nhận lãnh.

Chính lúc quên mình, là lúc gặp lại bản thân.

Vì chính khi thứ tha, là khi được tha thứ.

Chính lúc chết đi, là khi vui sống muôn đời. Amen.

MỤC LỤC

Lời giới thiệu	5
Bài cầu nguyện dẫn nhập : Tôi với Chúa	7
Nguyên lý và nền tảng	9
Bài 1 : Thiên Chúa trong cuộc đời tôi	11
Bài 2 : Thiên Chúa tạo dựng	21
Bài 3 : Nguyên lý và nền tảng	31
Tuần lễ I	41
Bài 4 : Tội nguyên tổ (bài I)	43
Bài 5 : Tội nguyên tổ (bài II)	51
Bài 6 : Cỗ lòng trong ruộng lúa	58
Bài 7 : Bí tích hòa giải	64
Bài 8 : Người phụ nữ thống hối và biết ơn	72
Bài 9 : Phút hồi tâm và xét mình cuối ngày	79
Tuần lễ II	87
Bài 10 : Tiếng gọi của Vua	89
Bài 11 : Mầu nhiệm nhập thể	101
Bài 12 : Chúa sinh ra đời	112
Bài 13 : Nadaret	120
Bài 14 : Chúa Giêsu chịu phép rửa	126
Bài 15 : Chúa Giêsu chịu cám dỗ	133
Bài 16 : Hai cờ hiệu	142
Bài 17 : Ba mẫu người	153
Bài 18 : Vương quốc của Thiên Chúa	163

Bài 19 : Ba mức độ khiêm nhường	169
Bài 20 : Canh tân và cải thiện đời sống	178
Tuần lễ III	185
Bài 21 : Chúa Giêsu trong ngày thứ Năm Tuần Thánh	187
Bài 22 : Bí tích Thánh Thể	194
Bài 23 : Cuộc khổ nạn của Chúa Giêsu trong Vườn Cây Dầu	200
Bài 24 : Chúa Giêsu trước công nghị Do Thái và trước tòa Philatô	209
Bài 25 : Đường thánh giá và cái chết của Đấng Messia	215
Tuần lễ IV	219
Bài 26 : Đức Maria trong ngày thứ sáu và thứ Bảy Tuần Thánh	221
Bài 27 : Ngôi mộ trống	228
Bài 28 : Chúa Giêsu tỏ mình ra cho các môn đệ	234
Bài 29 : Chúa Giêsu tỏ mình ra bên bờ hồ Tibêria	240
Bài cầu nguyện kết thúc :	
Chiêm niệm để được tình yêu	246
Phụ lục	253
Những kinh thường đọc trong thời gian tập Linh Thao	262
Mục lục 266	